SỐ 7 THÁNG MƯỜI MỘT 1989 • $2.50

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

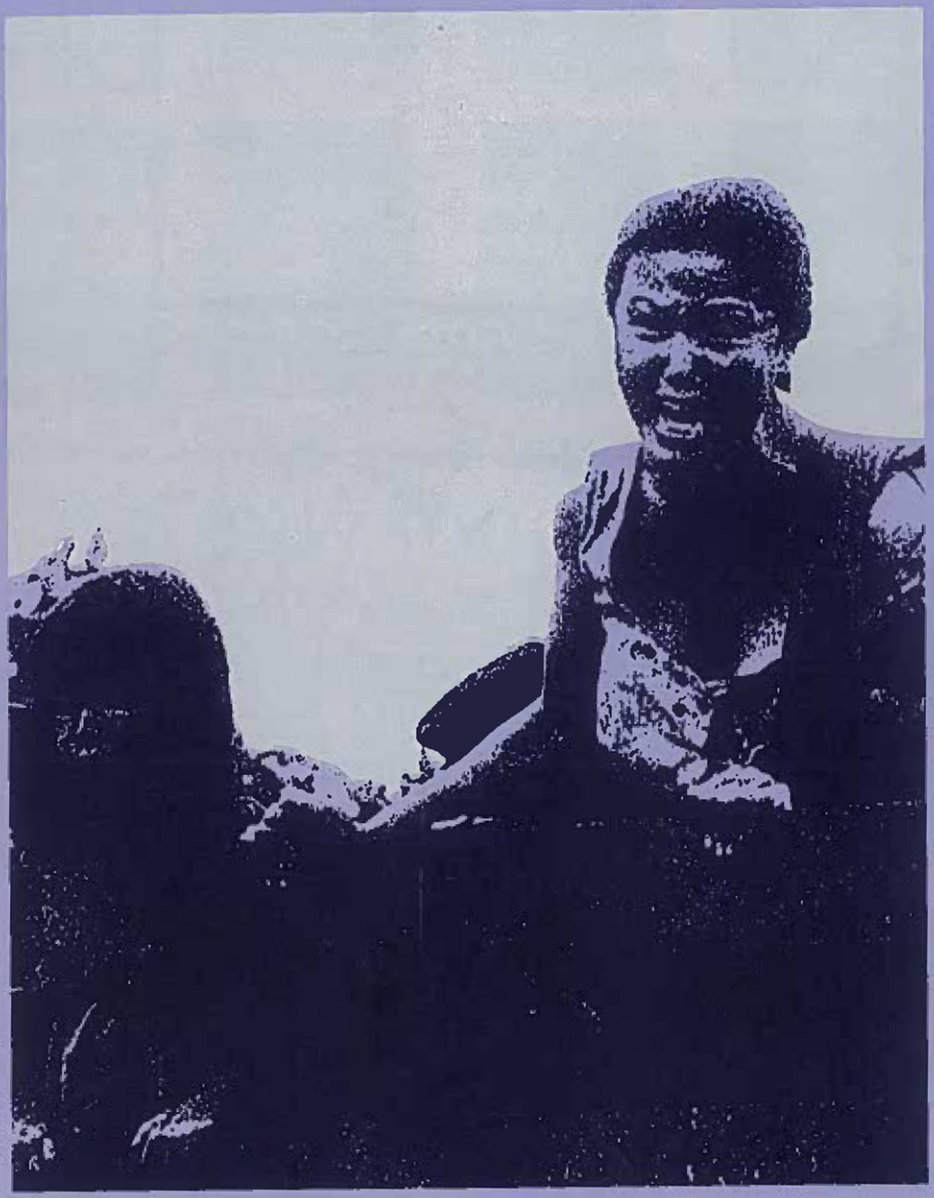

Nữ tài tử Kiều Chinh, vai một phụ nữ Cam Bốt trong phim Welcome Home.

Căm Bốt cuối thế kỷ 20

Một dân tộc bị phản bội

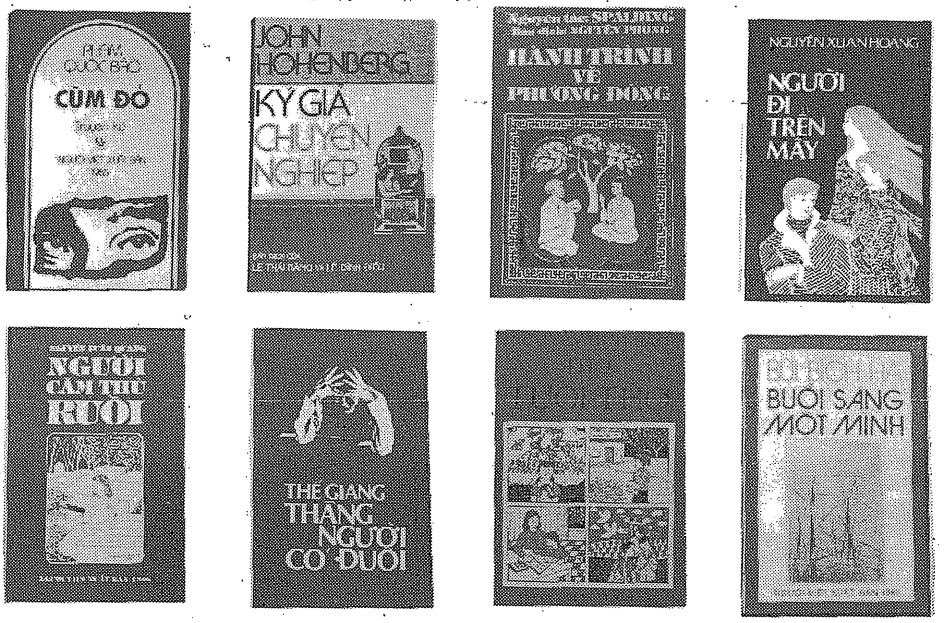

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại **PHÁP:**
* Le Tai Dien
21 Jean Racine
95400 Villiers-Le-Bel
Paris-France

* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại **TÂY ĐỨC:**
* Le Vu
Tiefer Weg. 8
7000 Stuttgart 70
W. Germany

Tại **CANADA:**
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
(604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại **Úc:**
* Tòa soạn báo Việt Luận
PO Box 592
Bankstown, NSW 2200
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australis

* Vietnamese Lang & Cult. Pub.
PO Box. 133
Pascoe Vale South
Vic. 3044 - Australia

Tại **NHẬT BẢN**
* Mekong Center
F140 Tokyo - To, Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262 Ichodanchi
72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại **HOA KỲ:**

Minnesota:
* Saigon Bookstore
1721 E. Lake St.
Minneapolis, MN 55407
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Tòa soạn tuần báo
Người Việt Tây Bắc
3111 M.L King Jr. Way
Seatle, WA 98144
Tel. (206) 722-6984

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.,
Falls Church, VA 92201
Tel. (703) 524-2011

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E Colonial Dr.
Orlando. FL. 32803
(305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa. FL 33609
(813) 874-0526

New York
* Tú Quỳnh
85 Boweris St. #8B
New York, NY-10002
(212) 925-1513

Massachusetts
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA. 02122

Colorado
* Đức Hòa
333 S. Federal Blvd. #128
Denver, CO. 80219

Louisiana
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey
LA 70058
(504) 340-4626

Missouri
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO. 64106
(816) 421-6838

New Mexico
* Kim's Cafe
1800 Central Ave.
Albuquerque, NM. 87106

Texas
* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006

* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003

* Văn Hóa Publishing
2606 Main St. #114
Houston, TX 77002

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
(713) 650-1770

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Airport Blvd.
Austin, TX 78753

California:
* Toà soạn nhật báo
Người Việt Bắc Cali
71 E. William St.
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 297-3988

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Te. (408) 971-9808

* Tây Đô
2855 F Senter Rd.
San Jose, CA 95111
Te. (408) 224-4130

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Thăng Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

* Văn Lang
14 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95113
(408) 294-3888

* Van Dan
14 S. Almaden Ave.
San Jose, CA 95113
(408) 297-8141

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San José, CA 95100

* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21 xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Hoa hồng cao.

Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
USA

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
ĐỖ NGỌC YẾN

Chủ bút:
VƯƠNG HỮU BỘT

Chủ biên văn học:
NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Chủ biên biên khảo:
LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Giám đốc mỹ thuật:
NGUYỄN ĐỒNG

Giám đốc trị sự:
TÂM QUYÊN

Trong số này

THƯ TÒA SOẠN
Một dân tộc bị phản bội/4
THẾ UYÊN
Vấn đề Căm Bốt
và cuộc tranh chấp giữa hai dân tộc/6
LÊ TAM CA
Hà Nội rút quân,
vấn đề Căm Bốt vẫn lẳng nhẳng/17
NGUYỄN VĂN KHANH
Phỏng vấn cựu Trung Tướng Trần Văn Đôn/18
NGU YÊN
Cảm và tưởng lúc nhổ răng/22
CAO VĂN VIÊN
Tổng Thống Ngô Đình Diệm
và ngày 1-11-1963/23
TRỊNH Y THƯ
Sự thật về cuộc Cách Mạng Nga 1905/26
VƯƠNG HỮU BỘT
Đổi mới kinh tế Cộng Sản kẹt ở đâu?/33
TRẦN VĂN NAM
Ảo giác, khi mùa mưa tới/44
NGUYỄN HỮU CHUNG
Ba Lan và Việt Nam/45
DIỄM CHÂU
Việt Nam, Tổ Quốc và Em/47
NGUYỄN TẤT NHIÊN
Cỏ và Tuyết của Đỗ Quý Toàn/50
CAO ĐÔNG KHÁNH
Lời thống trách của Lê Thị Vân Nga/52
TAM TRƯƠNG
Vu miệt/53
MURIEL SPARK
TRẦN DIỆU HẰNG dịch
Đường Portobello/54
MARK FRANKLAND
NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch
VACLAV HAVEL
Hi vọng rất gần/66
ĐÀO TRUNG ĐẠO
Carlos Fuentes:
Tiềm Năng Của Tiểu Thuyết/72
VANN PHAN
Cô gái Saigon
tại hí viện Hoàng Gia Luân Đôn/76
NGUYỄN PHONG
Khoa học của sự hỗn loạn/78
TK21
Camilo Jose Cela, Nobel Văn Chương 89/81
Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/82
Sách báo trong tháng/83
Mục lục chỉ dẫn
Thế Kỷ 21 các số 4, 5 và 6/85

Đọc, viết và góp ý!

Mua báo và
giới thiệu với thân hữu!

Để Thế Kỷ 21

trở thành
tờ báo của chúng ta

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72 . First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liênlạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công ty Người Việt (Nguoi Viet, Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng, Los Angeles, California. Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của người xuất bản. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

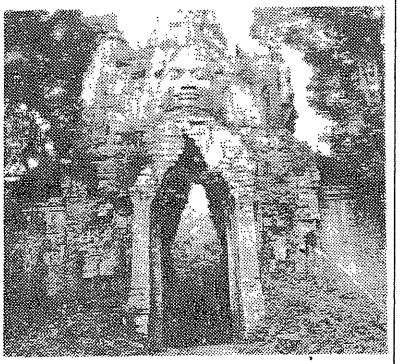

VẤN ĐỀ CĂM BỐT VÀ CUỘC TRANH CHẤP GIỮA HAI DÂN TỘC THÁI-VIỆT/6
Thế Uyên

Dân tộc Căm Bốt, một dân tộc vốn có truyền thống hiếu hòa, nhưng là một dân tộc sống trong nỗi thống khổ. Bài viết của Thế Uyên vẽ lại một chút lịch sử của dân tộc này trong cuộc tranh chấp giữa hai dân tộc láng giềng Thái Lan và Việt Nam. Bài viết cũng cho thấy suốt ba thế kỷ nay chính sách căn bản của các nhà lãnh đạo Việt Nam đối với Căm Bốt vẫn chưa có thay đổi gì nhiều cho lắm.

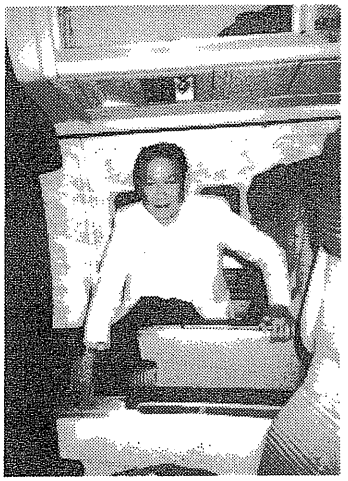

ĐẢO CHÁNH VÀ THAY ĐỔI ĐẤT NƯỚC/18
Nguyễn Văn Khanh thực hiện

Tháng Mười một cũng là tháng liên quan đến một biến cố ở Việt Nam. Biến cố ấy đã là đề tài cho nhiều sách biên khảo nghiên cứu lịch sử, cả cho một nhà văn người Úc, ông Morris West với tác phẩm The Ambassador. Ông Trần Văn Đôn, cựu Trung Tướng QLVNCH, là một trong những nhân vật có liên hệ khá mật thiết với biến cố 1-11-1963, hiện sống ở Hoa Kỳ. Nhà báo Nguyễn Văn Khanh đã gặp và đã phỏng vấn người đã từng là một trong những nhân vật cốt cán của biến cố nói trên.

SỰ THẬT VỀ CUỘC CÁCH MẠNG NGA 1905/26
Trịnh Y Thư

Người ta hay nói đến Nga và cuộc Cách mạng tháng Mười. Sự thật thế nào? Theo văn hào Nga lưu vong Alexander Solzhenitsyn, cuộc Cách mạng tháng Mười, chẳng qua chỉ là một cuộc "đảo chính." Cuộc Cách mạng Tháng Hai mới là cuộc cách mạng thật sự. Trịnh Y Thư trong bài viết trên cho thấy những biến cố lịch sử nào của nước Nga đã dẫn dân tộc này đến này 7 tháng Mười Một là ngày mà điện Cẩm Linh vẫn chọn để tổ chức cái mà họ gọi là "cuộc Cách Mạng tháng Mười" của họ.

Tranh bìa
Nữ tài tử
Kiều Chinh
vai một phụ nữ
Căm Bốt
trong phim
Welcome Home

Trình bày
Trúc Phượng

Minh họa
Nguyễn Thị Hợp
Khánh Trường
Ruth Talovich

Kỹ thuật
Yến Trân

CARLOS FUENTES: TIỀM NĂNG CỦA TIỂU THUYẾT/72
CÔ GÁI SAIGÒN Ở HÍ VIỆN HOÀNG GIA LUÂN ĐÔN/76

Những biến cố văn học vừa xảy ra, một ở Cali Hoa Kỳ, một ở Luân Đôn, Anh quốc đều là sinh hoạt nghệ thuật không thể không nói tới. "Tiểu thuyết vẫn còn sống" Carlos Fuentes đã nói vậy. Còn vở ca nhạc kịch Cô Gái Saigon của Macintosh. Vé đã bán hết từ mấy tuần trước ngày trình diễn. Tám triệu đô đã thu vào. Một sản phẩm ăn khách. Một biến cố trong mùa nhạc kịch năm nay. Diễn viên chính trong vai cô gái Sàigòn là một cô gái Manila. Tại sao?

Một dân tộc bị phản bội

Nỗi thống khổ của dân Căm bốt là do sự phản bội của giới lãnh đạo xứ này đối với người dân của họ. Sự phản bội đó là do lòng ích kỷ ngu tối của mấy người lãnh đạo, đã đưa nước họ vào giữa cuộc xung đột quốc tế trong vùng, đưa dân họ ra làm bia đỡ đạn cho các thế lực quốc tế.

Trước hết là cựu hoàng Sihanouk. Trong thời chiến tranh Việt Nam 1960-1975 ông ta đã phạm hai lỗi lầm. Một là dung túng một chế độ thối nát ở Nam Vang. Không cải thiện được mức sống của nông dân, gây ra bất mãn trong cả quân đội lẫn các trí thức thiên tả. Đối ngoại, ông ta dung túng cho Cộng Sản Bắc Việt sử dụng đất Căm bốt xâm lăng miền Nam Việt Nam thay vì đóng vai trò trung lập tích cực đòi Cộng Sản phải tôn trọng lãnh thổ Căm bốt. Sự dung túng đó là do óc hèn nhát, sợ Việt Cộng, mua cái an thân nhất thời của một vương triều mà làm hại cả dân tộc.

Vì những lỗi lầm đó của Sihanouk, các tướng lãnh đã đảo chính lật đổ ông ta năm 1970. Lớp lãnh đạo mới này hoàn toàn dựa vào sự ủng hộ của Mỹ. Nhưng vận mạng của dân Cam bốt không thể dựa vào các vận động chiến thuật của người Mỹ. Đối với dân Cam bốt họ có vấn đề sống còn lâu dài, đối với người Mỹ sự ủng hộ Lon Nol chỉ là chiến thuật ngắn hạn. Các tướng lãnh đã phản bội khi cuốn cờ chạy năm 1975, khi người Mỹ chấm dứt trận chiến của họ ở Việt Nam.

Sihanouk tiếp tục phản bội dân Cam bốt khi liên kết với Cộng Sản Khờ me, với Trung Cộng và Việt Cộng, để tìm trở lại ngôi vị. Nhưng bọn lãnh tụ Cộng Sản Khờ Me cũng là một lớp lãnh đạo phản bội quyền lợi dân tộc. Thứ nhất là nhóm Khờ me đỏ của Pol Pot muốn biến dân tộc họ thành một lò thí nghiệm cho cuộc Cộng sản hóa mà óc tưởng tượng phi nhân của họ tạo ra. Thứ hai là nhóm Heng Sarim, Hun Sen chịu đứng ra làm bù nhìn cho đạo quân chiếm đóng của Cộng Sản Việt Nam.

Từ Sihanouk, Lon Nol, đến Pol Pot, Hun Sen, những người thay nhau lãnh đạo xứ Căm Bốt đều đã phản bội dân tộc của họ. Họ đã đặt quyền lợi của cá nhân, của phe nhóm, đặt chủ nghĩa hão huyền, lên trên quyền lợi và vận mạng lâu dài của dân tộc. Đây là một bài học mà tất cả người trí thức, giới lãnh đạo của các nước như trên thế giới phải học. Xung đột quốc tế là một hiện tượng không thể tránh được. Nước nhỏ muốn sống còn phải tìm cách đứng ra ngoài các cuộc xung đột quốc tế đó. Điều đó chỉ xảy ra nếu các nhà lãnh đạo biết thỏa thuận với nhau thay vì chia rẽ, chống đối nhau và xếp hàng với các thế lực quốc tế.

Cuộc tranh chấp ở Căm bốt trong mười năm qua là cuộc tranh chấp ba tầng. Tầng trên cùng là xung đột Nga-Tàu, có Mỹ đứng bên theo dõi và làm trọng tài khi có lợi. Tầng thứ hai là cuộc xung đột vùng, giữa Cộng Sản Việt Nam với Tàu, vì các nước Đông Nam Á chịu ảnh hưởng Mỹ, mà đại diện là Thái Lan. Tầng dưới cũng là cuộc nội chiến giữa hai đảng Cộng Sản Khờ Me này mà Sihanouk với Son Sann mới có dịp dựng lên các lực lượng riêng của họ, để được Thái Lan và Mỹ yểm trợ.

Vì cuộc tranh chấp ba tầng như vậy, nếu muốn cho dân Căm bốt được sống trong hòa bình thì cả ba tầng đều phải giải quyết các xung đột; nếu chỉ có một tầng thôi, không đủ.

Ở tầng trên cùng, Nga và Trung Cộng có thể giàn xếp với nhau. Trung Cộng không còn cảm thấy sự đe dọa của hải quân Nga ở Cam Ranh và mấy chục sư đoàn Nga ở biên giới phía bắc. Cuộc họp thượng đỉnh giữa Gorbachev và Đặng Tiểu Bình vào tháng 5-1989 đánh dấu sự tình trạng hòa hoãn này. Nhưng đến tầng thứ hai thì sự giàn xếp vẫn còn vướng mắc. Trước hết là cả Tàu lẫn Mỹ còn chưa chấp nhận sự đầu hàng của Cộng Sản Việt Nam. Đầu năm 1989 Việt

Cộng đã cử Đinh Nho Liêm sang Bắc Kinh, và dùng đủ cách để xin cầu viện Mỹ. Nhưng Trung Cộng không có lợi gì khi giúp cho Việt Cộng thoát khỏi vũng lầy Căm bốt. Dù quân đội Cộng Sản Việt Nam có rút ra khỏi xứ này (trên danh nghĩa) chế độ Hun Sen vẫn là một chế độ do Cộng Sản Việt Nam dựng lên. Việt Cộng rút chân quân sự về, nhưng chân chánh trị còn mắc lầy ở đó chưa biết bao giờ rút ra khỏi. Bởi vậy Trung Cộng có lý do để tiếp tục viện trợ cho Khờ Me Đỏ, tiếp tục gây khó khăn cho Hun Sen ở Nam Vang để cầm chân Việt Cộng. Mặt khác, Mỹ không thấy gì gấp để tỏ thái độ tha thứ cho Việt Cộng. Việc đòi hỏi các cựu tù nhân cải tạo được đoàn tụ với gia đình, việc đi tìm thêm hài cốt, chỉ là những nhượng bộ nhỏ của Việt Cộng chứ không phải là những ích lợi thiết thực lâu dài cho quyền lợi của Mỹ. Mỹ có thể để mặc cho Trung Cộng cầm chân Cộng Sản Việt Nam ở Cam bốt trong năm, mười năm nữa cũng không hề hấn gì.

Còn Thái Lan thì sao? Từ thế kỷ 19 Thái Lan vẫn muốn chia đôi ảnh hưởng ở Cam bốt với Việt Nam, và hiện nay họ có thể tiếp tục sống với tình trạng nửa vời ở Căm bốt trong năm, mười năm nữa cũng không có hại. Thái Lan đang phát triển kinh tế như Đại Hàn, Đài Loan mười năm trước đây, và việc giao thương với Việt Nam có thể khiến cho Thái muốn giải quyết vấn đề Cam bốt.

Hiện nay Thái đã thoát khỏi nỗi sợ hãi đối với Việt Cộng. Một là nỗi sợ đạo quân xâm lăng của Việt Cộng đã hết, vì Việt Cộng đã thất bại ở Căm bốt. Hai là nỗi sợ đối với chủ nghĩa Cộng Sản cũng hết, vì chính dân Thái đã nhìn thấy cuộc thí nghiệm Cộng Sản ở Việt Nam, Lào, Căm bốt thất bại thảm thương gây ra đói, khổ như thế nào. Vậy chỉ còn quyền lợi kinh tế khi giao thương với Việt Nam và một nước Cam bốt thanh bình mới đủ sức lôi kéo Thái Lan vào chuyện giải quyết tích cực cuộc nội chiến ở xứ này.

Nhưng liệu việc giao thương có thật sự lợi lộc gì chăng, khi cả nền kinh tế Việt Nam còn lạc hậu? Chính ngoại trưởng Việt Cộng đã đề nghị lập khối kinh tế Đông Nam Á lấy đồng "bath" của Thái làm căn bản. Nhưng cơ chế chánh trị và tổ chức kinh tế ở Việt Nam có khích lệ việc hợp tác kinh tế hay không? Đến nay, câu trả lời vẫn là không. Người Việt Nam ở trong nước vẫn chưa có đủ mãi lực mua hàng của Thái, tổ chức chánh trị, kinh tế không phù hợp với lối làm ăn theo thị trường mà doanh nhân Thái, Mã Lai, Tân Gia Ba... đã quen. Vậy họ cần chờ đợi để coi Việt Cộng đổi mới ra sao đã. Trong khi chờ đợi, Thái vẫn tiếp tục cho Trung Cộng tiếp tế Khờ Me đỏ qua đất Thái, và Mỹ tiếp tế cho phe Sihanouk và Son Sann. Cuộc tranh chấp ở tầng thứ hai hoàn toàn tùy thuộc Cộng Sản Việt Nam đầu hàng đến mức nào. Cứ như mức hiện tại, thì cả Mỹ, Trung Cộng, lẫn Thái Lan còn chưa vội giàn xếp chuyện xứ Căm bốt. Họ có thể để mặc cho Việt Cộng tiếp tục sa lầy.

Trong tình trạng đó cuộc nội chiến Căm bốt sẽ còn kéo dài khá lâu. Hai đảng Cộng Sản, một là Khờ me đỏ, hai là đảng Nhân Dân Cách Mạng Khờ Me ở Nam Vang, sẽ tiếp tục đánh nhau. Hai nhóm không Cộng Sản, Sihanouk và Son Sann, còn chưa đủ mạnh để đối phó với mỗi phe Cộng Sản nên không thể đứng ra tập hợp dân Căm bốt lại, công khai chấp nhận một phe Cộng Sản và loại bỏ phe kia.

Dân tộc Khờ me sẽ tiếp tục thống khổ. Một dân tộc có truyền thống hiếu hòa, thanh niên mới lớn lên đi ở chùa trước khi vào đời thế tục, không may lại chịu toàn khổ ải. Tất cả chỉ vì các người lãnh đạo đã không biết đặt quyền lợi toàn dân lên trên quyền lợi phe phái, không nhìn xa trông rộng để hướng dẫn đất nước đứng bên ngoài các cuộc xung đột quốc tế. Chuyện Nga, Tàu, Mỹ tranh giành là chuyện không thể tránh được. Người lãnh đạo khôn ngoan thì sẽ lái con thuyền đất nước ra ngoài cơn bão quốc tế đó. Ngược lại, họ là lũ phản bội đối với chính dân tộc họ. Ở Việt Nam, năm 1945, tình trạng đó đã xảy ra. Trước viễn ảnh thế giới phân hai Tư Bản, Cộng Sản tranh giành ảnh hưởng, Cộng Sản Việt Nam đã tình nguyện đưa cả dân tộc Việt vào giữa trận, hứng bom đạn hy sinh bao triệu người dân, để cuối cùng độc lập tự do đều là bánh vẽ, và hạnh phúc thì bị thủ tiêu. Trong hai hoàn cảnh lịch sử đó, hai dân tộc Việt Nam và Căm bốt đều là nạn nhân của sự phản bội.

THẾ KỶ 21

VẤN ĐỀ CAM BỐT VÀ CUỘC TRANH CHẤP GIỮA HAI DÂN TỘC THÁI VÀ VIỆT

THẾ UYÊN

Angkor Thom

I.

Nước Thái lan, tên cũ là Tiêm, cũng là một quốc gia khá cổ cựu ở miền Đông Nam Á, vị trí ở phía tây nam sông Cửu Long. Mãi đến thế kỷ 14, vua nước này sang cầu phong bên Tầu, vua Tầu lúc đó là Minh Thái-tổ mới phong cho tên mới gọi là Tiêm-la.

Trong thời gian đầu, nước Tiêm-la yếu, thường bị người Chân-lạp, tức là người Cao Miên hiện nay, áp chế rất nhiều. Nhưng với thời gian qua, Tiêm la mạnh dần và đến đầu thế kỷ 17 đã đánh bại Chân lạp và biến nước này thành một chư hầu, hoặc dùng danh từ hiện đại hơn là BẢO HỘ. Nhưng sự kiện này chưa có ảnh hưởng nào tới Việt Nam vì dân tộc này còn đang đánh những trận đánh cuối cùng với dân Chiêm-thành.

Nhưng sau khi Chiêm-thành bị tiêu diệt, dân Việt vượt khỏi núi Chứa-chan, tiến vào vùng lưu vực sông Đồng-nai lập nghiệp, là hai dân tộc Thái và Việt bắt đầu đụng độ, tranh chấp liên tục cho tới ngày nay. Lý do chính thật giản dị: Thái Lan muốn duy trì nền bảo hộ của mình ở Chân-lạp trù phú -- cần ghi rõ vào thời gian này, nước Chân lạp rất rộng, bao gồm cả nước Cao-miên hiện nay lẫn miền Nam Việt, tức Nam kỳ Nam bộ cũ.

Nhìn lại phía Việt Nam, các chúa Nguyễn của Đàng Trong sau khi tiêu diệt quốc gia Chiêm-thành, mới nhận ra rằng vùng đất này gồm toàn những đồng bằng nhỏ hẹp ven biển, đất xấu và khí hậu khắc nghiệt. Dân Việt quá nhiều

sinh lực, trai chiến đấu giỏi và thích chiến đấu, gái thì đa tình và mắn đẻ -- thời đó lại không có một phương cách nào để kế hoạch hóa gia đình cả. Nạn nhân mãn mỗi ngày càng trầm trọng. Nhìn sang phía Tây thì cao nguyên bạt ngàn với dãy Trường sơn ngăn chặn. Chỉ còn con đường duy nhất là tiếp tục Nam tiến để kiếm thêm không gian cần thiết để sinh tồn. Dưới núi Chứa-chan, đất đai màu mỡ mà dân Chân-lạp thưa thớt, chỉ cư ngụ và canh tác trên những vùng đất cao gọi là GIỒNG. Giòng họ làm vua Chân lạp lại là một giòng họ yếu, kém tài.

Nhưng lần này các chúa Nguyễn tránh dùng binh lực để đánh chiếm như đối với Chiêm-thành trước đây. Kể từ giờ các chúa tuân theo chiến lược tằm thực, nghĩa đen là như tằm ăn lá dâu, nghĩa rộng là dùng chính sách di dân, đưa dân len lỏi vào các vùng bỏ hoang của Chân-lạp mà khai hoang lập nghiệp. Quân đội chỉ được sử dụng tới khi nào các cộng đồng di dân bị dân địa phương hoặc quân đội Thái lan bắt nạt, đòi giết hay trục xuất. Về chính trị, các chúa Nguyễn không từ bỏ cơ hội nào để xen vô triều đình Chân-lạp, với nguyên tắc chỉ đạo là luôn luôn ủng hộ ông vua Chân-lạp nào thân với Việt Nam, nghĩa là tối thiểu cũng chấp nhận cho người Việt được di dân đến và lập nghiệp lâu dài. Chúng ta có thể nhận ra sách lược đó qua đoạn trích như sau trong VIỆT NAM SỬ LƯỢC của Trần Trọng Kim:

Năm mậu tuất (1658) vua Chân lạp mất rồi, chú cháu tranh nhau, sang cầu cứu bên chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là chúa Hiền sai quan đem 3,000 quân sang đánh ở Mỗi suy (nay thuộc Biên hòa) bắt được vua nước ấy là Nặc ông Chân đem về giam ở Quảng Bình một độ, rồi tha cho về nước, bắt phải triều cống và phải bênh vực người Việt Nam sang làm ăn bên ấy (trang 80 sđd quyển II)

Giòng họ làm vua ở Chân lạp thường được sử Việt Nam ghi theo Hán Việt là NẶC hoặc NẶC ÔNG không ý thức được vị trí lâm nguy của nước mình giữa hai gọng kìm Thái lan và Việt nam. Họ không biết đoàn kết chặt chẽ, lại ham làm vua. Do đó họ thường bị sa vào vùng tranh chấp quyền lực giữa hai nước cường thịnh lân bang. Vương triều Tiêm-la dĩ nhiên không thể để vùng Chân lạp ra khỏi vùng lệ thuộc của Tiêm-la dễ dàng như vậy. Nhưng họ cũng không thể công khai mang quân đánh chiếm Chân-lạp -- ngay thời đó, xâm lăng nước khác cũng phải có một chính nghĩa khả dĩ nghe được. Vương triều Tiêm-la cũng bắt chước vương triều Nguyễn: Kiếm một người trong giòng họ NẶC nhưng thân mình phò cho lên làm vua. Với sự trợ giúp của quân đội Tiêm-la, cuộc đảo chính luôn luôn thành công và vị tân vương này đương nhiên có chính sách thù nghịch với dân Việt Nam. Các chúa Nguyễn cũng chẳng chịu để ai ngăn chặn dòng thác di dân của mình, lập tức cho quân sang phò vị vua họ Nặc nào thân Việt lên làm vua trở lại. Vua này đứng được một thời gian dài ngắn tùy thời kỳ nhưng rồi với vận động của Tiêm-la, lại bị hạ bệ bởi một ông hoàng thân Tiêm-la. Việt Nam không chịu, lại cho quân sang phò phe mình, đưa lên ngôi vua trở lại. Cuộc chiến lằng nhằng kéo dài này hoài, và sử gia Trần Trọng Kim, chịu ảnh hưởng của lối biên niên sử, đã ghi lại bằng những đoạn văn rối rắm những binh đao và quyền lực như sau:

Năm giáp dần (1674) nước Chân lạp có người Nặc Ông Đài đi cầu viện nước Tiêm-la để đánh Nặc Ông Non. Nặc Ông Non chạy sang cầu cứu ở dinh Thái Khang (nay là Khánh Hòa). Chúa Hiền bèn sai cai cơ đạo Nha-trang là Nguyễn Dương Lâm đem binh chia ra hai đạo sang đánh Nặc Ông Đài, phá được đồn Sài-gòn, rồi tiến quân lên vây thành Nam-vang. Nặc Ông Đài phải bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng. Nặc Ông Thu ra hàng (trang 80 sđd)... Năm ất dậu (1705) Nặc Ông Thâm nghi cho Nặc Ông Yêm có ý làm phản, bèn khởi binh đánh nhau. Nặc Ông Thâm lại đem quân Tiêm-la về giúp mình. Nặc Ông Yêm phải chạy sang cầu cứu ở Gia-định, chúa Nguyễn sai quan cai cơ là Nguyễn Cửu Vân sang đánh Nặc Ông Thâm. Nguyễn Cửu Vân sang phá được quân Tiêm la, đem Nặc Ông Yêm về thành La-bích. (trang 82 sđd).

Cứ thế lịch sử kéo dài theo một điệp khúc bất tận: Nếu Nặc A thân Việt Nam bị lật đổ bởi một Nặc B thân thái thì ta mang quân sang ngay để giúp Nặc A. Dĩ nhiên phía bên Việt hao binh tổn tướng như thế phải có cái gì đền bù và các chúa Nguyễn không bao giờ chê món quà đền ơn của Nặc A là phần đất nào đó có dân Việt và dân Việt gốc Hoa đã đến cư trú lập nghiệp. Những di dân khai hoang này đã đổ mồ hôi và đổ máu hơi nhiều nơi biên địa này, đương nhiên họ sát cánh với vương triều Nguyễn để bảo vệ tài sản của mình tới cùng. Họ là phên dậu, là đạo quân thường trực tại chỗ, có sức đề kháng cao, giúp cho các đạo quân chính quy chiến thắng dễ dàng.

Ở đây cũng cần mở một cái ngoặc đơn để trình bày về những vai trò của người Việt gốc Hoa trong thời kỳ này. Ở lục địa phương Bắc, dân tộc Mãn châu đánh bại dân Hán tộc: nhà Minh của Hán tộc bị diệt, thay thế bằng triều đại nhà Thanh của Mãn tộc. Rất nhiều quan chức và người Hán yêu nước, không chấp nhận sống dưới chế độ mới của ngoại xâm, kéo nhau xuống thuyền chạy xuống phía Nam làm dân tỵ nạn chính trị. Vương triều

Nguyễn miền nam, bản thân vốn cũng là dân tị nạn chưa xa gì, nên mở vòng tay tiếp đón. Hơn nữa các nhà lãnh đạo của xứ Đàng Trong còn sáng suốt, nhìn xa trông rộng. Chỉ dùng toàn di dân Việt, chính sách tằm thực vẫn hiệu lực, nhưng lâu dài quá. Nay được tăng cường bởi đám di dân cùng đường mạt lộ, tại sao không sử dụng và trọng dụng, nhất là thành phần này đa số là quân nhân hoặc thường dân có bản lãnh và khí phách. Và dĩ nhiên cũng không thiếu vốn liếng kinh doanh.

cần thiết cho việc cai trị, chứ không kềm hãm họ bởi những quan lại Việt Nam thông thường. Họ kể như được tự trị trong vùng mình. Được đối xử tử tế như thế nên đám di dân tị nạn chính trị này cũng trước sau một lòng một dạ trung thành với vương triều Nguyễn. Lại được tự trị nữa nên họ mang hết tài năng vốn liếng ra đầu tư, sát cánh với các di dân Việt chính cống để củng cố những miền đất mới nơi biên cương phía Nam.

Cũng trong thời kỳ này, có một tay tài phiệt cỡ lớn của

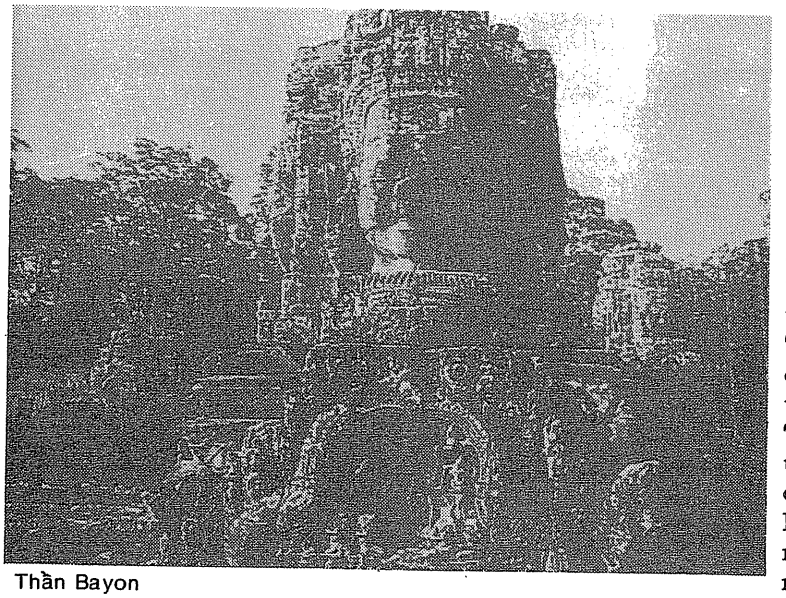

Thần Bayon

Bởi thế khi các cựu quan lại và tướng lãnh của Hán tộc như Dương ngạn Địch, Hoàng Tiến, Trần thượng Xuyên, Trần an Bình mang đạo quân 3,000 người và 50 chiến thuyền đến xin chúa Nguyễn cho họ một cơ hội để làm lại cuộc đời, chúa Hiền đã tiếp đón họ ân cần. Sau đó cấp đất cho họ, dĩ nhiên không phải miền Trung chật hẹp cố cựu, mà tại miền biên cương phía nam, trong lãnh thổ Chân lạp. Chính đám di dân tị nạn chính trị gốc Hoa này đã giúp một phần công sức cho dân Việt bám trụ tại Gia định, Biên hòa và Mỹ tho. Cái hay của vương triều Nguyễn là đã phong cho họ những chức vụ chỉ huy, những quan chức

miền Quảng đông là Mặc Cửu cũng không chịu làm dân nhà Thanh, đã mang hết tài sản và môn đệ xuống thuyền chạy sang Chân lạp. Là một con người thực tế, Mặc Cửu thấy rõ ngay khó mà có một tương lai tốt nếu đầu tư vào giòng họ Nặc. Ông liền chuyển sang miền Hà-tiên, một miền đất hoang thuộc Chân lạp, bỏ vốn liếng ra xây dựng một thị trấn mới, chiêu mộ thêm lưu dân Việt cũng như Hoa, mở sòng bạc cũng như thương điếm. Sau khi vùng đất mới này đã đông dân, buôn bán phát đạt, Mặc Cửu hiểu rằng mình không thể sống yên mà hùng cứ "tiểu triều đình" của mình giữa hai thế lực Việt Nam và Thái Lan. Phải chọn lựa dựa vào một bên và Mặc Cửu đã chọn vương triều Nguyễn hào sảng và biết đãi ngộ những người di dân lập nghiệp, bất kể gốc dân nào. Trần Trọng Kim chép:

Bấy giờ lại có người khách Quảng đông tên là Mạc Cửu, trong khi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh bên Tầu, bỏ sang ở Chân lạp, thấy ở phủ Sài Mạt có nhiều nước đến buôn bán, bèn mở sòng đánh bạc, rồi lấy tiền chiêu mộ những lưu dân lập ra 7 xã, gọi là Hà-tiên. Năm Mậu Tý (1708) Mạc Cửu xin thuộc về Chúa Nguyễn, chúa phong cho làm chức tổng binh, giữ đất Hà tiên (trang 82 sđd).

Mạc Cửu lấy một cô gái Việt Nam, sinh con là Mạc Thiên Tứ. Nhờ hai giòng máu với hai nền văn hóa, lại là di dân đời thứ hai, Mạc Thiên Tứ văn võ song toàn và một lòng trung thành với "quê mẹ". Vương triều Nguyễn phong cho Mạc Thiên Tứ chức lớn hơn cha là chức Đô đốc. Với chức vụ này, với nền kinh tế vững vàng, Mạc Thiên Tứ một mặt xây đắp thành lũy, một mặt rước thầy dạy học để nâng cao dân trí. Bản thân Thiên Tứ cũng là một nhà thơ có tài, ông đã lập ra một thị xã mà các tác phẩm vẫn được các nhà văn học Việt Nam xếp vào nền văn học của Việt Nam.

Đến thời Mạc Thiên Tứ, từ miền sông Đồng-nai cho tới Mỹ-tho đã thuộc về người Việt: vua Chân lạp rút về đóng đô ở Nam vang nhưng vẫn giữ được phần đất đai nằm giữa sông Tiền giang và vùng Hà Tiên. Dĩ nhiên các vua Chân lạp cũng không vui gì trước cảnh mất đất đều đều như vậy và đã hơn một lần họ tung quân đánh lại vương triều Nguyễn để giành lại lãnh thổ cũ. Nhưng lần nào cũng thua, và nếu không bị chết trận thì cũng bị vương triều Nguyễn bắt làm tù binh. Dĩ nhiên sau đó muốn được tha về thì vua tù binh ấy bắt buộc phải cắt thêm một phần đất

làm quà chuộc mạng. Đã thế trong giòng họ Nặc vẫn không sao nhất thống về một mối, chi nào cũng muốn lên ngôi vua cả và phe yếu luôn luôn cầu viện tới quân đội Tiêm-la. Viện qua của Tiêm-la bao giờ cũng dễ thắng những trận đầu, nhưng để rồi sau cùng cũng thua trước đạo quân chính qui Việt Nam, ở xa hơn đến chậm hơn, nhưng thiện chiến hơn, lại được lòng dân miền biên địa này. Rồi sau cùng, hồi chung cuộc cũng tới: Khoảng giữa thế kỷ 18, giòng họ Nặc thân Tiêm-la thắng, đưa Nặc Nguyên lên làm vua. Ông này bèn điều đình với vương triều Trịnh ngoài Bắc để hai bên cùng đánh vương triều Nguyễn. Phản ứng của vương triều Nguyễn thật là dễ hiểu: phải xuất toàn lực ra đánh gục Nặc Nguyên trước đã, để rảnh tay đối phó với vương triều Trịnh sau. Lần này quân lực viễn chinh được trao cho một danh tướng là Nguyễn Cư Trinh, nhưng dù vậy quân Việt cũng phải mở một chiến dịch gần hai năm mới đánh chiếm được Nam vang. Và bị quân Việt chẹn đường sang Tiêm-la, Nặc Nguyên phải chạy sang Hà tiên xin Mạc Thiên Cứ cứu mạng. Nhờ lời xin của Mạc Thiên Tứ của cả Nguyễn Cư Trinh nữa, chúa Nguyễn bằng lòng tha cho Nặc Nguyên về nước làm vua lại, đổi lấy phần đất mới là hai phủ Tầm bôn và Lôi lạp. Lãnh thổ của Việt Nam lại nới rộng về phía Nam hơn nữa, nhưng cũng chưa tiếp giáp được phần lãnh thổ Hà tiên của Mạc Thiên Tứ. Phải đợi tới gần 10 năm sau, giòng họ Nặc lại rối loạn nội bộ (con rể lên cướp ngôi), kẻ được quyền nối ngôi vua Chân lạp là Nặc Tôn phải chạy sang nương nhờ Mạc Thiên Tứ. Thiên Tứ đề nghị với chúa Nguyễn nên giúp cho Nặc Tôn khôi phục ngôi báu, chúa Nguyễn thuận. Sau đó dĩ nhiên Nặc Tôn cám ơn bằng cách tặng phần đất Tầm-phong-long cho vương triều Nguyễn và 5 phủ nữa để đền ơn Mạc Thiên Tứ. Dĩ nhiên Thiên Tứ mang năm phủ ấy sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam luôn. Cuộc Nam tiến tới đây là hoàn tất: tất cả phần đất mà chúng ta gọi là Lục châu, là Nam kỳ, là Nam bộ, là Nam Việt ấy bây giờ đã thuộc về dân tộc Việt Nam.

Như vậy đến cuối thế kỷ 18, lãnh thổ của vương triều Cao mên chỉ còn đúng phần đất như chúng ta thấy hiện nay. Đến đây thì vương triều Thái Lan bắt đầu thực sự lo sợ cho bản thân. Họ cho rằng giòng Việt chắc chắn sẽ phải tiến sang phía tây -- phía Nam thì người Việt đã tới ven biển, còn đi đâu được nữa và đe dọa luôn sự tồn tại của vương quốc Thái nữa. Kể từ giờ vương triều Thái cho rằng họ phải chiến đấu cương quyết hơn, bằng tất cả sức mình, chứ không phải chiến đấu cầm chừng như trước nữa. Trước mắt thì Mạc Thiên Tứ quả là cái gai đâm cạnh sườn, cần phải nhổ đi trước đã. Tiêm la xuất toàn lực ra đánh họ Mạc ở Hà tiên. Mạc Thiên Tứ quân ít, và có một lần viện quân Việt xuất binh từ Sàigòn gặp trục trặc nên tới trễ: Mạc Thiên Tứ thất trận, cơ nghiệp một góc sơn hà của hai đời họ Mạc bị san thành bình địa, con cháu bị bắt và giết rất nhiều. Thậm chí về sau này, dù quân Việt có thành công trong việc lấy lại miền Hà tiên trao lại cho Thiên Tứ thì giòng họ này cũng không còn con trai nối nghiệp. Khi Thiên Tứ chết, là hết.

II.

Hạ bán thế kỷ 18 là thời kỳ đại nội chiến trong lịch sử Việt Nam: với cuộc khởi nghĩa Tây sơn đất nước bây giờ chia ba. Mới đầu thế lực yếu, phe Tây sơn xin hòa với vương triều Trịnh để hai bên hai mặt cùng đánh: vương triều Nguyễn đại bại, gần như cả giòng họ bị Tây sơn tiêu diệt. Chỉ còn có Nguyễn Ánh là con của chi thứ là còn sống sót nhờ sự giúp đỡ của các nhà truyền giáo Tây phương -- vương triều Nguyễn trong những năm cuối cùng đã ban hành sắc lệnh tự do tín ngưỡng, đạo Thiên Chúa được tự do truyền bá nên các nhà truyền giáo nhớ ơn mà đền đáp, và hơn nữa họ hy vọng nếu phò Nguyễn Ánh khôi phục được ngôi chúa của nhà Nguyễn, chính sách tự do tín ngưỡng sẽ được duy trì. Nhưng gì thì gì, khi Việt nam đại nội chiến như vậy, vương triều Thái lợi dụng ngay cơ hội để củng cố ngai vàng cho một ông vua Nặc thân mình, và chuẩn bị binh mã để nhân danh Chân lạp lấy lại miền Nam kỳ lục tỉnh.

Vương triều Nguyễn trước đây trong thời gian rất dài đã áp dụng một chính sách tối ưu cho dân chúng miền đất với Nam Việt, không phân biệt chủng tộc gốc tích. Ai cũng có một cơ hội để làm lại cuộc đời kể từ đầu nơi miền đất này, Việt Hoa cũng như Mên -- riêng với người Mên, vương triều Nguyễn đã áp dụng chính sách tốt như phong trào Phục Quốc Do Thái đã làm ở Palestine đầu thế kỷ 20: người Việt không chiếm đất của các làng Mên, phải tôn trọng các chùa Mên và ngôn ngữ cũng như phong tục tập quán của dân tộc này. Các di dân Việt túa ra khai thác các miền đồng hoang mầu mỡ và cứ thế len lỏi đi khắp nơi, tạo thành một dải dân Việt bao quanh các làng xã thuần Mên. Hơn nữa, cũng như miền Viễn Tây của Hoa Kỳ trước đây, dân khai hoang đâu có nhiều phụ nữ, do đó họ túa đi tán và lấy gái Mên làm vợ, tạo ra một sự đồng hóa từ từ. Nhưng xét chung, nhờ chính sách như thế, vương triều Nguyễn khá được lòng dân Miên địa phương đến độ có một lần thất trận thê thảm trước Tây sơn, Nguyễn Ánh đã cấp tốc chiêu mộ được một đạo quân Mên đông tới vài ngàn để tiếp tục cuộc chiến.

Trong khi đó vương triều Tây Sơn, sau khi thành công, đã dần dần mất đi tính cách nông dân khởi nghĩa, tính cách mạng của mình. Thời kỳ mà Tây-sơn làm cử chỉ đẹp như Trần Trọng Kim đã ghi là "Thường hay lấy của nhà giầu cho nhà nghèo, cho nên những kẻ nghèo khó theo phục rất nhiều" (sđd trang 102) đã qua rồi. Hơn nữa trong ba anh em, người duy nhất có tinh thần tiến bộ là Nguyễn Huệ, thì do tài cầm quân cao, luôn luôn ở cạnh Nguyễn Nhạc để trấn giữ phần phía Bắc. Phần đất mới Nam Việt được trao ngay từ đầu cho Nguyễn LỮ, con người tầm thường và bảo thủ nhất. Nguyễn Lữ và các phụ tá đã không ban hành được một chính sách nào khá hơn các chính sách của vương triều Nguyễn trước đây, đã thế lại còn thu mua thóc lúa, chèn ép nông dân để lấy lương thực nuôi đạo quân chính quy của Tây sơn, lúc nào cũng rất đông quân số đồn trú tại miền Trung từ xưa lúc nào cũng nghèo lương thực. Những người dân Nam Việt, từ điền chủ tới nông dân nghèo, ai cũng có dịp đối chiếu hai chính sách cũ và mới của hai vương triều, và họ thấy ngay chính sách tốt hơn cho họ vẫn là chính sách của vương triều Nguyễn. Bởi thế, tự họ nổi dậy chống lại Nguyễn Lữ của Tây sơn. Chính những lãnh tụ địa phương ấy, sau khi thành công, mới mời Nguyễn Ánh trở về. Những người ấy khá nhiều, nổi danh trong sử là Đỗ Thành Nhân, Võ Tánh, Châu Văn Tiếp...

Trong lịch sử, với sự trợ giúp của Đỗ Thành Nhân, Nguyễn Ánh lần đầu tiên thành công trong việc làm chủ phần đất Nam Việt. Vì là con trai thứ và lúc đó còn quá trẻ (17 tuổi), Nguyễn Ánh chưa dám xưng vương, chỉ nhận mình là ĐẠI NGUYÊN SOÁI kiêm NHIẾP QUỐC CHÍNH mà thôi, nói theo ngôn từ bây giờ là Tổng Tư Lệnh Quân Lực và Thủ Tướng tạm thời. Nhưng xưng gì thì xưng, và mặc dù vương triều Tây sơn đang vững mạnh phía trên núi Chứa chan, Nguyễn Ánh phải giải quyết ngay vấn đề Chân lạp. Lý do giản dị: do cấu tạo địa lý, giữa Nam Việt và Chân lạp không có biên giới thiên nhiên nào cả. Không có một dãy núi nào chắn ngang, đã thế các nhánh của sông Cửu long lại chảy xuôi giòng qua Nam Việt ra biển. Một đạo quân xuất phát từ Nam Vang, dù dùng đường thủy hay đường bộ đều có thể đánh xuống Sài gòn trong một thời gian quá ngắn đến độ phía Việt Nam không còn đủ thời giờ tập trung quân lực chống đỡ. Vậy sự an ninh sống còn của Nam Việt bao giờ cũng đòi hỏi một chính quyền Cao mên thân mình. Đây là một ám ảnh và cũng là một nhu cầu thật sự cho bất cứ ai cầm quyền tại Nam Việt, dù là Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ, Việt Nam đệ I hay đệ II Cộng hòa, cả Chính phủ Cộng hòa Lâm thời miền Nam Việt Nam hay Cộng hòa XHCNVN của Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh...

Bởi thế sử của Trần Trọng Kim đã ghi:

Từ khi khôi phục được đất Gia Định rồi, Nguyễn Phúc Ánh sai sứ sang thông với nước Tiêm la, và lại sai Đỗ Thành Nhân, Hồ Văn Lân đem binh đi đánh Chân lạp, lập con Nặc Tôn là Nặc In lên làm vua, để Hồ Văn Lân ở lại BẢO HỘ (sđd trg 108)

Dĩ nhiên vương triều Tiêm la đâu có chịu. Họ xuất quân ngay để đưa một ông họ Nặc thân họ lên ngai vàng Chân lạp. Nhưng lúc bấy giờ xẩy ra một chính biến tại Thái lan, một chính biến ảnh hưởng nhiều tới bang giao hai nước Thái Việt cho tới khi Nguyễn Ánh chết mới hết. Đó là chính biến tại Bangkok: Nhân dịp quân đội Tiêm la mới đại bại trước một chiến dịch chớp nhoáng của Miến điện, phe người Thái gốc Hoa nhào ra cướp chính quyền, đưa Trịnh Quốc Anh, một người Hoa tỉnh Triều châu lên làm vua Tiêm la. Chính cái ông Trịnh Quốc Anh này đã ra lệnh xuất quân sang Chân lạp năm 1781. Đạo quân này được trao cho hai tướng lãnh anh em ruột có tên theo sử Việt là Chất tri và Sô si chỉ huy. Nguyễn Ánh lập tức cho Nguyễn Văn Thoại mang thêm quân sang hợp sức với QUAN BẢO HỘ Hồ Văn Lân để bảo vệ cái ông Nặc thân Việt. Hai bên đang dàn quân tại Chân lạp thì phía quân Thái có rối loạn: Trịnh Quốc Anh sợ hai tướng Thái thuần chủng này sau khi thắng trận, sẽ làm đảo chánh nên ra lệnh bắt giam tất cả vợ con của hai tướng này làm con tin. Hai vị Chất tri và Sô si bèn đánh lá bài liều khá sáng suốt: điều đình với Nguyễn Văn Thoại là đừng đánh nhau, để hai tướng có thể rút quân nguyên vẹn và cấp tốc trở về Bangkok làm đảo chánh. Nguyễn Văn Thoại chịu: hai bên cử hành lễ BẺ TÊN, giao ước một hiệp ước an ninh hỗ tương, cam kết sẽ tương trợ nhau sau này khi hoạn nạn. Hai tướng Thái rút quân cấp tốc, đánh úp Bangkok, diệt Trịnh Quốc Anh, lên làm vua lập ra triều đại mới cho vương quốc Thái Lan. Chính giòng họ này đã làm vua liên tục trên đất Thái cho tới hiện nay với danh hiệu chung là Rama.

Vào thời đó của Á đông, tinh thần nghĩa hiệp rất là cao, ở Nhật bản, ở Trung hoa cũng như ở Đông Nam Á. Các tướng lãnh tị nạn chính trị như nhóm Dương Ngạn Địch hay hai cha con Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ đều trung thành với vương triều Nguyễn đã đối xử tốt với mình. Bởi thế các Rama đầu tiên của vương triều Thái lan của hai tướng lãnh Chất tri và Sô si cũng đã giữ đúng lời thề trong lễ bẻ tên. Ngày nào còn Nguyễn Ánh, Thái lan sẽ giúp Nguyễn Ánh, không xâm phạm tới Việt Nam của Nguyễn Ánh.

Phải đợi tới thế hệ sau là Minh mạng, lời thề đó mới hết hiệu lực và mới có binh đao giữa vương triều Thái lan và triều đại hậu duệ của Nguyễn Ánh.

Chính vì có giao ước bẻ tên này mà Nguyễn Ánh sau đó, khi thất trận thảm thê trước đại quân của hai anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ, mới dám chạy sang Bangkok xin tị nạn chính trị. Điểm đáng ghi thêm là sau khi đánh bại Nguyễn Ánh rồi, Nguyễn Huệ cử ngay một đạo quân khác sang Nam vang đồn trú thường trực để bảo vệ một ông Nặc thân mình. Vị tướng chỉ huy đạo quân này cũng được Tây sơn phong cho chức quan BẢO HỘ y hệt Hồ Văn Lân của Nguyễn Ánh trước đây. Như vậy chính sách của người Việt đối với vấn đề Cao mên không thay đổi.

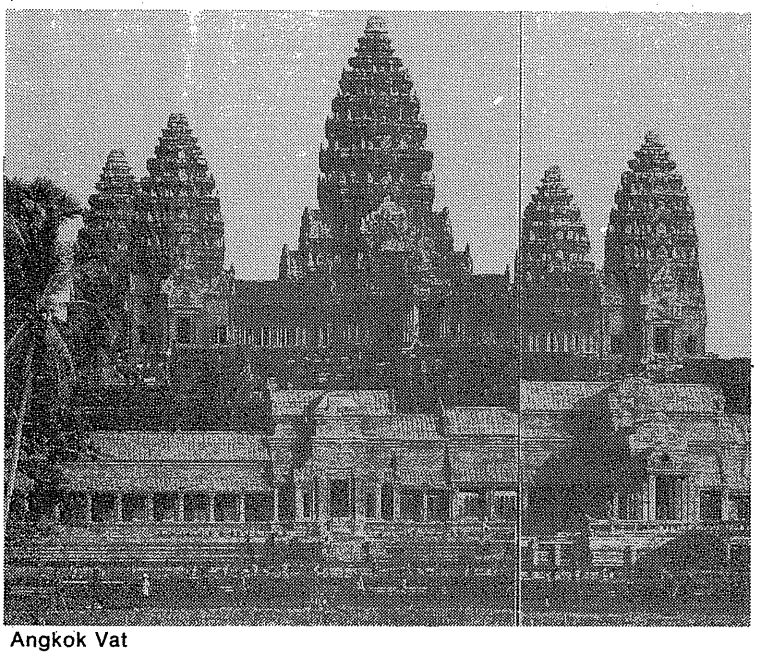

Angkok Vat

Và về phía Thái lan cũng thế. Nay đã có sẵn Nguyễn Ánh và một số tướng tá thân cận đi theo, tại sao không mang quân sang đánh Tây sơn với chính nghĩa là phò Nguyễn Ánh trở về? Mặc dù chưa kiếm thấy cuốn sử nào ghi, nhưng có thể giả thiết lần xuất quân này, nếu mà thành công, thì chắc giá chót Nguyễn Ánh phải chịu cũng là phải để cho Chân lạp trở thành chư hầu của Thái lan như xưa. Dĩ nhiên với một ông họ Nặc thân Thái làm vua. Nhưng đáng tiếc đạo quân Tiêm la hùng mạnh hơn hai vạn người và 300 chiến thuyền, khi tiến vào lãnh thổ Nam Việt, đã thiếu kỷ luật đến độ cướp bóc của dân, cưỡng hiếp gái Việt tơi bời -- chẳng phải đợi hậu duệ là các hải tặc hiện nay, các nam nhi xứ Thái lan mới biết làm những chuyện đó. Hậu quả đương nhiên là dù có mặt Nguyễn Ánh trong đạo quân này, dân Nam Việt cũng không thể hợp tác, đón chào. Bởi thế khi Nguyễn Huệ tiến vào, chỉ cần đánh một trận duy nhất ở Rạch Gầm và Xoài mút (khoảng sông rạch trên Mỹ tho) là đại thắng. Quân Thái đại bại đến độ chỉ sống sót vài ngàn người chạy bộ băng qua Chân lạp về nước.

Mặc dù có thắng trận này, nhưng sức mạnh của vương triều Tây Sơn, do sự chia rẽ nội bộ (hai anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ bất hòa nặng, nguyên do có lẽ tại Nguyễn Nhạc không chịu chia cho Nguyễn Huệ một chút nào kho tàng lấy được của vương triều Trịnh ngoài Bắc), bắt đầu suy giảm. Hậu quả đầu tiên là Võ Tánh đã thành công trong việc phất cờ khởi nghĩa ở Mười Tám thôn Vườn Trầu (Gia Định), hùng cứ miền Gò Công, quân đông vài chục ngàn, chia đôi ảnh hưởng với Tây Sơn tại Nam Việt. Nguyễn Ánh cùng các phụ tá lúc đó đang bị quản chế tại Bangkok, phải dùng kế ban đêm lẻn xuống thuyền mà về Nam Việt. Về tới nơi, dù dọc đường có thu nạp được đám thảo khấu hà Hỉ Văn của Phú Quốc, quân dưới trướng của Nguyễn Ánh cũng chưa được tới 5,000 người. Nhưng dù ít thì ít, Nam Việt cũng đã chia ba thiên hạ: Tây Sơn, Võ Tánh và Nguyễn Ánh. Sau một thời gian suy nghĩ, Võ Tánh chấm dứt chủ trương độc lập một phương, mang quân về hợp tác với Nguyễn Ánh. Nguyễn Ánh mừng đến nỗi gả luôn cô em gái cưng cho Võ Tánh để đền ơn tri ngộ. Để làm quà dẫn cưới cho bên vợ, Võ Tánh xuất quân đánh bật Tây Sơn ra khỏi Sàigòn và Nam Việt. Tới đây, mặc dù đã có địa bàn vững chắc trở lại, nhưng Tây Sơn Nguyễn Huệ đang trở thành quá mạnh, Nguyễn Ánh đã đành im lặng không phản ứng khi Thái Lan lợi dụng hoàn cảnh này, mang quân sang tái lập nền bảo hộ tại Chân Lạp, dĩ nhiên với một ông Nặc thân Thái.

Nguyễn Ánh im lặng là có lý do chính đáng, thế yếu đâu thể hai mặt cùng cự địch được. Nhưng Nguyễn Huệ, lúc đó đang lên tới đỉnh cao của tài năng mình, trở thành Quang Trung rồi, đâu có chấp nhận như vậy. Nguyễn Huệ cho chuẩn bị quân đội kỹ càng để mở một chiến dịch lớn tiến về phía Nam. Quân chia ba đạo: đạo thứ 1 đi đường bộ cứ thế đánh vào nam, tiến được tới đâu thì tiến để cầm chân chủ lực Nguyễn Ánh. Đạo thứ 2 là thủy quân đi bọc vòng đường biển. Đạo thứ ba mới là mũi dùi chủ lực, do chính Nguyễn Huệ chỉ huy sẽ băng đèo Lao Bảo, xuyên Lào, vượt sông Cửu Long đánh dọc xuống tân kinh

đô Bangkok. Kế hoạch này của Nguyễn Huệ nhằm mục đích một phát tên hai con chim: dứt điểm luôn cả vương triều Thái Lan lẫn tân vương triều Nguyễn của Nguyễn Ánh. Đáng tiếc là chưa kịp phát động chiến dịch lớn ấy, Nguyễn Huệ đã chết vì bịnh -- có thể nói đó là lần duy nhất trong lịch sử, người Việt có ý định mang quân đánh thẳng vào đất Thái Lan. Trước đó, và ngay cả sau này, quân Việt và quân Thái đánh nhau thiếu gì trận lớn nhỏ, nhưng toàn đánh nhau trên đất Việt Nam, đất Lào và nhất là trên đất Chân Lạp.

Sau khi Nguyễn Ánh thành công trong việc thu nhập tất cả đất nước Việt Nam từ Lạng Sơn đến Cà Mau thành một mối, lên làm Hoàng đế Gia Long thì bài toán Chân Lạp lại được giải theo lối cũ. Trước sức mạnh của quốc gia lân bang bây giờ mang tên gọi chính thức là Việt Nam, vua Chân Lạp Nặc Ông Chân xin thần phục tân vương triều Nguyễn. Lập tức Thái Lan xui ba ông em đòi Nặc Ông Chân phải chia đất, không thì sẽ biết tay quân đội Thái Lan. Nặc Ông Chân phải chạy sang cầu cứu Gia Long. Lời thề bẻ tên ngày nào vẫn còn hiệu lực, và so sánh lực lượng đôi bên thì Việt Nam quá mạnh, vương triều Thái Lan đành chấp nhận để Nặc Ông Chân thân Việt trở về với đạo quân hộ tống 10,000 người do danh tướng Lê Văn Duyệt chỉ huy. Lê Văn Duyệt cùng quân sĩ xây thành đắp lũy cho Nam Vang có đủ sức tự vệ chống lại quân Thái Lan, nhưng không quên trước khi rút về cũng để lại một đạo quân tinh nhuệ 1,000 người dưới quyền chỉ huy của một quan bảo hộ mới -- và điểm này thì quả lịch sử chưa thấy gì thay đổi sau biết bao lần bể dâu và binh đao.

III.

Lê Văn Duyệt là thế hệ di dân đời thứ hai, thuộc một gia đình có thể goi là ba đời bần cố nông, lớn lên hoàn toàn ở Nam Việt nên hiểu rõ hơn ai hết mối đe dọa của Thái Lan đối với Chân Lạp cũng như Nam Việt. Bởi thế ngày nào còn nắm quyền tổng trấn và binh quyền, bao giờ ông cũng chuẩn bị quân đội trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Vương triều Thái Lan nể Lê Văn Duyệt, thọc mũi dùi về phía Bắc, đánh qua Lào, nhằm giành quyền bảo hộ phần đất phía đông sông Cửu Long, phần đất từ biết bao năm vẫn được coi thuộc vùng ảnh hưởng của Việt Nam. Vùng này quá gần khu đông nhân lực của Việt Nam, nên mặc dù có núi ngăn cách và đường xá khó đi, quân Việt do Minh Mạng điều đi vẫn chiến thắng dễ dàng, đẩy lui quân Thái Lan qua bên kia sông Cửu Long như cũ.

Đến năm 1833, Lê Văn Duyệt đã chết. Lại thấy có phe Lê Văn Khôi nổi dậy chống lại Minh Mạng cố cắt Nam Việt ra khỏi chính quyền trung ương, vương triều Thái Lan quyết định đánh một canh bạc xả láng. Họ tung tới năm đạo quân: đạo thứ 1, 2, và 3 đánh vào Lào, Nghệ An và Quảng Trị. Đạo thứ 4 là mũi dùi xung kích chính, đánh thẳng tới Nam Vang rồi thọc sâu vào Châu Đốc và An Giang với sự trợ lực của đạo thứ năm đánh chiếm Hà Tiên. Triều đình nhà Nguyễn phải động viên toàn lực ra chống đỡ. Và cũng như trước đây, ba mũi dùi phía trên của Thái Lan bị bẻ gãy dễ dàng, quân Thái phải rút lui cấp tốc qua bên kia sông Cửu Long.

Trận đánh quan trọng nhất dĩ nhiên phải xảy ra ở Nam Việt và Chân Lạp, vì miền này mới thực sự là mục tiêu chính của Thái Lan. Phía Việt, quân đội do Trương Minh Giảng chỉ huy với sự phụ tá là Nguyễn Xuân, với sự giúp đỡ của dân chúng, kể cả dân Chân Lạp (đối với người Việt, dứt khoát quân Thái là kẻ xâm lăng, và đối với dân Chân Lạp, họ đã nếm mùi tàn bạo và hiếp gái của quân Thái rồi) đã chiến thắng dễ dàng. Chỉ trong vòng có một tháng, Trương Minh Giảng đã đánh tan quân Thái ở Hà Tiên và Châu Đốc và tiếp tục truy kích trong bốn tháng nữa là đã đẩy lui quân Thái Lan về nước, tái lập nền bảo hộ của Việt Nam tại Chân Lạp. Nhưng đại quân chưa kịp kéo về Nam Việt thì ông vua Nặc thân Việt mất không để lại con trai.

Trương Minh Giảng và đa số tướng lãnh Việt Nam đã mệt mỏi quá với cuộc chiến lằng nhằng cả thế kỷ ở Chân Lạp rồi. Họ liền đề nghị với Minh Mạng là lần này nên dứt điểm luôn quốc gia láng giềng này. Minh Mạng đồng ý. Trương Minh Giảng bèn đưa một người con gái của vua mới mất tên lê Angmey lên làm ... quận chúa, đại diện cho dân Miên về phương diện tôn giáo và sắc tộc địa phương. Còn nước Chân Lạp bị xóa thẳng cánh trên bản đồ, thay thế bằng tên mới là Trấn Tây Thành, gồm 2 phủ và huyện tương tự như ở Việt Nam.

Người Việt Nam nào đã học sử đều biết nước Việt Nam có lãnh thổ rộng nhất là dưới thời Minh Mạng. Nhưng ít ai để ý đến điểm Minh Mạng lúc đầu không hề có ý định bành trướng lãnh thổ, ông là người chỉ phản ứng trước sự tấn công quyết liệt của Thái Lan. Cái gì đã xảy ra sau đó chỉ là hậu quả của sự thừa thắng xông lên mà thôi. Nhưng dù gì thì gì, lần nay, đem xóa tên Chân Lạp trên bản đồ thế giới như thế dứt khoát là xâm lăng rồi. Mất chính nghĩa thấy rõ. Bởi thế ngay cả những quan lại và dân chúng Chân Lạp vẫn thân Việt trước đây cũng phải đứng ra phản đối. Các phong trào phục quốc xảy ra khắp nơi -- với sự trợ giúp tất nhiên của Thái Lan. Thậm chí đến cả cộng đồng Mên quốc tịch Việt từ bao năm vẫn chung sống hòa bình với dân Việt ở Nam Việt, cũng nổi dậy dưới sự lãnh đạo của tu sĩ Phật giáo gốc Mên tại Trà Vinh.

Trước tình hình ấy, Minh Mạng đồng ý để Trương Minh Giảng trao trả ngôi vua Chân lạp lại cho một ông họ Nặc, chấm dứt chế độ trực trị, thu quân về Nam Việt. Nhưng chưa bao lâu thì quân Thái Lan lại ào sang chiếm Chân lạp rồi đánh thẳng vào Nam Việt. Phía Việt Nam lại phải xuất quân chủ lực lần nữa với đủ mặt danh tướng thời đó: Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Trứ, Doãn Uẩn. Và dĩ nhiên chiến thắng quân Thái không mấy khó khăn. Nhưng rút kinh nghiệm lần trước, cộng thêm với sự hiện diện của hải quân gây chiến của Pháp ngoài duyên hải, triều đình Việt Nam lúc đó với vua Thiệu trị đã quyết định theo chính sách cũ là đặt một ông Nặc thân mình lên làm vua Chân lạp như cũ. Còn đại quân kéo trở về Nam Việt.

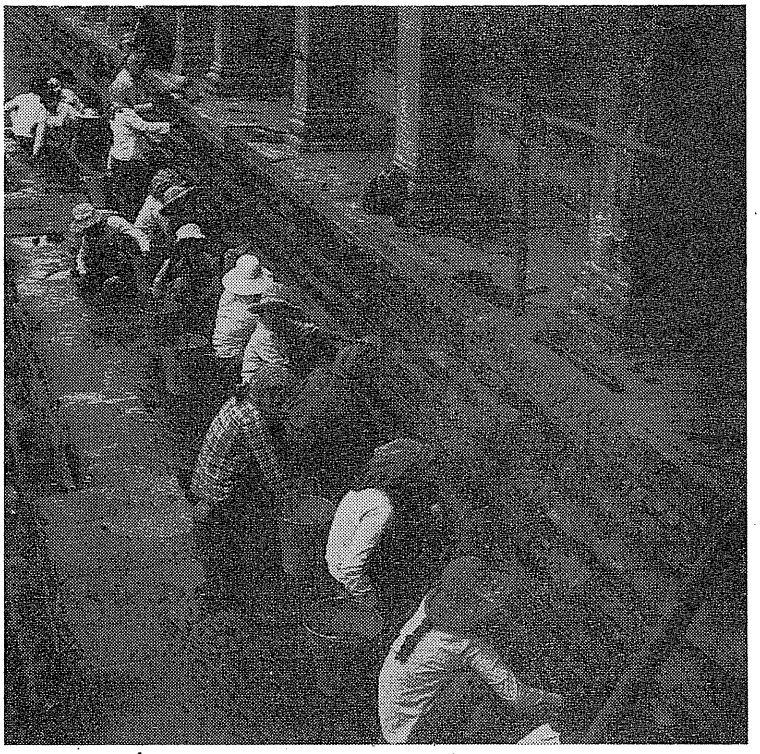

Dãn Căm Bốt đang lau chùi bên ngoài Angkok Vat

Sau hai lần xuất đại quân đều đại bại khá gần nhau như thế, vương triều Thái Lan đành chấp nhận án binh bất động để chờ thời. Và thời cơ ấy đến cũng khá nhanh. Năm 1859 ông vua Chân lạp mang họ Nặc chết, con trưởng và con thứ tranh chấp nhau ngôi vua, và cũng vẫn theo chính sách cũ, vương triều Thái mang quân ủng hộ và đưa con trưởng Norodom lên làm vua, chấm dứt chế độ bảo hộ của Việt Nam. Vương triều Việt không thể phản ứng vì còn chống cuộc xâm lăng mỗi ngày một quyết liệt của Pháp.

Giám mục Miche người Pháp ở Nam Vang lúc đó liền cố vấn cho Norodom rằng vương triều Việt đang suy yếu vì chống Pháp nên bây giờ vương triều Thái có ý định xóa tên Chân lạp trên bản đồ thì cũng không còn ai bênh vực được nữa. Giải pháp tốt nhất là nên nhận nền bảo hộ của Pháp để chống lại Thái lan, giữ được ngai vàng cũng như vương quốc. Norodom đồng ý. Điều đó thật dễ hiểu. Điều đáng để ý là phía vương triều Thái Lan cũng không phản đối.

Lý do gì vương triều Thái lan cũng như Việt Nam đã chứng kiến cảnh hai cường quốc Âu châu là Anh và Pháp, nhờ cuộc cách mạng khoa học lần thứ nhất, đã trở thành hùng mạnh với các vũ khí tối tân, nhất là về hải quân. Các vua Việt cũng như Thái thời đó đã lo lắng trước cảnh biết bao nhiêu quốc gia độc lập của châu Phi, Trung Á, Đông Á đã không bị Anh thì Pháp đánh chiếm. Cả hai vương triều đều hiểu trước sau cũng đến lượt mình thôi. Nhưng trước cùng một nghịch cảnh, các nhà lãnh đạo hai nước đi đến những quyết định khác nhau. Phía Việt Nam, với Minh Mạng và Thiệu Trị thì bắt chước chính sách bế quan tỏa cảng của nhà Thanh bên Trung Hoa, quyết liệt chống tới cùng. Phía Thái Lan, những người lãnh đạo sáng suốt hơn, chọn cùng một đường lối như Nhật Bản, nghĩa là khai phóng môn hộ: các nước Âu Châu kia muốn gì? Cần thị trường: xin mời mang hàng đến mà bán. Cần nguyên liệu: xin cứ việc mang tiền và tàu tới mà mua. Cần phổ biến đạo Thiên Chúa: xin cứ việc đến mà truyền giáo thoải mái. Rồi vương triều Thái Lan khéo léo khai thác và lợi dụng sự đối nghịch giữa Anh và Pháp, giữa Anh Pháp và Hòa Lan, Tây Ban Nha, để duy trì nền độc lập của nước mình... Một nền độc lập cũng khá mỏng manh, trong hoàn cảnh lịch sử thời đó. Nay Pháp đã tấn công Việt Nam, nhòm ngó Chân Lạp, thì giải pháp hay nhất là nhường Pháp cho rồi. Việt Nam mạnh như thế, còn chẳng chống nổi, nữa là Thái Lan. Hơn nữa, nếu Pháp bảo hộ Chân lạp thì sức mạnh của Pháp còn là tấm mộc chắn tốt ngăn chặn sự bành trướng ảnh hưởng của Việt Nam.

Giám mục Miche liền thông báo tình hình như trên cho viên tư lệnh toàn quyền Pháp lúc đó đang đóng đô ở Sàigòn là thiếu tướng De La Grandière. Ông tướng này liền sai có một sĩ quan cấp úy là đại úy Doudart de Lagrée sang Nam vang thương thảo với Norodom

và đại diện Thái Lan. Và cả ba bên đạt tới một đồng ý rất nhanh. Năm 1864, Norodom chính thức xin chính quyền Pháp bảo hộ, đại diện Pháp hoan hỉ nhận lời, quân Thái Lan cũng im lặng rút quân về nước. Vương triều Việt Nam không có ý kiến, và cũng không thể cho ý kiến: Việt Nam đã mất ba tỉnh miền đông Nam Việt và đang sắp mất nốt toàn thể Nam Việt.

IV.

Sự kiện Pháp chiếm đóng toàn thể ba nước Đông Dương đã chấm dứt cuộc tranh chấp kéo dài hai thế kỷ giữa hai dân tộc Thái và Việt. Nhưng đó chỉ là một cuộc hưu chiến, dù cuộc hưu chiến này dài đúng 90 năm. Đến năm 1954, Việt Nam thâu hồi được độc lập, nhưng chia làm hai nước theo hai chế độ khác nhau. Và dĩ nhiên do vị trí địa lý của mình, chính quốc gia Việt phía Nam phải đứng ra giải bài toàn Chân lạp, bây giờ tên gọi thông dụng là Cao Mên.

Nhưng bây giờ Cao Mên cũng đã được Pháp trao trả độc lập, và lần này có được một người lãnh đạo có tài là Norodom Sihanouk. Nhưng người lãnh đạo của Việt Nam Cộng Hòa trong thời kỳ đầu sau 1954 có quá nhiều điều để làm, nên tôn trọng nền độc lập của Cao Mên. Nếu ông hoàng Sihanouk cũng chỉ lo việc nội bộ, sao cho dân Miên sớm đủ cơm no áo ấm thì chắc không xảy ra chuyện gì xích mích -- tổng thống Ngô Đình Diệm đã mời ông hoàng này sang chơi Sàigòn để kết lại tình hữu nghị hàng xóm láng giềng, và còn cẩn thận mời luôn cả ông Rama của vương quốc Thái Lan cùng hoàng hậu xinh đẹp Sirikit nữa. Nhưng ông Sihanouk không chấp nhận mất vĩnh viễn phần đất Nam Việt cho Việt Nam, hay ít ra thì Việt Nam cũng phải biết điều, giành cho Cao Mên vài bồi thường cụ thể. Thí dụ cho tầu bè Mên được tự do giao thông từ Nam Vang ra biển qua các cửa biển của Nam Việt, hoặc phải giành cho Cao Mên một phần đất Sàigòn làm cảng "tự do": hàng hóa xuất cũng như nhập nội đi qua cảng tự do này sẽ miễn hoàn toàn các sắc thuế... Việt Nam Cộng hòa không chấp nhận những đòi hỏi đó thì Cao Mên bèn trả đũa bằng cách bác luôn những dự án lớn cho Đông Dương, thí dụ như dự án làm xa lộ liên Âu Á tận cùng xuyên Nam Vang tới Sàigòn, hoặc dự án điều thủy trên giòng Cửu long. Hơn nữa còn hỗ trợ cho Fulro của người Thượng để tách cao nguyên miền Nam ra khỏi Việt Nam.

Nói giản dị, ông Sihanouk đã làm Cao Mên trở thành một ông hàng xóm khó chịu xấu tính. Và phản ứng của Việt Nam Cộng Hòa cũng rất là...truyền thống: thực hiện một cuộc đảo chánh ở Nam Vang để thay ông Sihanouk bằng một ông vua khác thân Việt Nam hơn. Đáng tiếc là cuộc đảo chánh thất bại. Nhưng dù vậy, vụ này đã gợi lại nỗi sợ hãi và căm thù hai trăm năm của các vương triều Chân lạp đối với Việt Nam. Nhưng khác với thời xưa, ông Sihanouk không tìm sự trợ giúp nơi vương quốc Thái Lan như các tiên vương đã làm. Ông chọn một giải pháp khác, hiện đại hơn là tuyên bố Cao Mên trung lập. Trung lập giữa hai khối Tự Do và Cộng Sản, và dĩ nhiên trung lập giữa Việt Nam Cộng Sản miền Bắc và Việt Nam Quốc Gia miền Nam, nhận sự viện trợ cũng như bang giao của cả Nga Mỹ-Trung Hoa Cộng sản cũng như Pháp và một vài nước khác nữa. Ông Sihanouk đã mở được hải cảng Kompong Thom ở vịnh Thái Lan, làm được xa lộ, mở được một số bịnh viện hiện đại bằng tiền và công sức của những quốc gia dị biệt khác nhau về thể chế chính trị này. Các nhà lãnh đạo của miền Nam Việt Nam theo dõi những điều đó một cách lãnh đạm, không có ý kiến cho đến khi Sihanouk tự mình vi phạm sự trung lập đã công bố bằng cách cho quân đội Cộng Sản Việt Nam miền Bắc vào được sử dụng miền biên cương sát biên giới Cao Mên làm mật khu, làm bàn đạp tấn công Việt Nam Cộng Hòa.

Tới đây thì phản ứng của các nhà lãnh đạo miền Nam Việt Nam không khác gì phản ứng cũng như chính sách của các vương triều Nguyễn trước 1864: một cuộc đảo chánh kèm sự yểm trợ của quân lực chính quy Việt Nam để đưa lên ngai vàng Cao Mên một ông vua mới thân với Việt Nam. Và lần này ông vua đó được hiện đại hóa cho hợp thời: thống chế Lon Nol, tổng thống. Nhưng những ông Lon Nol cũng không tồn tại được sau khi Việt Nam Cộng hòa tan rã năm 1975. Kể từ nay vấn đề Cao Mên được bàn giao không văn kiện lời nói nào cho Đảng Cộng Sản Việt Nam, tổ chức đã thống nhất được Việt Nam một cách trọn vẹn, như dưới thời Tự đức gần một thế kỷ trước đây.

Những người lãnh đạo mới của Cao Mên sau 30 tháng Tư, 1975 đã giống Sihanouk ở điểm không trông cậy ở sự trợ giúp của vương triều Thái Lan, nhưng lại khác ở điểm là không chịu trung lập. Nhưng dù chọn gì thì chọn, vấn đề của Cao Mên về chính trị vẫn là vậy: làm sao đứng vững giữa hai lân bang hùng mạnh hơn là Thái Lan và Việt Nam mà không phải lệ thuộc bất cứ bên nào. Muốn như vậy, phải dựa vào một thế lực bên ngoài nào khác. Hợp tác với Tây phương thì không thể nghĩ tới vì lý do chủ nghĩa Mác Lê-nin cộng chủ nghĩa Mao hiểu một cách thô sơ không cho phép. Chỉ còn lại Nga và Trung hoa của lục địa phương bắc. Và sau một vài năm chần chừ, sau khi thanh trừng dân mình đến mức độ giết cả triệu người, các nhà lãnh đạo Cao Mên đã chọn bạn

đồng minh mới là Trung Hoa Cộng Sản.

Đó là một chọn lựa lầm lẫn vì cả hai hàng xóm Thái và Việt đều rất kỵ Trung Hoa. Với Việt Nam, vấn đề nghiêm trọng hơn nhiều vì đã lâm tình trạng chiến tranh trường kỳ với Trung quốc. Và cũng như các triều đại xưa của Việt Nam, chính quyền Cộng Sản Việt Nam không thể chấp nhận một mũi dao sắc nhọn ngay cạnh sườn phía Nam của mình như vậy. Và tới đây chúng ta lại thấy một bổn cũ soạn lại của lịch sử: Đại quân Việt Nam vượt biên giới đánh sang Cao Mên, đưa một ông Nặc thân Việt lên nắm quyền -- lần này ông ta mang tên là Hem Somrin hay gì khác cũng không quan trọng, miễn là người Mên thân Việt. Xưa kia vương triều Chân Lạp thường có quân Tiêm La đánh giúp mà còn không thắng được, nữa là bây giờ chỉ có một mình, lại suy yếu rất nhiều do vụ đấu tranh giai cấp sai lầm, tự Mên giết của Mên hầu hết các chuyên viên kỹ thuật do Pháp và Tây Phương đào tạo trong biết bao năm.

Và lần này, vì chiến thắng quá dễ dàng, các nhà lãnh đạo của đảng CSVN đã phạm phải một lỗi lầm giống như Minh Mạng và Trương Minh Giảng trước đây là lưu lại đại quân trên đất Mên để trực trị. Sự kiện này mang lại chính nghĩa cho những người Mên yêu nước, dù họ là Cộng sản hay Quốc gia. Và cũng như các tiền nhân trong lịch sử, để chống lại cuộc xâm chiếm của đảng CSVN, họ lại dựa vào Thái Lan. Cuộc chiến vì thế cứ thế kéo dài. Những lãnh đạo thuộc phe bảo thủ Trường Chinh chủ trương giải quyết vấn đề một cách dứt khoát như có lần Nguyễn Huệ đã dự tính: đánh thẳng vào Bangkok, lật đổ chế độ hiện có, thay thế bằng một tầng lớp lãnh đạo khác, dù mang màu sắc của chủ nghĩa nào chăng nữa cũng phải chấp nhận thân thiện với Việt Nam hơn, và nhất là phải chấp nhận sự bảo hộ, sự bành trướng ảnh hưởng tối đa của Việt Nam đối với Lào cũng như Cao Mên. Nói cách khác là dân tộc Thái phải chấp nhận yên phận bên kia dòng sông Cửu Long. Để chuẩn bị dư luận cần thiết cho chiến dịch lớn này, các báo chí của Đảng CS đa tung ra những loạt bài tố cáo sự tàn bạo của hải tặc Thái Lan và nhấn mạnh là hiện đã có 2,000 cô gái Việt đã bị hải tặc bắt cóc đem bán cho các nhà điếm rải rác khắp nước Thái. Một tòa án công khai được tổ chức tại Sàigòn ngay Ngã Bảy trên con lộ rộng trước là bến xe để xử một số người "phản động" đã cầm vũ khí chống lại "chính quyền cách mạng" với sự tiếp tay của TÌNH BÁO LỤC QUÂN THÁI LAN. Nếu trước đây đảng CS đã cho tiến quân sang Cao Mên với chính nghĩa là cứu dân Cao Mên khỏi sự thảm sát diệt chủng của "bè lũ Pôn Pốt" thì bây giờ có kéo quân đánh thốc vào Thái Lan để giải thoát những cô gái Việt bị bắt cóc phải làm điếm kia, không phải là không có lý do chính đáng. Xưa kia ở Tây phương, mới chỉ có một cô Helène bị bắt cóc thôi là đã đủ gây ra chiến tranh dữ dội nhiều năm ở thành Troie, nữa là bây giờ có tới 2,000 cô. Nhất là về phương diện quân sự, quân lực của Thái Lan không phải là đối thủ ngang tài với quân lực Việt Nam. Thái Lan chỉ có khoảng 10 sư đoàn từ tướng tá đến lính đều không có một kinh nghiệm chiến trường, không thể cầm cự nổi với 40 sư đoàn của Việt Nam quen chiến đấu gian khổ từ mấy chục năm.

Nhưng trên thực tế, cuộc chiến tranh trực diện giữa hai nước đã không xảy ra -- tính cho tới lúc này -- vì phía Việt Nam có rối loạn nội bộ. Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, đảng CSVN đã mang chủ nghĩa Mác Lê-nin ra áp dụng trên toàn quốc. Chỉ không quá 10 năm, chủ nghĩa này đã tỏ ra hoàn toàn không thích hợp cho việc phát triển kinh tế của một quốc gia kém mở mang xuống hàng thấp vào bậc nhất nhì trên thế giới. Hậu quả là người dân Việt, ngay cả các cán bộ cũng như đảng viên, ngoài Bắc cũng như trong Nam đều mất tin tưởng ở Đảng CS cũng như chủ nghĩa Mác Lê-nin. Hàng ngũ lãnh đạo của Đảng đã bị bể, chia rẽ dứt khoát làm hai phe, phe bảo thủ giáo điều diều hâu của Trường Chinh và phe đổi mới của Nguyễn Văn Linh. Đến cuối năm 1986 phe Nguyễn Văn Linh đã thắng, nhưng mới chỉ thắng điểm, chưa hạ đo ván được phe bảo thủ Trường Chinh. Nhưng lịch sử sẽ quay hết những vòng tất yếu của nó: đảng CS Nga, đảng CS Trung Quốc còn phải thay đổi nữa là Đảng CSVN. Trong tương lai, chắc chắn những người lãnh đạo mới của Đảng CSVN phải đưa ra những đường lối mới, những chính sách mới cho tất cả, kể cả vấn đề Cao Mên.

Đối với phe đổi mới Nguyễn Văn Linh, chắc giải pháp trực trị Cao Mên sẽ được hủy bỏ. Nhất là Đảng CSVN đã có một yếu tố, một lá chủ bài mà Minh Mạng và Trương Minh Giảng xưa kia không có: Đó là sự hiện diện của cộng đồng di dân từ miền Bắc vào sau 1975 đã khai hoang lập nghiệp ở miền rừng hoang phía Bắc Cao Miên -- cộng đồng này tính tới cuối năm 1986 đã đông tới 700,000 người, chưa kể đến số người Việt của miền Nam cũ tự ý sang Nam vang và vùng phụ cận buôn bán làm ăn cũng như làm chuyên viên tối cần thiết thay thế cho thành phần này của Mên đã bị tàn sát tập thể bởi chính đảng CS Cao Mên trước đây trong vụ "The killing field". Cộng đồng di dân BẮC KỲ này -- bà con miền Nam hiện nay dùng từ Bắc Kỳ để chỉ những người miền Bắc vĩ tuyến 17 vào Nam sau 30 tháng Tư, 1975 -- đa số là quân nhân công

VẸM : ĐÂY, CÁI GÌ CỦA KAM-PU-CHIA TỚ TRẢ LẠI CHO "NHÂN RÂN" KAM-PU-CHIA !

chức được giải ngũ giải nhiệm nên có khả năng chiến đấu tự vệ, lại sống quá khổ ngoài Bắc nên được vào Nam lập nghiệp là quá mừng, không có mục đích bỏ trốn và cũng khó mà trốn được như dân miền Nam Việt cũ ở các vùng kinh tế mới.

Như vậy rất có thể đảng CSVN sẽ rút quân khỏi Cao Mên trong tương lai với điều kiện là những người lãnh đạo mới của xứ này, nếu không là một ông Nặc thân Việt thì giá chót cũng phải là một ông Sihanouk trung lập thực sự, hiểu theo nghĩa là không được dựa vào Thái Lan cũng như Trung Quốc. Và dĩ nhiên nếu giải pháp này được thực hiện thì chắc chắn đảng CSVN sẽ đòi hỏi nhà lãnh đạo mới của Cao Mên một điều kiện giống như chúa Hiền của vương triều Nguyễn đã đòi hỏi với vua Chân Lạp Nặc Ông Chân năm 1658 là "PHẢI BÊNH VỰC NGƯỜI VIỆT NAM SANG LÀM ĂN Ở BÊN ẤY" (Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược quyển II, trang 80).

Và nếu trong tương lai mọi sự diễn ra đại khái như vậy, thì quả thực các chính sách căn bản của các nhà lãnh đạo Việt Nam suốt ba thế kỷ nay chưa có thay đổi gì nhiều cho lắm. Trong địa hạt này, quả thực chưa có thấy gì là mới, dưới ánh sáng mặt trời của vùng Đông Nam Châu Á.

THẾ UYÊN

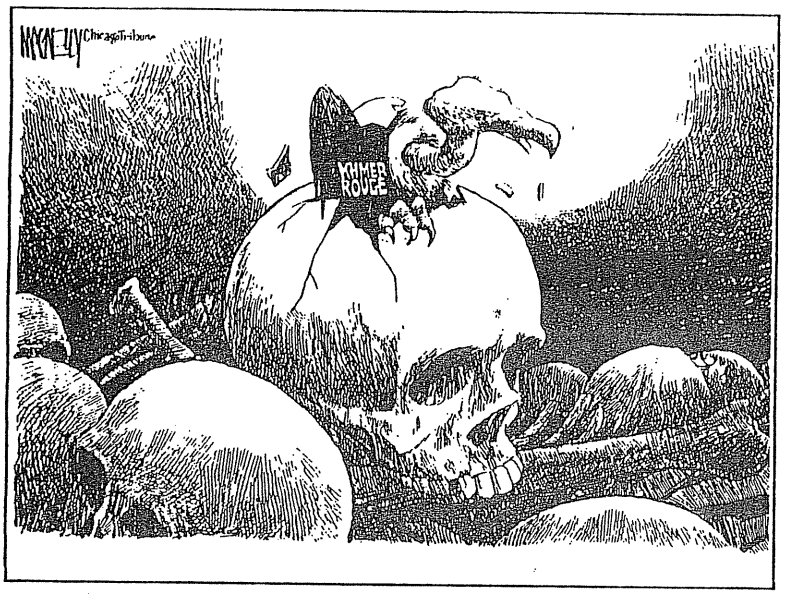

Hà Nội rút quân, vấn đề Cam Bốt vẫn lằng nhằng

LÊ TAM CA

Gần ba thập niên qua, Căm bốt quay cuồng trong bão tố của chiến tranh, lật đổ, ngoại xâm, kháng chiến, "tắm máu diệt chủng" -- mệt không nghỉ.

Cuối tháng 9-1989, đội quân ngoại nhập (Việt Nam Cộng Sản) biểu diễn màn rút hết quân về nước -- màn biểu diễn này không có khán giả. Không có đại diện các tổ chức quốc tế, hoặc đại diện các nước có dính líu tới vùng này và vụ này. Cụ thể là 18 nước có mặt trong Hội nghị Quốc tế về Căm bốt họp ở Paris mùa hè vừa qua, không đến Căm bốt chứng kiến và kiểm nhận sự rút quân. Nhiều nhà báo có mặt, nhưng tường thuật sơ sài, để lại nhiều dấu hỏi đằng sau và giữa những hàng chữ.

Nhiều người vẫn nghĩ rằng bài toán Căm bốt chỉ có một ẩn số: quân VNCS chiếm đóng. Đội quân này rút thì tìm ra trị giá của ẩn số, từ đó giải được bài toán. Nhưng thực tế, dường như bài toán có nhiều ẩn số, và những bộ óc lớn của các chính trị gia, các phân tích gia, cũng như của các máy siêu điện toán chưa giải được. Chỉ vì trong ẩn số đó hàm chứa những nghịch lý khổng lồ. Ẩn số đó là Khờ-me Đỏ. Những nghịch lý là quyền lợi riêng của các quốc gia với nền hòa bình, an lạc của dân tộc Căm bốt, là lý tưởng nhân đạo và quyền lợi thực tiễn.

Rõ ràng, từ hơn 10 năm nay, tập đoàn Khờ-me Đỏ bị cả thế giới ghét bỏ, ghê sợ, vì tập đoàn này đã ra tay tàn sát hàng triệu đồng bào của họ. Nhưng cũng rõ ràng Khờ-me Đỏ đã và đang còn là lực lượng quân sự mạnh nhất (trong bốn phe kháng chiến, thuộc một liên minh lỏng lẻo do Sihanouk cầm đầu). Lực lượng này được Trung Cộng công khai và tích cực hỗ trợ. Và mỉa mai nhất, lực lượng này là thực thể chính trị được Liên Hiệp Quốc công nhận (mỗi năm LHQ họp đại hội một lần, ghế của Căm bốt trong đại hội vẫn ở trong tay phe kháng chiến mà Khờ-me Đỏ là lực lượng nòng cốt).

Chẳng phải chỉ có ông Hoàng Sihanouk, mà cả thế giới, đang ở thế kẹt: tách rời Khờ-me Đỏ để giữ "chính nghĩa dân tộc, nhân bản," thì kháng chiến Căm bốt lập tức mất sự hỗ trợ của Trung Cộng, và có thêm kẻ thù đáng sợ: chính tập đoàn Khờ-me Đỏ.

Kissinger chẳng đã than thở là "đáng lẽ Mỹ phải quân viện cho Sihanouk từ lâu."

Mới đây, trước ngày Hội nghị Quốc tế về Căm bốt ở Paris khai mạc, Thượng viện Mỹ biểu quyết cho phép Hành pháp viện trợ chiến cụ cho các nhóm kháng chiến quốc gia Căm bốt, để giúp các nhóm này có thực lực quân sự -- từ đó có sức nặng chính trị.

Nghị sĩ Frank Murkowski (CH, Alaska), đưa ra đề nghị (trong một bài ý kiến đăng trên tờ *Los Angeles Times)* "làm đám cưới kết hợp Hun Sen và Sihanouk," để đưa vấn đề Căm bốt ra khỏi ngõ bí.

Hun Sen vốn chỉ là "cậu học trò nhỏ" trong lớp học cộng sản Việt Nam, được ông thầy cho đóng vai "vua giả" trong vở tuồng "Căm bốt hóa" cuộc bành trướng của cộng sản Việt ở bán đảo Đông Dương, nay được "nâng cấp" lên ngang với "vua thật" Sihanouk, e rằng Sihanouk không chịu diễn tuồng này.

Một giáo sư người Căm bốt, hiện sống ở Mỹ, lại cho rằng "không thể nào không cho Khờ-me Đỏ một miếng bánh trong cuộc chia phần cái bánh quyền lực ở Căm bốt."

Khờ-me Đỏ đúng là cái *gân gà* của tất cả các phe đang đi tìm một giải pháp cho vấn đề Căm bốt. (LTC)

Cựu Trtướng Trần Văn Đôn
trả lời phỏng vấn
của Thế Kỷ 21
về biến cố
ngày 1 tháng Mười Một, 1963

ĐẢO CHÁNH VÀ THAY ĐỔI ĐẤT NƯỚC

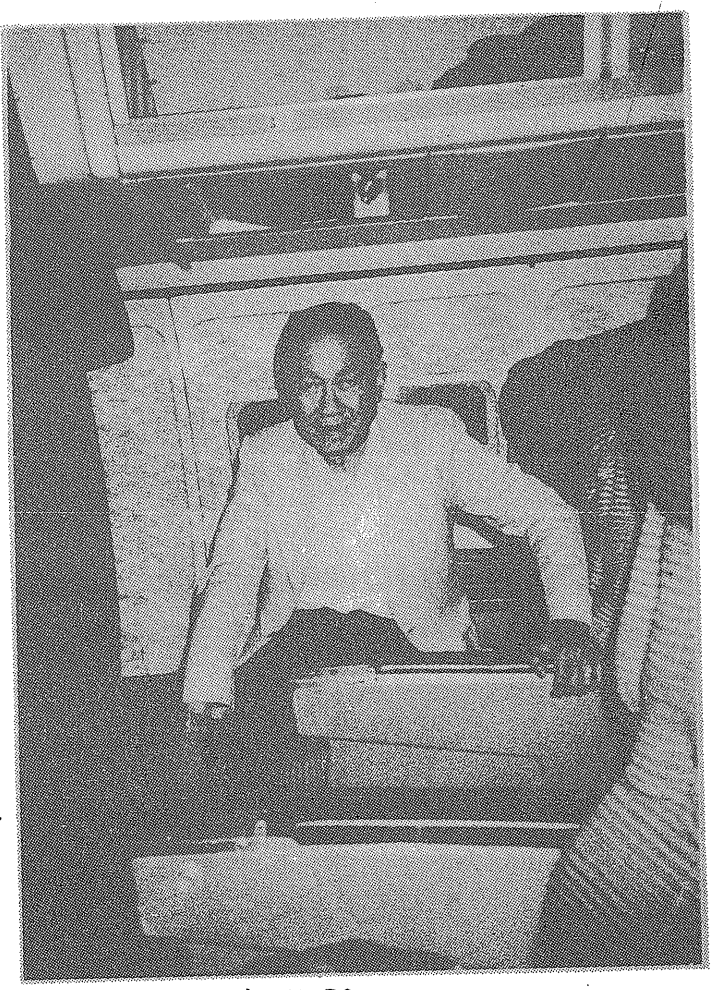

Cựu Trung Tướng Trần Văn Đôn

LTS: Suốt nhiều thập niên chiến tranh ở xứ sở Việt Nam (liệu đã chấm dứt hẳn?), ông Trần Văn Đôn là một nhân vật quân sự liên tục từ thời 1945 đến 1975 và có dấu hiệu còn kéo dài đến thập niên 90 nếu căn cứ vào vị trí, bản chất và tình hình hoạt động của ông hiện nay.

Kinh nghiệm, nhận xét và ý hướng của ông Đôn -- gần đây một phần bày tỏ qua cuốn Hồi ký do nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành -- là chất liệu đáng chú ý cho cuộc tìm hiểu một số diễn tiến biến cố ở Việt Nam hiện đại. Xin mời bạn đọc Thế Kỷ Hăm Mốt theo dõi cuộc phỏng vấn cựu trung tướng Trần Văn Đôn về diễn tiến quanh vụ 1 tháng Mười Một 1963 do Nguyễn Văn Khanh thực hiện.

TK21

THẾ KỶ 21: Một trong những lý do chính đưa đến việc đảo chính ông Diệm vì hai ông Diệm và Nhu liên lạc với Cộng Sản. Xin Trung Tướng cho biết rõ hơn về vấn đề này.

TRẦN VĂN ĐÔN: Chuyện ông Diệm ông Nhu liên lạc với Cộng Sản, tôi được biết năm 1963 do chính ông Nhu kể lại. Nhưng đó không phải là lý do thúc đẩy chúng tôi làm cuộc đảo chính. Từ sau cuộc đảo chánh năm 1960 của Tướng Thi và anh em Nhảy Dù, chúng tôi thấy rõ đã đến lúc ông Diệm cần phải thay đổi đường lối lãnh đạo, cũng như ý thức được tại sao một phần của quân đội đang muốn đứng dậy lật đổ chế độ của ông Diệm.

Lúc đó (1960) tôi đang là tư lệnh quân đoàn I, thỉnh thoảng hai ông Dương Văn Minh và ông Lê Văn Kim ra thanh tra, mấy anh em chúng tôi có dịp nói chuyện với nhau về chính sách của ông Diệm. Cả ba chúng tôi đều đồng ý ông Diệm đã không thực hiện những gì ông cam kết với đồng bào khi về nước chấp chánh, lại còn đưa các đảng viên Cần Lao thân tín vào chỉ huy quân đội. Sau đó, chúng tôi đã lên tiếng nhiều lần lưu ý ông Diệm và cả ông Nhu về vấn đề lãnh đạo quốc gia và điều khiển quân đội, nhưng không được đáp ứng. Lúc đó, chúng tôi mới quyết định đã đến lúc phải lật đổ chế độ của ông Diệm.

Trở lại vấn đề, không phải mấy ông đó liên lạc với cộng sản mà cuộc đảo chính xảy ra. Chúng tôi nghĩ rằng với tư cách của một nhà lãnh đạo, nếu thấy cần thiết phải liên lạc với kẻ thù để tìm một giải pháp hòa bình thì hai ông Diệm, ông Nhu cứ làm, miễn là đừng có "đi đêm" để làm lợi cho chính họ.

TK21: Trước khi cuộc đảo chính xảy ra, có khi nào Trung Tướng hoặc các tướng lãnh khác nghĩ chuyện nên giữ ông Diệm ở lại và ông Nhu phải ra đi không?

TVĐ: Chúng tôi nghĩ rằng ông Diệm là nguyên thủ quốc gia, ông có trách nhiệm phải thay đổi đường lối lãnh đạo, phương thức làm việc. Chúng tôi không hề đặt vấn đề ông Nhu phải ra đi hoặc ông Diệm ra đi, vì cho dù ông Nhu là người làm việc mật thiết với ông Diệm, ông Diệm vẫn là người có quyết định tối hậu trong tất cả mọi vấn đề. Đó là trách nhiệm của một vị tổng thống.

Còn chuyện bảo ông Nhu phải ra đi, chúng tôi đâu có quyền hạn gì để làm công việc đó. Chính ông Diệm là người nắm quyền, nếu ông Diệm thấy ông Nhu nắm nhiều quyền hành quá thì cũng chính ông Diệm là người phải bảo ông Nhu ra đi, chứ chúng tôi không hề xen vào vấn đề này.

TK21: Nhìn lại cuộc cách mạng 1 tháng Mười Một năm 1963, Trung Tướng nghĩ thế nào, nghĩ gì về cuộc cách mạng đó?

TVĐ: Nếu nói về cách mạng, tôi nghĩ có hai giai đoạn: đảo chính, củng cố hàng ngủ để đưa đến những thay đổi tốt đẹp hơn cho đất nước. Chúng tôi chỉ thực hiện được giai đoạn đầu (đảo chánh) nhưng không có cơ hội để thực hiện giai đoạn thứ hai là giai đoạn thay đổi. Chúng tôi bị áp lực...

TK21: Áp lực của ai? Từ đâu đến?

TVĐ: Chúng tôi bị áp lực của mấy anh em tướng lãnh, của Hoa Kỳ, rồi tới những mưu mô của Hoa Kỳ. Tôi phải nhìn nhận là chúng tôi đã thất bại vì những áp lực và mưu mô này. Không phải vì chúng tôi không làm, mà vì không làm được, không có cơ hội và thời gian để làm những gì chúng tôi muốn thực hiện. Chỉ trong vòng ba tháng trời sau ngày đảo chính thành công, chúng tôi phải đương đầu với biết bao nhiêu chuyện, bao nhiêu mưu mô, trong đó đương đầu với Hoa Kỳ là nặng nhất, vì người Mỹ muốn xía vô chuyện của chúng tôi.

Lúc tổ chức đảo chính, tổng thống Hoa Kỳ John F. Kennedy cứ đòi chúng tôi phải trao cho Hoa Kỳ kế hoạch đảo chính, một hình thức họ muốn kiểm soát chúng tôi. Tôi chắc chắn là như thế. Thấy không được, họ đợi sau này nhờ tay của các vị tướng trẻ để lật chúng tôi. Cái thất bại là đã thực hiện hoàn tất giai đoạn một, mà không biết ngồi lại với nhau, đừng nghe lời người ngoài để thực hiện tiếp giai đoạn hai.

TK21: Khi từ chối không cho Hoa Kỳ biết chương trình hoạt động trước khi cuộc đảo chính xảy ra, Trung Tướng có nghĩ là sẽ có ngày Hoa Kỳ trả đũa bằng cách làm áp lực với tân chính quyền hay không?

TVĐ: Lúc đó, tôi bất chấp. Vấn đề đòi hỏi phải biết kế hoạch đảo chính xảy ra giữa ông đại sứ Hoa Kỳ Cabot Lodge và tôi, tôi không nói lại với ông Minh và ông Kim. Trước đó, chúng tôi đã quyết định rồi, không đưa cho ai xem, không phải hỏi ý kiến hay xin phép ai cả. Trong vòng mười ngày trước khi đảo chính, họ (Hoa Kỳ) hỏi tôi mấy lần, lần nào tôi cũng trả lời: Không.

Dĩ nhiên là tôi có cảm nghĩ thế nào họ cũng trả đũa, tìm cách phá mình. Khi người Mỹ không bằng lòng thì thế nào họ cũng sẽ kiếm chuyện. Tình thế bắt buộc chúng tôi phải tiến mau, tiến lẹ để làm cuộc đảo chánh. Sau này khi sưu tầm thêm tài liệu, chúng tôi còn được biết là nếu chỉ để chậm hai ngày sẽ bị bắt hết.

Tôi còn nhớ ngay buổi sáng 1 tháng Mười Một, ông Diệm bảo với ông Cabot Lodge là mọi lần có tin đảo chánh, người Mỹ đều thông báo cho biết nhưng lần này nghe có tin đồn mà sao không thấy người Mỹ nói gì cả. Chính sách của Hoa Kỳ như thế đó, chỗ nào, tổ chức nào họ cũng gài người vào cả. Tôi còn nhớ ông Cabot Lodge trả lời, cam đoan là: "Thưa Tổng Thống, không có một người Mỹ nào liên quan đến tổ chức của những người có âm mưu đảo chánh cả. Nếu có, tôi sẽ tống cổ người đó ra khỏi Việt Nam ngay tức khắc. Còn với các ông tướng Việt Nam, không có ông nào đủ can đảm để đảo chánh tổng thống cả." Không ngờ trưa hôm đó, cuộc đảo chánh diễn ra.

Sau ngày đảo chánh, tôi có gặp ông Colby ở nhà một người bạn. Tôi cười bảo: "Thấy chưa, tụi tôi làm mấy ông đâu có biết." Ông Colby lúc đó còn nói với tôi: "Thôi, không nhắc chuyện đó làm gì, đừng có nói ra với ai cả không có hay cho chúng tôi. (Hoa Kỳ)" Bây giờ phân tách lại mấy chuyện đó, tôi thấy chẳng có lợi gì cả, chỉ có thỏa mãn được phần nào tự ái của mình mà thôi.

TK21: Tại sao Trung Tướng lại quyết định không cho người Mỹ biết ý định lật đổ ông Diệm?

TVĐ: Chúng tôi cũng chẳng khôn, chẳng giỏi gì hơn ai cả, mà chỉ rút kinh nghiệm của cuộc đảo chánh 1960. Qua tài liệu chúng tôi được đọc sau khi cuộc đảo chánh này thất bại thì người Mỹ *dìu dắt* cuộc đảo chánh này. Lúc anh em Nhảy

Dù tiến còn cách Dinh Độc Lập khoảng 50 thước và cầm chắc cái thắng trong tay, thì người Mỹ cố vấn tên là Miller đi theo bảo họ thôi không phải tiến đánh thêm nữa, rồi đi điều đình. Kết quả là bị quân ủng hộ ông Diệm lật ngược thế cờ.

TK21: Năm 1963 nếu ông Diệm điều đình để cải tổ chính phủ với sự tham dự của các tướng lãnh, Trung Tướng có đồng ý hay không?

TVĐ: Không, tôi nhất định không. Đã bị lừa một lần rồi, đâu có dại gì để bị lừa lần thứ hai. Vả lại, trước đó chúng tôi đã đưa một kiến nghị cho ông Diệm yêu cầu cải tổ chính phủ, ông Diệm đâu có nghe. Lúc đó, anh em chúng tôi đã bàn với nhau là nếu ông Diệm đồng ý cải tổ, cuộc đảo chánh sẽ được hoãn lại để coi ông Diệm có thật tâm muốn cải tổ hay không. Ngay ngày 31 tháng Mười, ông Đính bảo tôi gặp ông Diệm để hỏi xem ông có cứu xét bản kiến nghị do anh em đưa ra hay không. Tôi vào trong Dinh Độc Lập gặp ông Nhu trước và ngay chính ông Nhu cũng trả lời tôi là ông Diệm không chịu thay đổi. Đến khi gặp ông Diệm, thì được trả lời là "tôi không thích thay đổi, tình hình tốt đẹp lại rồi."

TK21: Bản kiến nghị của các vị tướng lãnh yêu cầu những gì?

TVĐ: Chúng tôi đòi hỏi phải cải tổ nội các, cho mở lại cửa chùa, thả tăng ni, phật tử, sinh viên học sinh bị bắt giữ. Quân đội sẽ nắm bộ quốc phòng, nội vụ và giáo dục.

TK21: Sau đó, có khi nào ông Diệm nói lại về chuyện cải tổ như lời yêu cầu của các tướng lãnh hay không?

TVĐ: Khoảng ba giờ trưa ngày 1 tháng Mười Một, ông Diệm gọi cho tôi hỏi"các ông đang làm gì vậy?" Tôi đáp: "Thưa Cụ, hôm qua tôi đã vào trình với Cụ xin sửa đổi chính phủ, thì Cụ nói không, thành ra anh em quyết định phải đảo chánh." Lúc đó, ông Diệm bảo "tôi nói như vậy chứ tôi đã sửa soạn lên đài phát thanh để thông báo cải tổ chính phủ rồi." Tôi biết là ông Diệm có ý trì hoãn nên tôi đáp: "Phải chi Cụ cho tôi biết ngày hôm qua thì chuyện đã xảy ra khác rồi, chuyện đó có gì khó khăn đâu mà Cụ không cho anh em chúng tôi biết. Bây giờ thì trễ rồi." Tôi còn nhớ ông Diệm sau đó hỏi "Bây giờ mấy ông muốn gì" và tôi đáp: "Xin Cụ từ chức vô điều kiện, chúng tôi sẽ lo cho mọi người đi ngoại quốc."

TK21: Lúc đó, quý vị tướng lãnh có liên lạc với quốc gia nào để nhận ông Diệm hay chưa?

TVĐ: Chúng tôi không có liên lạc với một quốc gia nào cả. Khoảng 1 giờ 30 trưa mùng một, tôi có nói với người đại diện của ông Cabot Lodge nhờ chuẩn bị một chiếc phi cơ để đưa ông Diệm và ông Nhu ra khỏi Việt Nam, còn việc muốn đi đâu thì tùy ý hai anh em ông Diệm. Riêng tôi thì tôi nghĩ là có thể ông Diệm đi Honolulu hoặc đi Pháp.

TK21: Cuộc cách mạng 1963 thành công ở phần đầu, nhưng thất bại ở phần thứ hai. Đến lúc nào Trung Tướng biết là gặp thất bại?

TVĐ: Tôi nhìn thấy thất bại ngay ngày hôm sau, khi ông Minh chỉ định ông Nguyễn Ngọc Thơ làm thủ tướng. Ông Minh lúc đó muốn có một người có khả năng về hành chánh lãnh đạo chính quyền nên mới chọn ông Thơ, nhưng anh em chúng tôi không ai muốn ông Thơ cả.

TK21: Thế tại sao các vị tướng lãnh không phản đối?

TVĐ: Có chứ, nhưng chúng tôi bị kẹt. Kẹt ở hệ thống quân giai: ông Minh là lớn nhất, kẹt ở tổ chức quân đội: có trên có dưới, kẹt ở chỗ ông Minh bảo nếu không nhận ông Thơ thì ông Minh rút lui. Vừa mới đảo chánh xong, phải tránh bằng mọi cách để đừng gây chia rẽ. Mà lúc đó mới có năm giờ sáng, cuộc đảo chánh chưa kết thúc đã thấy ông Minh đưa ông Thơ vào giới thiệu đây là thủ tướng tương lai.Chúng tôi không thèm trả lời, nhưng biết là anh em bị kẹt.

TK21: Ông Minh có giữ một vai trò quan trọng nào trong cuộc đảo chính hay không?

TVĐ: Không. Lúc đó, ông Minh đang giữ chức vụ Cố Vấn Quân Sự cho ông Diệm, không có quân trong tay.

TK21: Thế tại sao các tướng lãnh không làm mạnh hơn để loại ông Thơ ra khỏi ghế Thủ Tướng?

TVĐ: Ông Minhlà người nằm trong ủy ban của chúng tôi ngay từ đầu, chúng tôi trọng ông Minh vì ông Minh thâm niên hơn tất cả mọi người, như một người anh vậy. Chúng tôi đã nói từ trước là nếu làm, anh sẽ là chủ tịch. Đã giao cho ông Minh chức chủ tịch, chúng tôi phải trọng lời hứa.

TK21: Trung Tướng có tiếc về chuyện đó không?

TVĐ: Có chứ, nghĩ lại tôi tiếc quá. Phải chi không có ông Thơ thì tình hình đã khác, không có mấy vụ chỉnh lý, đảo chánh sau này xảy ra. Tôi xin nói thêm là khi ông Minh giới thiệu ông Thơ, chỉ có ông Khánh là người duy nhất bằng lòng. Ông Khánh bảo: "tụi mình không ưa *lũy* nhưng *lũy* cũng được." Chúng tôi vẫn hy vọng có ngày sẽ thay đổi được vấn đề.

TK21: Các tướng lãnh có dự định sẽ tạo thay đổi?

TVĐL: Có, cả thảy hai lần. Tôi với ông Đính vào làm việc trong nội các, bị đụng chạm khá nhiều với ông Thơ. Hồi tháng Mười Hai, tụi tôi có nói

với ông Minh là không thể làm việc chung với ông Thơ được, ông Minh lại còn binh ông Thơ, la tụi tôi là "tụi mày đảo chánh xong rồi cứ đi nhảy đầm," chuyện đó đâu có đúng. Đâu phải là có đảo chánh tụi tôi mới được nhảy đầm. Ông Thơ có lần trong phiên họp nội các bảo tụi tôi là "mấy anh này chưa xong gì hết đã kéo nhau đi nhảy đầm." Thật tình lúc nghe ông Thơ nói câu này, tôi muốn giơ tay tát cho ông Thơ một bạt tai. Một lần nữa, ông Thơ bảo "tại mấy ông tướng nhảy đầm,thành ra ai cũng bắt chước đi nhảy đầm hết, tạo lộn xộn." Tôi mới bảo: Thủ tướng không bằng lòng điều gì, nói rõ lại cho tụi tôi nghe coi." Ông Thơ bảo: "Tui nói vậy đó." Nghe ông Thơ nói xong, tôi đáp: "Ông muốn tụi tôi từ chức không, tôi với ông Đính từ chức liền cho ông coi," và nói thêm: "Ông cũng từ chức luôn cho nó đủ bộ."

Ông Thơ đem chuyện này mét ông Minh, ông Minh la tụi tôi: "tụi bây phá với gây khó dễ cho thủ tướng." Tôi đáp: "Thủ tướng của *toa* là thủ tướng vô duyên, rắc rối, sao không bảo ông Thơ từ chức cho rồi." Ông Minh nghe vậy đáp: "Tao cũng từ chức luôn." Tụi tôi lại bị kẹt.

Lần thứ hai vào tháng Giêng năm 1964, anh em trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đòi hỏi ông Minh phải loại bỏ ông Thơ, nếu không tụi tôi sẽ có biện pháp. Lúc đó ông Minh mới bảo "thôi được, ông Thơ không làm được việc thì chọn người khác."

TK21: Thế ông Minh chọn ai?

TVĐ: Ông Minh chỉ một số người, nói người này được nhưng nóng tính, người kia được nhưng khó tính, cuối cùng, ông Minh chỉ ông Thiệu bảo: "Thiệu được, *toa* làm thủ tướng được." Sau này, tôi có lần kể lại chuyện này với ông Thiệu lúc ông làm Tổng Thống, ông Thiệu bảo với tôi là ông Minh đã cho ông Thiệu biết sẽ được chọn làm thủ tướng trước đó. Nhưng chưa làm được thì vụ chỉnh lý xảy ra nguyên do vì tranh chấp trong cùng một đảng là Đảng Đại Việt, nhưng có hai nhóm miền Nam và miền Bắc, khởi đầu cho một loạt chỉnh lý, đảo chánh khác.

TK21: Tại sao ông Minh lại chọn ông Thiệu?

TVĐ: Ông Thiệu trước đây đã từng làm Tham Mưu Trưởng khi ông Minh làm Tư lệnh Hành Quân. Tôi còn nhớ ông Thiệu cũng ưa chỉ trích ông Thơ lắm, và cứ nhắc đi nhắc lại câu "quân đội đảo chánh quân đội hưởng."

TK21: Trở lại vấn đề áp lực của Hoa Kỳ, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng gặp áp lực của dân sự hay quân sự?

TVĐ: Về phía dân sự đứng đầu là ông đại sứ Cabot Lodge thì ít nhiều chúng tôi được yểm trợ. Ông Lodge nói với tôi là đã góp phần tạo cho tướng Eisenhower có bộ mặt lãnh tụ dân sự khi đắc cử Tổng Thống và ông cũng muốn giúp ông Minh trong vấn đề này. Ông Lodge cũng đề nghị mỗi tuần gặp nhau một lần để cùng nhau hoạch định vấn đề, nghiên cứu ưu khuyết điểm. Rất tiếc là ông Minh bị mặc cảm, lại thêm tật lười biếng thành ra chỉ tổ chức gặp có một lần rồi thôi.

Ngược lại, về phía quân sự thì chúng tôi gặp rắc rối. Phe quân sự Mỹ chống đảo chánh. Họ nói là đảo chánh sẽ không thành công, không thể kiếm được người thay thế ông Diệm, đồng thời lại muốn nắm quyền kiểm soát quân đội Việt Nam Cộng Hòa trong lúc chúng tôi cần họ viện trợ chứ đâu cần họ chỉ huy. Đến khi cuộc chỉnh lý diễn ra thì phe quân sự Mỹ tham gia, yểm trợ và ủng hộ một số tướng lãnh trẻ tuổi dễ sai bảo đứng lên phá vỡ kế hoạch xây dựng quốc gia của chúng tôi.

TK21: Nhiều người vẫn cho rằng cuộc cách mạng 1963 chỉ đạt được một thành tích là lật đổ nhà Ngô, giết hai anh em ông Diệm. Trung Tướng nghĩ sao về vấn đề này?

TVĐ: Điều này hoàn toàn không đúng và đó chỉ là lý do được đưa ra bởi một số người có liên hệ mật thiết với chế độ cũ. Mục đích của cuộc đảo chánh là để tạo thay đổi, xây dựng đất nước. Chúng tôi cũng đã có soạn thảo kế hoạch như bình định giao cho ông Kim điều khiển, phát triển văn hóa giáo dục do ông Đỗ Mậu lãnh trách nhiệm. Cả hai chương trình đang ở trong thời kỳ thí điểm thì gặp vụ chỉnh lý 1964. Mới có ba tháng trời để ổn định tình hình, làm sao chúng tôi đạt kết quả ngay cho được. Công việc xây dựng đất nước, kiến thiết quốc gia đâu phải là chuyện làm trong vòng ba tháng. Chúng tôi đã và đang cố gắng làm thì gặp trở ngại, không thể tiếp tục được nữa.

TK21: Còn chính sách Ấp Chiến Lược của ông Nhu?

TVĐ: Chính sách này có nhiều điểm rất hay, chúng tôi tiếp tục làm nhưng dưới danh nghĩa Ấp Tân Sinh, nhưng cũng chỉ được ba tháng thì bị chỉnh lý. Chúng tôi đâu có bỏ chính sách này, mấy ông tướng trẻ sau này nắm quyền hủy bỏ nó chứ đâu phải chúng tôi.

TK21: Trung Tướng là một trong số rất ít người có cơ hội làm việc với cả ba vị nguyên thủ quốc gia là ông Diệm, ông Minh và ông Thiệu. Xin Trung Tướng cho biết ý kiến của Trung Tướng về ba vị này.

TVĐ: Ông Minh thì tôi đã nói rồi, còn ông Diệm và ông Thiệu thì giống nhau ở điểm đa nghi. Ông Diệm có lần bảo tôi là chung quanh ông toàn là người nói láo, thành thử ông

Cảm và Tưởng lúc nhổ răng

NGU YÊN

Đèn sáng chóa. Mặt trời sa mạc.
Em cúi gần. Gần môi anh. Trầm ngâm.
Mảnh vải "trinh" che Ba Tư nửa mặt.
Say như mơ chuyện cổ tích nữ thần.
Anh nằm ngửa.
Khô linh hồn khao khát.
Há miệng.
Chờ giây phút lánh hồng ân.
Tay yểu điệu cầm kim.
Tình tứ.
Chích dịu dàng dòng nước lú vong thân.
Như huyền thoại anh biến thành nô lệ.
Ngây tê mê. Bất động trước nữ hoàng.
Em từ tốn đưa lưỡi kềm.
Thử thách.
Nhếch môi cười tên nô lệ hân hoan
Chạm mắt xanh. Cửa thâm cung huyền bí.
Nhìn thật sâu. Rung tình ái mơ màng.
Em di động đôi tay.
Xà vũ.
Kề sát thân sớ thịt nón phập phồng.
Đôi hơi thở dập dìu hòa diệu nhạc.
Thả lỏng gân cho ảo tưởng thong dong.
Anh muốn hát khi răng hàm chấn động.
Cảm giác rút xương.
Niềm đau cũ trống không
Cảm ơn em.
Đã lấy đi nhức nhối.
Trả lại anh những ngày tháng yên lành.

Nếu có thể xin em lấy nốt.
Những đớn đau còn bám chặt hồn anh.

16, tháng Bảy, 1989
LittleRock.

không tin ai cả ngoài trừ Đức Cha Ngô Đình Thục. Ông Thiệu cũng vậy, chẳng tin ai hết kể cả bà vợ của ông. Ông Diệm giỏi hơn ông Thiệu, nhưng rất khinh người. Để bù lại, ông Thiệu khôn ngoan hơn ông Diệm nếu không, ông Thiệu đâu có ngồi ở ghế Tổng Thống được lâu vậy. Cái khôn ngoan của ông Thiệu là nuôi đàn em, rồi thả lỏng cho đàn em để cùng hưởng lợi, kẻ ít người nhiều. Tất cả đều không làm được lợi ích gì cho dân như đã hứa cả.

TK21: Đứng đầu tổ chức đảo chánh làm cuộc cách mạng, nhưng có khi nào Trung Tướng nghĩ mình là một nhà cách mạng không?

TVĐ: Không, tôi không hề nghĩ điều đó. Tôi chỉ làm tròn bổn phận của mình đối với đồng bào, với anh em trong quân ngũ thôi.

NGUYỄN VĂN KHANH
thực hiện

TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ NGÀY 1 THÁNG 11, 1963

CAO VĂN VIÊN

Trích trong Leadership
Trung Tâm Quân Sử Lục Quân Hoa Kỳ ấn hành 1983

Mùa hè năm 1957 khi từ trường Cao Đẳng Quốc Phòng Hoa Kỳ về lại Việt Nam, tôi hân hạnh được làm việc bên cạnh Tổng Thống Diệm trong gần ba năm trời. Nhận sự vụ lệnh, tôi về trình diện ở Dinh Gia Long để giữ chức vụ Chánh Văn Phòng Bộ Tham Mưu Phủ Tổng Thống. Ông Diệm xem tôi như là một cố vấn về quân sự, đồng thời tôi còn lãnh trách nhiệm chuyển giao mọi quyết định, chỉ thị của ông đến Bộ Tổng Tham Mưu. Qua những cuộc tiếp xúc như vậy, điều tôi nhận thấy ngay là khả năng lãnh đạo tài giỏi của ông, những nỗi lo âu ông có dành cho người dân Việt và thêm vào đó là những cố gắng vượt bực ông đã làm để xây dựng nền an ninh quốc gia.

Cũng trong thời gian làm việc ở Dinh Gia Long, tôi thán phục sự thông minh của ông Nhu, em trai Tổng Thống Diệm. Ông Nhu là một người có tư tưởng cải cách, đổi mới, một con người có rất nhiều sáng kiến - cho dù ông không có tài lãnh đạo như Tổng Thống Diệm. Tổng Thống Diệm không bao giờ ký bất kỳ giấy tờ gì hoặc đọc bài diễn văn nào, nếu ông Nhu không xem qua và chấp thuận trước. Hơn thế nữa, ông Nhu chính là người viết hầu hết những bài diễn văn cho Tổng Thống Diệm và cũng là người chịu trách nhiệm hoạch định tất cả các công tác quan trọng ở lãnh vực chiến lược và an ninh quốc gia trong khoảng thời gian đó.

Trong lúc ông Diệm đang cố gắng xây dựng quốc gia, Bắc Việt bắt đầu cho thực hiện những công tác phá hoại sau khi ông Diệm từ chối không tổ chức tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam Bắc như đã được quy định trong hiệp định Geneve 1954. Cán bộ Việt Minh nằm lại ở miền Nam sau 1954 được chỉ thị hoạt động trở lại, đồng thời Hà Nội đưa lại vào miền Nam những cán binh đã ra Bắc tập kết trước đây. Xáo trộn diễn ra bắt đầu từ đó với mức độ ngày một tăng dần. Từ phá hoại, ám sát lúc ban đầu, hoạt động của cộng quân biến thành những cuộc đụng độ nhỏ tại các khu vực hẻo lánh và cuối cùng là những cuộc tấn công ở cấp tiểu đoàn. Ngày 26 tháng Giêng năm 1960, cuộc tấn công đầu tiên là do Bắc Việt thực hiện diễn ra tại Trảng Sụp, Tây Ninh, nhắm vào hậu cứ của sư đoàn 12. Cuộc tấn công này diễn ra trong lúc các binh sĩ đang tham dự buổi liên hoan mừng Xuân Mới, thành ra không có phòng bị gì cả. Cộng quân đã thành công trong trận đánh này, lấy được một số lớn quân trang, quân dụng của ta. Trung Tá Trần Thanh Chiêu, tư lệnh sư đoàn, đã bị cách chức ngay sau đó.

Để chống lại cuộc phá hoại do quân Cộng Sản gây ra, Tổng Thống Diệm quyết định thành lập đơn vị Biệt Động Quân, tương tự như lực lượng *Commandos* của quân đội Pháp trong thời chiến tranh

1945-1954. Việc thành lập đơn vị Biệt Động Quân này đã gặp sự chống đối từ Phái Bộ Cố Vấn và Viện Trợ Quân Sự Hoa Kỳ (MAAG) vì họ nghĩ có thể sẽ gây nhiều xáo trộn về mặt quân sự, đồng thời cũng không ủng hộ việc ông Diệm cho thuyên chuyển một số binh sĩ và sĩ quan nhiều kinh nghiệm từ các đơn vị khác sang đơn vị tân lập này. Cho đến khi thấy rõ tình hình an ninh ngày càng thêm xáo trộn vì hoạt động của cộng quân, lúc đó Phái Bộ Cố Vấn và Viện Trợ Quân Sự Hoa Kỳ mới ủng hộ chương trình và gửi những đơn vị huấn luyện của Lực Lượng Đặc Biệt sang huấn luyện cho binh sĩ Việt Nam.

Thoạt đầu, Biệt Động Quân có khoảng 9,000 binh sĩ chia ra làm 65 đại đội. Những quân nhân này được thuyên chuyển từ các đơn vị bộ binh sang, theo tiêu chuẩn mỗi tiểu đoàn lấy một đại đội (vào thời đó, một tiểu đoàn bộ binh có 4 đại đội.) Sau này, binh chủng Biệt Động Quân lên tới 86 đại đội. Một Trung Tâm Huấn Luyện cũng được thành lập tại Dục Mỹ với nhiệm vụ huấn luyện cho binh sĩ về tác chiến rừng núi và sình lầy, được sự yểm trợ mạnh mẽ của Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ. Đến đầu năm 1961, Phái Bộ MAAG cũng đồng ý giúp đỡ việc phát triển lực lượng quân sự của Việt Nam từ 150,000 lên tới 170,000 người.

Mặc dù khả năng lãnh đạo và những thành quả mà ông đạt được, Tổng Thống Diệm có rất nhiều kẻ thù chưa kể bọn cộng sản - trong một vài trường hợp, biết đâu chừng ông bị thù hằn cũng vì tài lãnh đạo và những thành quả đã đạt được này. Ông Nhu em của Tổng thống, mặc dù là người thông minh, hầu như không để ý gì đến những ác cảm mà người khác dành cho ông qua vai trò cố vấn cho Tổng Thống, thành thử đương nhiên ông Diệm là người chịu lãnh mọi hậu quả. Bất kể đến những xáo trộn chính trị vào hồi đó vẫn xảy ra tạo suy yếu cho quốc gia - cho dù ông Diệm tại được nhiều thành quả đáng kể cho người dân và đất nước,- những nhân vật đối lập với chế độ không đếm xỉa gì đến hiến pháp tìm đủ mọi cách để lật đổ chính quyền bằng võ lực. Cuộc đảo chính lần đầu tiên xảy ra vào tháng 11 năm 1960 do Đại Tá Nguyễn Chánh Thi thực hiện nhưng thất bại. Cuộc đảo chánh thứ nhì diễn ra vào tháng hai năm 1962 khi hai sĩ quan Không quân không đồng ý với chế độ ông Diệm lái máy bay ném bom dinh Độc Lập, nhưng chỉ gây thiệt hại cho Dinh và sau này chính phủ ra lệnh tu sửa lại. Đến năm 1963, một tổ chức đảo chánh khác được thành hình, khai thác những xáo trộn gây ra bởi các phật tử chống đối và được Hoa Kỳ ủng hộ để lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm.

Việc Hòa Thượng Thích Quảng Đức và các tu sĩ Phật giáo khác tự thiêu đã khiến cho hy vọng hòa giải giữa chính quyền và Phật giáo tan theo mây khói. Bà Ngô Đình Nhu, người đã mỉa mai gọi những vụ tự thiêu này là "nướng người" *(barbecue party)*, cùng chồng đòi hỏi phải đàn áp các Phật Tử tham dự cuộc biểu tình, tố cáo họ có hành động quá khích vì bị bọn cộng sản giật dây. Trong khi đó, chính phủ Hoa Kỳ tạo áp lực buộc ông Diệm phải nhượng bộ và đưa vợ chồng ông Nhu đi ngoại quốc, những đòi hỏi mà ông Diệm chắc chắn không thể nào thực hiện được. Thử hỏi làm sao ông Diệm có thể loại bỏ được ông Nhu, người đã giúp ông quá nhiều trong việc lãnh đạo guồng máy quốc gia. Hay nói đúng hơn, ông Nhu chính là bộ óc của ông Diệm, người cố vấn, ủng hộ trung thành nhất mà ông Diệm có.

Trong lúc Tổng Thống Diệm vẫn chưa biết quyết định ra sao, ông Nhu ra chỉ thị cho Lực lượng Đặc Biệt tấn công chùa Xá Lợi và các ngôi chùa khác ở Sàigòn ngày 21 tháng Tám năm 1963. Các thượng tọa, ni cô bị giam giữ và đánh đập tàn nhẫn. Hàng ngàn giáo chức, sinh viên, học sinh ngay sau đó đã tràn ra đường biểu tình tranh đấu, đòi hỏi chính phủ phải trả tự do ngay tức khắc cho các tăng ni bị bắt giữ. Để đối phó, chính phủ quyết định đóng cửa trường học, áp dụng biện pháp mạnh đối với những người tham dự biểu tình. Quyết định nói trên đã gây nhiều bất mãn trong quân đội, giới chức dân sự và mọi tầng lớp dân chúng vì nhiều người có con em bị cảnh sát bắt giữ và bỏ tù. Cũng kể từ đó, ông Diệm không còn được ủng hộ nữa, cả trong lẫn ngoài nước.

Chính phủ Hoa Kỳ lúc đó quyết định làm mạnh hơn để gây thêm xáo trộn cho chính phủ của Tổng Thống Diệm, qua hình thức không tiếp tục yểm trợ Lực Lượng Đặc Biệt như đã từng làm trước đây, đồng thời đình chỉ viện trợ nhập cảng. Để trả đũa, ông Nhu lên tiếng chỉ trích Hoa Kỳ và một số quốc gia khác cố ý tìm cách lật đổ ông Diệm.

Thấy rõ thái độ của Hoa Kỳ đối với chính quyền Ngô Đình Diệm, một số sĩ quan bắt đầu dự định kế hoạch đảo chính. Một toán được dẫn đầu bởi Đại Tá Đỗ Mậu, giám đốc Nha An Ninh Quân Đội, một người được Tổng Thống Diệm rất tin cẩn, Thiếu Tướng Trần Thiện Khiêm, Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, cùng với một số sĩ quan, sinh viên và giới công nhân. Một tổ chức khác được ba tướng Trần Văn Đôn, Dương Văn Minh và Lê Văn Kim cầm đầu, với sự ủng hộ của tướng Đỗ Cao Trí, tư lệnh quân đoàn 1 và tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh quân đoàn 2.

Lúc đó, ông Nhu biết các tướng lãnh có ý định đảo chính, nhưng không có đủ bằng chứng để bắt giữ họ. Áp dụng kế hoạch lừa địch để bắt địch, ông

Đảng Cộng Sản Hung Gia Lợi lột xác, tự chuyển mình thành Đảng Xã Hội

*** Tân chủ tịch nguyên là một đảng viên Xã hội dân chủ * Đảng Cộng Sản Hung ngày càng thất bại về kinh tế, ngày càng thất nhân tâm.**

BUDAPEST, Hung gia Lợi - Trong một diễn biến chưa từng có, Đảng Cộng Sản Hung Gia Lợi tự lột xác, đổi thành Đảng Xã hội trong một cuộc bỏ phiếu của Đại hội Đảng hôm thứ Bảy 7 tháng Mười 89, và ngày thứ Hai 9 tháng Mười 89. Đại hội này đã bầu ra Chủ tịch mới, Reszo Nyers, cha đẻ của các biện pháp cải cách kinh tế Hung.

Đại hội Đảng Cộng Sản Hung Gia Lợi, sau một cuộc thảo luận sôi nổi và biểu quyết gay go đêm thứ Bảy, đã quyết định tự đổi tên, từ danh xưng chính thức là Đảng Công nhân Xã hội Hung Gia Lợi thành Đảng Xã Hội Hung gia Lợi, dập theo khuôn mẫu các Đảng Xã hội Tây phương, và tuyên bố sẽ cố gắng bắt nhịp cầu giữa chủ nghĩa Mác Xít giáo điều và chủ nghĩa Dân chủ xã hội Âu Châu.

Qua thứ Hai, có 78 tới 80% trong số 1255 đại biểu đã bầu Reszo Nyers là Chủ tịch Đảng Xã hội Hung Gia Lợi. Reszo Nyers, 66 tuổi tuyên bố với các đại biểu trong Đại hội Đảng vào ngày Chủ nhật, một ngày sau khi thành lập đảng mới, một ngày trước khi ông được bầu làm Chủ tịch rằng: "Chúng ta đang rời xa con đường hành xử quyền lực theo lối vô sản chuyên chính."

Cuộc bỏ phiếu đêm thứ Bảy cũng ấn định đường hướng tổng quát cho Đảng Xã Hội Hung Gia Lợi mới ra đời, theo đó thủ tục tuyển chọn hàng ngủ lãnh đạo sẽ có tính cách dân chủ hơn, trong một cơ cấu tổ chức đảng mới.

Đảng Xã hội Hung sẽ không còn Bộ Chính trị, nhưng có một chủ tịch đoàn 23 người, mà ông Nyers được bầu làm chủ tịch. Ông Nyers nguyên là đảng viên Đảng Xã hội Dân chủ Hung, sau trở thành đảng viên Đảng Cộng sản khi đảng nói trên bị sáp nhập vào Đảng Cộng sản.

Ông là một ủy viên trong Ban Bí thư, rồi năm 1962 ông được bầu vào Bộ Chính trị. Ông nổi tiếng là cha đẻ của những biện pháp khai phá cải cách kinh tế giúp dân Hung có mức sống cao nhất trong các nước Cộng Sản Đông Âu trong những năm cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970.

Năm 1974 ông bị thất sủng và bị loại khỏi Bộ Chính Trị, do áp lực của Nga muốn chặn những biện pháp cải cách của Hung.

Đại hội Đảng Cộng sản Hung được triệu tập và khuynh hướng cải đổi đã thành công vì áp lực của tình trạng kinh tế khó khăn nặng nề, và sự suy sụp hậu thuẫn trong dân chúng. Trong các cuộc bầu cử địa phương gần đây, Đảng Cộng Sản địa phương đã thất bại liên tiếp.

Đồng thời, Đảng Cộng Sản Hung cũng phải sửa soạn đối phó với một cuộc tuyển cử đa đảng lần đầu trong bốn thập niên sẽ diễn ra vào tháng Sáu năm tới.

Các lãnh tụ đảng ủng hộ chủ trương thay đổi mạnh mẽ nhất tin rằng chỉ có những chính sách và đường lối mà cử tri Hung nhìn nhận là dứt khoát đoạn tuyệt với chủ nghĩa Cộng Sản mới có thể giúp tân chính đảng hy vọng thắng cử trong cuộc tuyển cử tự do sắp tới.

Hình thức tuyển cử đa đảng được dự trù sẽ chuyển đổi Hung Gia Lợi trở thành một xứ đi theo các tiêu chuẩn Dân Chủ Tây Âu.

---

cùng tướng Tôn Thất Đính, tư lệnh quân đoàn 3 và là viên tướng được tổng thống Diệm tin cẩn nhất, tạo một cuộc đảo chánh giả với hy vọng sẽ bắt được những viên tướng nào muốn lật đổ chế độ. Kế hoạch này của ông Nhu đã gặp thất bại, vì tướng Đính quyết định tham gia đảo chánh theo lời đề nghị của đại tá Đỗ Mậu.

Kết quả là âm mưu đảo chánh của các tướng lãnh không bị khám phá cho đến khi họ quyết định ra tay. Ngày 1 tháng 11 năm 1963, quân đội tiến vào Sàigòn và làm chủ tình hình. Chỉ ít giờ sau đó, Tổng Thống Diệm và người em trai của ông bị thảm sát. Nền đệ nhất Cộng hòa chính thức cáo chung và Việt Nam mất đi một nhà lãnh đạo tài ba, lỗi lạc.

CAO VĂN VIÊN
NVK chuyển ngữ

SỰ THẬT VỀ CUỘC CÁCH MẠNG NGA 1905

TRỊNH Y THƯ

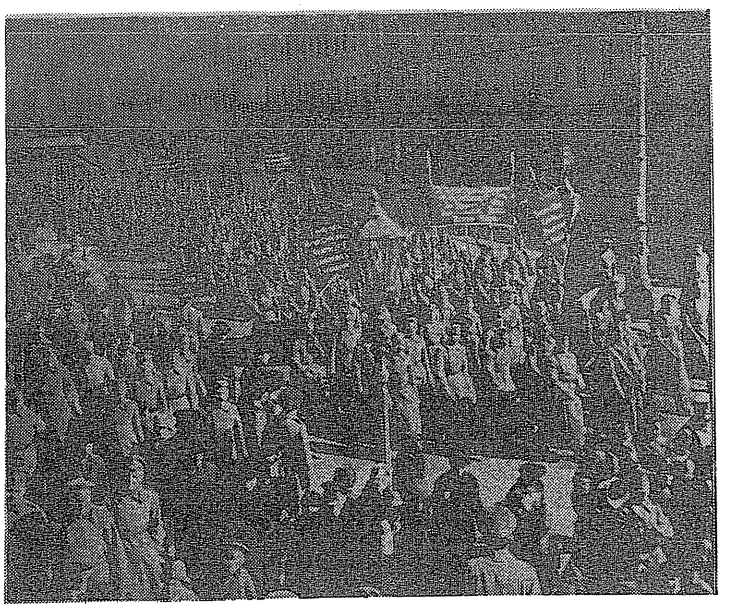

Cuộc cách mạng tháng Hai:
Dân chúng biểu tình đòi Nga hoàng thoái vị

Trả lời ký giả David Aikman trong cuộc phỏng vấn mới đây sau gần mười năm im tiếng, văn hào Aleksandr Solzhenitsyn có đưa ra nhận xét mới của ông về cuộc cách mạng Tháng Mười (1). Theo ông, cuộc cách mạng Tháng Mười không đáng được gọi là một cuộc cách mạng. Nó chỉ là một cuộc "đảo chính." Cuộc cách mạng thực sự là cuộc cách mạng Tháng Hai vì đây mới chính là biến cố trọng đại xuất phát từ đại chúng và đã đưa đến sự cáo chung của chế độ quân chủ chuyên chế trên đất Nga. Vẫn theo Solzhenitsyn thì sở dĩ xưa nay người ta chỉ biết đến cuộc cách mạng Tháng Mười vì guồng máy tuyên truyền của Cộng Sản Sô viết đã tỏ ra rất hữu hiệu trong việc ém nhẹm đi mức độ trọng đại của cuộc cách mạng Tháng Hai và cùng lúc thổi phồng lên tính cách quyết định của cuộc cách mạng Tháng Mười.

Cuộc cách mạng Tháng Hai là cuộc cách mạng nào? Nó đóng vai trò gì trong lịch sử Nga? Và tại sao đảng Cộng sản Nga (hậu thân của đảng Bolshevik) lại phải che dấu một biến cố lịch sử vĩ đại như thế? Ngày 7 tháng Mười Một 89 tới đây, như hằng năm, điện Cẩm Linh sẽ tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 72 cuộc cách mạng Tháng Mười. Nhân dịp này chúng ta hãy thử nhìn lại những biến cố lịch sử dẫn đến cuộc cách mạng 1917 để có được câu trả lời cho những câu hỏi trên.

Bối cảnh lịch sử

Trước năm 1917, xã hội Nga là một xã hội nghèo đói và bất công nhưng không phải là một xã hội hoàn toàn bi thảm và vô vọng như vẫn thường được biết qua báo chí và sách vở Cộng sản.

Bước vào hậu bán thế kỷ 19, nếu đem so với các quốc gia Tây Âu thì Nga vẫn còn là một quốc gia lạc hậu, chậm tiến, theo chế độ quân chủ chuyên chế. Vua chúa và giai cấp thống trị sống một đời sống cực kỳ xa hoa trong khi dân chúng thì cơ cực, thiếu thốn. Năm 1861, Nga hoàng Aleksandr Đệ nhị cố gắng cải thiện tình trạng bất công này bằng cách giải phóng giai cấp nông nô ra khỏi những trói buộc phi lý trước đó và cho thành lập cơ cấu hội đồng tỉnh huyện (2) - do dân bầu lên - có nhiệm vụ giúp đỡ và trông coi đời sống kinh tế của người dân tại nông thôn. Hành động của ông bị đám bảo thủ trong triều đình sợ bị mất đi những đặc quyền đặc lợi tìm cách phá hoại. Ông bị ám sát chết vào năm 1881 và con trai ông tức Nga hoàng Aleksandr Đệ tam lên nối ngôi. Ông vua mới này không theo đường lối cải cách của vua cha mà cho áp

dụng một chính sách cai trị chuyên chế đầy cứng rắn. Các thành phần chống đối hoặc bị thủ tiêu hoặc bị lưu đày ra xứ ngoài. Các sắc dân thiểu số sống trên đất Nga bị buộc phải hội nhập vào văn hóa Nga. Giáo hội Chính thống Nga đứng về phe triều đình kịch liệt đả phá tư tưởng Tây phương, lên án các luồng tư tưởng này (chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa tự do, v.v...) là những liều thuốc độc tác hại lên đời sống người dân Nga. Kết quả, sự bất mãn từ giới nông dân và trí thức cứ tăng lên mãi trong khi giai cấp thống trị thì vẫn cứ mê muội bám chặt vào chính sách chuyên chế độc tài.

Cũng từ giai đoạn này nước Nga bắt đầu chuyển mình vào thời kỳ kỹ nghệ hóa và đang cố đuổi kịp các quốc gia tân tiến khác để trở thành một phần tử trong guồng máy kinh tế thế giới. Cuộc cách mạng kỹ nghệ muộn màng ở Nga, cũng như trước đó ở Tây Âu, nảy sinh ra hai giai cấp mới trong xã hội là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Tương tự như các công nhân Anh, Pháp trước năm 1850, công nhân Nga phải lao động cực khổ trong các nhà máy 11 tiếng hay hơn nữa mỗi ngày. Lương bổng lại rất hạ; không có nghiệp đoàn; quyền đình công không được triều đình Nga cho phép. Cuộc cách mạng kỹ nghệ có đem đến phần nào sự phồn thịnh trong nước nhưng phần lớn tài sản lại nằm trong tay ngoại quốc và giới quý tộc.

Nạn nghèo đói trở nên trầm trọng trong giới công nhân ở thành thị và cũng như giai cấp nông dân ở thôn quê, họ ngóng chờ một sự đổi mới, một cuộc cách mạng toàn diện để đời sống họ bớt cơ cực, để xã hội bớt bất công. Nông dân và công nhân chiếm đại đa số trong giai tầng xã hội nhưng họ phải trông cậy vào thành phần trí thức để thổi bùng lên ngọn lửa cách mạng.

Sự xuất hiện của các đảng phái cách mạng

Bắt nguồn từ tình trạng nghèo đói và bất công trong xã hội Nga thời đó, những đảng phái cách mạng nối tiếp nhau nổi lên. Lúc đầu, hầu hết hoạt động kín, mang mục tiêu tối hậu là lật đổ chế độ Nga hoàng để thay vào bằng một chính thể khác mà theo họ sẽ đem lại hạnh phúc và no ấm cho người dân Nga. Giai cấp nông dân là một trong những thành phần mang nhiều bất mãn nhất và đương nhiên giữ vai trò khá quan trọng trong những phong trào cách mạng Nga vào cuối thế kỷ 19. Tương tự như ở miền quê Việt Nam, miền quê Nga có hai thành phần sống cùng trên một mảnh đất nhưng lại hoàn toàn xa rời nhau là thành phần bần cố nông và thành phần phú nông. Hai thành phần không bao giờ thông gia với nhau, không bao giờ làm bạn kết thân với nhau. Từ dáng điệu bên ngoài cho đến lời ăn tiếng nói, họ đều khác biệt và thường xem nhau như cừu địch. Sau khi được Nga hoàng Aleksandr Đệ Nhị giải phóng, giai cấp bần cố nông lại có thái độ lấn quyền, muốn nhân cơ hội chiếm hữu đất đai mà trước kia họ được mướn làm thuê. Họ đòi mượn tín dụng của chính phủ để mua lại đất đai từ các địa chủ giàu có. Tín dụng được cấp, nhưng những người nông dân này không hề biết đâu là giới hạn. Họ tiếp tục giữ thái độ ganh tị với giới phú nông và sự bất mãn trong họ vẫn ngấm ngầm mãnh liệt.

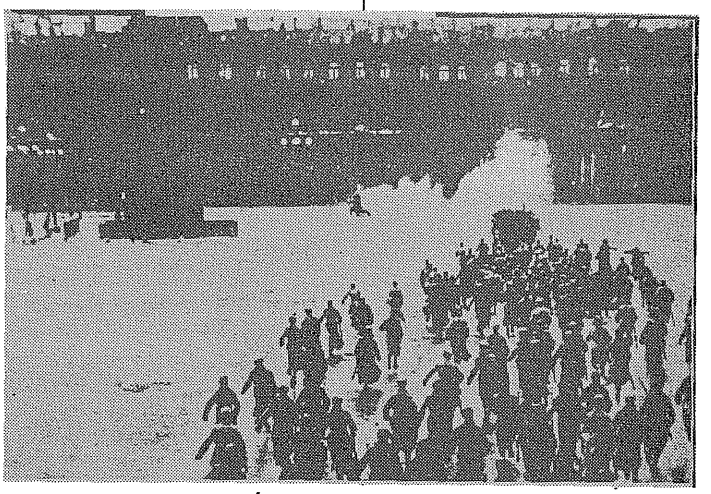

Quân Bolshevik đang tiến vào dinh của Kerensky.

Giới thứ hai góp phần vào phong trào cách mạng Nga là giới trí thức. Lúc đầu, giới trí thức, một cách riêng rẽ, họp lại thành những hội kín rải rác khắp nơi. Họ thảo luận, tranh biện, mong tìm ra một đường lối khả dĩ lật đổ được chế độ Nga hoàng. Vào khoảng thời điểm 1890, chủ trương dùng bạo động khủng bố của thời kỳ 1870-80 đã lắng xuống. Những nhân vật chủ xướng cách mạng lúc này gặp phải một câu hỏi cực kỳ to lớn là: làm thế nào để có trong tay một đội quân hùng hậu đủ sức đánh bại được lực lượng của Nga hoàng? Họ nhìn vào giai cấp nông dân và công nhân, nhưng câu hỏi được đặt ra là liệu hai thành phần này sẽ là những chiến sĩ vô sản thực sự hay họ cũng chỉ là những người tiểu tư sản? Những câu hỏi khác có tính cách lý thuyết hơn, đại để, phải chăng nước Nga cũng sẽ đi

cùng một con đường lịch sử như các quốc gia Âu châu khác hay nó có một định mệnh riêng? Và liệu sau này Nga có phải trải qua giai đoạn tư bản trước khi tiến đến chế độ xã hội chủ nghĩa hay nó sẽ nhảy vọt bằng cách vượt bỏ giai đoạn tư bản? Họ là những người được gọi chung dưới danh hiệu chủ trương bình dân vì họ lấy đám đông nghèo đói làm hậu thuẫn.

Một số trí thức cách mạng dựa vào nông dân để thành lập đảng Cách mạng xã hội (CMXH). Họ tin tưởng vào giá trị tinh thần Nga và đặc biệt vào giới nông dân. Họ nghiên cứu Marx và Engels nhưng đối với họ chủ nghĩa Mác-xít chỉ thích hợp với hoàn cảnh của Tây Âu mà thôi. Họ không tin là chỉ có giai cấp vô sản ở thành thị mới có tư cách trở thành giai cấp cách mạng thực sự. Họ cũng không tin là tư bản chủ nghĩa, một chủ nghĩa làm nảy sinh ra giai cấp vô sản như ở Tây Âu trước đó ít lâu, sẽ đương nhiên dẫn đến xã hội chủ nghĩa. Họ cho là ở Nga giai đoạn tư bản chủ nghĩa có thể được bỏ qua. Họ cam kết với nông dân sẽ đấu tranh để đem lại một đời sống ấm no hơn. Họ lên án địa chủ với những tội ác gớm ghiếc. Họ chủ trương phải giữ vững làng xã (3) và phân phát tài sản đồng đều cho mọi người. Hầu hết đều tin là cuộc cách mạng giải phóng sẽ đến trong một ngày rất gần vì sẽ không có giai đoạn tư bản chủ nghĩa trên đất Nga.

Trong lúc đó, một số trí thức khác chạy ra nước ngoài, tiếp xúc với luồng tư tưởng Marx-Engels và chọn chủ nghĩa Mác-xít làm phương châm chỉ đạo cho cuộc đấu tranh giải phóng. Nổi bật hơn cả là Plekhanov và Axelrod. Cả hai sống lưu vong ở Thụy sĩ và tại đây họ chọn chủ nghĩa Mác-xít làm cơ sở lý luận. Năm 1881, họ thành lập một tổ chức đấu tranh lưu vong mà sau này biến thành đảng Dân chủ Xã hội (hay đảng Mác-xít Nga). Một vài tổ chức khác trong nước cũng bắt đầu đứng lên ra tuyên ngôn. Bước vào thập niên cuối cùng của thế kỷ 19, nông dân Nga bỗng nhiên trở nên thờ ơ với lý tưởng cách mạng trong khi công nhân nhà máy tại thành thị ào ạt đứng lên đấu tranh bằng hình thức đình công. Điều này khiến rất nhiều trí thức đang từ chủ trương bình dân nhảy sang Mác xít. Sau Plekhanov và Axelrod đến lượt Lenin, Trotsky và Stalin đều lần lượt chọn chủ nghĩa Mác xít.

Lênin xuất thân từ một gia đình trung lưu, con một viên chức cao cấp trong triều đình Nga hoàng. Gia đình ông ta sống sung túc nhưng ông ta không được vào học luật vì có người anh, trong khi đang theo học tại St. Petersburg (4) vô tình dính líu đến một vụ mưu sát Nga hoàng Aleksandr Đệ tam. Lenin bỏ học và tham gia các hoạt động cách mạng từ đó. Năm 1897, Lênin bị bắt và bị đày lên Tây Bá Lợi Á (5). Ba năm sau, được phóng thích, Lênin đi thẳng ra ngoại quốc hoạt động cách mạng và chỉ dám lén lút về lại đất Nga cho đến khi cuộc cách mạng năm 1917 bùng nổ. Là người khôn ngoan và cương quyết, chẳng bao lâu Lênin leo lên nắm những địa vị then chốt trong hệ thống đảng phái cách mạng.

Năm 1898, với sự hỗ trợ của các thành phần lưu vong, đảng viên Mác-xít trong nước thành lập đảng Lao động Dân chủ Xã hội (LĐDCXH). So với đảng Cách mạng xã hội (CMXH) thành lập sau đó hai năm thì đảng LĐDCXH mang nặng tư tưởng Mác-xít hơn. Họ chủ trương cuộc cách mạng mà họ đang theo đuổi là một phong trào quốc tế, một phần của tiến trình biện chứng lịch sử liên quan đến mọi quốc gia trên thế giới chứ không riêng gì nước Nga. Đa số tiên đoán cuộc cách mạng sẽ xảy ra trước ở Tây Âu rồi mới lan tràn sang Đông Âu.

Như thế, đảng LĐDCXH là một đảng phái Mác-xít rõ rệt. Họ cho là nước Nga phải trải qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa, từ đó ra đời giai cấp vô sản kỹ nghệ, rồi mới tiến đến cuộc đấu tranh giai cấp để cuối cùng là cách mạng đi đến xã hội chủ nghĩa. Vì tin tưởng như thế nên họ không trông cậy vào giai cấp nông dân như đảng CMXH (6). Họ tìm đến giới công nhân đang bị bóc lột tại thành thị và không hề ngó ngàng gì đến giới nông dân. Do tính cách kinh viện và nặng phần lý thuyết, đảng LĐDCXH không bị xem là mối nguy cận kề cho chế độ Nga hoàng bằng đảng CMXH. Quân lính Nga hoàng đôi khi còn bày tỏ thiện cảm với đảng viên DCXH

Sự phân hóa của đảng Dân chủ Xã hội: Bolshevik và Menshevik

Năm 1903, đảng viên Mác-xít tổ chức đại hội tại Bỉ và Anh để đi đến sự thống nhất trong tổ chức và hành động. Lênin có mặt trong lần đại hội này cùng với đại biểu của các tổ chức riêng rẽ trong và ngoài nước. Trong đại hội, Lênin dùng thủ đoạn thao túng và kết quả, thay vì đoàn kết, các đảng viên Mác-xít từ đây lại chia thành hai phe: Bolshevik (đa số) và Menshevik (thiểu số) (7). Từ năm 1903 trở đi, mặc dù trên danh nghĩa vẫn là một đảng phái duy nhất, đảng Dân chủ Xã hội đã tách thành hai hệ phái riêng biệt. Năm 1912, hệ phái Bolshevik chính thức tổ chức thành một đảng phái.

Bolshevik của Lenin và Menshevik khác nhau ở lề lối tổ chức và đường lối hoạt động. Lênin chủ trương đảng phái cách mạng chỉ cần quy tụ được một số đảng viên cốt cán say mê và tận lực trong lý tưởng cách mạng. Những người theo đường lối mở rộng, nhận đảng viên ào ạt từ quần chúng theo phe Menshevik. Lênin đòi hỏi quyền lực phải được tập trung tại trung ương đảng, và chỉ có trung ương đảng mới có thẩm

quyền xác định cương lĩnh cũng như bổ nhiệm nhân viên tại mọi đảng cấp. Lênin tin là đảng sẽ mạnh lên bằng đường lối thanh trừng, loại bỏ những thành phần đi trệch ra khỏi chính sách đã vạch sẵn. Menshevik mềm dẻo hơn, chỉ giữ nguyên tắc đại cương mà bỏ đi phần tiểu tiết. Nói chung, Bolshevik có vẻ gần giống với phong trào Mác-xít ở Tây Âu nhiều hơn trong khi Lênin là người bám chặt vào giáo điều Marx, vào biện chứng duy vật, vào đấu tranh giai cấp, v.v...

Lênin khám phá ra chủ nghĩa Mác-xít nhưng ở nhiều điểm ông ta còn giáo điều hơn cả Marx. Ông ta giận dữ đến cực độ khi thấy có người yêu cầu giảm bớt đi tính cách gay gắt của cuộc đấu tranh giai cấp hay ám chỉ chủ nghĩa Mác-xít có thể chấp nhận chỗ đứng của tôn giáo. Đối với Lênin, "lý thuyết Mác-xít là một chân lý khách quan" và "chỉ có Marx mới đưa con người ra khỏi sự rối loạn và giả tạo" như ông ta viết vào năm 1908. Nhưng trên thực tế, chính nhờ vào một khả năng trí tuệ cao, vào những thủ đoạn chính trị, vào tài ăn nói và khả năng xách động quần chúng, vào kinh nghiệm và kỹ thuật hoạt động hội kín (8), Lênin đã thành công trong việc dùng một nhóm người để chuyển cuộc cách mạng về phía mình. Đối với Marx và Engels, nền vô sản chuyên chế chỉ có thể thực hiện được khi hầu hết quần chúng đã là những người vô sản và chế độ phải phản ánh nguyện vọng chung của họ. Lenin thì ngược lại. Ông ta cho là một nhóm ít người dùng bạo lực vẫn có khả năng áp đặt nền vô sản chuyên chế lên đám đông.

Nói chung, có hai đảng phái chính được thành lập cách nhau khoảng hai năm. Đảng Cách mạng Xã hội dựa vào nông dân, có bị ảnh hưởng từ chủ nghĩa Mác xít nhưng không theo hẳn chủ trương đấu tranh giai cấp của Marx. Đảng thứ hai, đảng Dân chủ Xã hội, chia thành hai hệ phái, nhưng vẫn theo sát giáo điều Mác-xít và lấy công nhân ở thành thị làm hậu thuẫn. Ngoài ra còn có đảng Dân chủ Lập hiến, nhưng đảng này không lấy nhân dân làm hậu thuẫn mà chủ trương đấu tranh chính trị để đưa đến một thể chế quân chủ lập hiến. Các đảng phái ráo riết hoạt động tưởng sắp giải phóng được dân Nga ra khỏi chế độ hà khắc của Nga hoàng đến nơi. Nhưng thực tế lại khác hẳn, cuộc cách mạng 1905 bùng nổ trong nước không dính líu chút nào đến các đảng phái này và các lãnh tụ cách mạng, lúc đó hầu hết vẫn còn đang sinh sống ở nước ngoài, đã giật mình chưng hửng khi biến cố trọng đại này xảy ra.

Cuộc cách mạng 1905

Bước sang thế kỷ 20, sự bất mãn của dân chúng đối với chế độ Nga hoàng đã lên đến cực độ. Ở thôn quê, nông dân xé rào lấn đất của phú nông, chống lại địa chủ và không chịu nộp thuế; ở thành thị, công nhân tổ chức đình công liên tục, chống lại lệnh của triều đình. Tuy nhiên, điều đáng để ý là cả ba đảng phái cách mạng đều không dính líu đến hay trực tiếp đứng sau lưng những phong trào nổi dậy này. Dân chúng bi bóc lột quá mức rồi tự động đứng lên mà thôi. Hầu hết các lãnh tụ cách mạng còn đang bận rộn soạn thảo cương lĩnh chính trị ở hải ngoại.

Thực ra, các đảng phái cách mạng đều có tiếng mà không có miếng. Cho đến thời điểm này, họ chỉ mới đạt tới mức độ của một cơ quan tuyên truyền, có lãnh tụ nhưng thiếu đảng viên hay cảm tình viên. Chính vì thế họ đã đứng bên lề trong cuộc cách mạng 1905 và chỉ lợi dụng nương đà nổi lên vào những giờ phút chót.

Trước những rối loạn do dân chúng bất mãn gây ra, triều đình Nga vẫn khăng khăng giữ thái độ bất nhượng bộ. Năm 1894, Nga hoàng Aleksandr Đệ Tam mất, con là Nicholas Đệ Nhị lên thay. Chịu ảnh hưởng của giáo dục giáo hội Chính thống Nga, ông hoàng này có một đầu óc hẹp hòi, thiển cận và cực đoan. Triều đình Nga đánh bạc bằng cách gây chiến tranh với Nhật Bản, hy vọng là nếu chiến thắng dân chúng sẽ tỏ ra ngưỡng mộ triều đình hơn và từ đó dễ bề giải quyết vấn đề nội loạn.

Cuộc cách mạng 1905 được châm ngòi bằng một cuộc biểu tình bất bạo động diễn ra tại St. Petersburg vào tháng Giêng năm 1905. Hằng trăm ngàn người biểu tình, gồm cả đàn bà và trẻ em, bị quân lính Nga hoàng đàn áp đẫm máu và sau đó rối loạn lan tràn khắp nơi trong nước. Ở thôn quê, nông dân nổi lên đánh phá. Ở thành thị, công nhân thi nhau đình công. Đến lúc này, đảng viên Dân chủ Xã hội, hầu hết là Menshevik, mới thấy xuất hiện, đứng ra điều khiển làn sóng biểu tình đình công của công nhân. Họ thành lập những hội đồng công nhân lao động gọi là Sô viết và tổ chức thành những "tổ" ở St. Petersburg và Mạc tư khoa. Đảng Cách mạng Xã hội và đảng Dân chủ Lập hiến cũng xông ra tranh giành ảnh hưởng. Ai cũng muốn được làm lãnh tụ điều khiển cuộc nổi dậy.

Triều đình Nga thoạt đầu nhượng bộ lấy lệ nhưng đã phải hứa hẹn nhiều cải tổ sâu rộng trong chính sách sau khi hạm đội Nga bị hải quân Nhật đánh tan tành ở eo biển Đối mã. Tuy được hứa hẹn nhưng khí thế của cuộc cách mạng vẫn còn vô cùng mãnh liệt. Tháng Mười năm đó, công nhân, dưới sự hướng dẫn của đảng viên Menshevik (lúc này Lênin vẫn còn ở nước ngoài), tổ chức một cuộc đình công rộng lớn làm tê liệt mọi hoạt động của triều

đình trung ương. Lập tức sau đó Nga hoàng ban hành bản Tuyên ngôn Tháng Mười hứa hẹn sẽ thảo hiến pháp mới, công bố dân quyền, và một quốc hội (10) do toàn thể giai tầng xã hội bầu lên. Quốc hội sẽ có quyền làm luật và kiểm soát hành pháp.

Cuộc cách mạng 1905 vẫn tiếp diễn sau đó nhưng triều đình Nga đã sớm hoàn chỉnh nội bộ và vì cuộc nổi dậy không có tính cách thống nhất nên chẳng bao lâu bị dẹp tan. Thành viên của các sô viết bị bắt bớ, tù đày. Quân đội từ Viễn Đông được triệu về. Các lãnh tụ cách mạng lại chạy ra nước ngoài. Hành quyết diễn ra khắp nơi. Tình trạng bóp nghẹt lại trở về như cũ.

Kết quả duy nhất có được sau cuộc cách mạng 1905 là quốc hội Duma nhưng quốc hội này cũng không làm được điều gì đáng kể và chết đi sống lại cả thảy bốn lần trước khi tàn lụi luôn vào năm 1917. Nhưng ảnh hưởng của cuộc cách mạng này đến các hoạt động đấu tranh về sau là điều không thể chối cãi. Nó còn là một cuộc cách mạng lãng mạn làm đề tài cho văn chương như trong thi ca của Boris Pasternak (9).

Nội các Stolypin

Sau khi phong trào nổi dậy năm 1905 lắng xuống, một số viên chức trong triều đình Nga đề nghị phát động một cuộc cải tổ sâu rộng trong xã hội để chận đứng làn sóng cách mạng đang dâng cao. Một trong những người này là Peter Stolypin (10). Stolypin giữ chức thủ tướng trong nội các của Nga hoàng từ năm 1906 cho đến khi ông bị ám sát chết năm 1911. Stolypin chủ trương xây dựng giai cấp tư sản để họ trở nên thân thiện với triều đình. Ông cổ võ cho việc nâng đỡ giai cấp bần cố nông, giúp họ ổn định đời sống kinh tế, có tài sản trong tay để họ không bị lôi kéo đi làm cách mạng. Chính sách mới của Stolypin đem lại nhiều kết quả tốt đẹp. Cho đến năm 1917, khi xảy ra cuộc cách mạng Bolshevik, nông dân Nga làm chủ ba phần tư ruộng đất. Quyền tư hữu được chấp nhận và đã thấy những cá nhân làm giàu ngay trên mảnh đất của chính mình.

Nhưng Stolypin gặp phải sự chống đối mạnh mẽ từ cả hai phía tả và hữu. Ông bị Nga hoàng hạn chế quyền lực sau khi bị đám bảo thủ trong triều đình chỉ trích là đi vào đường lối của Tây phương. Từ phía tả, mạng sống ông bị đe dọa thường trực. Các đảng phái cách mạng dĩ nhiên không muốn thấy nông dân có thiện cảm với triều đình, họ sợ lý tưởng cách mạng của họ sẽ lu mờ một khi sự bất mãn của dân chúng với triều đình không còn nữa. Họ quyết định phải loại bỏ Stolypin bằng mọi giá. Vợ con ông bị đặt bom chết tan xác, còn chính bản thân ông thì bị bắn chết tại Kiev khi đang ngồi xem hát. Thủ phạm giết Stolypin là một đảng viên cực đoan trong đảng Cách mạng Xã hội và cũng là gián điệp trong vệ binh của hoàng gia.

Xem thế, Stolypin là một nhân vật tiến bộ và có đầu óc mở mang. Nhưng ông đã là nạn nhân của cả hai phe cực đoan: phe cực hữu trong triều đình sợ bị mất đi địa vị đang nắm giữ trong tay và phe cực tả gồm các thành phần trí thức cách mạng mà cứu cánh duy nhất của họ là lật đổ chế độ Nga hoàng. Xã hội Nga, nhờ những chương trình cải cách của Stolypin, đã có những cải thiện đáng kể. Ngay đến sự tự do báo chí cũng thấy được nới lỏng, điển hình là sự ra đời vào năm 1912 của tờ Pravda, cơ quan ngôn luận của đảng Bolshevik.

Cuộc cách mạng tháng Hai 1917: chế độ quân chủ cáo chung

Năm 1914, thế chiến thứ nhất bùng nổ và triều đình Nga nhảy vào vòng chiến khi liên quân Đức-Áo (1) tiến vào lãnh thổ Nga. Hai triệu dân Nga bị thương vong trong trận chiến này. Một lần nữa chế độ Nga hoàng lại để thất bại trong thử thách chiến tranh. Nông dân và công nhân Nga cầm súng ra mặt trận vì lòng ái quốc nhưng họ thấy thiếu vắng sự tin tưởng vào giới lãnh đạo như dân Đức hay dân Áo. Triều đình Nga tỏ ra vô cùng lúng túng trước vấn đề chiến tranh. Họ lủng củng ngay từ nội bộ. Nhiều viên chức cao cấp trong bộ chiến tranh có thái độ thân Đức trong khi Nga đang liên minh với Anh-Pháp để đánh Đức. Nga hoàng Nicholas Đệ Nhị có vợ gốc Đức và bà ta không nghe lời ai ngoại trừ một nhân vật mang nhiều huyền thoại tên Rasputin. Bất cứ ai muốn vào gặp Nga hoàng đều phải có sự chấp thuận trước của Rasputin. Triều đình càng ngày càng xa cách với thực tại trong khi các phe phái cách mạng thì vẫn nhất quyết đòi lật đổ chế độ. Thù trong giặc ngoài khiến tình cảnh nước Nga trở nên vô cùng khốn đốn, và chỉ cần một cơn gió nhẹ thoáng qua cũng đủ để đốm than hồng bùng lên thành ngọn lửa thiêu rụi cả một đế quốc rộng lớn.

Cơn gió đó một lần nữa lại đến từ St. Petersburg (12). Ngày 8 tháng Ba năm 1917 (13) dân chúng biểu tình trên đường phố đòi được cấp phát thực phẩm. Cuộc biểu tình, dưới sự xách động của các đảng viên cách mạng, chẳng bao lâu biến thành một cuộc nổi dậy mang tính cách chính trị. Quân lính Nga hoàng không chịu dẹp đám đông mà còn quay lại làm loạn, chống lệnh từ trên đưa xuống. Triều đình trở nên bất lực. Các viên chức trong chính phủ đòi giải tán nội các để thành lập nội các mới dựa trên đa số trong quốc hội Duma.

Quốc hội Duma thành lập ủy ban hành pháp tạm thời chấp chính cho đến khi tình hình sáng sủa hơn. Cùng lúc, những hội đồng công nhân, gọi là Petrograd Soviet, cũng được phe cách mạng dựng lên thi hành quyền lực tương tự bên chính phủ. Nhưng một lần nữa, các hội đồng công nhân này lại bị xâu xé giữa các đảng phái cách mạng: đảng CMXH, đảng Menshevik và đảng Bolshevik.

Ngày 14 tháng Ba, ủy ban hành pháp Duma và Petrograd Soviet đồng ý cùng đứng ra thành lập chính phủ lâm thời dưới quyền của hoàng thân Lvov. Phe chính phủ chấp thuận để ghế thủ tướng cho Aleksandr Kerensky, một nhân vật ôn hòa trong đảng CMXH. Việc làm đầu tiên của chính phủ lâm thời là áp lực Nga hoàng Nicholas Đệ Nhị thoái vị. Nicholas Đệ Nhị lúc đó còn đang ở mặt trận, nghe tin lập tức quay về kinh đô nhưng bị quân lính làm phản chặn đường không cho về. Quân đội đã ngả về phe cách mạng. Tướng tá của Nga hoàng không sao thu phục được đám loạn quân và cuối cùng đã phải khuyên ông ta thoái vị. Nga hoàng đồng ý thoái vị, và ngày 17 tháng Ba năm 1917, sau một thời gian dài hỗn loạn, Nga trở thành một nước cộng hòa.

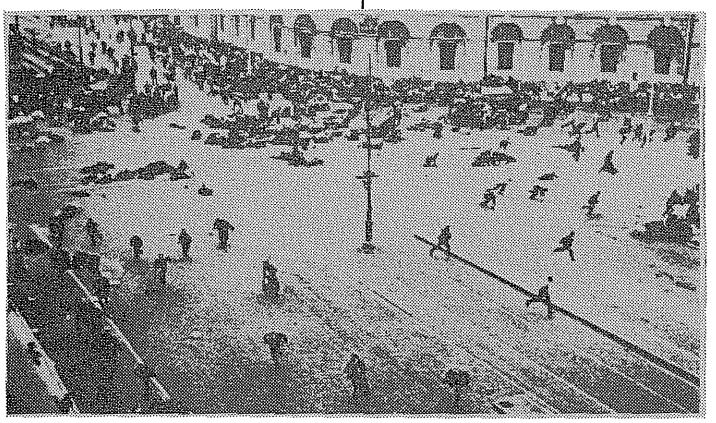

Tháng Mười 1917, phe Kerensky bị thảm sát ở Petrograd.

Cuộc cách mạng Bolshevik

Mặc dù đã thành công trong việc ép buộc Nga hoàng thoái vị, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế, nhưng chính phủ lâm thời không sao tái lập được trật tự. Cảnh hỗn loạn vẫn tiếp diễn ở thôn quê, nông dân nổi lên đốt phá, giết hại. Cuộc chiến với Đức bị lâm vào thế bí. Quân lính vứt bỏ súng đạn trốn về nhà. Sĩ quan không chịu phục vụ chế độ mới. Trong chính phủ, phe Petrograd Soviet và phe cựu hoàng vẫn không chịu hợp tác với nhau. Pháp luật trong nước hoàn toàn sụp đổ. Đây là lúc Lênin và các đồng chí của ông ta trong đảng Bolshevik bắt đầu xuất hiện để cướp lấy thời cơ.

Mãi đến giữa tháng Tư năm đó, Lênin mới từ ngoại quốc về. Về đến nơi ông ta lập tức đứng vào phe Petrograd Soviet để chống lại phe của Kerensky. Sang tháng Sáu, Lênin định đảo chính lật đổ chính quyền Kerensky nhưng sự việc bất thành và Lênin phải chạy sang lánh nạn bên Phần Lan. Lúc này Kerensky đã chính thức thay thế hoàng thân Lvov nắm giữ mọi quyền hành trung ương nhưng tình trạng tại Petrograd vẫn không chút khả quan. Một tướng lãnh tại mặt trận, tướng Kornilov, đem quân về kinh đô lấy tiếng tái lập trật tự nhưng thực sự là định đánh đổ chính phủ lâm thời. Kornilov vừa bị đánh bật ra thì nhóm Bolshevik bắt đầu hợp tác với các đảng phái xã hội khác thành lập những lực lượng võ trang chiến đấu đánh phá chính phủ Kerensky. Kerensky lập nội các mới gồm toàn những thành phần đảng phái xã hội trừ đảng Bolshevik. Trong lúc đó tình trạng khan hiếm thực phẩm lên đến mức ngặt nghèo, giao thông gián đoạn khắp nơi, nông thôn dấy loạn và công nhân tại thành thị chỉ tìm đến nghe những người cực đoan nhất nói chuyện chống chính phủ.

Nhóm Bolshevik khôn khéo biết được tâm lý của quần chúng và họ đã đánh trúng vào điểm yếu này. Chương trình cách mạng và hành động họ đưa ra có vẻ lôi cuốn nhất. Trước hết, ngay lập tức, họ kêu gọi đình chiến với liên quân Đức-Áo; thứ hai, phân phát ruộng đất đồng đều cho nông dân; thứ ba, chuyển giao tất cả cơ xưởng kỹ nghệ, hầm mỏ trong tay tư nhân sang các ủy ban công nhân; và thứ tư, công nhận các sô-viết (tức các hội đồng công nhân lao động) làm đại diện tối cao cho chính quyền thay vì chính phủ lâm thời. Lênin đã khéo biết uyển chuyển khi cần thiết. Ông ta không ngần ngại đi trệch ra khỏi giáo điều Mác-xít trong lúc này mặc dù ở những vấn đề trừu tượng hơn, ông ta luôn luôn là người cực đoan. Ông ta thấy vào lúc này không có gì cấp bách hơn đối với dân chúng Nga bằng "hòa bình, đất đai và thực phẩm." Với một chương trình nghe rất hấp dẫn, cộng với những thủ đoạn chính trị, chẳng bao lâu nhóm Bolshevik nắm được đa số trong Petrograd Soviet và hầu hết các hội đồng công nhân ở địa phương.

Lenin cho là thời cơ đã đến

để cướp chính quyền. Khi họp nội bộ đảng để lấy quyết định, ông ta gặp sự chống đối của Zinoviev và Kamenev nhưng Trotsky, Stalin và đa số trong ủy ban trung ương đảng đồng ý là giờ hành động đã đến. Đêm ngày 6 rạng ngày 7 tháng 11, quân Bolshevik đánh chiếm các trạm điện thoại, trạm ga, và nhà máy điện của thành phố. Tàu chiến chĩa súng vào dinh của Kerensky đe dọa. Kerensky trở tay không kịp phải chạy trốn và cuối cùng sang tới Nữu Ước. Lập tức, chính phủ lâm thời bị giải tán để thay vào là "hội đồng các ủy viên nhân dân" đứng đầu là Lênin. Trotsky giữ ghế ủy viên ngoại giao, Stalin ghế ủy viên các sắc tộc.

Nắm được chính quyền rồi, nhưng Lênin và phe đảng của ông ta vẫn phải tuân hành cho tổ chức tổng tuyển cử để dân bầu lên quốc hội như đã được định sẵn từ khi chính quyền cách mạng lâm thời lên cầm quyền. Cuộc bầu cử được tổ chức vào tháng Giêng năm 1918. Có 36 triệu người đi bầu, trong đó 9 triệu bầu cho đảng Bolshevik và 21 triệu bầu cho đảng CMXH của Kerensky, chứng tỏ dân chúng, nhất là dân quê, vẫn còn ngưỡng mộ đảng CMXH và chính phủ Kerensky. Lenin thay vì tôn trọng nguyện vọng của đa số dân Nga đã cho giải tán quốc hội ngay sau khi quốc hội mới nhóm họp được hai lần. Ông ta trắng trợn tuyên bố là "giao quyền hành cho quốc hội thì cũng giống như đi hòa giải với bọn tư sản ác độc." Nền vô sản chuyên chế bắt đầu trong lịch sử Nga. Hai tháng sau, đảng Bolshevik đổi tên thành đảng cộng sản. Một trang sử mới được lật sang nhưng không phải vì thế mà dân Nga được hưởng thanh bình no ấm. Cuộc nội chiến tàn khốc sau đó, cuộc thanh trừng đẫm máu dưới thời Stalin, chính sách cai trị sai lầm của các triều đại sau đó đã đưa nước Nga đến tình trạng suy thoái như ngày nay. Và một lần nữa nước Nga lại đang đi vào con đường đổi mới.

Xem thế, chúng ta nhận định ra ngay được một điều là cuộc cách mạng Tháng Mười, đúng như lời của Solzhenitsyn, chẳng phải là một cuộc cách mạng chút nào cả. Nó chỉ là một cuộc "đảo chính" mà thôi. Chính quyền Sô-viết xưa nay vẫn cố tình che dấu điều đó vì nếu không thì cái gọi là cuộc cách mạng Tháng Mười sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Lênin và các đồng chí của ông ta không "tạo" ra cuộc cách mạng 1917 như vẫn được lầm tưởng. Họ chỉ làm cái công việc - theo lời Solzhenitsyn - nhặt lên cái sức mạnh nằm lăn lóc dưới đất không thuộc về riêng ai đó. Họ chụp bắt lấy tay lái khi guồng máy đã bắt đầu chuyển động. Họ nhảy lên con tàu ở giữa dòng sông. Cuộc cách mạng Nga 1917 (khác với cuộc cách mạng Tháng Mười), cũng như tất cả những cuộc cách mạng vĩ đại khác, bắt nguồn từ một tổng thể lịch sử và không một quyền lực nào có thể che đậy được tính cách nhân bản, bất biến với thời gian của nó.

CHÚ THÍCH:

1) Hằng năm điện Cẩm Linh tổ chức lễ kỷ niệm cuộc cách mạng Tháng Mười vào ngày 7 tháng 11. Sở dĩ có sự sai biệt này là vì dưới thời quân chủ nước Nga vẫn theo niên lịch Julian trong khi hầu hết các quốc gia khác ở Âu châu đã theo niên lịch Gregorian. Lịch Julian đi sau lịch Gregorian 14 ngày, do đó, ngày 25 tháng 10 (ngày chiến thắng của quân Bolshevik) được dịnh lại thành 7 tháng 11. Trong bài viết này, tất cả ngày tháng đều được tính theo niên lịch mới.

2) Tiếng Nga là zemstvos.

3) Từ năm 1861, sau khi được giải phóng khỏi cảnh suốt đời đi làm thuê, nông dân Nga tập trung lại sinh sống trong những làng xã.

4) Kinh đô nước Nga dưới thời quân chủ. Ngày nay là Leningrad.

5) Quy chế tù dày của Nga hoàng so với thời sau này dưới chế độ cộng sản xét ra không thấm vào đâu. Ở Tây Bá Lợi Á, Lênin vẫn được sống thong dong đọc sách, đánh cờ, viết lách, đàm đạo với các bạn tù khác (cũng là tù chính trị). Đôi khi tù còn được phép đi săn bắn. (Theo Lênin: A Biography của David Shub).

6) Trên thực tế, hai đảng phái thù ghét nhau không kém gì họ thù ghét chế độ Nga hoàng.

7) Bằng thủ đoạn chính trị, Lênin nắm được đa số trong đại hội nhưng sau đó số đảng viên bên Bolshevik kém dần so với Menshevik. Tuy vậy Lênin vẫn cứ ngoan cố tự nhận là Bolshevik để giữ tiếng đa số.

8) Lênin học những kỹ thuật này từ lớp đàn anh của ông ta chứ không phải từ chủ nghĩa Mác-xít.

9) Năm 1925, Pastenak viết một bài thơ dài nhan đề là "Biến loạn trên biển" để tưởng nhớ cuộc cách mạng 1905 này.

10) Được Solzhenitsyn ca tụng trong quyển "Tháng Tám 1914."

11) Thực ra là liên quân của Đức và các quốc gia đồng minh với Đức như Áo, Bảo gia lợi, Thổ nhĩ kỳ.

12) Trong thời chiến St. Petersburg được đổi thành Petrograd để cổ võ tinh thần bài Đức. Sau cuộc cách mạng Boshevik thành Peter phải nhường chỗ cho Lênin, thành phố được đổi lại một lần nữa thành Lêningrad cho đến ngày nay.

13) Túc 22 tháng Hai theo niên lịch cũ.

Tài liệu tham khảo:

1) The Russian Revolution của R. R. Palmer, n.x.b. A. Knopf.

2) Russia's Road from Peace to War của Louis Fischer, n.x.b. Harper & ROw.

3) A History of Soviet Russia: The Bolshevik Revolution của Edward Carr, n.x.b. The MacMillan Co.

4) Lenin: A Biography của David Shub, n.x.b. Random House.

ĐỔI MỚI KINH TẾ CỘNG SẢN KẸT Ở ĐÂU ?

VƯƠNG HỮU BỘT

Năm 1980 một bản phúc trình cho Club de Rome đã tiên đoán rằng ở Liên Sô sẽ có ngày đảng Cộng Sản tìm cách tự bớt quyền (1). Club de Rome là một tổ chức tư và quốc tế nghiên cứu tương lai kinh tế thế giới. Khi tiên đoán đảng Cộng Sản Liên sô sẽ tự giảm vai trò của họ, tác giả Hawrylyshin nêu lý do kinh tế. Ông nói họ sẽ tự bớt quyền vì ôm đồm quyền hành tốn kém quá, không bõ.

Tốn kém thứ nhất là phải nuôi một đảng và một nhà nước rất kềnh càng. Nếu quý vị phải điều khiển một xí nghiệp mà cứ một người thợ làm việc lại phải có một đốc công đứng thúc đẩy hay một thư ký ngồi viết báo cáo, quý vị sẽ thấy là phí quá. Nên bớt đốc công, bớt nhân viên văn phòng, đưa họ sang làm sản xuất. Như thế tài nguyên phân bố một cách hữu hiệu hơn. Không có của cải nào quý bằng con người - nếu người đó được tự do làm việc.

Lại còn tốn kém về việc chữa chạy. Lý thuyết xa với thực tế nhiều quá. Báo cáo cũng xa với thực tế nhiều quá. Dân xếp hàng mua không ra đồ, mua được rồi bất mãn vì đồ xấu. Anh công nhân chế máy may than cửa hàng thịt toàn thịt ôi. Chị bán thịt chê quần áo chưa mặc đã rách, chị thợ may đổ tại máy may hư.

Thử tưởng tượng một xí nghiệp mà ban quản đốc phải lập thêm một đại bộ phận để phục vụ khách sau khi bán (service après vente). Đại bộ phận đó có nhiệm vụ bịt miệng khách không cho than phiền, cấm khách hàng không được xé rào trao đổi chợ đen, nếu cần thì bỏ tù cả lũ.

Hai thứ phí tổn đó sẽ làm cho việc cầm quyền ngày càng tốn kém hơn. Họ sẽ so sánh với các nước theo nền kinh tế thị trường. Giống như ban quản đốc một xí nghiệp, thấy hãng bên cạnh có giá thành rẻ hơn mình nhiều, nghĩ tại sao không học lấy vài mánh lới của họ? Vì thế, cần đổi mới kinh tế. Andropov là người bắt đầu và trước khi chết ông muốn chọn Gorbachev kế vị. Andropov cầm đầu KGB nhiều năm, ông có hồ sơ của các vụ tham nhũng, bất lực, phe phẩy của rất nhiều bộ trưởng, tư lệnh, giám đốc. Nhưng đọc các hồ sơ đó mãi chắc ông ta cũng thấy đằng sau mỗi yếu đuối của con người còn có các con số về tài nguyên bị phí phạm. Bắt tội tham nhũng anh con rể của ông cựu tổng bí thư thì dễ. Làm sao để người thay thế anh ta không bị cả hệ thống lôi kéo vô cùng một đường, là khó. Một cái bánh xe bể răng cưa đem thay thế được. Cả cái máy chạy ỳ ạch, phí than, phí điện, phí nguyên liệu thì làm sao?

Gorbachev nói rõ phải thay đổi. Không phải chỉ có mình ông ta, mà nhóm đa số lãnh tụ ở Cẩm Linh muốn đổi. Một giáo sư kinh tế Thụy Điển, Anders Aslund, sau ba năm làm việc ở

Mạc Tư Khoa, mới xuất bản cuốn *Gorbachev's struggle for Economic Reform* (Cornell, 1989). Ông tiết lộ rằng đa số đảng viên trong bộ chính trị ủng hộ Gorbachev, đều là lý thuyết gia chánh trị, không có ai là kỹ sư.

Triệu chứng và căn bịnh

Để cắt giảm lãng phí, việc đầu tiên Gorbachev làm là tấn công nạn nghiện rượu. Từ thầy chú đến thợ thuyền đều uống. Say li bì, bỏ sở ngủ ở nhà. Đến sở thì chân nam đá chân xiêu. Năng suất ở đâu cũng bê bết vì chủ nghĩa Vodka tấn công chủ nghĩa Mác.

Biện pháp khi làm chiến dịch chống Vodka theo phương thức quen thuộc Stalin. Cấm, phạt, tăng giá, bớt sản xuất rượu, chỉ cần ký vài pháp lệnh là đủ.

Biện pháp đó không chạy. Đúng ra là phương thức làm việc đó không chạy. Đường trở nên khan hiếm. Hóa ra nhiều người mua đường để chế rượu lậu. Thợ thiếu rượu bất mãn, năng suất xuống không thua thợ lơ mơ, lảo đảo vì rượu. Sau mấy năm thì chiến dịch ngăn ngừa rượu được buông lỏng từ từ, dù vẫn còn giữ các biểu ngữ, khẩu hiệu.

Để đuổi kịp Tây Phương, cũng khuyến khích sáng chế các dụng cụ sản xuất tân tiến. Rô bô (robot) là một đồ thiết bị không thể thiếu. Các xưởng làm xe hơi ở Nhật, Đại Hàn, Đức có bao nhiêu việc để cho robot làm. Vừa nhanh, vừa chính xác, đúng nhịp hơn người, lại không cáo bịnh ngày thứ hai. Nhưng không hiểu tại sao robot làm ở Nga nó cũng khác. Một cái robot ở Leningrad làm ra để chật cả căn phòng, chiếm chỗ của chục ông thợ hàn. Mà nó lâu lâu lại hư, ngưng bất tử nhiều lần, nhiều hơn là một anh thợ say rượu, báo *Economist* (18-3-89) thuật như vậy.

Thế thì vấn đề không phải chỉ là đồ thiết bị trong giây chuyền sản xuất. Vấn đề là mấy kỹ thuật gia chế tạo robot họ làm sao ấy. Có cái gì bất ổn sâu xa hơn phải chữa. Kỹ sư Nga giỏi kém gì kỹ sư Nhật. Cái hệ thống trong đó kỹ sư Nga làm việc khác với hệ thống bên Nhật.

Một triệu chứng của nền kinh tế theo lối Sô Viết là việc sử dụng tài nguyên rất phí phạm. Người ta đo lường hiệu quả của việc dùng tài nguyên như thế này. Tính giá trị của số nhiên liệu (điện, than, dầu lửa...) và thép dùng trong cả nước suốt một năm. Chia số đó cho tổng sản lượng quốc gia. Như vậy sẽ tính ra trung bình một đồng bạc trong Tổng sản lượng quốc gia tốn bao nhiêu xu thép và nhiên liệu. Khi mang con số này đi so sánh, thấy nền kinh tế các nước Cộng Sản dùng gấp hai, hoặc hai lần rưỡi, nhiều hơn các nước Tây phương.

Nhưng xài phí tài nguyên và nhiên liệu có phải là căn bệnh không? Chúng ta có thể chỉ nghiên cứu giảm bớt số lượng thép, dầu lửa, than trong các quá trình sản xuất là chữa xong bệnh hay không?

Thực ra dùng phí nguyên liệu chỉ là kết quả của một hệ thống kinh tế trong đó từ người thợ cho đến quản đốc không tự ý muốn cắt giảm chi phí! Không kích thích được họ cắt giảm chi phí thì cũng như bỏ. Đó mới lòi gốc rễ của bịnh.

Vì chú trọng đến triệu chứng hơn là căn bịnh các phương thuốc chữa chứng này lại nảy ra chứng khác. Thí dụ phẩm chất hàng hóa thấp kém. Gorbachev muốn chữa bịnh đó nên lập ra chương trình "kiểm phẩm" chặt chẽ (Gospriemka). Kiểm kỹ lắm nên 30 phần trăm các hàng làm ra phải vứt bỏ. Nhiều xí nghiệp bị tê liệt.

Đạo luật về xí nghiệp quốc doanh ở Liên Sô năm 1987 được coi là nền tảng của chính sách cải tổ cơ cấu. Luật mới, nhưng cách làm ăn ở các xí nghiệp vẫn không đổi. Ở trung ương không được phép ban xuống các kế hoạch, chỉ tiêu độc đoán nữa nên họ thay thế bằng "đơn đặt hàng của nhà nước" (goszakazy). Nếu đơn đặt hàng không bắt ép được xí nghiệp, các quan lại triều đình sẽ đưa ra chỉ thị khác "làm cân đối nền kinh tế quốc gia."

Gốc của bịnh là cơ cấu tập quyền. Không đem trị thì các triệu chứng sẽ tăng thêm Gorbachev mang kinh nghiệm địa phương về áp dụng ở trung ương. Ông ta lập "siêu bộ" về nông nghiệp (gosagroprom). Nó không có ích lợi gì mà còn tác hại vì nó lớn quá, nhiều quyền quá. Người Nga nói đùa rằng chính tình báo Mỹ CIA xúi bẩy Gorbachev lập ra cái siêu bộ đó. Đầu năm 1989 nó bị bãi bỏ. Ở Đông Âu và Tàu, khu chế xuất chuyên để xuất cảng cũng là một thí nghiệm tốt. Nhưng nếu chung quanh khu chế xuất là cả một nền kinh tế do thư lại và cán bộ chính trị chi phối thì sự có mặt của khu chế xuất chỉ làm tăng bất công, xáo trộn xã hội. Khi nào trong một xứ có hai nền kinh tế khác nhau, ba bốn thứ giá cả (giá nội bộ, giá cung cấp, giá thỏa thuận, giá chợ đen) thì thế nào cũng sinh ra tham nhũng. Tham nhũng là một phản ứng tự động của hệ thống để chuyển tiền bạc từ lãnh vực này sang lãnh vực khác. Ăn cắp trắng trợn phải xảy ra. Khi ăn cắp và nhũng lạm đã trở thành một cách sống bình thường, đạo lý căn bản nhất của loài người đã sụp đổ, thì cả nền kinh tế cũng suy sụp. Đường xe lửa ở Việt Nam tê liệt vì người ta ăn cắp bù loong, ăn cắp ổ thắng, cũng vì đạo đức suy.

Nóng đâu thoa đó

Khi không phân biệt được căn bịnh và triệu chứng thì các sửa đổi sẽ chỉ có tính cách vá víu, thoa dầu. Chỉ lo chữa chạy các vụ bị khiếu nại tức là chỉ

chữa ngoài da. Vì người khiếu nại chỉ trực tiếp thấy triệu chứng ở bên ngoài mà thôi.

Thí dụ có lời than phiền về một món hàng làm ra ở Thủ Đức, người ở Chợ Lớn cách đó có 20 cây số muốn mua hàng phải đi ra tận Hà Nội, cách hơn ngàn cây số mới mua được. Chuyện này là chuyện nhỏ. Không cần cố gắng nhiều cũng sửa đổi được. Chuyện giá vàng ở Sàigòn là 200, 300 đô la trong lúc ở thị trường Hồng Kông bán gần 400 đô la cũng là chuyện nhỏ. Có thể điều chỉnh được. Nhưng căn bịnh chính là tại sao hai tình trạng trên lại xảy ra? Chính là vì hệ thống kinh tế nằm trong tay nhà nước với những người chỉ giỏi nghề lùa người ta vô trại tập trung và đọc diễn văn, hô khẩu hiệu (mô hình nhà tù và nhà tu) nhưng không biết làm ăn (nhà buôn).

Kinh tế bế tắc người ta đổ tại nhân sự, chứ không phải tại hệ thống. Việc không chạy đổ tại người làm thiếu tận tâm hay thiếu năng lực. Họ đề cao mấy viên chức có tinh thần mẫn cán, nghĩ nếu ai cũng như vậy thì kinh tế phải chạy. Những người đứng đầu thành phố Sàigòn đã thân hành xuống các cơ sở xí nghiệp trực tiếp giải quyết các vướng mắc. Nếu không có nguyên liệu vì giá thu mua không thỏa thuận được, cho phép điều chỉnh giá. Nếu thiếu điện, chỉ thị ngay cho cơ quan điện giải quyết..." Các thí dụ trên nếu đem ra làm bài học luân lý cho thiếu nhi thì cũng tốt. Nó dạy các em hãy chăm chỉ, làm việc hết sức. Nhưng nếu coi đó là một bài học kinh tế thì hỏng. Lối quản lý kinh tế đó không chạy được. Người cầm đầu một thành phố bốn triệu dân cứ suốt ngày đi cho phép điều chỉnh giá và lo cắt điện chỗ này để tăng điện chỗ khác thì làm sao còn có thời giờ lo các vấn đề lớn và kế hoạch dài hạn? Cứ lo chạy chữa, chữa bên tay mặt bịnh chạy sang bên trái, chữa bao tử nó chạy qua gan, vân vân.

Một thí dụ khác ở Ba Lan. Các nước Nhật, Đại Hàn dân quốc đã thành công rất nhanh nhờ chế tạo và xuất cảng xe hơi, vậy Ba Lan đâu kém gì mà không làm. Thợ Ba Lan cũng giỏi, kỹ sư lành nghề, nếu có chia lời thì ai chẳng ham làm việc. Vậy nên phải tăng gia nhân lực, tài nguyên chế tạo xe hơi.

Nhưng sản xuất xe hơi thì phải dùng rất nhiều phụ tùng, nhiều bộ phận, chế tạo ở nhiều địa điểm khác nhau. Thiếu một bộ phận thì cả giàn ráp xe phải chờ. Chỉ cần một nguồn cung cấp ỳ trệ là tất cả đứng lại.

Vì thế đã có cảnh nhà máy ráp xe ở Varsovie cần kíp quá phải tìm trực thăng chở một món phụ tùng từ Czczecin về cho kịp hẹn giao xe xuất cảng (2). Cũng may móc ngoéo được chỗ cung cấp trực thăng.

Gốc bịnh nằm ở đâu? Ở chỗ một khu vực đổi mới mà cả hệ thống chưa đổi mới. Chân phải bước nhanh nhưng chân trái bước chậm. Hoặc hai chân còn đợi nhau vì việc gì cũng phải chạy lên đầu rồi mới chạy xuống. Mà cái đầu thì nặng quá, truyền tin cũng chậm, có khi lãng trí quên luôn. Chuyện hai chân đá nhau là vấn đề khác.

Làm xe hơi xuất cảng coi bộ ăn to, nhưng cái xe làm ra mà chỉ có vỏ tốt, máy dở hay máy tốt, thắng không ăn thì cũng không thể bán được, hoặc bán với giá rất thấp vì người mua trừ hao tiền sửa chữa sau này. Như một hãng nhập cảng ở Phần Lan mua xe hơi của Nga về, phải thay tất cả hệ thống giây điện trước khi đem bán cho khách (3). Giá xe bán sẽ phải tăng lên, việc xuất cảng lại khó hơn.

Mua máy móc, thiết bị của Tây Phương về thay thế đồ mua trong khối Cộng Sản cũng là một cách nâng cao phẩm chất hàng xuất cảng. Nhưng đi mua máy móc thì phải vay nợ. Nợ chồng chất là một cái họa mới, Ba Lan, Nam Tư đều đã trải qua. Chuyện nhập cảng máy móc sau đó phải ngưng, để còn lo thanh toán nợ nần.

Hợp doanh với tư bản ngoại quốc cũng có thể trị bá bịnh chăng? Nhưng tư bản ngoại quốc vô một nước là cốt bán hàng cho chính người tiêu thụ nước đó. Đại Hàn, Nhật mở nhà máy ở Mỹ làm xe hơi để bán cho dân Mỹ. Ở một nước nghèo thì dân lấy gì mua hàng? Còn nếu hợp doanh để xuất cảng thì tư bản quốc tế có sẵn cơ hội đầu tư vô những xứ nghèo khác, nơi mà luật lệ, thể chế bảo đảm quyền tư hữu và huê lợi của họ chắc chắn hơn. Nếu chính người dân trong nước không tin tưởng vào các pháp lệnh, lời hứa của chánh phủ họ thì tư bản ngoại quốc nào dám tin? Hơn nữa nếu trong xứ không có nền tảng kinh tế về giao thông, thông tin, tài chánh và ngân hàng, thì tư bản nào có thể làm ăn được?

Đổi mới kinh tế trong các nước Cộng Sản loay hoay chữa chạy các triệu chứng mà không chữa căn bịnh. Căn bịnh đó là hệ thống kinh tế kiểu Sô Viết và chủ nghĩa Mác Xít. Bốn nhóm quyền lực: đảng, nhà nước, Công an, quân đội cản trở đổi mới. Một nền dân chủ pháp trị là cơ bản của nền kinh tế thị trường, không có thì đổi mới sẽ bế tắc mãi.

Tóm lại, không có cải tổ toàn diện mà chỉ toàn chữa chạy, vá víu các triệu chứng thì không thể đổi mới gì được. Nó sẽ khập khiễng hoài.

Ngược lại người ta cũng lấy các thay đổi bề ngoài để mô tả nó như là một đổi mới kinh tế. Khi nhìn thấy các hàng quán mọc lên đầy thành phố, người ta có cảm tưởng rằng một nền kinh tế mới đã xuất hiện. Đúng là nó mới thật, vì các hoạt động chui, lén bây giờ được đưa ra công khai. Nhưng nó có thay đổi cơ bản của nền sản xuất trong xứ hay không? Chắc chắn là không. Những hoạt động kinh tế có thể thay đổi đời sống phải là những cơ xưởng lớn, những thương vụ lớn, hiện giờ vẫn do một bộ xưởng lớn, những thương vụ lớn, hiện giờ vẫn do một bộ máy thư lại điều hành. Một nhà máy xay lúa, dựng lên trong Sàigòn, được mô tả là lớn nhất nước, sẽ được trung ương chiếu cố để bày ra các trở ngại. Người ta ngăn trở vì đáng lẽ cái nhà máy nào lớn nhất phải ở Hà Nội, chứ không phải ở Sàigòn. Một câu hỏi thích đáng, đáng lẽ đặt ra là cỡ nhà máy xay lúa lớn chừng nào thì hiệu năng cao hơn, nhưng không ai đặt ra. Nhà máy xay lúa lớn quá sẽ đặt ra các vấn đề khó khăn về tồn kho, phòng hỏa, bảo vệ thóc, gạo khỏi bị mốc, bị chuột ăn v.v... kỹ thuật tồn kho ở xứ mình có đối phó hiệu quả các vấn đề trên không? Một nhà máy với kho rất lớn sẽ giải quyết vấn đề tồn kho dễ hơn hay nhiều nhà máy nhỏ, tản mác, ở giữa các vùng trồng lúa, sẽ giải quyết dễ hơn? Tất nhiên việc chuyên chở, chi phí, việc điều động xe cộ, phân phối xăng nhớt thì các nhà máy nhỏ sẽ có thể làm lẹ hơn - nếu có tự do trong thị trường chuyên chở. Ngược lại, khi không có thị trường thì làm nhà máy lớn có lợi vì nó tạo ra thế lực chánh trị lớn. Bộ máy thư lại tạo ra tình trạng người ta muốn tạo cơ xưởng lớn để có uy thế chánh trị, không quan tâm đến các yếu tố quản trị hữu hiệu.

Câu chuyện Nông Trường Bò Sữa Ba Vì

Thiên phóng sự về nông trường bò sữa Ba Vì là một trường hợp điển hình nên tìm hiểu (4).

Nông trường nuôi bò sữa ở Ba Vì thành lập từ 1958. Theo họ nói thì ở đó sữa bò tươi không thua kém tiêu chuẩn quốc tế. Có năm đã sản xuất 294 ngàn ký sữa bò. Nhưng giám đốc nông trường kêu: "Sữa càng nhiều càng khổ!" Tội nghiệp chưa! Vì sữa đầy ra không có người mua. Bộ người ta sợ uống sữa bò rồi ngu đi chăng?

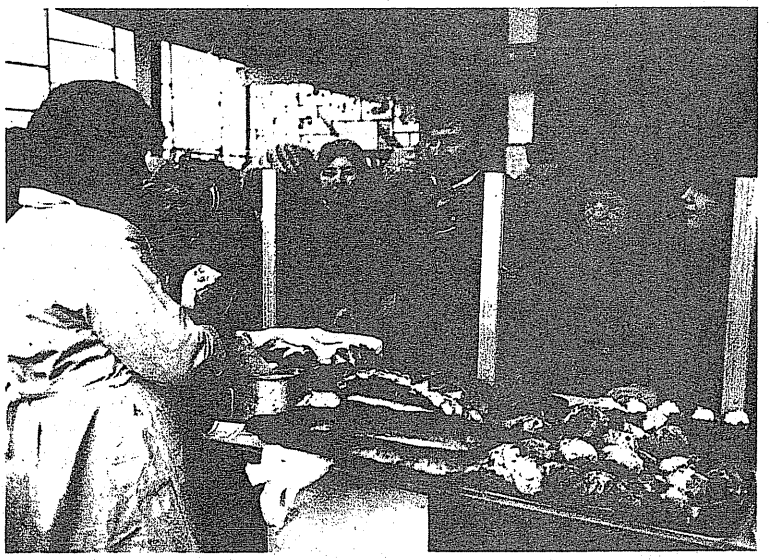

Mua bánh mì hàng ngày cũng phải... xếp hàng.

Nông trường đã chạy đi chào hàng, ký hợp đồng bán cho các cơ quan, công ty, cửa hàng nhà nước. Có nơi hứa rồi bỏ qua. Có nơi ký hợp đồng rồi không cho xe đến lấy. (Chắc ngày, giờ đó xe hư hoặc cần đi việc khác?) Ba Vì ở trong vùng thủ đô Hà Nội, cách trung tâm thành phố 40 cây số. Các bịnh viện, nhà trẻ, nhà mẫu giáo trong thành phố cũng không tới mua. Công ty ăn uống thị xã Sơn Tây cách đó có 10 cây số cũng không mua. Nông trường bị căng sữa!

Có phải tại vì giá sữa cao quá chăng? Không. Ông giám đốc nói sữa bán ra có lúc rẻ hơn khoai lang.

Ông trình bày nỗi khó khăn là nông trường không có xe lạnh chở sữa vô trung tâm Hà nội, cách đó một giờ xe. Nông trường có thiếu tiền mua xe không? Không, họ sẵn sàng mua trả tiền mặt. Đã đi xin các cơ quan thẩm quyền, nơi nào cũng hứa giúp mua xe mà rút cuộc vẫn không mua được. Trong khi đó có ngàn cái xe chở bà con đi ăn giỗ, đi nghỉ mát, và... chở đồ lậu - vẫn ông giám đốc than.

Nông trường cho đem sữa bán dọc đường, từ Ba Vì về Xuân Mai. Người qua đường vắng vẻ, dân quanh vùng cũng không mua hết sữa, vả lại tiền đâu mà mua hết. Chỉ còn cách bán ép cho chính nhân viên nông trường mua sữa về nuôi heo. Con heo không chê con bò cũng phải. Giá bán sữa nuôi heo 5 đồng một ký trong khi giá thành 40 đồng. Cách tốt hơn nữa là dùng sữa chế ra keo dán gỗ. Nông trường sữa Mộc Châu, Phù Đổng đã làm. Tại sao không biến chế thành sữa hộp? Ông giám đốc giải thích muốn làm sữa đặc phải có đường, có lon đựng. Lại phải có than, có

điện để nấu. Nhưng khi có điện thì thiếu than, có than thì thiếu đường, v.v... Đặt mua đường trắng, người ta giao đường vàng, không lấy thì thôi. Ký hợp đồng rồi họ bỏ ráng chịu. Ai cũng có lý do vì các "khó khăn chung đang diễn ra khắp nơi trên đất nước" Nông trường Ba Vì không mua được hộp đóng sữa, nhưng "người ta" cung cấp hộp cho xí nghiệp làm dưa chuột muối hộp. Có nơi còn nhập cảng sữa bột về để chế sữa hộp. Và tất nhiên, vẫn có nơi nhập cảng sữa hộp.

Tìm hiểu cách giải quyết vụ sữa Ba Vì

Muốn hiểu những khó khăn nào là khó khăn chính trong vụ sữa Ba Vì thì ta nên tưởng tượng trường hợp câu chuyện này xảy ra ở một xứ có nền kinh thế thị trường. Thị trường sẽ giải quyết vấn đề này ra sao?

Ngay từ đầu, nếu biết sữa phải bán đổ bán tháo cho heo cũng được đăng lên báo đầy đủ, nhất là quyết định bốn điểm.

Đường xe lửa ở Việt Nam tê liệt vì đạo đức suy đồi. Người ta ăn cắp ổ thắng, ăn cắp bù loong, gỡ cả tường và ghế ngồi.

Sau khi thiên phóng sự trên đăng lên, chủ tịch Ủy ban Nhân Dân thành phố Hà Nội đã họp "làm việc" với bộ trưởng bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm. Nông trường trực thuộc Viện chăn nuôi, bộ nông nghiệp. Sau đó phó chủ tịch thành phố đặc trách nông nghiệp đi gặp Viện trưởng viện chăn nuôi. Cuộc gặp gỡ nào cũng nhất trí cả. Tiếp theo phó Chủ tịch thành phố đi Ba Vì bàn chuyện mua bán sữa, tính giá cả rõ ràng. Rồi ông phó chủ tịch ra lệnh hai ông giám đốc của thành phố đi Ba Vì. Ở đó họ nói không cần bán nữa. Nhờ nhà báo "quảng cáo," đã có người mua. Vẫn hết lòng phục vụ nhân dân thủ đô, UBND thành phố bèn thông báo bốn quyết định: tăng cường vận tải; tổ chức vòng đai sữa bò trong nhân dân; giao cho Sở ăn uống tổ chức bán sữa; và quyết định phải "quan hệ chặt chẽ với bộ Nông Nghiệp và Công Nghiệp Thực Phẩm, gắn chặt kinh tế trung ương với địa phương để phát huy sức mạnh tổng hợp trên địa bàn thành phố nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả chương trình lương thực, thực phẩm ở thủ đô." Các phương án giải quyết trên đây ăn, hay dùng chế keo ở nông trường Phù Đổng, Ba Vì, trong khi ở bịnh viện, nhả trẻ ở Hà Nội có người cần uống sữa; thì sẽ có một nhóm người góp hay vay tiền *mua* cái xe thùng cũ, bỏ đá lạnh vô trong, đi mua sữa ở Ba Vì về Hà Nội. Tìm có thân nhân người bịnh nào muốn mua sữa, bố mẹ trẻ em nào muốn mua sữa không. Mua tận gốc, bán tận ngọn, chắc có lời. Nông trường sẽ bán hết sữa, yên tâm nuôi bò, mở mang lớn thêm. Người tiêu thụ sẽ có sữa uống cho bổ. Như vậy gọi là tài nguyên được phân bố hợp lý và có hiệu quả, ai cũng có lợi.

Nhóm "doanh nhân" đầu tư vào một cái xe chở sữa đó có đóng góp gì cho phúc lợi chung chăng? Họ có "sản xuất" ra cái gì không? Môn tiếp thị (Marketing) ở các nước tự do sẽ giải thích rằng nhóm doanh nhân trên cung cấp những "Ích Dụng" về thời gian và vị trí. Người tiêu thụ hưởng "ích dụng" khi uống sữa. Nhà vắt sữa bò tạo ra ích dụng về sản phẩm. Người ướp lạnh sữa để tới ngày hôm nay vẫn uống được tạo ra ích dụng về thời gian; không có ướp lạnh thì ích dụng sản phẩm bữa sau cũng mất. Người chuyên chở sữa tới nơi người tiêu thụ cống hiến thêm ích dụng về vị trí. Những người tạo ra cái ích dụng về thời gian và vị trí đáng được thưởng công. Nếu họ đã góp tiền mua xe chuyên chở, họ đáng hưởng thêm lợi nhuận. Tại sao? Vì đáng lẽ với số tiền đó họ đã đem tiêu xài, mua tivi, tủ lạnh, đi nhẩy đầm. Để dành tiền, đầu tư là đánh đổi sự tiêu dùng hôm nay để được tiêu dùng mai sau. Lợi nhuận là phần thưởng cho sự dành dụm, nhịn tiêu xài đó. Nếu nhóm doanh nhân trên không đủ vốn phải đi vay bà con bạn bè, họ sẽ phải trả tiền lời, vì người cho vay cũng nhịn tiêu xài bữa nay để được xài sau này. Khi đó nhóm doanh nhân phải bảo đảm trả tiền lời người cho vay, luật pháp sẽ bắt họ làm đúng điều cam kết. Nếu họ thất bại, không trả được tiền lời họ sẽ bị phạt cách này hay cách khác. Không dưng ai muốn gánh lấy rủi ro đó? Vậy phải có thêm thứ lợi nhuận nào đủ khích lệ người ta đứng ra gánh rủi ro.

Đó là cách giải quyết ở một nền kinh tế thị trường. Trong đó không ai phải bàn đến chuyện cao xa như "phát huy sức mạnh tổng hợp," hay "giải quyết nhu cầu sữa của nhân dân." vân vân. Họ chỉ cần bàn chuyện ai có lợi gì. Anh có lợi, tôi có lợi, người tiêu thụ có lợi, xã hội phân bố tài nguyên hiệu quả hơn cũng có lợi.

Trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa không ai dám xung phong ra đóng vai doanh nhân như trên. Hãy coi ông vua lốp xe, vua làm bút nguyên tử và làm keo dán vá lốp xe, có sáng kiến và chịu khó, cần kiệm. Ông ta sản xuất trực tiếp, biến chế, mà còn bị chèn ép, bỏ tù, không cần luật lệ nào hết. Như vậy thì người không sản xuất trực tiếp, chỉ buôn bán, sẽ còn bị trừng phạt, bỏ tù lâu hơn. Tại sao? Vì theo sách vở kinh tế mác xít họ là giới "phi lao động." Kinh tế học mác xít coi họ như là ăn bám, họ không phải là giai cấp lao động trực

tiếp. Tất nhiên về mặt chánh trị họ sẽ không thuộc thành phần được lãnh đạo xã hội. Như thế chưa đủ xấu xa, họ còn bị coi là mầm mống của giai cấp tư sản, sẽ làm hại cõi thiên đường vô sản. Trong cuốn tiểu thuyết *Những Thiên Đường Mù* của Dương Thu Hương, nhân vật chính, cán bộ tuyên huấn, đã buộc bà chị ruột phải bỏ nghề buôn thúng, bán mẹt. Anh ta nói: "... trước hay sau Đảng và Nhà nước cũng sẽ cải tạo triệt để loại người phi lao động... Một bộ phận của giai cấp tư sản đã được hình thành từ đám tiểu thương như chị" (trang 46). Thái độ đó bắt nguồn từ lý thuyết của Karl Marx về "giá trị lao động," từ đó Marx đưa tới thuyết về "bóc lột," và về cách mạng vô sản. Trong một bài sau chúng ta sẽ bàn về vấn đề này. Ở đây hãy chú ý đến một hệ luận, của lý thuyết đó, là nền kinh tế Cộng Sản chỉ nhìn thấy giá trị kinh tế ở việc sản xuất trực tiếp. Người buôn bán coi như là vô dụng. Họ không nhìn thấy Ích Dụng (Utility) của người tiêu thụ, trong đó có ích dụng về thời gian và vị trí. Vì thế nông trường bò sữa Ba Vì phải tự tìm cách bán sữa, gặp bao nhiêu khó khăn, phải chờ đợi, xoay trở bao nhiêu năm mà vẫn bấy nhiêu khó khăn.

Trước tiên là đợi một mệnh lệnh từ trên cao nhất ban xuống. Đó là nghị quyết của đại hội VI của đảng Cộng Sản Việt Nam cuối năm 1986. Nghị quyết đó dịch các chữ Glasnost, Perestroika sang tiếng Việt. Sau nghị quyết, lại phải chờ những bài báo "những việc cần làm ngay" ký tên tắt N.V.L. (5). Cả một phong trào kêu gọi cởi mở, công khai được phát động bằng những bài báo không ký đủ tên họ. (Lạ thật!). Sau đó phải có nhà báo đi điều tra "việc cần làm ngay" chiếu cố đến Nông Trường Bò Sữa Ba Vì. Nhà báo tìm hiểu câu chuyện rồi, viết ra cũng phải gọt rũa văn chương sao cho phải đạo, tránh đi "quá đà," tránh "bôi nhọ chế độ," tránh lầm lẫn hiện tượng biến chất với bản chất vân vân.

Bài báo đăng rồi, phải có người đem trình lên ông chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố, lúc nào ông có thời giờ đọc. Ông chủ tịch thành phố phải hẹn gặp ông bộ trưởng Nông Nghiệp và Công Nghiệp Thực Phẩm. Hai ông "làm việc" và nhất trí. Xong lại đến ông phó chủ tịch phụ trách nông nghiệp gặp ông Viện Trưởng Viện chăn nuôi. Cả hai lại cùng nhất chí! Họ còn phân công xem ai sẽ làm nhiệm vụ lớn lao là viết bản tường trình lên trên. Từ từ leo xuống các nấc thang của hệ cấp hành chánh, ông phó chủ tịch mới đi tới nông trường ở cách đó một giờ xe chạy. Gặp ông phó giám đốc nông trường (bản báo cáo nói rõ: ông giám đốc đi vắng - để khỏi bị chê là hệ cấp quan liêu sai). Hai ông lại làm việc, lại nhất trí về "phương hướng giải quyết vấn đề đáp ứng nhu cầu sữa tươi của nhân dân." Cả một danh từ to lớn để nói chuyện bán ngàn lon sữa một ngày. Ông phó chủ tịch trở về, cử hai ông cấp dưới, giám đốc sở nông nghiệp, giám đốc sở ăn uống thành phố lên nông trường làm việc. Khi hai ông tới thì không cần làm việc gì nữa. Các công trường thủy điện sông Đà và khách sạn Thống Nhất Hà Nội đã lên nông trường đặt mua sữa tươi rồi, xin cảm ơn hai ông giám đốc, khi nào bò bị căng sữa lại xin quan hệ chặt chẽ sau. Lúc đó thì đã gần một tháng kể từ khi bài báo được đăng lên, hai tháng nếu kể từ khi phóng viên điều tra, phóng sự. Hai mươi tám năm kể từ khi lập nông trường Ba Vì.

Bây giờ việc của Ủy Ban Nhân Dân thành phố chỉ còn là ra thông cáo về quyết định bốn điểm mà thôi. Điểm thứ tư phải hô to khẩu hiệu "gắn chặt, quan hệ chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp, góp phần thực hiện có hiệu quả, vân vân và vân vân."

Cách giải quyết bằng bàn giấy, cấp bậc, đi lên, rồi lại đi xuống, mất cả tháng mà cuối cùng chỉ còn việc hô khẩu hiệu, đó là điển hình kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Đọc hai bài báo trên thì không thể nhịn cười được. Nhưng đọc xong thì bùi ngùi, tưởng nhớ nhà thơ Quang Dũng. "Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì." trước khi chết, nhà thơ của chúng ta có dịp nào uống sữa bò sản xuất ra từ đồi cỏ nơi quê hương ông hay không?

Cả một guồng máy hành chánh, kinh tế xáo động vì mấy

Bữa ăn đạm bạc của gia đình Kovalenko, Moscow.

con bò. Chạy hết bàn giấy này sang bàn giấy khác. Nếu có thị trường tự do thì chỉ một doanh nhân cũng lo được. Mà hắn không lo phục vụ nhân dân đâu, hắn lo kiếm lời thôi.

Vậy guồng máy kinh tế Mác xít nó hư ở chỗ nào?

Khó khăn nằm ở đâu?

Dùng tiêu chuẩn của một nền kinh tế hữu hiệu để coi lại vụ Sữa Ba Vì ta thấy nhiều vấn đề từ trong bản chất của hệ thống. Xin thử nêu lên để thảo luận.

1) *Có vấn đề thông tin kinh tế.* Chỗ này có sữa bán không được. Chỗ khác cần sữa để uống hay để bán cho du khách. Hai bên cách nhau chỉ có một giờ xe chạy, mà không tìm đến nhau. Hoặc không biết đến nhau, hoặc có biết nhưng người có trách nhiệm quyết định không cất nhắc chân tay. Có thể lập một trung tâm thâu lượm tin từ khắp nơi rồi phổ biến đi khắp nơi chăng? Hay là nên để cho mọi người tự đăng báo kiếm nhau, vì làm như vậy có lợi cho chính họ. Vô hình chung lợi cho tất cả. Nông trường có thể phát triển hơn. Trẻ em có sữa uống. Khách sạn phục vụ khách tốt hơn và cũng kiếm lời. Nếu có một bản tin tức đăng rao trên báo (quảng cáo) trả tiền họ cũng sẵn lòng trả.

2) *Có vấn đề tổ chức.* Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa coi thường vấn đề phân phối. Trong một bài sau chúng ta sẽ nói đến chủ nghĩa của Karl Marx coi việc trao đổi, thương mại là một nguyên do của sự tha hóa con người. Nền kinh tế sô viết chú trọng đến sản xuất hơn là trao đổi. Trong câu chuyện nông trường bò sữa Ba Vì ta thấy thiếu một hệ thống trung gian phân phối! Hệ thống đó đi tìm người tiêu thụ coi ai cần gì, cần lúc nào, ở đâu, dưới hình thức nào, có thể trả bao nhiêu tiền. Họ cũng đi tìm người sản xuất ra món hàng. Nếu chưa có ai làm, họ sẽ làm hay để nghị ai có sức làm rẻ hơn thì làm. Hệ thống phân phối gồm cả đóng, gói, tàng trữ vào kho, chuyên chở, quảng cáo, bán sỉ, bán lẻ, bán chịu v.v...

Sữa tươi rẻ hơn khoai lang. Nông trường Ba Vì phải ép công nhân mua sữa về nuôi heo.

3) *Vấn đề giá cả.* Nông trường cần mua xe chở sữa, có tiền, mà không mua được, có phải tại giá xe quá cao chăng? Không phải. Vì kiếm ra cái giấy phép mua xe, kiếm ra nơi chịu bán còn khó hơn kiếm tiền mua xe. Giá cả của một chiếc xe không phản ảnh giá trị của chiếc xe trong đời sống kinh tế. Lý thuyết của Karl Marx về giá trị lao động là cả một mớ bòng bong các khái niệm trừu tượng *(Tư Bản luận* và *Lý thuyết Giá Trị Thặng Dư)* nhưng không giúp ích gì cho việc tính giá bán cho phù hợp với ích dụng kinh tế của món hàng. Cũng cái lon, cái hộp thiếc, nếu dùng chứa sữa đặc có lợi hơn là làm hộp dưa chuột chăng? Tiền nhập cảng sữa hộp nếu mua thiếc về làm hộp, đựng sữa mình có sẵn có lợi hơn không? Nếu nông trường Ba Vì được cạnh tranh tự do với xí nghiệp đóng dưa hộp thì chắc họ sẽ có thể trả giá cao để mua thiếc làm hộp sữa, vì trị giá gia tăng lớn hơn. Nhưng vì giá cả không tự do nên các quyết định kinh tế lệch lạc, tài nguyên chung bị lãng phí vào việc kém ích lợi. Các anh làm ra lợi nhiều thì không được làm. Cái anh làm hao phí nhiều thì lại tiếp tục hao phí.

4) *Có vấn đề thiếu kích thích để làm việc.* Nhà giữ trẻ có con nít cần dùng sữa cũng chẳng thấy cần lo mua sữa. Họ có thể viện dẫn đủ khó khăn trở ngại để ngồi ỳ ra. Nơi có thể quyết định cho mua xe hơi cũng chẳng muốn giúp. Vì cũng bấy nhiêu việc, ai mua ai bán cũng vậy, mình có ăn, thua gì đâu?

5) *Có vấn đề hệ cấp cứng nhắc.* Chỉ có một việc vắt sữa từ vú con bò đưa tới miệng mấy bịnh nhân, em bé, khách du lịch xài đô la, mà phải lên tới ông chủ tịch thành phố và ông bộ trưởng, lên xuống năm bẩy cấp, họp bàn bao nhiêu lần. Rồi cuối cùng thì chẳng còn việc gì để giải quyết cả. Chắc hẳn con bò nó cũng phải cười. (Có thể làm "phó mát" được.)

6) Không có việc gì cần giải quyết nữa thì ta quay ra *hô khẩu hiệu.* Đó là vấn đề thứ sáu. Lấy chuyện hô khẩu hiệu làm hoạt động chính của cả bộ máy đáng lẽ phải làm việc. Nói ra rả suốt ngày và gọi như thế là "làm việc."

Cả bản nghị quyết của đại hội đảng kỳ VI cũng chỉ là một khẩu hiệu hô hoán. Bài báo "Những việc cần làm ngay" được hô đi hô lại cả trăm ngàn lần, từ Nam ra Bắc. Ai muốn nói, muốn làm gì cũng phải mang bài báo đó ra hoan hô trước để làm cái mộc che thân, bảo vệ nồi cơm (Nhưng chỉ nhắc đến tên tắt, tên hèm phải kiêng.)

Sau khi viết về nông trường Ba Vì tôi tình cờ đọc bản tin CP ngày 1-9-1989 về nông trường tập thể Gorky, phía đông nam thành phố Moscow. Họ có 1100 con bò, đủ giống bò tốt: Holstein, Ayearshires, Black and White. Vậy mà ở Moscow mỗi tuần lễ phải chở một chuyến 1800 lít sữa trên xe lửa tốc hành chạy đêm từ Helsinki, Phần Lan, sang Moscow. Sữa đó để bán cho người ngoại quốc ở Moscow và Leningrad. Tại sao họ không uống sữa Liên Sô? Không phải vì Liên Sô thiếu sữa, sữa tươi chứa trong hộp bằng giấy chất đầy, không

khác gì các siêu thị ở Âu, Mỹ. Chỉ có vấn đề là sữa hay bị chua. Phóng viên CP đã quan sát từ lúc sữa được vắt, dẫn qua ống plastic không kín nên vừa ra khỏi vú con bò là có vi khuẩn vô rồi. Sữa được cho vào thùng giảm nhiệt độ xuống 2,3 độ, rồi đổ vào thùng cách nhiệt. Việc giảm nhiệt độ này làm rất tắc trách. Sau đó lại đổ sữa vô xe vận tải. Xe cũng không có phòng lạnh mà chỉ có thùng cách nhiệt. Người ta sẽ đổ sữa vô hộp làm bằng bìa cứng như ở các nước Âu Mỹ. Nhưng ở chợ và siêu thị, hộp sữa thường không để trong tủ lạnh, có khi chất đống trên sàn. Vì thế mà sữa bị chua rất lẹ, uống vô coi chừng đau bụng!

Nhưng liệu cơ quan hoạch định và các ban quản đốc có nhúc nhích không? Phải kêu bao nhiêu tiếng thì họ nhúc nhích? Kẹt cả đám nếu không thay đổi toàn bộ hệ thống.

Chướng ngại bên trong hệ thống

Chỉ có một việc cần làm ngay. Là bãi bỏ cả hệ thống chỉ huy kinh tế kiểu Sô viết, thiết lập một nền kinh tế thị trường trong khuôn khổ một chế độ dân chủ pháp trị. Không ai chịu làm ngay cái việc đó. Tại sao?

Không ai chịu làm ngay vì sợ mất lợi lộc. Cả bộ máy thư lại của đảng và nhà nước ăn bám trên hệ thống kinh tế đó. Dù không học khoa kinh tế của tư bản họ cũng biết so sánh *lợi ích biên tế* với *tổn phí biên tế*. Nếu bản thân phải làm việc gấp đôi (tăng 100 phần trăm) mà lương bổng chỉ tăng thêm 20, 30 phần trăm thì cũng không bỏ công làm rồi. Lỡ lợi tức lại giảm thì sao, chả dại. Trong thực tế họ đang làm việc 5, 10 giờ một tuần (30 giờ còn lại làm gì?), bây giờ làm việc 40 giờ thì hại sức khỏe lắm. Lương tăng gấp mười cũng chưa bù lại chỗ mất mát vì các cửa sau bị đóng chặt, vì cái gì cũng minh bạch, công khai.

Cả một phong trào kêu gọi cởi mở, công khai được phát động bằng những bài báo không ký đủ tên họ. Lạ thật!

Nhà báo hỏi ông quản đốc nông trường Gorky Victor Obshitikow tại sao không làm loại thùng có máy giữ lạnh để chứa sữa? Ông nói không biết, ở Liên Sô không có loại thùng đó, không ai làm cả. Vì sữa hay bị chua nên một quán ăn Mc Donald của Mỹ mở ra ở Moscow phải dựng lấy xưởng làm sữa của họ.

Tại sao suốt bảy mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội không ai lo làm thùng lạnh chứa sữa mà chỉ dùng thùng cách nhiệt? 1) Vì cơ quan hoạch định trung ương quên vụ đó, mà các nhân viên ở cơ quan có cửa hàng đặc biệt chả bao giờ uống phải sữa chua; 2) vì người tiêu thụ không có quyền lựa chọn, không có quyền kêu ca, khiếu nại; 3) vì từ nhà sản xuất đến người bán hàng không ai thấy có lợi gì để mà thay đổi; 4) cả ba điều kiện trên đều đúng.

Khi Gorbachew đổi mới, biết sữa điều 1 và điều 3 khó nên ông ta kích thích vào điều 2, tức là cho dân kêu than.

Mưốn bàn chuyện đổi mới kinh tế không thể không tìm hiểu các nhóm người nào sẽ chống đối vì quyền lợi bị thiệt, khi đổi từ kinh tế Sô viết sang kinh tế thị trường. Nhận định không phải để tính "tiêu diệt giai cấp thống trị." Chúng ta đã thấy Mác-Lênin lầm, tác hại nửa loài người vì cái lầm của hai ông. Chúng ta không lầm thêm lần nữa. Đạo sống của tổ tiên, của loài người không cho phép tiêu diệt cả một phần nhân loại, một phần dân tộc như vậy. Ngay cả khi lật đổ một chính quyền cũng không cần tiêu diệt hết những người trong chính quyền đó, nữa là cả một đám đông bị trói buộc vào một hệ thống, vì thế trở thành đạo quân bóc lột đồng bào mình.

Năm 1988 có một giáo sư kinh tế người Ba Lan, ông Jan Winiecki, đưa ra một dự án độc đáo. Ông đề nghị "mua lại" (buy out) nước Ba Lan bằng tiền và hiện vật. (6)

Ông tính thế này. Nước Ba Lan đang nằm dưới chế độ *Kleptocratie* (chữ của G. Grossman) với 250,000 người đang ăn cắp sống bám trên nền kinh tế xứ sở - nomenklatura. (Lãnh tụ nghiệp đoàn Walesa đoán có 900 ngàn). Trong số hai trăm ngàn đó chỉ gần một nửa là có khả năng cản mũi kỳ đà không cho đổi mới kinh tế. Số còn lại là bọn theo đóm ăn tàn, nếu đổi mới họ vẫn kiếm được việc làm, khỏi lo cho họ.

Bây giờ chánh phủ Ba Lan hãy ký giao kèo với bọn gộc trong giai cấp thống trị đó, trả đầy đủ lợi tức, hưu bổng, giữ nguyên các nhà nghỉ mát, xe cộ, bông xăng và tài xế cho họ, đang có gì cho giữ nấy. Với một điều kiện là họ về hưu cả, trao guồng máy kinh tế, hành chánh cho người khác. Sẽ tuyển chọn nhân viên thay thế họ, từ từ, theo tiêu chuẩn thị trường tự do. Tính ra số tiền chi ra trả cho họ trong nửa thế kỷ đi nữa vẫn còn nhỏ hơn cái hại cho cả nền kinh tế nếu cứ để cho họ nắm quyền hoài.

Một giáo sư chính trị học Nam Tư, Kosa Cavoski đã phê bình rằng Winiecki mơ mộng hão. Các thầy chú nắm vận mạng kinh tế Ba Lan nếu chỉ để hưởng lợi về kinh tế thì mua họ được. Nhưng còn quyền hành thì không mua được. Nắm quyền, sai khiến thiên hạ cũng là một thú vui, rất tự nhiên, tính giá nào trả được?

Bốn nhóm quyền lực

Trong một xã hội Cộng Sản có bốn nhóm chia nhau quyền lợi. Một là đảng và bộ máy của đảng từ trên xuống dưới. Hai là bộ máy thư lại cai quản các phủ bộ, xuống tới địa phương, và nắm quyền điều khiển các xí nghiệp, nông trường. Ba là công an cảnh sát. Bốn là quân đội. Gọi là bốn cho dễ phân tách, nhưng cả bốn cũng là một, do đảng chi phối.

Chỉ có một việc cần làm ngay là bãi bỏ hệ thống kinh tế chỉ huy kiểu Sô Viết,... không ai chịu làm.

Nếu nền kinh tế quốc dân giống như một cái bánh thì phải đem chia cho ba thành phần ưu tiên trước. Quân đội thì phải nuôi, không bỏ được. Còn dư dân chúng sẽ được hưởng. Dân, lính hưởng ở mức vừa đủ cầm hơi, để sinh sản, như Marx nói trong thuyết bóc lột giai cấp vô sản. Ba thành phần trên hưởng cái mà Marx gọi là giá trị thặng dư.

Trong bốn thế lực chính thì quân đội là thành phần ít bị mất mát vì các cuộc cải tổ cơ cấu nhất. Công an, nhà nước, và đảng có nhiều quyền lợi gắn chặt với cơ cấu hơn. Nếu quân đội có quyền quyết định ở một nước Cộng Sản thì sự đổi mới có lẽ nhanh hơn. Vì họ vốn hưởng lợi ít hơn nhà nước và đảng trong nền kinh tế chỉ huy lối Sô Viết. Quyền lợi của tướng tá không gắn liền với cơ cấu tập trung hiện giờ... Cảnh Sát Công An tuy gắn liền với chế độ hơn là quân đội nhưng cũng không bằng guồng máy thư lại và đảng.

Chế độ quân phiệt như ở Tây Ban Nha, và gần đây ở Chili, khi chuyển sang chế độ tự do dân chủ thì sự thay đổi dễ dàng hơn là các chế độ Cộng sản. Lý do là vì lớp người cầm quyền thống trị khi phải từ bỏ quyền hành họ vẫn còn giữ được nhiều nguồn lợi kinh tế. Họ có thể tính toán rằng dùng năng lực của họ để làm kinh tế thì còn có lợi hơn là bỏ sức bảo vệ quyền bính chánh trị. Trái lại trong chế độ Cộng Sản, quyền lợi kinh tế của đảng viên và cán bộ chỉ còn nếu họ còn nắm quyền chánh trị. Mất quyền là mất tất cả. Vì vậy họ phải ôm chặt lấy chế độ tập trung hoạch định.

Theo kinh nghiệm thì cải tổ chánh trị chỉ xảy ra khi đời sống kinh tế đã phát triển đến một mức khả quan, và sau đó lại gặp bế tắc. Trong cảnh bế tắc, người cầm quyền tính ra phải thả lỏng về chánh trị thì mới thoát khỏi bế tắc về kinh tế. Phần bánh họ được ăn theo tỷ lệ có thể nhỏ hơn, nhưng nhờ cả cái bánh to thêm nên họ cũng vẫn được lợi. Ngược lại, nếu cứ khư khư ôm lấy tỷ lệ phần bánh của mình, hay tăng tỷ lệ lên, mà cả cái bánh cứ nhỏ dần thì chính họ cũng phải ăn bớt đi.

Vì vậy các cải tổ chánh trị ở Hung, Ba Lan, Liên Sô chỉ bắt đầu khi chính giai cấp thống trị nhìn thấy hy vọng cái bánh kinh tế sẽ lớn hơn nếu dân được nới lỏng. Mà nếu không cải tổ thì chính phần ăn của họ sẽ bị thiệt, vì cả cái bánh nhỏ đi hay bể luôn. Ở Trung Quốc vào năm 1989 có lẽ bế tắc kinh tế chưa rõ rệt, chưa đến mức triều đình quan lại ở Bắc Kinh thấy phần bánh của họ có cơ bị giảm sút.

Những chướng ngại nội tại là do quyền lợi của giai cấp quan liêu gắn liền với bộ máy kinh tế trung ương tập quyền và chỉ huy. Bao giờ hai thứ quyền, quyền bính chánh trị và quyền lợi kinh tế tách rời khỏi nhau thì sự cải tổ thật sự mới bắt đầu được. Khi các quan lại và cường hào không còn nắm cả hai thứ quyền, quyền sai khiến người khác và quyền chia phần bánh kinh tế, thì cải tổ kinh tế có cơ bắt đầu thật. Nhưng làm cách nào để thực hiện sự chia tách đó?

Rút kinh nghiệm

Hoàn cảnh các nước Cộng Sản ở mỗi xứ khác nhau. Nước nhỏ, nước lớn, nước có chế độ cầm cờ lâu đời, nước thì mới, nước này chuyên về nông nghiệp, nước kia mạnh về kỹ nghệ. Cho nên tuy học hỏi, kinh nghiệm của người ta nhưng cũng phải biết căn cứ vào tình trạng hiện có của mỗi nước.

Sự cải tổ kinh tế là một quá trình xã hội, không thể diễn ra nhanh chóng được. Thế nào cũng có vấp váp, mò mẫm, thử rồi lại sửa, rồi lại thử? Không thể thay đổi cả một cơ cấu kinh tế, cả thói quen làm việc và suy nghĩ của hàng triệu người bằng một nghị quyết hay vài đạo luật được. 1) - Thứ nhất, không thể cải tổ cục bộ, mà phải cải tổ toàn diện. Phải quyết định chiều hướng của cuộc cải tổ là tiến đến một nền kinh tế thị trường. Mục tiêu phải là thay đổi tác phong làm việc của mọi người và mọi đơn vị kinh tế, cho phù hợp với quy luật thị trường.

Lối thay đổi dè dặt, từng phần, sẽ chỉ tạo điều kiện cho phe thủ cựu, chống đối có cách ngăn cản dễ dàng hơn. Họ sẽ nhắm vào từng chi tiết, vào các vấp váp để chỉ trích và cản trở. Hung Gia Lợi và Trung Quốc đã qua kinh nghiệm này.

2) Không thể cải tổ kinh tế nếu không thay đổi về xã hội và chánh trị. Có lẽ Gorbachev đã cảm thấy quy tắc này, khi hô hào thay đổi cơ cấu thì ông ta cũng chủ trương cởi mở về báo

chí và bầu cử. Cải tổ cơ cấu kinh tế thì sẽ bị các quan lại cá mập chống. Gorbachev cố huy động sự ủng hộ của dân chúng bên ngoài bằng chế độ báo chí rộng rãi hơn, cho dân được nghe, được thấy các cuộc tranh luận trong quốc hội bằng hệ thống truyền hình, khiến dân chúng tập suy nghĩ và bớt sợ sệt. Đó là một cách thay đổi xã hội để chuẩn bị cho sự thay đổi kinh tế. Vì vậy khi mấy trăm ngàn công nhân hầm mỏ đình công thì Gorbachev coi đó là một cơ hội chứ không coi là một trở ngại. Cái nguy cơ của Gorbachev là bơm cho kỳ vọng của dân lên cao quá mà trong thực tế thì hàng hóa vẫn thiếu thốn, kinh tế vẫn ỳ ạch.

3)- Khi bắt đầu cải tổ thì một cơ quan hoạch định và chỉ huy ở trung ương vẫn còn, nhưng phải thay bằng những người mới, không bị thói quen cũ, lề lối suy nghĩ cũ đè nặng. Cơ quan này phải nhỏ hơn trước. Hoạch định trung ương cần, vì phải ấn định các mục tiêu chung và can thiệp, chữa trị các chứng bịnh gây ra vì cải tổ. Giữ bộ máy đó để nhắm vào việc thiết lập một nền kinh tế thị trường, do đó nó phải càng ngày càng nhỏ và giảm bớt vai trò của mình đi.

Các nước Đại Hàn, Đài Loan đã phát triển nhanh là nhờ họ đặt các kế hoạch, ấn định các mục tiêu quốc gia, rồi giúp tư nhân và thị trường tự do phát triển trong chiều hướng chung. Phi Luật Tân dưới thời Marcos không phát triển được vì chế độ chỉ huy theo lối phe nhóm, bè phái đã không cho thị trường được phát triển tự do, không bảo đảm cạnh tranh thực sự.

Việc chữa trị các chứng bịnh nhỏ phải dùng phương pháp thị trường, không dùng phương pháp chỉ huy. Thí dụ phải đối phó với nạn sứ quân kinh tế, mỗi vùng, mỗi tỉnh, mỗi cơ quan là một quốc gia riêng, như tình trạng đã xảy ra ở Nam Tư. Thay vì củng cố thêm quyền hành ở trung ương thì nên bãi bỏ các đặc quyền, bãi bỏ sự can thiệp của chánh trị vào kinh tế, mở rộng sự cạnh tranh, tiền tệ hóa nền kinh tế, đó mới là cách chữa đúng. Nạn lạm phát, nạn đầu cơ đe dọa hàng nội địa là những chứng bịnh khác. Không thể chữa trị các bịnh đó bằng biện pháp độc đoán, cưỡng bách, mà phải thuận theo quy luật thị trường mà sửa. Dùng các biện pháp thuế vụ, tài chánh, khuyến khích đầu tư để chữa trị thì tốt hơn là áp đặt giá cả, chặn đứng cạnh tranh bằng hạn chế cứng nhắc, độc đoán.

Khi nào hai thứ quyền, quyền bính chánh trị và quyền lợi kinh tế tách rời nhau thì mới bắt đầu cải tổ kinh tế thực sự được.

Khi nền kinh tế được tiền tệ hóa, lợi tức lương bổng tùy thuộc vào việc làm hơn là vị thế chánh trị, thì các thói quen mới sẽ phát triển. Người ta sẽ không chờ chỉ thị, chạy chọt tìm kiếm đặc quyền, mà tập các thói quen mới,lấy thành quả kinh tế làm thước đo, ai làm thì mới có ăn, làm giỏi hơn ăn nhiều hơn lại còn chia cho người khác hưởng.

Khó khăn lớn nhất cho việc đổi mới là sự tín nhiệm của chính người dân vào chính sách mới. Điều người dân sợ nhất vẫn là được "nuôi cho béo để làm thịt." Từ nỗi sợ đó ai cũng chỉ lo lợi dụng cơ hội chụp giựt làm giầu rồi cất dấu vàng bạc thay vì đầu tư lâu dài.

Phải bỏ thói quen cai trị bằng các mánh khóe lường gạt, thói quen hô khẩu hiệu cho to mà thực chất không có gì, thói quen dùng lý thuyết trừu tượng để áp chế sự thực. Có bỏ được các thói quen đó thì mới tạo được chữ tín, nghĩa là danh với thực phải đi đôi.

Muốn vậy phải thay đổi lối cai trị bằng đảng phái độc quyền, phải lập nền cai trị bằng pháp luật dân chủ. Một xã hội pháp trị là căn bản của nền kinh tế thị trường. Người bỏ vốn hay bỏ công sức làm việc cần cảm thấy tình trạng an toàn về pháp lý. Nếu anh chị hành sử trong phạm vi pháp luật thì không sợ bị ai độc đoán bắt giữ, tước đoạt tài sản, hay lăng mạ sỉ nhục. Bãi bỏ chế độ đảng trị để lập chế độ pháp trị phải đi đôi với hệ thống tư pháp độc lập, tôn trọng tự do, dân chủ và quyền làm người. Những lối nói dân chủ tập trung, dân chủ có lãnh đạo chỉ là che đậy cho chế độ độc tài mà thôi. Một nền dân chủ phải được lãnh đạo bởi luật pháp, và nền tư pháp độc lập.

Các bước đi cụ thể

Bước đầu tiên là bãi bỏ lối hoạch định chặt chẽ chi li, bỏ các chỉ tiêu số lượng. Cho các đơn vị kinh tế những chỉ tiêu tổng quát để họ tự ý thực hiện gia tăng lợi nhuận. Hệ thống kế toán phải được ấn định lại, theo lối các nước kinh tế thị trường để doanh lợi và thuế má được tính toán một cách khách quan. Xí nghiệp công hay tư đều phải cạnh tranh như nhau.

Tách rời quản lý kinh tế ra khỏi chính trị. Trong một chế độ pháp trị thì cảnh sát, quân đội, công chức và quản đốc xí nghiệp không thể bị nhà cầm quyền chi phối theo ý kiến chánh trị đảng phái. Muốn tách rời, thì xí nghiệp công phải dần dần biến thành tư, càng nhiều càng tốt, càng sớm càng tốt.

Quy luật thị trường về giá cả phải được tôn trọng. Giảm bớt

chế độ bao cấp làm giá cả bị lệch lạc,trong phạm vi phẩm vật, nhân dụng và tín dụng. Miễn giảm thuế để khuyến khích đầu tư là biện pháp tạm thời.

Bước thứ hai là thiết lập một chế độ dân chủ pháp trị. Luật pháp do đại diện của mọi người dân đặt ra thì phù hợp với nguyện vọng của họ hơn là do một nhóm người tự đặt ra vì cho là mình biết nhu cầu của dân chúng rõ hơn cả dân chúng. Luật pháp kinh tế nhắm bảo đảm công bằng và tự do của thị trường hơn là tìm cách thay thế thị trường bằng chỉ thị độc đoán.

Luật lệ về các định chế thị trường phải đặt ra giống như trước khi đá banh phải có luật lệ cuộc chơi, không ai lo bị trọng tài phạt oan ức vô lý: Luật về tổ chức xí nghiệp, về việc xí nghiệp bị phá sản, luật về ngân hàng và thị trường chứng khoán, về thuế lợi tức v.v... Đồng thời phải có luật bảo vệ người tiêu thụ, bảo hiểm y tế, xã hội, bảo đảm lợi tức và mức sống tối thiểu, bảo vệ môi trường sống và các giá trị văn hóa, lịch sử.

Cho đến giữa năm 1989 thì ở Hung ga ri và Ba Lan đã đi gần nửa các bước thứ nhất và đang bắt đầu các bước thứ hai. Trung Quốc vẫn còn chập chững những bước thứ nhất và co lại trước viễn tượng các bước thứ hai. Trong lãnh vực kinh tế thì Liên Sô mới bắt đầu các bước thứ nhất. Nhưng không biết kết quả ra sao. Phục hồi kinh tế Liên Sô còn khó hơn phục hồi kinh tế Nhật, Đức sau thế chiến.

Đổi mới kinh tế và chánh trị

Nếu các bước đổi mới trên đây được thực hiện thì không còn sự phân biệt giữa cải tổ kinh tế và cải tổ chánh trị nữa. Vì muốn có đổi mới kinh tế phải có đổi mới cả thể chế, pháp luật, tất cả các câu thúc trói buộc đời sống người dân phải được cởi bỏ.

Các đảng Cộng Sản có ba con đường.

1) Giữ nguyên chế độ độc tài, kìm hãm dân được ngày nào hay ngày đó. Đến lúc nào dân nổi lên lật đổ mới xong. Các nước như Bắc Hàn, Albanie, Cuba coi bộ muốn đi vào con đường này, ít nhất đến khi Kim Nhật Thành, Fidel Castro... chết đi, có người mới lên thay. Dân muốn thay đổi phải dùng bạo động.

2) Nới lỏng về kinh tế bằng cách du nhập một số biện pháp của thị trường, rồi ngừng ở đó. Đó là tình trạng Hung Gia Lợi và Ba Lan cho đến cuối thập niên 1980. Phải đợi đến khi các cải tổ cục bộ hết hiệu lực cứu chữa, căn bịnh càng nặng hơn thì họ mới thực hiện tiếp các bước đổi mới khác, tức là đổi mới chánh trị.

Điều người dân sợ nhất vẫn là vỗ cho béo để làm thịt.

3) Con đường thứ ba, tiến nhanh hơn, đỡ gây khổ, đỡ tác hại cho dân chúng hơn, là thực hiện gấp rút các bước thứ nhất trong vòng mấy năm để tiếp tục bằng các bước thứ hai. Muốn vậy thì đảng Cộng sản, dù nói ra hay không, cũng từ từ biến dạng và không cần một cuộc cách mạng đổ máu người dân sẽ vứt bỏ một chế độ độc tài lập một nền dân chủ pháp trị, nhưng chắc không ai hy vọng chuyện này xảy ra, đó chỉ là một giấc mộng.

Trong khi thực hiện các bước thứ nhất thì phải tránh hô khẩu hiệu nhiều quá. Không thể nào ăn khẩu hiệu để sống, uống khẩu hiệu để trị bịnh được. Cả nước cứ hô khẩu hiệu đổi mới tư duy, đổi mới cách làm việc, đổi mới cơ cấu..., nhưng anh nọ nhìn anh kia không biết phải làm gì. Ai cũng ngẩng nhìn lên để coi khẩu hiệu thay đổi thì hô theo kịp thời: "dân chủ phải có lãnh đạo" - "ngăn ngừa uốn nắn các biểu hiện cực đoan" - "không động dao về chủ nghĩa xã hội v.v..." Thế là co vòi lại, để sống còn. Nhà văn Nguyễn Tuân từng thú nhận: "Tao còn sống đến ngày nay là nhờ tao biết sợ (7). Cả nước đã học tập biết sợ như con chó của Pavlov tập nghe tiếng chuông thì tiết dịch vị. Nghe hô khẩu hiệu, mới không cần biết nói gì, là đã sợ sệt lo giữ nồi cơm và mạng sống của mình.

Nhưng có phải tất cả dân chúng đều sợ sệt hết không? Chắc chắn là không. Còn những người dân mà đời sống vật chất không lệ thuộc vào cơ cấu quản lý kinh tế của nhà nước. Số người này càng đông thì số người không sợ đói càng nhiều. Lại còn những thanh niên, những trí thức còn giữ được sĩ khí, tiết tháo của Nguyễn An Ninh, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Công Trứ, Chu Văn An. Lại còn những người đã hưởng một số kinh nghiệm về tự do, dù chưa đầy đủ, của Việt Nam Cộng Hòa.Họ đã thấy báo chí đả đảo Thiệu-Kỳ, đả đảo cả Johnson, Nixon công khai. Họ đã tự do đi làm trại công tác, giúp đồng bào trực tiếp, phụng sự xã hội bằng những thay đổi về giáo dục, y tế, tổ chức kinh tế, từ cơ sở nông thôn giữa thời lửa đạn.Lại thêm những người đã từng đi theo kháng --chiến chống Pháp chỉ vì lòng yêu nước nồng nhiệt.Lại thêm các nhà tu hành không sợ chết!...

Những người không sợ này sẽ không chờ ở trên ban ơn phước bằng nghị quyết; pháp

Ảo giác du hành không gian

Có lần tới Disneyland
Vào xem ảo giác du hành không gian
Ngồi phi thuyền đặt trên giàn
Nhìn ra buồng lái là màn ảnh quay
Thấy rời phi đạo, chuyến bay
Màn ảnh chậm chiếu trời mây bồng bềnh
Màn ảnh mỗi lúc một nhanh
Tưởng mình vút tới cao xanh cõi trời
Miên man vẩn thạch phía ngoài
Nhìn về trái đất xa vời đáy sâu
Nửa giờ ảo giác, không lâu
Trở về phố cũ, mái lầu ngõ quen
Đêm nằm nghĩ cuộc mưu sinh
Ngày mai lại một hành trình quẩn quanh.

Khi mùa lạnh tới

Ở đây không có mùa mưa
Có mùa lạnh tới thông khua mái ngoài
Suốt đêm thương xá sáng ngời
Gia đình hạnh phúc, người người sắm sanh
Ai mua áo ấm để dành
Tôi xin mua tiết trời lành có thơ
Mua góc quán ngồi quên giờ
Đền bù kiếp sống xô bồ quanh năm.

TRẦN VĂN NAM

lệnh hay các bài báo nặc danh nữa. Họ sẽ đòi hỏi thực hiện các bước cải tổ chánh trị và kinh tế. Nếu họ lại dùng được các bước cải tổ kinh tế để tạo lấy sự độc lập về vật chất thì họ còn thêm sức để đòi hỏi mạnh hơn. Đó là bài học từ cuộc vận động tháng 5-89 của sinh viên và công nhân ở Bắc Kinh, những người không sợ đói, không sợ chết, và vững tin vào lý tưởng dân chủ tự do.

VƯƠNG HỮU BỘT

Chú thích:

1- Hawrylyshyn, B. - *Road Maps to the futur. Towards More Effective Societies,* Pergamon Press, Oxford, 1980.

2- *Economist,* 18 tháng 3, 1989 trang 70

3- Như trên

4- Lê Bầu, "Sữa dùng để làm gì," báo *Người Hà Nội* ngày 15 tháng 6 năm 1987.

5- Thói quen ký tên tắt, ký bí danh bắt đầu từ Lenin và Stalin. Một lần Hồ Chí Minh lấy tên mới viết bài chê một vở kịch. Một nhà văn không biết, đến tòa soạn bình vực vở kịch đó, chê tác giả bài phê bình là phá hoại nền văn nghệ Xã hội chủ nghĩa. Chủ biên tòa báo nhẹ nhàng yêu cầu ông ta viết một bài phản công cho rộng đường phê phán (Trò chơi chết người). Nhưng sau đó nhà văn đi dò la, biết được chính Hồ Chí Minh là tác giả bài phê bình. Ba bữa sau ông ta mang tới tòa soạn một bài nhiệt liệt ca ngợi bài phê bình của tác giả vô danh nào mà hay thế, làm sáng tỏ đầu óc của ông. (Truyện kể trong cuốn *Thư gửi người đầy tớ,* xuất bản tại Việt Nam, 1988). Có một việc nên làm ngay là bỏ lối viết nặc danh này đi. Người cầm đầu một nước phải làm gương về tinh thần trách nhiệm.

6- Wienicki, J. *Gorbachev way out?*
London: CRCE, 1988.
Một năm sau khi sách ra đời chế độ ở Ba Lan đã chấp nhận cho nghiệp đoàn Liên Kết (Solidarnos) tham gia vào quốc hội bằng bầu cử. Trong cuộc bầu cử tự do một nửa đó đảng Cộng Sản Ba Lan thảm bại. Một luật sư không Cộng Sản được mời lập chính phủ. Đó là chuyện về sau.

7- Theo nhà văn Nguyễn Minh Châu, "Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa" Nguyễn Minh Châu không nói rõ tên nhưng khi đọc ai cũng đoán là Nguyễn Tuân. Trần Văn Giàu, Nguyễn Khắc Viện cũng thú nhận khoa học xã hội cũng chỉ có nhiệm vụ minh họa trong mấy chục năm qua.

BA LAN VÀ VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU CHUNG

Biến cố ở Ba Lan làm nhiều người hồ hởi. Họ tưởng rằng ở Ba Lan như vậy thì ở Việt Nam cũng...vậy, và sửa soạn vali về nước chia quyền với Cộng sản. Thái độ của quí vị nầy làm tôi nhớ chuyện một anh chàng ngồi xem tivi, thấy các thiếu nữ mĩ miều đang tắm nắng trên bãi biển Mexico, anh ta ngứa ngáy quá. Nhìn ngoài trời thấy nắng chang chang, anh ta vội lục tủ tìm chai dầu phơi nắng, xách chiếc khăn tắm, mở cửa chạy ra sân làm một chầu tắm nắng. Nhưng... sân đầy tuyết và trời lạnh trừ mười độ (-10). Tôi nói chuyện nầy với một ông bạn, ông ta bảo:

"Thằng cha đó còn may, nó có bị lạnh thì trở về nhà trùm mền là hết. Ngày xưa ở Saigon có một em bé đi xem phi EM BÉ BAY, về nhà leo lên gác, nhảy qua bao lơn để tập bay, té gãy cổ."

Việc chánh trị thì không đơn giản như vậy. Chuyện Ba Lan có thật chứ không phải chuyện xi-nê, hơn nữa đâu đâu cũng nghe nói "cởi mở," từ "đồng chí" Gorbachev tới "đồng chí" Nguyễn Văn Linh. Chuyện Việt Nam cũng có vẻ thật lắm, vì nhiều cựu sĩ quan cao cấp và cả một cựu Thủ tướng đang chuẩn bị trở về; vì nhiều người đã trở về cộng tác, trong đó có một cựu Tổng trưởng vốn là một nhân vật chống Cộng nhiều uy tín trong giáo hội Công giáo.

Nhưng, những người nầy chắc chắn khôn hơn em bé tập bay vì họ không nhảy tay không như em bé nọ, mà họ nhảy với một cây dù. Cây dù Mỹ. Người Mỹ thì giỏi nhất về việc thả dù. Trong thế chiến thứ hai, nếu không có sư đoàn dù của tướng Maxwell Taylor được thả trước trong đêm để đánh địch từ sau lưng thì chưa chắc cuộc đổ bộ ở bải biển Normandie đã thành công. Có người nói rằng anh đại tá tình báo Conein (bạn thân của trung tướng Trần Văn Đôn) cũng đã được thả dù xuống Việt Bắc trước 1945 để cố vấn cho Hồ Chí Minh. Trong cuộc chiến mới đây, nghe nói người Mỹ đã từng táo bạo tổ chức nhảy dù xuống Sơn Tây để cứu tù binh thì giờ đây, khi Lê Đức Thọ đang tìm người để tạc tượng Kissinger và khi đại sứ Trịnh Xuân Lãng lúc nào cũng mỉm cười, ngày nào cũng ra phố ăn *big mac* và uống *coke* thì người Mỹ ngại gì mà không thả dù vài chàng "mủ xanh" trong "lực lượng đặc biệt" xuống đất bạn.

Nhưng một kẻ tay ngang như tôi mà muốn bay qua cửa sổ để về nước hòa giải thì chưa chắc đã có thể đáp xuống an toàn. Nếu có đáp xuống không gãy cổ thì bước đi vài bước cũng sẽ đạp mìn gài khắp nơi. Nhưng vấn đề không phải là chuyện sợ. Vấn đề là về để làm gì, có ích gì? Có thể cộng tác với đảng Cộng Sản Việt Nam như Solidarité cộng tác với đảng Cộng sản Balan không?

KHÔNG.

Tại sao? Có cái gì khác biệt giữa Ba Lan và Việt Nam?

Có rất nhiều điều khác biệt giữa hai quốc gia, nhưng quan trọng hơn cả là có sự khác biệt giữa những nhân vật lãnh đạo. Tôi nói quan trọng hơn cả, vì không thể có cải cách trong một xứ mà các lãnh tụ chỉ là những cây chết (deadwood - chữ mà ông Yetsin, dân biểu của thành phố Mạc Tư Khoa trong quốc hội Sô viết, đã dùng để chỉ những đảng viên cổ hủ). Trong bài diễn văn trước quốc hội Đông Đức, thủ lãnh Nga sô Gorbachev đã kêu gọi các lãnh tụ Đông Đức phải "cải cách và để cho dân chúng tham gia định đoạt chính sách quốc gia, vì (các lãnh tụ, không thể xem thường tiến trình lịch sử nữa. Trong khối Varsovie, Đông Đức là nước giàu nhất, kinh tế mạnh hơn Balan gấp bội. Người dân Đông Đức chưa phải xếp hàng để mua thịt hay mua giấy vệ sinh. Nhưng trong ba tuần

qua, 50,000 người đã bỏ xứ chạy qua Tây Đức, vì người ta không hy vọng gì nơi lão già 77 tuổi Honecker và đám quần thần thủ cựu trong bộ chánh trị.

Trở lại chuyện Ba lan, cách nay mấy tuần, tân Thủ tướng Balan, ông Tadeusz Mazowiecki có dành cho báo Mỹ một cuộc phỏng vấn trong đó có một câu hỏi và trả lời như sau:

"Có phải Cộng sản đã tiêu tán ở Ba lan?"

"Sự thay đổi hiện tại đã không thể xảy ra nếu không có sự đồng ý (ủng hộ) của nhiều đảng viên cộng sản. Những người này đã có công trong việc đưa sáng kiến về hội nghị bàn tròn năm ngoái. Nhưng những người cộng sản có óc cải tổ này đã phải trả một giá rất đắt trong biến chuyển hiện tại (nhiều người đã bị loại trong cuộc bầu cử hồi tháng Sáu vừa qua). Trong chính trị và lịch sử, nhiều khi những người chịu tội không phải là những người có lỗi. Tuần trước, tôi có nói với Tổng Thống Jaruzelski rằng sự thành công của chánh phủ tôi tùy thuộc vào sự giúp đỡ của ông. Tôi không nghĩ rằng Cộng sản sẽ biến mất, nhưng tôi nghĩ rằng nó sẽ biến đổi."

Đọc câu trả lời này tôi sung sướng như được ăn một trái cây ngon hay nghe một bản nhạc hay. Người Ba Lan nầy sao khôn khéo, tế nhị, sang cả quá. Tôi liên tưởng tới những người Ba Lan khác như ông Chopin, như bà Curie. Tôi nghĩ những người cộng sản Ba Lan ít ra cũng tinh tế và có hạng (classy) cở 20% ông tân Thủ tướng, để đưa nước Ba Lan tới biến chuyển ngày hôm nay. Sau khi đọc lời tuyên bố của mấy ông nầy, tôi thấy họ trên cái 20% đó.Chủ tịch đảng "Lao động thống nhất" (cộng sản) Rakowski đã thẳng thắn tuyên bố với các đảng viên rằng "vai trò xưa nay của đảng Cộng sản không còn nữa. Với quyền hành trong tay trước đây, đảng đã càng ngày càng suy yếu. Bây giờ bỏ gánh nặng đi (quyền hành), đảng phải trực diện với lịch sử để tìm chỗ đứng của mình."

Leszek Miller, thành viên của bộ chánh trị, cũng đã nói thật rằng "có thể đảng cộng sản sẽ phải tự giải tán để lập một đảng khác hoàn toàn mới mẻ để có thể thích nghi với thể chế đa nguyên."

Có hai câu hỏi được đặt ra khi ta so sánh chuyện Ba Lan và chuyện Việt Nam. Đó là các lãnh tụ Cộng sản Việt Nam có chịu thiệt thòi, chịu hy sinh như các lãnh tụ Ba Lan không? Và sự khác biệt giữa các lãnh tụ cộng sản Việt Nam và lãnh tụ Cộng sản Ba Lan ra sao? (Những câu hỏi về kinh tế, xã hội xin để qua một bên).

Câu trả lời thứ nhất rõ ràng là KHÔNG.

Nhưng tại sao? Trả lời, tức là trả lời câu hỏi thứ hai.

Cộng sản Việt Nam giỏi hơn Cộng sản Ba Lan? KHÔNG.

Kinh tế Việt Nam sáng sủa hơn kinh tế Ba Lan? KHÔNG.

Sự khác biệt là ở chỗ các lãnh tụ Ba Lan có một nhu cầu, nhu cầu trí thức, điều mà các lãnh tụ Cộng sản Việt Nam không có. Mỗi người có những nhu cầu tùy theo nền giáo dục của mình, tùy theo môi trường sống trong quá khứ và trong hiện tại. Và mỗi người hành động tùy theo nhu cầu đang có. Người nào quen đọc sách, nghe nhạc thì có nhu cầu đọc sách, nghe nhạc. Có người xem xong một tờ giấy, xếp lại, tìm giỏ rác bỏ vào. Ngược lại, có người hút hết gói thuốc, vất ngay xuống đất trước mặt. Giữa một đám người có giáo dục, người ta nói chuyện nhỏ nhẹ, người ta không chen lấn, không hành động lố lăng. Giữa đám du đảng cướp ngày thì người ta đánh nhau, chưởi nhau ồn ào.

Sự khác biệt giữa các lãnh tụ cộng sản Ba Lan và lãnh tụ Cộng sản Việt Nam nằm trong những sự khác biệt nói trên. Lãnh tụ Cộng sản Ba Lan chấp nhận thiệt thòi vì họ nhạy cảm, có danh dự và có trách nhiệm trước lịch sử. Lãnh tụ Hà Nội là bọn mặt mo, răng đen, vô học, lại xấc láo.

Trong khi hàng trăm người đang đói tại các tỉnh miền Bắc thì các lãnh tụ Hà Nội, đáng lý ra phải có một cử chỉ ân hận, lại họp đảng, tuyên bố đảng là nhất, sáng suốt nhất, ưu việt nhất, duy nhất chỉ có đảng là có tư cách lãnh đạo nước Việt Nam.

Trên thế giới hiện nay chỉ có hai nước có nạn đói, đó là Việt Nam và Ethiopie. Bọn lãnh tụ Hà Nội cũng giống như bọn lãnh tụ Ethiopie, ngày ngày chui dưới bàn thờ Lénine và Staline để trú ẩn, dùng viện trợ Nga để tiêu diệt những kẻ chống đối, bỏ mặc dân chúng chết đói hàng triệu người mà không hề xúc động.

Tình trạng đói khổ của dân chúng miền Bắc Việt Nam đã tới mức tận cùng, khiến nhiều nơi cả làng xuống ghe vượt biển qua Hồng Kông để tị nạn. Một nữ ký giả Tây phương đi viếng Bắc Việt và Hồng Kông về, đã hình dung những người vượt biển như những người vượt sa mạc đến các trạm cứu tế của Hồng Thập Tự. Tình trạng xã hội bi đát đến độ một nhà làm phim tại Hà Nội (nếu không phải đảng viên thì cũng là cán bộ nhà nước) đã cố ý lập đi, lập lại hai, ba lần một câu nói của Lénine "chỉ có thú vật mới quay mặt đi trước những thống khổ của đồng loại."

Đúng rồi, chỉ có thú vật mới quay mặt đi..., bọn lãnh tụ ở Hà Nội đã không quay mặt đi, chúng quất roi vào những kẻ hấp hối, bảo họ phải tích cực hơn, hy sinh hơn. Hy vọng gì ở họ? Ba Lan hóa chuyện Việt Nam hay chuyện Ethiopie là làm một chuyện không tưởng.

Ngày 5 tháng Mười, 1989

NGUYỄN HỮU CHUNG

VIỆT NAM
TỔ QUỐC & EM

DIỄM CHÂU

Tặng Jean Reye

Việt Nam, mi đá sinh ra ta và cho ta những lòng ránh đầy bóng tối
Mi đá hái từng trái bàng xanh và đánh đáo lố với ta
Việt Nam, những ngày chạy bom Đồng minh mi làm gì?
Việt Nam, những ngọn đồi Kiến An, con đường Cầu Đất lầy lội còn in dấu chân ta
Việt Nam, trên giòng nông giang ta không kéo nổi những phuy săng vào tề
Việt Nam, những ngọn đèn hoa kỳ của mi thắp bằng mồ hôi và nước mắt ta
Việt Nam, từ ngày mở mắt cho ta, mi đá cho ta cuộc đời hầm hố
Mi đá cho ta từng hạt thóc, củ khoai bòn rút từ đất cằn
Mi đá cho ta miếng bánh đúc kẹo bột với bát nước chè xanh bốc khói.
Mi đá cho ta 700 đồng bạc Đông Dương với ba hộp sữa khi ta lội từ đầu tới chân mi.
Việt Nam, mi đá cho ta một người cha, cháu chắt của lú người bị phân sáp
Và một người mẹ chết trong cô đơn nghèo túng giữa sự bất lực của đàn con
Việt Nam, năm ta hơn 20 tuổi mi đá gửi ta đi như một món quà tặng nước bạn thân yêu
Từ cái lò cừ ấy trở về, ta đá trở thành một kẻ chống Mỹ
Việt Nam, cuộc đời ta từ đấy gắn liền với những tờ giấy
Những tờ giấy đen đủi của mi ngổn ngang tấm lòng ta
Việt Nam, ta đá nằm conex của nước bạn tặng mi
Việt Nam, những ngày ở thành phố HCM ta là một con chó
Ta chạy trên những dường rày cong queo bên những toa tàu đổ
Ta làm kế hoạch lớn cho mi bằng cách lượm nước mắt khô và gói ghém những nỗi niềm thương nhớ
Việt Nam, bạn bè ta thất tán tứ phương
Đứa bị thủ tiêu trên dường Cửa Thuận
Đứa bặt tin từ Vĩnh Phú, Sơn La
Đứa ngồi giảng đạo ở Hỏa Lò Hà Nội
Đứa tuốt tranh ngoài Phú Giáo -- Đồng Xoài
Đứa ngược Buôn Hồ, đứa xuôi Thái Mỹ
Đứa tiếp tục đạp xe vào thành phố
Đứa chơi với một cối mù sương...
Việt Nam, ta đá cống một đảng viên bị phản bội sau khi đánh ngã y bằng đế Gò Đen
Ta tiếc thương cho một kẻ khùng điên suốt ngày mơ ước một anh Đặng Tiểu Bình
Việt Nam, ta còn ở Rạch Giá xác một thằng bạn khác
Việt Nam, mẹ cha ta không còn mồ mả
Lú anh em ta bây giờ xất bất xang bang
Lú cháu ta lúc này đạp xích lô, ghiền ma túy và chết cho Heng Xomrin

Việt Nam, 100 tên đồ tể của mi ngồi cái lộn với nhau về chế độ bao cấp
Trong lúc người ta yêu bỏ xác ngoài biển khơi
Việt Nam, mi thật là khốn nạn khi sinh ra ta đồng thời với bọn người ngựa
Những tên bán Chúa phản thày, hạng cú diều độc địa
Việt Nam, ta không còn ai để thở than những buổi tối buồn
Việt Nam, những ngày cúp điện, những đêm xét hộ khẩu mi ở dâu?
Mi còn nhớ giòng sông với những con đò buôn người chi chít như lá tre?
Mi còn nhớ khu vườn khoảng khoát sau Vương cung thánh đường
Sàigòn, nơi những thằng hề phương bắc công khai làm tình với gái dĩ miền nam?
Việt Nam, mi còn chiếu phim con heo cho thủy thủ Liên Xô ở kho 5?
Bọn lính tàu bay nước ngoài ở khách sạn Độc Lập Tự Do của mi mỗi ngày dội nước dơ mấy lần xuống dám học trò trẻ nít?
Việt Nam, mỗi ngày mi nướng bao nhiêu mạng người?
Việt Nam, mi làm cách mạng sao dám nói dối?
Việt Nam, mồ cha những thằng công an khu vực của mi
Việt Nam, mỗi ngày mi tra tấn bao nhiêu người vô tội ở Phan Đăng Lưu, Đại Lợi?
Việt Nam, chừng nào mi mở khách sạn Hilton để bỏ tù thế giới?
Sao mi đào thêm mãi những con kinh nước mắt làm cạn nguồn sống của nông dân?
Việt Nam, mi đá cướp của ta 8 năm trời đẹp nhất
Mi đá cắm vào sọ ta cái Chùa Một Cột của mi với bọn lãnh đạo ngồi trên
Việt Nam, ta xuất huyết từng giờ và mi vẫn thản nhiên ngồi vỗ béo lũ rệp
Mi phủ báo Nhân Dân lên những mưu mô thâm hiểm của mi
Mi phất cờ Giải Phóng trên mỗi đồng tiền công trái
Những đồng tiền thất họng những đồng tiền xiết máu
Mi giết những cụ già, ám hại trẻ thơ và chia ré những người tình trong trắng
Việt Nam, mi không còn xứng đáng với tình yêu của ta
Việt Nam, ta thù ghét mi nhưng vẫn không quên những con đường của mi
Trong buổi chiều nắng tàn, lúc hàng dừa xóa tóc
Việt Nam, trong bước lưu đầy ta nhớ hàng phượng rợp bóng
Ta nhớ sân trường, tiếng ve kêu ran và cơn mưa ngá phiêu phiêu
Cơn mưa bay à à trên đường dẩy xuống lòng cống ránh
Những mảnh đời dang dở, những mối tình vô vọng, những ước mơ mọn hèn
VN, ta thù ghét mi khi mi thả lũ con rừng rú xuống đồng bằng
Ta thù ghét mi khi mi xua đuổi những nạn nhân hiền hòa ra biển

Việt Nam, sao mi dẩy ra xa những xác người giạt về quanh quẩn bên mi?
Việt Nam, mi có nghe tiếng thét kinh hoàng đêm đêm?
Việt Nam, ta đã gặp lại người ta yêu trong một đem giông bão
Trên con thuyền không người, người ta yêu tóc rũ
Người ta yêu tóc rũ, người ta yêu tóc rũ
Người ta yêu quỳ xuống ôm lấy ta, vuốt tóc
Người ta yêu giọt nước mắt long lanh
Người ta yêu đôi cánh tay gầy guộc
Người ta yêu trần truồng chung thủy như một loài thú
Việt Nam, người ta yêu đã khép mắt cho ta chứ không phải mi
Ta với người ta yêu chạy chơi trên những nội cỏ thiên đường
Ta với người ta yêu không thèm nhắc tới mi
Ta với người ta yêu viết lại những bức thư tình ngày trước
Chúng ta đã yêu nhau trên ba tầng tháp Eiffel
Bơi trên sông Seine như một con tàu hạnh phúc
Dưới bóng râm Nhà thờ Đức Bà, chúng ta vuốt ve một con lừa
Trên đồi Montmartre, người yêu ta cắt bóng mình làm kỷ vật
Chúng ta đã ăn cơm với cá kho tiêu gần Điện Bách Thần
Vào cửa tiệm La Fayette mua quà gửi tặng cùng thế giới
Chúng ta đã bay khắp Paris để kỷ niệm ngày nàng sinh ra ta
Việt Nam, mi có nghe trong bước chân và tiếng mó dập dồn đêm nao
Những hồn ma thơ thới trở về bên người còn sống?
Mi có thấy những vành khăn tang nở trắng trên những cành dước
Những cành dước khổng lồ bấu chặt lấy tim ta?

Việt Nam, ta thù ghét mi chỉ là một cách nói
Việt Nam, nếu quên đi là tha thứ
Chúng ta đã tha thứ cho mi
Như những kẻ thất lạc nhau tình cờ thấy lại
Thật khoan dung
Việt Nam, có phải không vết thương nào rồi cũng lành
Với thời gian
Và ta chỉ cần quên đi
Ký ức một giòng máu?
Việt Nam, trên cánh đồng còn chân rạ bốc cháy
Bên những luống cày còn đẫm máu hôm qua
Từ chốn rừng sâu và giữa lòng sóng dữ
Cùng với mẹ cha ta, bạn bè ta và những kẻ đã hy sinh
Chúng ta nắm lấy tay nhau
Bắt đầu bài ngợi ca tình yêu.

DIỄM CHÂU
Paris

CỎ VÀ TUYẾT CỦA ĐỖ QUÝ TOÀN

NGUYỄN TẤT NHIÊN đọc

Hẹn nhau bốn giờ. Ba giờ tôi đã tới. Nắng chiều nôn nao. Nắng cũng màu chờ đợi. Tình trong nắng ửng, nhưng chưa chín, và tôi ngồi nghe đơm ngọt từng thớ chát sau cùng. Chờ đợi là chín mùi đầu múi ngọt, da ngon.

Ngồi xuống đây nghe chim là chim đang hót
Đồng cỏ như bàn tay
Trời như mắt say
Ta ngó nhau
Ôi còn biết nói gì
Hai đứa ngồi
Ngồi đó
Như hai hòn bi

Nàng đến. Bốn giờ năm phút. Quên đeo đồng hồ, có trễ không anh? Hỏi xong nàng nghịch ngầm nhìn tôi. Tôi ngắm cái miệng tươm tất cười, như hoa tươm tất nở, khéo.Hai đứa ngồi. Trong thơ Đỗ Quý Toàn. Trong nhạc Phạm Duy. Như hai hòn bi.

Thập niên 60, Nàng xuất hiện, với mươi trang giấy mỏng manh gửi đi dăm bài thơ thong thả ngữ, tập thơ, giản dị mới, mới quá, như quan niệm tân toán đột nhiên đưa vào hệ hình học định đề Euclid khiến học trò trung học ngỡ ngàng. Thơ Đỗ Quý Toàn đến với thế hệ chiến tranh Việt Nam như vậy.

Trong không khí đả phá xách động Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học, có nhẹ nhàng Nói Với Tuổi Hai Mươi xây dựng. Trong hắc ám hố trốt xoáy Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy, có sương mai gió sớm ung dung dạo bước của Nàng. Thập niên 60 và 70, tôi mười mấy và hai mươi mấy, chóng mặt đủ.

Thập niên 80, dụi hoài con mắt nhặm, thấy chút nhưng còn đau.

Một ngàn chín trăm tám mươi chín, ngồi xuống đây, đâu là đây, cứ nói đây, bàn ghế khoai tây chiên bánh mì trát bơ, hai đứa ngồi, vẫn như hai hòn bi, hương tinh sương giun thương đất thịt còn lan man nắng chiều.

Mới, tự nó mới chứ không cố tình làm. Thơ, bởi tâm hồn, cũ không thể *renew*, mà nếu có thể thì cũng chỉ là bình mới. Mới, đích thực, thì không phải *mode*. Rồi sẽ quen chứ không bao giờ rồi sẽ cũ. Như hai đứa ngồi như hai hòn bi. Như chúng ta, và như chúng tôi, ngồi tinh khôi. Cứ mới.

Mới như:

Tuyết đã tan
Cỏ cựa quậy vươn
Lời réo gọi
Mặt trời tình nhân

Nàng mới-đã tan. Nàng mới cựa quậy vươn. Nàng mới muôn đời nghe lời réo gọi mặt trời tình nhân. Cỏ và tuyết ở Canada ở với Đỗ Quý Toàn, cỏ và tuyết Đỗ Quý Toàn ở với khắp cùng tuyết cỏ. Hai hòn bi chúng tôi ngồi ở muôn một cỏ khắp cùng, tan nhau, nắng của nhau và cỏ của nhau. Và của Đỗ Quý Toàn nữa chứ!

Cùng với quê hương Yêu Con Dạy Con Nên Người Việt. Cùng với thiền sư Nhất Hạnh vượt lên trên ý thức, gõ cửa tỉnh thức. Cùng với tình yêu nuôi bát ngát tình yêu. Với trái đất hoa đã vì ta nở. Cùng không gian, với thời gian

Ước chi ở cõi nhân gian đó
Chúng ta ai cũng hiền như chim
Ai cũng tung tăng và quấn quít
Cũng ngọt ngào như anh với em

Người xưa lạy đá nhận làm anh
Gọi núi bao dung là núi mẹ
Người nay về giữa chốn non xanh
Đến trước cây -- cúi đầu đảnh lễ

và cùng với Đỗ Quý Toàn. Chúng ta cùng với nhau đi. Trên suốt lộ trình lương tâm sẽ không thấy bảng cấm một chiều nào, lỉnh kỉnh.

NGUYỄN TẤT NHIÊN
Santa Ana, CA 19/10/1989

Ước chi

Ước chi chúng ta ngao du trên trời
Qua vũng mây xanh đến vùng nước biếc
Tay dắt tay, đi khắp cùng trái đất
Ước chi ta làm ngọn gió giong chơi.

Mùa mới sang thu rừng vừa mới chín
Ước chi chúng ta nằm ngủ trên đồi
Tỉnh giấc ban trưa đoái nhìn lúng thấp
Mùa thu đỏ lừ như trái cam tươi.

Ước chi chiều nắng khi ta bay về
Mây lụa choàng khăn trên vai núi gấm
Rừng đổi màu theo những bước chân thu
Những bước tà huy trên hồ nước lặng.

Ước chi ta hóa thân làm đôi chim
Về đậu trên cành bạch dương góc núi
Những sớm tinh sương, những chiều đỏ ối
Bên nhau chia sớt nỗi niềm quan san.

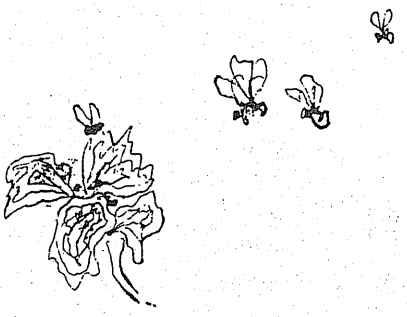

Một ngày tuổi trẻ

Anh muốn sống một ngày, tuổi trẻ
Yêu em, em có ngón tay măng
Những ngón nhỏ cánh bồ câu bỡ ngỡ
Ban cho anh bối rối lẫn vui mừng

Em đi học -- những hàng sao con phố
Sớm mai nồng những đỉnh lá cây tơ
Lá thổn thức run từng cơn chờ đợi
Mỗi tàn cây che một khoảng hẹn hò

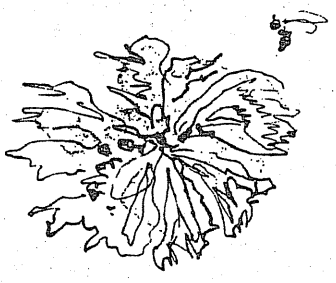

Em sống đó chăng -- em còn sống đó
Đêm đêm xa có những đốm sao mờ
Sao vẫn đứng chờ em nhìn mỏi mắt
Em đã đi rồi, sao cũng bay đi

Ôi nếu sống một ngày nào tuổi trẻ
Lòng yêu còn run sợ ngó tình nhân
Cặp môi nhỏ ngậm những lời chưa thốt
Vấn nôn nao trên những mặt trời hồng

ĐỖ QUÝ TOÀN

LỜI THỐNG TRÁCH CỦA LÊ THỊ VÂN NGA

CAO ĐÔNG KHÁNH

Ở trên đó có mấy ngọn núi ước mấy lần thiếu nữ mấy trời phong lan mấy đầm củ năng mấy vạc nấm tai mèo, dưới gốc rừng bạch tùng ngàn tuổi và những loài hoa chưa có ai đặt tên, những thác nước mới mọc ngoài sự tưởng tượng của người thợ rừng luống tuổi.

Ở trên đó có một thành phố Âu Châu nhưng những ngôi nhà cất cheo leo trên sườn núi cột kèo đã mục, mỗi đêm người ta họp chợ âm phủ bên hồ Xuân Hương, khói lửa bập bùng bày ra một thế trận lạ hoắc để phục kích bắt những đời góa phụ mùa đông mà tình yêu vẫn còn nồng nàn trong trí nhớ như củ sâm đang thành thuộc trên nóc trời đỉnh đất.

Ở trên đó có mấy lớp rừng ngo, xanh như đứa con gái nhỏ tủi thân muốn khóc mà người mẹ, có một lần như gái chửa hoang, cấm đứa con không được oán trách người vắng mặt: Người từ thế giới trở về, từ thành phố lên rừng, từ rừng xuống biển, từ biển ra thế giới; người ngồi yên như núi mới mọc, người lì lợm như thép nguội, người mềm như dáng đi sư tử, người hiền từ như con đỏ, người hung dữ như thuốc súng.

Từ phía trăng sao bước vào dạ vũ mắt tím như không trung, mũi như trái mật treo, cánh môi tròn như nét vẽ kỳ công. Có tập lưu bút ngày xanh ở trường nữ trung học Bùi Thị Xuân, nàng nghe nói ngọn nước Cam Ly chảy xuống tận nơi những khu rừng lá rộng, che chở đời người dưới bóng mát thiên thu; nghe nói du khách vảng lai có bùa mê thuốc lú trong đó có một người nghĩ mãi không ra.

Nàng đầy như trái mận no nắng, nàng phơi phới như lá cờ bay và nàng sống với cuộc đời trọn vẹn một giấc mơ. Như người tha hương gặp người cùng xứ sở, nàng biết làm con gái, biết làm đàn bà và biết chỉ một mình nàng biết rằng nàng biết khóc âm thầm, khóc như cơn mưa hai ba giờ sáng thấp thoáng ở quận Đơn Dương trên lưng chừng vực thẳm.

Nàng giản dị như cô đơn, nàng có một hồ than thở, một trường võ bị và những bãi gỗ rộng thênh thang, những lóng ngo hồng tâm sắp lớp bên đường vô suối vàng còn vọng tiếng cây ngả trên núi; có đoàn cơ giới xẻ đường lên trời, có bọn thợ rừng nhứt phá sơm lâm.

Trên ngọn thượng du có ngôi nhà thiên tạo, nóc lợp mây xanh, ghế bàn bằng cẩm thạch, giường nệm bằng mù sương, tia sáng sớm mai mọc trên núm vú, ánh nắng buổi chiều lặng dưới ngón chân, bởi vậy nên nàng đến chẳng thẹn thùng, về không e lệ, đi không hối hận, tới lui trao tận cuộc đời ân huệ một mùi hương.

Nàng theo chiếc xe lô thoi thóp xuống đèo, kính chiếu hậu lắc lư trời dĩ vảng. Có người da trắng ẩn cư trong đồn điền cà phê, viết bí mật cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn bằng sự hiểu biết của người ngoại cuộc; chữ nghĩa đêm đêm như hàng ngàn đôi mắt côn trùng óng ánh dưới chân cỏ, lấp lánh dưới chân rừng... Văn chương dưới trí nhớ và tình yêu hết thảy hư vô.

Nàng có chất rượu trong chiếc kẹo bọc chocola, có đôi mắt tròn như biển xanh ở chính giữa trời mây trắng, có đôi chân khép nơi chỗ ngồi, hở nơi chàng nằm ngủ, có ngày thong dong như sóng nước, có đêm nhẹ như cánh diều bay, có kiểu đi chân không, có dáng mang guốc cao gót, có cách mặc áo dài, có điệu mặc quần Jean; có quê mẹ trên trời, quê cha dưới biển, Dalạt Phan Rang nóng ở dưới lạnh ở trên, và, ở giữa, lớp rừng cẩm lai có thời tiết ôn đới, ở giữa, tấm lòng vân gỗ trổ bông hoa.

Nàng ở gần người tình như mặt trời với mặt trăng nối kết, xa cách người tình như hình với bóng chân lưu. Nàng ở một mình với người đàn ông vắng mặt, ở với đám đông với ngôn ngữ của chàng; ở cỏ cây có loài hoa kỷ niệm, ở Cam Ranh có hào hến ăn chung; ở với tương lai nàng biết chờ, ở với yêu đương nàng biết đợi, nên mỗi ngày mỗi năm chỉ có một Lê Thị Vân Nga.

Lê Thị Vân Nga như tiếng hát ngoài vô tận, nàng ở không gian ngoài, ngoài bất cứ mọi gièm pha; nàng ngây thơ đối với mưu lược, nàng trinh tiết trong đời tình; nàng thông minh trong định ý, nàng hạnh phúc trong ước mơ; nàng u mê đối với thưởng thức, nàng ngu xuẩn đối với ham muốn. Nàng có thân thể của cỏ non mọc trên ngọn gió có cánh tay dịu dàng trồng tỉa văn minh.

Lê Thị Vân Nga ở ngoài dự liệu của người khác, nàng có đôi mắt thông thiên trong ngỏ hẻm núi rừng; nàng hờn giận Saigon không còn nơi yên ổn để cho chàng ngồi với nhan sắc nữ lưu, để một hôm từ cao nguyên ghé chơi thị tứ, nàng đến ngồi bên cạnh, nói giữa mọi người rằng,"em nhớ anh em xuống thăm anh."

Lê Thị Vân Nga ở ngoài phỏng đoán của kẻ khác, như đứa con gái dại khờ vẫn ở với mẹ cha, ở trong căn nhà gỗ lâu đời dưới chân núi cũ kỷ và nàng chỉ còn có 11 tháng mỗi năm, 11 tháng bình thường nắng mưa thiên phú cùng với một tháng người đi, chỉ có tháng bảy mới khác thường. Tháng bảy dài hơn hết, tháng bảy nhớ thương hơn hết, tháng bảy trời mưa ấp ủ hương hoàng lan. Tháng bảy của nàng ẳm con về Đà Lạt, tháng bảy chỉ có người đi mới hiểu vì sao. Tháng bảy vì sao có một người biết hơn hết, nhưng tháng bảy trời cao trời thấp ra sao?

CAO ĐÔNG KHÁNH

Chuyện mưa nắng

VU MIỆT

TAM TRƯƠNG

Sự phỉ báng, miệt thị, sỉ nhục... không dẫn tới đâu cả. Người ta có thể cho kẻ vô lễ một bài học, nhưng thường sự khiếm nhã làm người ta tự trách trước đã: Vả lại không ai có thể uốn hết cây cong trong rừng.

Có lẽ khi nghe, hoặc đọc lời mạ lị, nạn nhân ít bị hành hạ bằng người ngoài. Hầu như kẻ phỉ báng tặng người đọc cảm xúc rất cá nhân của anh ta: sự căm ghét, yếm thế.

Tác giả phỉ báng luôn luôn trình diễn một chiều. Và như chỉ chuyển cho độc giả lối lập luận bồng bột, ngẫu phát. Vẻ thiếu thẩm mỹ ấy vung vãi từ lòng bất mãn, hiện hình thành phẫn khích cá nhân.

Thô ác là vũ khí của họ: không từ bởi nghĩa lý, của bởi kích xúc chủ quan. Ở đây, không còn lời rành mạch, trong sáng, lễ độ. Dùng lời thô ác làm kẻ khác hổ thẹn? Chắc không. Sự thanh cao có kết quả hơn nhiều.

Náo loạn và cẩn xé, bỉ báng và cuồng nhiệt... thường lại khoác áo công lý, đội nón lễ phải.

Lắm khi, còn núp bóng tình yêu quê hương, dân tộc và chính nghĩa nữa.

Điều đáng buồn là đôi khi sự miệt thị lại tạo thành vẻ sống động, giải trí cho mộttập thể - nếu tập thể ấy thiếu suy nghĩ. Có khi bởi nó là chế tài cho một tập tục, (cảnh sát phong hóa), đại diện cho căn tính nguyên thủy của nếp suy nghĩ cũ? Cho nên, chỉ khi mà hảo tâm và sự kính trọng người khác được đề cao là một bổn phận, một bổn phận cao quý trong sinh hoạt nhân quần, lúc ấy sự phỉ báng mới bị đẩy vào bóng tối.

Thành thử, tôi muốn tin rằng tự biết cười mình khó hơn là diễu cợt người khác. Chắc vậy, chả lẽ *cửa nhà mình không quét, lại đi quét cửa nhà người?* Có câu cách ngôn đâu đó đại ý nói như thế.

ĐƯỜNG PORTOBELLO

MURIEL SPARK
TRẦN DIỆU HẰNG *dịch*

Muriel Spark sinh ra và lớn lên tại Edinburg, một thành phố được coi như trung tâm văn hóa của Tô Cách Lan (Scotland). Trong suốt thế chiến thứ hai, bà làm việc cho cơ quan Tình Báo thuộc Bộ Ngoại Giao Tô Cách Lan. Sau đó, bà là biên tập viên của tờ The Poetry Review trong nhiều năm. The Time Litterary Supplement, một tạp chí nhận định văn học đứng đắn đã ca tụng Muriel Spark là "tiểu thuyết gia Anh ngữ cừ khôi nhất của thời đại hôm nay." Muriel Spark là tác giả của 18 cuốn tiểu thuyết, trong đó có những cuốn gây tiếng vang đáng kể trên văn đàn như Momento Mori, The Prime of Miss Jean Brodie, The Mandelbaum Gate, The Comforters, The Hothouse by The East River, The Abbess of Crewe... và gần đây nhất, hai tác phẩm Loitering With Intent và The Only Problem. Ngoài ra, thơ và truyện ngắn của bà cực kỳ đặc sắc. Truyện The Portobello Road (Đường Portobello) là một trong tập truyện ngắn của bà: The Stories of Muriel Spark, xuất bản năm 1985, đã được nước Pháp trao giải Prix Etranger, một giải thưởng quý giá dành cho những nhà văn ngoại quốc.

Hồi ký Mary Sheley (1987), cũng cho thấy văn tài của Muriel dưới một văn thể khác.

Theo nhận xét của nhiều nhà văn và nhà phê bình văn học, Muriel Spark đã viết xuất sắc hơn sau khi bà đổi đạo, từ chính thống giáo Anh Quốc sang Công giáo. Một vài truyện ngắn của bà cũng đã nhắc đến sự thay đổi này.

Muriel Spark có thể một cách dễ dàng, đến độ gần như không cần chút cố gắng nào, lôi tuột người đọc vào "mê đồ trận." Cách xếp đặt chi tiết trong truyện của Muriel thường là hết sức bất ngờ, đầy tính chất sáng tạo của một người cực kỳ thông minh. Bà không phải là một nhà văn cho những độc giả thích sự... thoải mái. Như Graham Green, một nhà văn lừng danh khác, đã viết về Muriel trong bài bạt cho cuốn Momento Mori: sự cuốn hút của Muriel không phải ở chính những điều bà kể, mà là sự chờ đợi xem điều bà sẽ nói sắp tới là gì. Muriel Spark bắt người đọc trăn trở suy nghĩ, thắc mắc, đợi chờ.

Trên văn đàn thế giới, bà được coi như một nhà văn hoàn toàn thuộc khuynh hướng Post Modernism (Hậu hiện đại). Bà đã nhận nhiều giải thưởng và được trao tặng nhiều bằng danh dự; bà còn là hội viên của American Academy and Institute of Art & Letters.

Muriel Spark không hề lập gia đình, đã từng sống trong cảnh túng bấn nghèo khổ, nhưng vẫn giữ được sự thanh bạch, thẳng thắn và tự trọng.

Muriel Spark sống tại Ý, nhưng thường xuyên đi lại và phân chia thời giờ giữa hai thành phố Rome và Tuscany.

Một ngày thời tuổi trẻ, vào lúc mùa hè đang ở mức độ nóng bức nhất, trong khi ngồi chơi với mấy người bạn đáng yêu của tôi trên một đống rơm, tôi tìm thấy một cái kim. Trong vài năm nay, tôi đoán là mình đã ở ngoài giòng sống bình thường, nhưng vụ cái kim này xác nhận một cách hùng hồn sự việc đó với toàn nhóm: George, Kathleen và Chàng Còm. Tôi mút ngón cái chùn chụt, vì lúc tôi vục bàn tay lười lĩnh của mình sâu tuốt vào trong đống rơm, ngón đó là chỗ bị kim chích.

Khi mọi người đã hoàn hồn, George diễu. "Cô ấy đút ngón cái vô là kéo ra được một trái mận." Thế là không chút thương hại, cả bọn lại lăn ra cười hô hố.

Cái kim đâm khá sâu vô ngón tay cái của tôi và một "giòng sông" nhỏ đỏ thẫm mầu máy chẩy ra từ cái lỗ tí hon đó. Để khỏi làm gián đoạn cuộc vui, George nói nhanh:

"Chùi đại cái ngón tay đầy máu của bồ lên áo tôi đi."

Rồi thì hắc-hắc hô-hô, bọn tôi la hét vui đùa trong buổi chiều hừng hực mùa hè của Borderland. Thực ra, tôi cũng khoai khoái khi cảm thấy "trẻ lại." Đó là cảm tưởng của tôi mỗi lần lật giở những giấy tờ cũ và tình cờ tìm thấy những tấm hình xưa. Chàng Còm, Kathleen và tôi trong tấm hình đang ngồi trên ngọn đống rơm. Chàng Còm lúc đó vừa hoàn tất việc phân tích ý nghĩa của sự khám phá (cây kim) này.

"Ai ngu đâu mà làm vậy! Em thiệt là ngốc những đấy lại là một điềm may mắn đó."

Cả bọn đồng ý rằng cái kim báo hiệu một điềm may mắn đặc biệt. Khi cuộc đối thoại coi bộ trở nên "trầm trọng," George nói.

"Để tôi chụp một tấm hình."

Tôi cuốn khăn tay vòng quanh ngón cái và sửa soạn bộ điệu để chụp hình. Trong lúc nhắm, George dơ tay lên chỉ trỏ, miệng la bài hải.

"Coi kìa, có con chuột kìa!"

Kathleen hét tướng lên và tôi cũng hét tướng lên mặc dù tôi nghĩ cả bọn đều biết dư là chẳng có con chuột quái nào cả. Đó chỉ là một cái cớ cho tụi tôi hò la ỏm tỏi thêm một trận nữa. Rồi thì ba đứa cũng chụm lại làm điệu cho George chụp hình. Cả ba trông thiệt dễ thương và đó là một ngày tuyệt vời ở quãng thời gian ấy, nhưng cho dẫu có thể quay ngược thời gian, tôi cũng chẳng muốn nó trở lại lần nữa. Từ ngày đó, cả bọn gọi tôi là Cái Kim.

*

* *

Vào một ngày thứ bẩy vài năm về trước, đang thả bộ xuống phố Portobello, len lỏi giữa đám đông những người mua bán trên lề đường hẹp, tôi trông thấy một người đàn bà. Nàng trông có vẻ giầu sang, thân hình gầy guộc, mặt có nét mệt mỏi của một người lo lắng quá độ hoặc chịu sự căng thẳng đã lâu về tinh thần, nhưng bộ ngực nàng vẫn nhọn đứng lên như ngực bồ câu. Tôi không gặp nàng đã gần năm năm. Nàng thay đổi nhiều quá! Nhưng tôi nhận ra người bạn gái của tôi: Kathleen; thân hình nàng đã bắt đầu sa sút theo khuynh hướng miệng và mũi của những người có số già trước tuổi. Lần sau cùng tôi gặp nàng cách đây chừng năm năm trước, Kathleen chưa đầy ba mươi, đã nói.

"Tôi mất hết vẻ xuân sắc rồi, cả giòng họ tôi như vậy. Tất cả những thiếu nữ đều rất xinh đẹp trong thời thanh xuân, nhưng rồi tụi tôi già sọm, lọm khọm héo queo sớm."

Tôi đứng yên lặng trong đám đông nhìn Kathleen. Như các bạn sẽ thấy, tôi đã không ở trong vị thế có thể nói chuyện với Kathleen được nữa. Tôi thấy nàng di chuyển trong dáng điệu hối hả vội vàng từ quầy hàng này sang quầy hàng khác. Kathleen thường rất thích những đồ trang sức đời cổ và những món hời. Tôi tự hỏi không biết đã có gặp nàng trong những ngày tản bộ ở phố Portobello ngày thứ bẩy trước đây của tôi không. Những ngón tay dài lòng khòng và cứng queo của nàng chụp món này nhấc món kia, lựa ra một cái nhẫn ngọc thạch trong đống kẹp cài áo cài tóc, vòng trang sức nhiều mầu, đá quý và vàng, bầy la liệt trên mặt quầy hàng.

"Anh thấy cái này sao? Đẹp không?" Nàng nói.

Tôi nhìn thấy người đi với Kathleen. Hồi nẫy giờ tôi đã ngờ ngợ để ý tới người đàn ông mập mạp to lớn theo sau cách Kathleen vài bước, bây giờ thì tôi nhận ra hắn.

"Coi cũng được đấy," anh ta nói. "Bao nhiêu vậy em?"

"Cái nhẫn này bao nhiêu?" Kathleen hỏi người bán.

Tôi nhìn kỹ người đàn ông đi với Kathleen. Hắn là chồng nàng. Hàm râu trông xa lạ, nhưng tôi nhận ra đôi môi tươi nhậy cảm ẩn dưới chiếc miệng rộng tướng của hắn, cặp mắt lớn mầu nâu lúc nào cũng tràn ngập ánh nhìn dau khổ tội nghiệp.

Tôi không có gì để nói với Kathleen, nhưng một sự xúc động đột khởi khiến tôi bật kêu khẽ.

"Chào George."

Người đàn ông mập ù quay mặt lại hướng về phía tôi. Có rất nhiều người trong đám đông, nhưng ở khoảng cách đó, hắn nhìn thấy tôi.

"Chào George." Tôi nhắc lần nữa.

Kathleen đã bắt đầu mặc cả với người bán, với phong cách riêng biệt cố hữu của nàng, về giá của chiếc nhẫn ngọc thạch. George tiếp tục nhìn sững tôi, cái miệng rộng tướng của anh ta hé mở, tôi có thể nhìn thấy một phần lớn của cặp môi đỏ và những chiếc răng trắng nằm giữa hai hàm râu mép rậm rạp.

"Trời đất!" Hắn kêu lên.

"Gì vậy?" Kathleen hỏi.

"Chào George!" Tôi nhắc lại, lần này to hơn và vui vẻ hơn.

"Nhìn kìa!" George la lên.

"Nhìn coi ai kìa, bên cạnh quầy trái cây đó."

Kathleen nhìn, nhưng không thấy.

"Ai đâu?" Nàng nói một cách thiếu kiên nhẫn.

"Là Cái Kim đấy mà." George nói. "Cô ấy bảo, "Chào George."

"Cái Kim?" Kathleen nói. "Anh nói ai vậy? Anh không định ám chỉ cô bạn cũ của tụi mình mà đã..."

"Đúng rồi. Cô ấy đấy. Trời đất ơi!"

Coi mặt mày anh ta xanh lét, mặc dù lúc nói "Chào George" tôi đã nói với một vẻ rất là thân thiện.

"Em không thấy ai trông giống Cái Kim đáng thương của tụi mình một phân ly nào cả." Kathlen nói và nhìn George, nàng có vẻ lo lắng.

George chỉ thẳng vào tôi. "Nhìn kìa, ở đó đó. Anh bảo đảm với em đó là Cái Kim mà."

"Anh đau rồi, George. Trời ạ, đúng là anh tưởng tượng hay lóa mắt rồi. Thôi đi về đi. Cái Kim đâu có ở đó. Anh cũng như em đều biết là Cái Kim đã chết rồi mà."

*

* *

Tôi phải giải thích là tôi đã ra khỏi đời sống này gần năm năm về trước. Nhưng tôi không hoàn toàn tách rời khỏi thế giới hiện tại. Có biết bao nhiêu việc lẩm cẩm mà một người thừa hành không bao giờ làm cho thật đúng được. Giấy tờ phải xem lại, ngay cả sau khi người thừa hành công việc xé chúng mất tiêu. Rất nhiều việc đáng làm, dĩ nhiên là trừ Chúa Nhật và Những Ngày Lễ Buộc, để tiêu qua thời giờ. Tôi chọn tái sinh vào buổi sáng thứ Bẩy. Nếu là một buổi sáng thứ Bẩy trời mưa tôi đi lên đi xuống trên những con phố sầm uất của Woolworth như tôi đã làm khi còn trẻ và còn hữu tình. Có nhiều món hàng thú vị bày trên quầy mà bây giờ tôi ngắm nghía và thưởng thức với một cảm giác là lạ thế nào, vì cái cảm giác đó thích hợp với đời sống hiện tại của tôi. Kem bôi mặt, kem đánh răng, lược và khăn tay, găng vải, khăn quàng cổ hoa hoét rực rỡ, giấy viết và bút chì màu, cà-rem và nước cam, tuốc-nơ-vít, những hộp kim găm, hộp sơn, hộp hồ, hộp mứt trái cây; tôi luôn luôn thích những thứ đó, nhưng bây giờ lại thích hơn nữa vì tôi không cần dùng chúng chút nào. Vào những thứ Bẩy đẹp trời thì tôi đi tới đường Portobello nơi mà trước đây tôi vẫn thường đi dạo với Kathleen trong những ngày mới lớn. Những cần xé hàng không thay đổi nhiều lắm, những thùng đầy táo hoặc những bộ đồ mầu xanh phổ thông hay mầu mận rẻ tiền, những thùng chứa đầy đĩa, khay, bộ đồ trà bằng bạc lậu đời đổi từ những người chủ nào đó đến tay những người mua bán trung gian, từ những cửa tiệm cho tới những nền nhà mới và những căn nhà rung rinh muốn sập, và rồi qua những quầy hàng nhỏ và rồi lại những cửa tiệm mua bán trung gian nữa: thìa muỗng Georgian, nhẫn đeo tay, hoa tai mầu đồng hay trong suốt hình bướm quấn quít vào nhau như một đôi tình nhân thực sự yêu đương, hộp giấy dán kín đựng tranh phác họa những người đàn bà trong xiêm áo xanh nhạt, hộp bạc thơm nức chứa đồ nạm cuội của miền Tô Cách Lan.

Đôi khi gặp dịp đặc biệt những sáng thứ Bẩy, bạn Kathleen của tôi, vốn là một người Công giáo, làm lễ cầu nguyện cho linh hồn tôi, và rồi tôi có mặt ở nhà thờ để dự, như tôi đã từng làm trong quá khứ. Nhưng trong hầu hết những ngày thứ Bẩy, tôi thích đi lẫn vào đám đông thầm lặng với những chốn đến không chủ đích của họ, đời sống vĩnh cửu của họ không xa lắm, ở ngoài những quầy hàng và những cửa tiệm, ngoài sự xoay sở, mua bán, trộm cắp, sờ mó, khao khát và thèm thuồng những mặt hàng. Tôi nghe tiếng reo của những ô kéo đựng tiền xập lại, tôi nghe tiếng leng keng của những đồng bạc lẻ rơi xuống và tiếng chắc lưỡi của những đứa trẻ thèm được cầm và được sở hữu những đồng tiền ấy trong tay.

Đó là lý do tại sao tôi lang thang đến đường Portobello ngày thứ Bẩy đó khi tôi thấy George và Kathleen. Tôi đã không cất tiếng nếu tôi không bị xúc động đột ngột như vậy. Thật ra, đó là một trong những điều tôi không thể làm được bây giờ - nói thành tiếng, trừ khi tôi bị xúc động thình lình. Và đặc biệt hơn nữa, buổi sáng mà tôi cất tiếng nói đó, một phần thực thể hữu hình đã tụ lại. Đứng từ quan điểm của George, hẳn hắn ta phải nghĩ đã nhìn thấy ma khi thấy tôi đứng bên cạnh thùng trái cây lập đi lập lại một cách vô cùng thân thiện "Chào George!"

*

* *

Chúng tôi xuôi Nam. Khi việc học của chúng tôi, nền học vấn mà chúng tôi thụ huấn ở miền Bắc, tạm coi như hoàn tất, từng người một, chúng tôi hoặc tự ý hoặc bị gửi đi Luân Đôn. John Skinner, người mà bọn tôi vẫn gọi là Chàng Còm, đi để học thêm về ngành khảo cổ, George theo ông chú tới nông trại trồng thuốc lá, Kathleen thì theo những người thân thích giàu có của cô ấy và lập tức nhảo vô tiệm làm nón Mayfair mà một trong những người này là chủ. Sau đó không lâu thì tôi cũng đi Luân đôn để nghiên cứu về đời sống, vì tham vọng của tôi là viết về nó, đời sống, cái mà trước nhất tôi phải nhìn thấy đã.

"Bọn bốn đứa chúng mình phải không được rời nhau," George đã thường xuyên nói điều đó với một vẻ riêng rất là tha thiết. Hắn luôn luôn vô cùng sợ bị bỏ rơi. Bọn bốn người tụi tôi chuẩn bị để tứ tán mỗi đứa một phương trời và George không tin là ba đứa tôi sẽ không quên hắn. Ngày lên

đường đi nông trại thuốc lá của ông chú càng cận kề thì hắn càng nói nhiều lần hơn.

"Bọn bốn đứa chúng mình phải liên lạc với nhau."

Và trước khi hắn đi, George cuống quít nói riêng với mỗi người trong bọn.

"Tôi sẽ viết thư luôn, tháng một lần. Bọn mình phải luôn luôn nhớ nhau để giữ mãi những ngày thân ái cũ." Hắn rửa ba tấm ảnh lấy từ phim của tấm hình chụp trên ngọn đống rơm đó, viết lên mặt sau "George chụp ngày Cái Kim tìm thấy cái kim" và tặng cho mỗi người trong bọn ba đứa tôi một tấm. Tôi nghĩ rằng cả bọn đều mong hắn trở nên cứng rắn hơn một chút.

Trong lúc sống, tôi là một người bất định, trôi nổi, không xếp đặt chuyện gì cả. Bạn bè rất khó mà thấy được sự hợp lý trong cuộc đời tôi. Cứ theo lối suy luận thông thường thì đúng ra tôi phải đói mèm và lụn bại, điều mà tôi chưa bao giờ bị chịu đựng cả. Dĩ nhiên, tôi không sống để viết về cuộc đời như là tôi đã muốn làm. Có thể đó là lý do thúc đẩy tôi làm việc đó bây giờ trong cái hoàn cảnh rất là đặc biệt này.

Tôi dậy trong một tư thục ở Kensingon gần ba tháng, dậy trẻ con bé tí tẹo. Không biết dậy dỗ chúng ra sao nhưng tôi khá bận rộn trong việc dẫn mấy chú nhóc đi tiểu và chỉ cho mấy bé gái cách dùng khăn tay. Sau đó, tôi chơi không suốt một mùa đông ở Luân đôn bằng số tiền nhỏ kiếm được, và khi số tiền đó hết sạch thì tôi tìm thấy một cái vòng tay nạm kim cương trong một rạp xi-nê và được thưởng năm mươi đồng bảng Anh. Khi số tiền đó cũng hết luôn thì tôi kiếm được một việc làm cho một nhân vật có tiếng tăm, chuyên viết diễn văn để đọc cho những kỹ nghệ gia trọc phú dễ bảo, trong công việc này, những cuốn tự điển trích dẫn lời ông này bà kia trở nên hữu hiệu lắm lắm. Thế là mọi việc cứ tiếp diễn bình thường. Tôi đã hứa hôn với Chàng Còm, nhưng ngay sau đó, tôi được thừa hưởng một số tiền nhỏ, đủ để nuôi tôi sáu tháng. Vụ may mắn này một cách nào đó, cho tôi thấy là tôi không yêu chàng Còm nên tôi bèn trả lại chàng chiếc nhẫn đính hôn.

Nhưng chính qua Chàng Còm mà tôi tới châu Phi. Anh ấy tham dự trong một nhóm khảo cổ đi tìm những mỏ vàng của vua Solomon, những công trình trải từ hải cảng Ophir cũ, bây giờ gọi là Beira, băng ngang Đông Phi Portuguesse và miền Nam Rhodesia tới thành phố hùng vĩ trong rừng sâu Zimbabwe với những thành quách đền đài đứng vững với thời gian và những rặng núi huyền bí, nơi những mảnh vụn của nền văn minh ấy rải rác đó đây trên những vùng phụ cận hoang tàn của Rhodesia. Tôi tháp tùng phái đoàn với tư cách một thư ký. Chàng Còm bảo đảm cho tôi, trả tiền máy bay, anh ấy tỏ sự thông cảm bằng hành động, với cuộc đời lộn tùng phèo vô trật tự của tôi, mặc dù khi nhắc tới điều đó, anh hoàn toàn không chấp nhận. Một cuộc sống như cuộc sống của tôi làm khó chịu hầu hết mọi người; họ đi làm mỗi ngày, tham dự đủ chuyện, ra lệnh, gõ máy đánh chữ, và được hưởng chừng hai hay ba tuần lễ nghỉ việc mỗi năm, họ bực mình lắm khi thấy một người không chịu làm những việc này mà lại khơi khơi sống không sao cả, không đói mèm, họ gọi đó là sự may mắn. Chàng Còm, khi bị tôi từ hôn, thuyết giảng cho tôi một hồi về chuyện này, nhưng vẫn đem tôi đi châu Phi, dẫu biết rằng chỉ vài tháng sau là tôi có thể rời khỏi nhóm không chừng.

Ở đó được vài tuần thì tụi tôi bắt đầu đi tìm George, hắn đang làm ở nông trại cách đó chừng bốn trăm dặm về phía Bắc. Tụi tôi chưa hề cho George biết chương trình dự định của hai đứa.

Chàng Còm nói, "Mình mà nói cho George biết để đón mình ở xứ của hắn thì hắn sẽ nhào ngay tới để làm phiền mình từ tuần lễ đầu tiên cho coi. Dù sao thì mình cũng đang đi làm việc chứ có phải chơi đâu."

Trước khi đi, Kathleen nhắn hai đứa tôi, "Gửi George lời thăm hỏi thương mến của tôi và bảo hắn đừng có gửi điện tín cuống cuồng lên như người điên mỗi lần tôi không trả lời thư hắn ngay nữa. Bảo hắn là tôi bận thấy mồ ở tiệm nón và còn ở trong tình trạng được giới thiệu. Mấy bồ nghĩ là hắn có được người bạn nào trên thế giới này nữa trong cái cách hắn tiếp tục đối với người ta kiểu đó không."

Chúng tôi dừng chân lần đầu tiên ở trại Victoria, chỗ gần nhất mà chúng tôi có thể đi tới thành phố Zimbabwe đổ nát. Ở đó, chúng tôi hỏi thăm về George. Đúng là anh chàng chẳng có mấy người bạn. Những người da trắng lớn tuổi định cư ở đây từ trước là những người thông cảm với hắn nhiều nhất về vụ hắn sống chung với một người đàn bà lai hai giòng máu, như chúng tôi đã gặp sau đó, nhưng họ tức điên lên vì cách trồng thuốc lá của hắn mà chúng tôi được biết là rất không chuyên nghiệp và một cách ly kỳ thế nào đó, có vẻ phản lại người da trắng. Bọn tôi không hiểu được tại sao cách trồng thuốc lá của George lại cho người da đen ý thức tự hào về chính họ, nhưng đây là những lời nhận định của đám dân da trắng lớn tuổi định cư ở vùng này. Lớp dân định cư trẻ hơn thì nghĩ rằng hắn thiếu xã giao, dĩ nhiên, chuyện hắn sống với con mọi lai đó khiến cho sự đi lại thăm viếng trở thành chuyện không thể có được.

Tôi phải nói ngay rằng chính tôi cũng hơi bực bội với nguồn tin về người phụ nữ da màu này. Tôi lớn lên trong một thành phố đại học tiếp nhận sinh viên gốc Ấn độ, gốc Phi

châu, gốc Á châu, đủ mọi mầu da khác biệt. Tôi được dậy dỗ phải tránh né họ vì những lý do liên hệ với danh phận người trong vùng là liên hệ với mệnh lệnh của Thượng đế. Bạn khó có thể đi ngược lại những giá trị, bạn đã được dậy dỗ từ nhỏ trừ khi bạn là một người có óc phản động.

Dù sao, bọn tôi cũng tới thăm George, nhân dịp mấy người quen có phương tiện di chuyển đi lên phía bắc chơi. George đã nghe nói về việc bọn tôi tới Rhodesia và mặc dù vui mừng, đến độ như trút được gánh nặng ngàn cân khi thấy hai đứa, hắn vẫn khư khư giữ bộ mặt chù ụ khó coi suốt một tiếng đồng hồ đầu.

"Bọn tôi muốn làm bồ ngạc nhiên mà George."

"Làm sao bọn tôi biết là bồ nghe được tin bọn tôi tới hả George? Tin tức ở đây chắc phải đi nhanh hơn ánh sáng nữa phải không?"

"Bọn tôi thực sự muốn làm bồ ngạc nhiên mà George."

Mãi sau, hắn mới chịu mở miệng. "Ờ, phải nói thật là tôi rất vui khi gặp hai bạn. Tụi mình chỉ còn thiếu có Kathleen. Bốn đứa mình phải là một bọn với nhau. Mấy bồ sẽ thấy là khi ở một chỗ như thế này, không gì bằng gặp bạn cũ."

Hắn dẫn hai đứa tôi đi coi chỗ phơi thuốc lá. Hắn chỉ cho bọn tôi coi khoảng đất có rào nơi hắn đang thử thí nghiệm sản xuất một giống lai giữa ngựa thường và ngựa vằn. Hai con ngựa chạy nhẩy tung tăng vui vẻ, nhưng không hề sóng đôi. Chúng tỉnh bơ vượt qua mặt nhau, tùy ý thích riêng của mỗi con, lần này rồi lại lần khác, nhưng có vẻ không để ý chuyện đó và cũng chẳng cay cú bực bội gì.

"Đã có người làm rồi mà." George nói. "Cái giống lai này sản xuất một con thông minh hơn lừa và rắn chắc mạnh mẽ hơn ngựa. Nhưng không hiểu sao tôi vẫn chưa thành công với cặp này, tụi nó không chịu nhìn nhau gì hết trơn."

Một hồi sau, hắn nói: "Vào nhà uống nước đã, để tôi giới thiệu Maltida với mấy bồ."

Người đàn ba da nâu sậm, ngực xẹp lép, vai tròn, một người đàn bà trông vụng về, rất bẳn gắt với những tôi tớ trong nhà. Trong khi ngồi uống rượu ngoài hiên nhà trước khi ăn tối, bọn tôi nói những chuyện vui nhưng thấy George thật là khó thương. Vì một lý do nào đó, hắn cứ theo cự nự tôi về việc tôi từ hôn với Chàng Còm, cho rằng đó là một sự lừa dối không đẹp chút nào sau tất cả những ngày thân ái đã có trong quá khứ với nhau. Tôi lái câu chuyện hướng về Maltida. Tôi nói chắc là Maltida biết vùng này rõ lắm.

"Không." Người đàn bà nói bằng thứ Anh ngữ sai bét văn phạm. "Tôi suốt đời ở trong nhà thôi. Tôi không phải làm việc. Mà cũng chẳng được phép đi lang thang nơi này nơi nọ như mấy cô gái thối tha khác." Trong lúc nói, Maltida cho tất cả âm vận trong mỗi chữ một sự nhấn mạnh bằng nhau tuốt luốt.

George giải thích, "Cha của cô ta là một người da trắng, công chức cảnh sát ở Natal. Cổ được nuôi dậy trong nhà, khác với những người da mầu khác như hai bạn thấy đó."

"Chời, tôi đâu có phải là mọi mắt đen đâu." Maltida nói. "Không, không phải đâu mà."

Nhìn chung thì George coi cô ả như là đầy tớ vậy. Maltida có bầu bốn tháng, nhưng rất nhiều lần, hắn bắt cô ta đứng lên lấy thứ này thứ khác cho hắn. Xà bông: đó là một trong những thứ Maltida phải đem tới cho George. George chế riêng sà bông để tắm, hãnh diện khoe cho chúng tôi phương thức chế biến mà tôi cũng chẳng buồn để tâm nhớ làm gì; hồi còn sống tôi rất thích loại xà bông tốt, sà bông của George có mùi chải tóc của đàn ông và trông như là làm bẩn da người ta vậy.

Maltida hỏi tôi một câu gì đó, nhưng phát âm ngọng nghịu khiến tôi ngớ ra không hiểu.

George nói: "Cô ấy hỏi bồ có đen đi dưới ánh nắng mặt trời không."

"Không, tôi bị tàn nhang thôi."

"Tôi cũng có một người chị dâu tàn nhang." Maltida không nói thêm một lời nào với tôi hay với Còm nữa, và chúng tôi cũng chẳng bao giờ gặp người đàn bà đó lần thứ hai.

*

* *

Vài tháng sau tôi nói với Còm.

"Em chán đi theo dân cắm trại lắm rồi."

Còm không ngạc nhiên thấy tôi bỏ đi, nhưng chàng ghét cay ghét đắng cái cách diễn tả của tôi. Còn ném cho tôi cái nhìn nghiêm khắc của một ông cố đạo.

"Đừng có nói như vậy. Bây giờ em về Luân Đôn hay ở lại?"

"Ở lại, một thời gian ngắn thôi."

"Hừm, đừng có lang thang đi xa quá."

Tôi có thể sống bằng số tiền nhuận bút viết cho mục chuyện đồn đại tào lao xịt bộp trên một

tờ báo địa phương hàng tuần, đó không phải là ý định viết về đời sống của tôi, dĩ nhiên. Tôi có bạn, nhiều hơn là tôi muốn, sau khi tôi bỏ cái nhóm loe ngoe mấy nhà khảo cổ lạ đời của Chàng Còm. Tôi có sự hấp dẫn của người mới đến từ Luân đôn và muốn quan sát đời sống. Trong số đếm không xuể những chàng trẻ tuổi và những gia đình phóng khoáng vui tươi đã vồ vập tôi suốt trên những con đường của Rhodesia, hàng trăm dặm này qua hàng trăm dặm khác, tôi chỉ giữ liên lạc với một gia đình duy nhất sau khi tôi về nước. Tôi nghĩ lý do tôi chọn gia đình này vì họ là những người tiêu biểu nhất, tượng trưng cho tất cả những người khác: người sống ở đất đó thường giống hệt nhau, như một đống đá trong vùng hoang dã ấy trông hệt như đống đá khác nằm kề ngay bên cạnh.

Tôi gặp George lần nữa trong một khách sạn ở Bulawayo. Chúng tôi uống mấy ly rượu pha với nước suối chứa trong những ly cao cổ, và nói về cuộc chiến. Nhóm khảo cổ của Chàng Còm lúc ấy đang dùng dằng chưa quyết định sẽ về nước hay tiếp tục ở lại. Họ đã tiến tới phần hấp dẫn của công trình nghiên cứu, và mỗi lần tôi có dịp thăm viếng Zimbabwe là Còm lại dẫn tôi đi dạo đêm trăng trong những đền đài đổ nát và cố tạo cho tôi cái ảo giác nhìn thấy vị thần bản xứ Phoenician đang chập chờn linh động trước mặt, có khi chúng tôi đi bộ dọc theo những bờ tường xiêu đổ. Tôi chỉ có năm mươi phần trăm muốn kết hôn với Chàng Còm; có lẽ, tôi nghĩ, đợi đến khi Còm hoàn tất việc của chàng. Cuộc thế chiến có thể xẩy ra bất cứ giờ phút nào vẫn nằm trong xương tủy chúng tôi: nên tôi lưu ý George về điều này khi chúng tôi ngồi uống rượu ngoài hiên nhà khách sạn vào một ngày mùa đông nắng rực rỡ của năm đó.

George thắc mắc về mối liên hệ tình cảm giữa tôi và Còm. Hắn cố gắng thúc đẩy tôi trong khoảng nửa tiếng đồng hồ và khi cuối cùng tôi nói, "Bồ đang có vẻ xen vô chuyện người khác nhiều quá đấy George," thì hắn ngưng. Trông George có vẻ thảm hại, tội nghiệp. Hắn nói, "Chiến tranh hay không thì tôi cũng dọt khỏi đây."

"Chắc vì khí hậu nóng bức." Tôi nói.

"Vì lý do gì thì tôi cũng đi. Tôi lỗ to trong vụ trồng thuốc lá. Ông chú tôi đang giận lắm. Tại mấy tên nông gia khốn nạn khác; nếu mình mà không về phe nó là mình tiêu ngay ở cái miền đất rộng tướng này."

"Thế còn Maltida thì sao?" Tôi hỏi.

George trả lời:

"Cô ả sẽ chẳng sao cả. Nó có cả trăm họ hàng ấy mà."

Tôi đã nghe đồn về đứa con gái nhỏ, da đen than, vì tính chất di truyền, mặt mũi thân hình thì giống George. Và họ nói là sắp có đứa thứ hai nữa.

"Thế còn đứa nhỏ?"

George không trả lời câu hỏi của tôi. Hắn gọi thêm hai ly rượu pha nước suối và khi thức uống này được mang tới, George quậy ly nước một lúc lâu.

"Tại sao bồ không mời tôi tới dự sinh nhật thứ hai mươi mốt của bồ?"

"Có gì đặc biệt đâu mà mời, chẳng tiệc tùng gì cả George à. Bọn tôi mấy người ngồi uống rượu chơi với nhau, chỉ có Chàng Còm và ông giáo sư già và hai bà vợ, và tôi, vậy thôi."

"Bồ không mời tôi dự sinh nhật thứ hai mươi mốt của bồ." Hắn nói. "Kathleen viết thư cho tôi thường lắm."

Cóc phải. Kathleen gửi thư cho tôi hoài trong đó nàng nói, "Đừng cho George biết tôi viết cho bồ nếu không hắn lại đòi tôi viết cho hắn và tôi thật sự không thể bị làm phiền được."

"Nhưng mà bồ đó," George nói, "không có vẻ hiểu biết tí nào về tình bạn cũ cả, bồ và thằng Còm."

"Trời đất, George ơi!" Tôi than.

"Nhớ những lúc tụi mình chơi với nhau." George nói. "Mình vẫn thường có thời giờ cho nhau mà." Cặp mắt lớn mầu nâu của hắn bắt đầu mọng nước.

"Thôi tôi phải đi đây." Tôi bảo.

"Đừng đi vội. Đừng có bỏ tôi mà. Tôi có chuyện muốn nói cho bồ nghe."

"Chuyện gì thế vui không?" Tôi cố đẻ ra một nụ cười làm như sốt ruột muốn biết. Nói với George cái gì cũng phải thậm xưng lên mới xong.

"Bồ không biết bồ may mắn như thế nào đâu." George nói.

"Sao?" Tôi hỏi. Đôi khi tôi chán ngấy bị mọi người gọi là kẻ may mắn. Có những lần, khi một mình thực tập viết về đời sống, tôi đã thấy mặt trái đắng cay của nỗi may mắn của mình. Khi tôi thất bại và tiếp tục thất bại trong việc tái tạo đời sống trong một thể dạng vừa ý và hoàn hảo nào đó, tôi còn bị tù túng hơn nữa, vì tất cả cái cách sống tự do bất cần của tôi, chỉ nằm trong nỗi khao khát sự vừa ý đó mà thôi. Có khi, trong sự yếu đuối và khao khát này, ẩn chứa một chất độc đã làm ô nhiễm cả cuộc đời tôi và còn vấy tùm lum sang Chàng Còm hoặc bất cứ người nào khác tôi gặp trong đời nữa.

"Bồ không bị ràng buộc bởi người nào hết." George nói. "Bồ đến và đi bất cứ lúc nào bồ thích. Cơ hội lúc nào cũng được dành sẵn cho bồ. Bồ tự do, và bồ không biết cái may mắn của mình."

"Bồ mới tự do hơn tôi nhiều thì có." Tôi đốp ngay. "Bồ có ông chú giầu thấy mồ đi."

"Ông ấy chán tôi lắm." George nói. "Ổng chịu hết nổi rồi."

"Ồ, bồ còn trẻ chán. Mà bồ đang định nói với tôi cái gì vậy?"

"Một bí mật." George nói. "Nhớ tụi mình vẫn thường hay có nhiều bí mật này kia đó."

"Ờ há."

"Thế bồ có bao giờ tiết lộ bí mật của tôi không?"

"Không mà, George." Thực ra, tôi chẳng thể nhớ nổi bất cứ một bí mật nào trong số hàng tá chuyện mà chúng tôi trao đổi cho nhau hồi còn đi học tới giờ.

"Rồi, đây là một bí mật, nhớ đó nghe. Hứa không tiết lộ cho ai hết."

"Hứa."

"Tôi lấy vợ rồi."

"Lấy vợ! Trời, George! Mà lấy ai chứ?"

"Maltida."

"Tệ quá!" Tôi buột miệng kêu trước khi kịp nghĩ, nhưng mà hắn đồng ý với tôi.

"Ờ, tệ quá há, nhưng mà tôi làm được gì đây?"

"Đáng lẽ bồ nên hỏi ý kiến tôi." Tôi nói một cách nghiêm trọng.

"Tôi lớn hơn bồ hai tuổi, tôi không có xin ý kiến của bồ, Cái Kim, đồ quỷ nhỏ."

"Vậy thì đừng có xin tôi thông cảm."

"Bạn tốt gớm nhỉ!" Hắn mỉa. "Tôi phải nói thế sau bao nhiêu năm quen biết nhau."

"Tội nghiệp bồ!" Tôi nói.

"Cứ ba người đàn ông da trắng mới có một phụ nữ da trắng ở đất này" George nói. "Một chủ trang trại bị sống tách biệt, không hề gặp một phụ nữ da trắng nào và nếu hắn có tìm được một cô thì người ta lại không thèm giao du với hắn. Tôi biết làm thế nào? Tôi cần người đàn bà đó."

Tôi gần phát ốm. Một, vì tôi được giáo dục theo văn minh Tô Cách Lan chính hiệu. Hai, vì sự khiếp đảm của tôi khi nghe những câu chọc vào tai như là "Tôi cần người đàn bà đó," mà George lập lại tới hai lần.

"Và Maltida đã cứng rắn hơn." George nói. "Sau khi bồ và Chàng Còm tới thăm tụi tôi. Cô ả có mấy người bạn trong Hội Truyền Giáo, thế là ả thu xếp khăn gói đi tới chỗ của họ."

"Đáng lẽ bồ nên để cô ấy đi cho rồi." Tôi bảo.

"Tôi đi theo ả. Maltida nhất định đòi làm đám cưới nên tôi đã chịu."

"Vậy đó không phải là một bí mật đúng nghĩa." Tôi nói. "Cái tin đám cưới giữa một người da trắng và một người da đen loan đi nhanh lắm."

"Tôi đã lo đâu vào đấy rồi." George trả lời, "Thật là điên khùng, tôi đem Maltida tới xứ Congo và làm phép cưới với ả ở đó. Cô ả hứa sẽ không tiết lộ với ai hết."

"Cha, vậy là chắc chắn bồ không thể nào ra khỏi vụ này và bỏ cô ấy được." Tôi nói.

"Tôi sẽ đi khỏi đây. Tôi không chịu nổi người đàn bà đó và tôi cũng chịu hết nổi miền đất nầy. Trước đây, tôi đã không hình dung nổi là đời sống đó sẽ thật sự ra sao. Hai năm ở đây và ba tháng nếm mùi bà vợ là đủ lắm rồi."

"Bồ sẽ xin ly dị không?"

"Không. Maltida theo đạo Công giáo. Ả đâu có chịu ly dị."

George đã uống gần xong mấy ly rượu pha nước suối rồi, và tôi cũng không thua xa hắn là mấy. Cặp mắt lớn màu nâu của George mọng nước khi hắn kể cho tôi nghe hắn đã viết lá thư bầy tỏ nỗi niềm với ông chú như thế nào., "Trừ mỗi một điều, dĩ nhiên, là tôi không cho ổng biết tụi tôi đã lấy nhau, điều đó quá đáng đối với ổng. Chú tôi là một ông già có máu thực dân hạng nặng. Tôi chỉ nói là tôi đã có một đứa con với một người phụ nữ da mầu và sắp có đứa nữa, và ông ấy hoàn toàn thông cảm. Ông bay tới liền, chỉ vài tuần trước đây thôi. Chú tôi giàn xếp với Maltida, hứa cho tiền cấp dưỡng với điều kiện cô ả phải kín miệng về mối liên hệ của ả với tôi.

"Cô ấy bằng lòng không?"

"Bằng lòng chứ, không thì không được tiền."

"Nhưng đã là vợ, cô ta dĩ nhiên có quyền đòi hỏi sự cấp dưỡng của bồ rồi."

"Nếu nhận là vợ tôi, ả sẽ được ít tiền hơn nhiều. Maltida biết nên làm gì mà, nó là một con điếm ham tiền. Ả sẽ kín miệng."

"Có mỗi một điều phiền, là bồ sẽ không thể lấy vợ khác, phải không George?"

"Ờ. Trừ khi nó chết." George nói. "Mà mụ đó thì mạnh như bò kéo cầy vậy." "Ôi chao. Buồn cho bạn quá, George à." Tôi nói.

"Bồ nói được thế thì cũng tốt đấy." Hắn bảo. "Nhưng mà nhìn cái cằm của bồ của tôi biết bồ phản đối việc tôi làm. Trong khi ngay cả ông chú già của tôi cũng còn thông cảm được nữa là."

"Ồ! George, tôi hiểu lắm mà. Lúc đó bồ cô đơn quá, tôi chắc vậy."

Bồ không mời tôi đến dự sinh nhật thứ hai mươi mốt của bồ. Nếu bồ và thằng Còm mà dễ thương hơn với tôi một chút thì đâu đến nỗi tôi mất trí khôn mà đi lấy mụ đàn bà đó, chẳng bao giờ cả."

"Bồ đã không mời tôi dự đám cưới của bồ." Tôi nói.

"Bồ là một con mèo rừng độc ác. Nè, Cái Kim, bồ không giống tôi hồi xưa chút nào, những ngày mà bồ thường kể cho cả bọn nghe những chuyện vặt vãnh của bồ."

"Thôi chắc tôi phải đi." Tôi nói.

"Nhớ giữ chuyện bí mật của tôi nhé." George dặn dò.

"Tôi kể cho Còm nghe có được không? Còm sẽ tội nghiệp bồ lắm đó George."

"Bồ không được kể cho bất cứ ai. Phải giữ bí mật tuyệt đối. Hứa không?"

"Hứa." tôi nói. Tôi hiểu rằng George muốn thắt chặt mối giây liên lạc giữa hai đứa tôi bằng điều bí mật này, và tôi nghĩ: "Ối dào, chắc hắn cũng cô đơn thiệt. Giữ bí mật cho hắn cũng chẳng chết ai."

Tôi trở về Anh quốc cùng với nhóm của Chàng Còm ngay trước khi chiến tranh bùng nổ.

Tôi đã không gặp lại George cho đến trước ngày tôi chết, năm năm về trước.

*
* *

Sau chiến tranh Chàng Còm đi học lại. Còm chỉ còn hai kỳ thi nữa, trong một khoảng thời gian mười tám tháng, và tôi nghĩ là sẽ có thể lấy Còm sau khi chàng thi xong.

"Bồ có thể thua Còm đó nghe." Kathleen thường nói với tôi như vậy vào những buổi sáng thứ Bẩy đi dạo ngắm những cửa tiệm đồ cổ và những quầy hàng bán đủ thứ đồ linh tinh.

Nàng ngày càng có vẻ già đi theo với tháng năm. Tất cả những người trong gia đình của bọn tôi ở Scotland đều ngỏ ý là đã đến lúc hai đứa tôi phải lập gia đình để ổn định đời sống đi. Kathleen trẻ tuổi hơn tôi chút đỉnh, nhưng mà coi lại già hơn tôi nhiều. Nàng biết cơ hội của nàng ngày mỗi giảm dần, nhưng ở khoảng thời gian đó, tôi không nghĩ là Kathleen quan tâm tới điều đó cho lắm. Phần tôi, điểm chính yếu hấp dẫn tôi trong chuyện lấy Chàng Còm là chuyện "có thể" được thăm viếng Mesopotamia. Niềm ước muốn của tôi trong cuộc hôn nhân với Còm cứ phải được thúc đẩy bằng cách đọc liền liền những cuốn sách về hai thành phố cổ Babylon và Assyria; có lẽ Còm cũng cảm thấy điều đó, vì chàng đưa sách cho tôi, và còn bắt đầu dạy tôi cách diễn dịch những ký hiệu trên những tấm bảng bằng đồng còn sót lại của nền văn minh cổ đã tàn rụi đó.

Kathleen đã thích lấy chồng hơn tôi tưởng. Cũng như tôi, nàng phiêu bạt đó đây trong thế chiến thứ hai, Kathleen đã hứa hôn với một sĩ quan hải quân Hoa Kỳ, anh này tử trận trong chiến tranh. Lúc bấy giờ, Kathleen đang mở một tiệm bán đồ cổ gần Lambeth, khá đắt hàng, nhà nàng ở khu phố Chelsea, nhưng để gìn giữ tất cả những thứ đó, chắc là Kathleen đã phải muốn lấy chồng và có con. Kathleen thường đứng lại, nhìn vô trong tất cả những xe đẩy trẻ con mà các bà mẹ để lại ngoài cửa tiệm hoặc chỗ cổng ra vào. "Nhà thơ Swinburne thường làm thế." Có lần tôi bảo nàng như vậy.

"Thật không? Ông ấy muốn có con lắm hả?"

"Tôi không nghĩ vậy. Ổng thích con nít, thế thôi."

Trước kỳ thi ra trường của Còm, chàng ngã ốm và được gửi đi chữa trị ở một bệnh viện chuyên trị lao tại Thụy Điển.

"Thế là bồ có phước mới không lấy Còm đấy." Kathleen nói. "Bồ có thể bị lây bệnh lao của ảnh."

Tôi có phước, tôi may mắn.. đấy, mọi người cứ tiếp tục bảo tôi thế trong mọi dịp khác nhau. Mặc dầu khi nghe vậy tôi rất lấy làm phiền, tôi vẫn biết họ nói đúng, nhưng đúng trong một cách khác hơn là họ muốn ám chỉ. Kiếm sống đối với tôi không mấy khó; điểm sách, nhận làm vài việc vặt cho Kathleen, một vài tháng với ông chính khách vẫn thích đọc diễn văn về văn chương, nghệ thuật và đời sống cho mấy trọc phú kỹ nghệ. Tôi đang đợi để viết về đời sống và dường như đối với tôi, sự may mắn này nằm trong sự đợi đó, bất cứ lúc nào. Và từ đây tới lúc tôi được bảo đảm một đời sống vui vẻ dễ chịu, những nhu cầu thiết yếu của cuộc đời vẫn được đưa tới cho tôi và tôi hưởng sự nhàn hạ hơn bất cứ người nào khác. Tôi nghĩ về cái may mắn của mình sau khi trở thành một người Công giáo và được rửa tội. Vị cha xứ đặt tay trên gò má của giáo đồ, một dấu hiệu nhắc nhở sự chịu đựng mà một người con Chúa phải gánh vác. Tôi đã nghĩ, may mắn làm sao đâu, một biểu tượng nhẹ hều để tượng trưng cho sự bạo động khủng khiếp trong ý nghĩa thật sự của nó.

Tôi tới thăm Còm hai lần trong hai năm chàng nằm trong bệnh viện. Còm đã gần khỏi, và sẽ được về nhà trong vài tháng nữa. Tôi nói với Kathleen sau lần cuối đi thăm Còm.

"Có thể tôi sẽ lấy Chàng Còm khi anh ấy bình phục lại."

"Xác nhận cho nó rõ ràng đi, Cái Kim, và đừng có cứ có thể mãi. Bồ không biết lúc nào bồ hên cả." Kathleen nói.

Đó là năm cuối cùng của đời tôi, cách đây năm năm về trước. Kathleen và tôi trở nên rất thân nhau. Hai đứa tôi gặp nhau vài lần mỗi tuần, và sau những buổi sáng thứ Bẩy tản bộ trên đường Portobello, tôi thường theo Kathleen tới nhà dì của nàng ở Kent để chơi suốt cuối tuần.

Một ngày trong tháng Sáu của năm đó tôi đi ăn trưa với Kathleen vì nàng gọi điện thoại cho biết là có tin đặc biệt.

"Đoán coi ai sẽ tới tiệm của tôi chiều nay." Kathleen nói.

"Ai?"

"George."

Bọn tôi nửa phần tưởng là George đã chết. Bọn tôi không nhận được thư từ gì của hắn trong mười năm qua. Buổi đầu, khi cuộc chiến mới xảy ra, bọn tôi nghe đồn là George đã mở một câu lạc bộ nhảy đầm ở Durban, nhưng rồi không nghe gì sau đó nữa. Bọn tôi đã có thể hỏi thăm về hắn nếu bọn tôi cảm thấy muốn.

Có một lần, nói chuyện về George, Kathleen đã bảo.

"Đáng lẽ tôi nên liên lạc với anh chàng George tội nghiệp đó. Nhưng rồi nghĩ rằng hắn sẽ viết thư lại. Hắn sẽ đòi liên lạc thư từ đều đặn thường xuyên. Thế là tôi lại thôi."

"Bọn mình bốn đứa phải không rời nhau." Tôi cười khúc khích.

"Tôi có thể hình dung ra cái kiểu quay đi quay lại chỉ có mỗi một chuyện trách móc dỗi hờn của hắn." Kathleen nói.

Chàng Còm phát biểu. "Chắc nó thành dân bản xứ mất rồi. Với bà cung phi mầu cà phê và cả tá con màu gạch cua của nó."

"Không chừng hắn chết rồi cũng nên." Kathleen nói.

Tôi không tiết lộ vụ lấy vợ của George, mà cũng không nói một điều gì về những chuyện riêng tư hắn đã thổ lộ với tôi ở khách sạn thành phố Bulawayo. Thời gian trôi qua, chúng tôi thôi không nhắc đến George nữa, ngoại trừ vài lần tình cờ, nhắc tới hắn như một người mà chúng tôi hầu như coi là đã chết.

Kathleen có vẻ thích thú về sự xuất hiện của George. Nàng quên mất một sự thiếu kiên nhẫn của nàng với hắn trong quá khứ; nàng nói.

"Thật là vui được gặp lại anh chàng George ngày xưa. Anh ấy có vẻ cần một người bạn, cảm thấy bị bỏ rơi, xa rời hết thảy mọi thứ."

"Tôi chắc hắn cần một bà mẹ."

Kathleen không để ý đến câu nói đùa ranh mãnh của tôi. Nàng tuyên bố. "Đúng là trường hợp của George đấy. Luôn luôn là như vậy. Bây giờ thì tôi hiểu rồi."

Kathleen dường như sẵn sàng để đi tới một kết luận mới và lạc quan về George. Trong buổi gặp gỡ ban sáng hắn kể cho Kathleen nghe chuyện câu lạc bộ khiêu vũ của hắn ở Durban, tiệm bán đồ chơi giải trí của hắn từ đó tới giờ. Rõ ràng là hắn không nhắc gì đến Maltida. Kathleen bảo tôi là George mập ra, nhưng vẫn có thể tự vác hắn được.

Tôi tò mò muốn thấy chàng George mới, nhưng tôi phải đi Tô Cách Lan ngay ngày hôm sau và không gặp hắn cho đến tháng chín năm đó, ngay trước ngày tôi chết.

*
* *

Trong khi ở tại Tô Cách Lan, tôi thâu thập tin tức từ những lá thư của Kathleen, cho biết rằng nàng đang gặp George rất thường xuyên, tìm thấy niềm vui thú trong mối liên hệ đó, lo lắng và săn sóc cho hắn. "Bồ sẽ ngạc nhiên thấy anh chàng thay đổi như thế nào." Rõ ràng là George la cà tới tiệm của Kathleen gần như mỗi ngày, điều này làm cho hắn cảm thấy mình được việc" Kathleen đã nhấn mạnh điều đó một cách rất "bà mẹ." George có một người bà con ở Kent mà hắn vẫn tới thăm mỗi cuối tuần, bà già này ở cách nhà dì của Kathleen chỉ có vài dặm đường, nhờ thế những ngày thứ Bẩy cả hai có thể đi chơi với nhau một cách dễ dàng, và thả bộ nhiều quãng dài trên những con đường của miền đồng quê.

"Bồ sẽ thấy George thay đổi nhiều lắm." Kathleen nói khi tôi trở về Luân đôn vào tháng Chín. Theo dự định thì tôi gặp hắn buổi tối hôm đó, một tối thứ Bẩy, dì của Kathleen đi ngoại quốc, người hầu gái nghỉ việc, và tôi tới làm bạn với Kathleen trong căn nhà không người này.

"Tôi sẽ gặp bồ quãng bẩy giờ tối." Kathleen nói. "Có chắc bồ không phiền lòng vì nhà trống không? Tôi thì rất ghét tới những nhà chẳng có ai trong đó hết cả."

Tôi nói không, tôi thích những nhà trống không người.

Mà khi tới đó, tôi thích thật. Tôi chưa bao giờ thấy một cái nhà đáng yêu đến thế. Một nóc gia kiểu Georgian rộng chừng tám mẫu tây, hầu hết những căn phòng đều đóng cửa và đồ đạc phủ khăn kín, có mỗi một người giúp việc. Tôi khám phá ra là tôi không cần phải đi mua bán gì cả, dì của Kathleen đã để lại rất nhiều đồ ăn với những mảnh giấy ghi chép dán lên trên: "Làm ơn ăn hết môn này đi, xem cả trong tủ lạnh nữa" và "đặc biệt để đãi ba đứa háu đói tìm hai chai rượu tốt cho tiệc của các cháu ở đằng sau cái bàn phía trong góc." Giống như là dì tìm kho tàng vậy, khi mà tôi theo từ mảnh giấy hướng dẫn này đến mảnh giấy hướng dẫn khác trong cái không khí nhẹ nhàng yên tĩnh của những góc nhà ấm cúng. Một căn nhà không người - nhưng lại có tất cả những dấu vết của sự cư trú - có thể là một nơi yên tĩnh tuyệt vời nhất. Người ta chiếm quá nhiều chỗ trong căn nhà quá rộng so với kích thước của thân thể mỗi người. Lần thăm viếng trước, tôi thấy những căn phòng dường như rộng mênh mông, với Kathleen, dì của nàng, và người hầu gái hơi mập mạp; cả ba đều không ngừng di chuyển lăng xăng. Khi tôi lang thang qua những phòng có người ở, mở toang những cánh cửa sổ cho không khí mầu vàng lợt lạt của tiết trời tháng Chín tràn vào, tôi đã không nhận ra rằng tôi, Cái Kim, không hề chiếm phần không gian nào cả, tôi có thể đã chỉ là một hồn ma.

Thứ duy nhất cần phải kiếm là sữa. Tôi đợi tới sau bốn giờ chiều là lúc người ta đã vắt

xong sữa bò, rồi đi tới nông trại nằm cách nhà hai cánh đồng ở phía sau vườn trồng cây ăn trái. Ở đó, khi người vắt sữa bò giao cho tôi bình sữa, tôi đã nhìn thấy George.

"Chào George." Tôi nói.

"Cái Kim! Bồ đang làm gì ở đây vậy?"

"Mua sữa." Tôi trả lời.

"Tôi cũng vậy. Ở, phải nói là gặp bồ tôi mừng ghê đó nghe."

Khi trả tiền người vắt sữa ở nông trại, George nói. "Tôi tiễn bồ một phần đường thôi. Nhưng tôi không dừng lại được, vì bà chị già của tôi không có sữa để uống trà. Kathleen sao?"

"Cô ấy phải ở lại Luân đôn. Sẽ tới sau, cổ trù quãng bẩy giờ."

Hai đứa tôi đã đến phần cuối của cánh đồng thứ nhất. Lối George đi rẽ phía bên trái và dẫn ra đường chính.

"Bọn tôi sẽ gặp bồ tối nay nhé?" Tôi nói.

"Ừ, và kể về những ngày xưa."

"Tuyệt cú mèo." Tôi nói.

Nhưng George đi với tôi vượt qua cánh cổng chia ranh giới hai cánh đồng.

"Này Cái Kim. Tôi muốn nói chuyện với bồ."

"Tối nay mình nói chuyện, George. Bồ không nên để bà chị họ của bồ đợi sữa lâu quá." Tôi thấy tôi nói chuyện với hắn như là với một đứa trẻ con vậy.

"Không, tôi muốn nói riêng với bồ thôi. Đây là một dịp tốt."

Chúng tôi bắt đầu băng qua cánh đồng thứ hai. Tôi vẫn đang mong được có căn nhà cho riêng một mình tôi thêm vài tiếng đồng hồ nữa và tôi đã nóng ruột bực bội lắm rồi.

"Coi kìa". Hắn đột nhiên nói. "Cái đống rơm đó đó."

"Ờ!" Tôi trả lời hờ hững.

"Ngồi xuống đây nói chuyện đi. Tôi thích nhìn thấy bồ leo lên ngọn đống rơm lần nữa. Tôi vẫn còn giữ tấm hình đó. Còn nhớ khi mà tụi mình..."

"Tôi tìm thấy cây kim." Tôi nói thật nhanh cho xong chuyện cho rồi.

Nhưng tôi cũng mừng được ngồi nghỉ. Đống rơm bị xáo trộn tùm lum nhưng mà bọn tôi cũng tìm được một ổ khá êm để ngồi. Tôi nhét bình sữa trong đống rơm để giữ độ mát. George cẩn thận đặt bình sữa của hắn ở chân đống rơm.

"Bà chị họ của tôi yếu lắm rồi, tội nghiệp. Hơi lẩm cẩm. Bà ấy không có chút ý thức nào về thời gian cả. Nếu tôi bảo là tôi chỉ đi có mười phút bà cũng tin nữa."

Tôi cười khúc khích, và nhìn thẳng George. Mặt hắn lớn hơn trước nhiều, cặp môi dầy, rộng và đỏ tươi một mầu kỳ lạ khó thấy ở đàn ông. Đôi mắt nâu của hắn vẫn long lanh nước như thuở trước, với ánh nhìn như ẩn chứa một nỗi niềm khó tả."

"Rồi, cuối cùng thì bồ cũng sẽ lấy Còm hả?"

"Tôi thật sự không biết George à."

"Bồ dợt thằng nhỏ tiêu điều há."

"Bồ không nên kết tội tôi như vậy. Tôi có những lý do riêng cho việc tôi làm."

"Đừng có tức." Hắn nói. "Tôi chỉ nói giỡn chơi thôi mà." Để chứng tỏ điều đó, hắn bốc một nắm rơm chà lên mặt tôi.

Sau đó hắn nói tiếp: "Bồ biết không, tôi không nghĩ là bồ và Còm đã đối tử tế với tôi khi mình ở Rhodesia."

"Ờ thì hồi đó tụi tôi bận rộn quá mà George. Và khi ấy mình còn trẻ hơn bây giờ nhiều, còn biết bao nhiêu chuyện để làm biết bao nhiêu chỗ để đi. Mà nói cho cùng đi nữa, thì tụi tôi cũng có thể gặp bồ bất cứ lúc nào khác cơ mà."

"Một kiểu lý luận ích kỷ." Hắn nói.

"Thôi tôi phải đi đây George." Tôi nhỏm dậy để xuống khỏi đống rơm. Hắn kéo tôi lại. "Đợi tí, tôi có điều này nói với bồ."

"Rồi. George. Nói đi."

Trước hết, bồ phải hứa không được nói với Kathleen. Cô ấy muốn giữ bí mật việc này để tự cô ấy nói cho bồ biết."

"Rồi. Hứa."

"Tôi sẽ kết hôn với Kathleen."

"Nhưng mà bồ đã kết hôn rồi."

Thỉnh thoảng tôi vẫn được tin tức về Maltida từ gia đình người quen ở Rhodesia mà tôi vẫn còn giữ liên lạc. Họ gọi Matilda là *Nàng Đen của George* và dĩ nhiên là họ không biết George đã lấy mụ ta. Hiển nhiên là người đàn bà này đã làm đẹp mặt George lắm, họ nói, vì mụ tối ngày đi nói xấu người này chọc giận người kia, chẳng làm việc gì động đến móng tay và lại còn luôn luôn gây gổ với những cô gái bản xứ đàng hoàng trong vùng. Theo những người này, Maltida chính là một thí dụ điển hình cho sự thiếu tư cách, cũng như George vậy.

"Tôi lấy Maltida ở xứ Congo mà." George nói như vậy.

"Nhưng vẫn là tội song hôn." Tôi nói.

Hắn giận điên lên khi tôi dùng chữ song hôn. Hắn bốc một nắm rơm đầy lên tay như thể hắn muốn ném vào mặt tôi, nhưng lại cố tự kiềm chế trong khi phe phẩy quạt vào tôi ra vẻ giỡn chơi.

"Tôi không chắc hôn nhân ở xứ Congo là có giá trị gì." Hắn nói tiếp. "Nói cách nào đi nữa, đối với tôi, cuộc hôn nhân đó cũng như không có."

"Bồ không thể làm chuyện như thế được." Tôi nói.

"Tôi cần Kathleen. Cô ấy đối với tôi rất đàng hoàng. Tôi nghĩ chúng tôi đẹp đôi, tôi với Kathleen."

"Thôi tôi phải đi đây." Tôi nói.

Nhưng hắn chặn đầu gối lên cổ chân tôi để tôi không thể nhúc nhích được. Tôi ngồi im, nhìn bâng quơ vào khoảng không trước mặt.

Hắn lấy một cọng rơm cù lên mặt tôi.

"Cười lên, Cái Kim" Hắn nói: "Tụi mình nói chuyện như ngày xưa đi."

"Gì?"

"Không ai biết về vụ kết hôn giữa tôi và Maltida trừ tôi và bồ."

"Và Maltida." Tôi nói.

"Mụ ngậm miệng miễn là mụ nhận được tiền. Ông chú tôi đã dành một số tiền cho vụ đó, luật sư của ông lo hết mọi chuyện."

"Để tôi đi, George."

"Bồ hứa giữ bí mật." Hắn nói. "Bồ đã hứa rồi."

"Phải, tôi đã hứa."

"Và bây giờ bồ sẽ lấy Còm, bọn mình sẽ chính thức trở thành hai cặp vợ chồng mà lẽ ra mình đã làm từ nhiều năm trước đây. Nhưng tại tuổi trẻ! - chính cái tuổi trẻ của mình đã ngăn cản mình làm chuyện đó, phải không?"

"Đời sống ngăn cản mình." Tôi nói.

"Nhưng mà tất cả mọi sự bây giờ sẽ rất tốt đẹp. Bồ sẽ giữ kín bí mật của tôi, phải không? Bồ đã hứa rồi." Hắn đã thôi đè lên chân tôi. Tôi xích ra xa George thêm một chút nữa.

Tôi nói: "Nếu Kathleen định lấy bồ, tôi sẽ nói cho cô ấy biết là bồ đã kết hôn rồi."

"Cái Kim, bồ có thể làm một chuyện tồi tệ như vậy sao? Bồ sẽ hạnh phúc với thằng Còm, bồ không nên ngăn cản tôi tìm..."

"Tôi phải nói, Kathleen là bạn thân nhất của tôi." Tôi nói thật nhanh.

Hắn nhìn như là muốn giết tôi, và hắn làm thật. Hắn tống rơm vô miệng tôi cho tới khi nó không còn chứa thêm được nữa, hắn đè đầu gối trên mình tôi cứng ngắc, nắm cả hai cổ tay tôi trong bàn tay trái khổng lồ của hắn. Hình ảnh sau cùng tôi nhìn thấy trên trái đất này là cặp môi dầy đỏ thắm và một khe hở hàm răng trắng của hắn hé ra. Không một mạng nào đi ngang khi hắn dúi thân thể tôi vào trông đống rạ, vùi tôi thật sâu, kéo rơm rải thành một đường bằng chiều dài thân thể tôi, và cuối cùng, vun những cọng rơm khô thành một đống cao che lên trên, coi rất tự nhiên như một đống rạ đã bị dùng mất một phần. Rồi George trèo xuống, lấy bình sữa của hắn và thản nhiên đi. Tôi chắc đó là lý do tại sao trông hắn xanh lét muốn xỉu khi tôi đứng, gần năm năm sau, bên cạnh thùng trái cây ở phố Portobello và nói với giọng bình thản: "Chào George!"

*

* *

Vụ Giết Người Ở Đống Rơm đã là một trong những án mạng gây sôi nổi nhất trong năm đó.

Bạn bè tôi nói: "Thật là một người con gái có tất cả mọi thứ đáng sống để mà hưởng."

Sau cuộc tìm kiếm kéo dài chừng hai mươi tiếng đồng hồ, khi thi thể tôi được phát hiện, báo chí phát hành tối hôm đó loan tin: "Tìm thấy *Cái Kim:* trong đống rơm!"

Đứng ở quan điểm Công giáo mà người khác phải mất một thời gian mới làm quen được, Kathleen nói: "Nàng vừa đi Xưng Tội chỉ mới vào ngày trước khi nàng chết - thế có may không chứ?"

Anh chàng vắt sữa bò đáng thương ở nông trại đã bán sữa cho chúng tôi bị cảnh sát địa phương hỏi cung giờ này qua giờ khác, và sau đó, bị Tình Báo Anh Quốc quay thêm một hồi nữa. George cũng chịu chung số phận. Hắn nhận là đã đi bộ với tôi đến tận đống rơm, nhưng chối là đã quanh quẩn ở đó.

"Anh đã không gặp bạn anh sau mười năm, phải không?" Điều tra viên hỏi hắn.

"Dạ đúng." George nói.

"Và anh đã không dừng lại để chuyện trò gì cả?"

"Không. Chúng tôi hẹn gặp nhau ăn tối sau đó. Bà chị họ của tôi đang đợi tôi mang sữa về. Tôi đâu có dừng lại được."

Cái bà già, chị họ của George ấy, thề là hắn chỉ mới đi có mười phút cả thẩy thôi, và bà đã tin chuyện ấy là thực cho đến ngày cuối cùng của đời bà (chỉ chừng vài tháng sau). Chứng cớ từ phòng thí nghiệm cho thấy dưới kính hiển vi, người ta tìm thấy phân tử rơm trên áo khoác của George, dĩ nhiên, nhưng bằng chứng tương tự cũng có thể tìm thấy trên áo khoác của bất cứ người đàn ông nào sống trong vùng vào cái năm được mùa lúa tốt đó. Xui xẻo làm sao, bàn tay của anh chàng vắt sữa bò lại bự và mạnh mẽ hơn cả bàn tay của George. Dấu bầm trên hai cổ tay của tôi đã bị gây ra bởi những bàn tay cỡ đó, kết quả cuộc giảo nghiệm tử thi của tôi đã cho biết như vậy. Nhưng những dấu bầm này lại cũng không đủ để buộc tội một trong hai người đàn ông. Người ta nói, nếu tôi đừng mặc áo len dài tay thì cuộc giảo nghiệm đã có thể so dấu vết bầm với dấu ngón tay của kẻ bị tình nghi giết người.

Muốn chứng minh George không có lý do nào để làm việc đó, Kathleen nói với cảnh sát là nàng đã đính hôn với hắn. George cho rằng việc làm này hơi ngốc. Cảnh sát bèn điều tra về những ngày George sống ở Phi châu, truy ngay ra vụ hắn ở với Maltida. Nhưng vụ kết hôn không lòi ra - ai mà nghĩ đến chuyện xé hồ sơ hộ tịch ở tận xứ Congo? Mà dù có tìm thấy đi chăng nữa, chuyện này cũng chẳng chứng tỏ nó là một động lực thúc đẩy George giết người. Cuối cùng, George được tha sau khi cuộc điều tra kết thúc mà không lòi ra vụ lấy Maltida. Hắn lăn đùng ra ốm vì thần kinh suy nhược, Kathleen cũng vậy, cả hai cùng hồi phục và kết hôn sau đó, một thời gian lâu sau khi sở cảnh sát đã hướng cuộc điều tra của họ về một trại Không Quân ở cách nhà dì của Kathleen chừng năm dặm. Cuộc điều tra đó chỉ khiến cho người ta uống rượu thả cửa và thích thú bàn ra tán vào. Vụ Giết Người Ở Đống Rơm là một trong những án mạng không tìm ra được hung thủ trong năm đó.

Không lâu sau, Chàng Còm thấy tội nghiệp cho anh vắt sữa, đã giúp đỡ anh này di cư sang Gia Nã Đại để tạo dựng một đời sống mới.

* *

Sau khi thấy George được Kathleen đưa về nhà vào buổi sáng thứ Bẩy hôm đó trên đường Portobello, tôi nghĩ, có lẽ tôi nên gặp hắn thường xuyên hơn trong những dịp tương tự. Thứ Bẩy sau đó tôi đi kiếm hắn, và sau cùng thì tôi đã gặp hắn, ở đó một mình, không có Kathleen bên cạnh, trông hắn có vẻ nửa lo âu, nửa hy vọng.

Cắt đứt mối hy vọng của hắn, tôi nói: "Chào George!"

Hắn nhìn về phía tôi, đứng chết trân giữa giòng người mua bán ngược xuôi trên con đường sầm uất vui vẻ ấy. Tôi tự nhủ: "Trông hắn như là bị nhét đầy một miệng rơm." Tại cái mầu hung hung vàng nhạt của râu cằm và ria mép mới mọc quanh cái miệng bự cồ của hắn khiến tôi nghĩ thế. Cái mầu vui vẻ và nhậy cảm như sự sống vậy.

"Chào George." Tôi lập lại lần nữa.

Đáng lẽ tôi đã có hứng để nói nhiều hơn trong buổi sáng đẹp trời đó, nhưng mà hắn đã không chờ. Hắn chạy nhào xuống một con đường hẻm và dọc theo con đường khác và xuống một hẻm nữa, chạy zíc zắc, vòng vo cho thật xa, tới chỗ xa nhất mà hắn có thể, khỏi con đường Portobello.

Tuy nhiên, tuần tới hắn lại trở lại. Bạn Kathleen đáng thương của tôi lái xe đưa hắn đến. Nàng đậu xe ở đầu đường, đi ra với hắn, nắm thật chặt cánh tay hắn. Tôi đau lòng khi thấy Kathleen lơ đi trước những đồ trang sức lấp lánh bầy trên những mặt quầy. Chính tôi đã thấy một cái hộp trang sức Battersea thật dễ thương đúng như ý thích của Kathleen, lại cả một đôi bông tai bạc mặt láng tưng nữa. Nhưng mà Kathleen chẳng buồn để ý gì đến những đồ trang sức này, cứ dính chặt lấy George, và trông cô bạn đáng thương - ôi chao, tôi thực không biết phải tả cô ấy như thế nào nữa.

Và George thì tiều tụy thảm hại. Đôi mắt trông nhỏ hẳn đi như là vừa bị đau mới dậy. Hắn bước lên mặt đường, Kathleen đỡ một bên nách, hắn bước xiêu bên này vẹo bên kia khiến bà vợ cũng chúi lên chúi xuống bên cạnh hắn, trong khi đám đông vẫn thản nhiên mạnh bước trên đường của họ.

"Ồ George!" Tôi nói. "Coi bồ không khỏe tí nào cả."

"Nhìn kìa!" George kêu lên. "Ở đằng đó bên cạnh cái thùng đựng đồ sắt. Là Cái Kim đó."

Kathleen đang khóc. "Về nhà đi cưng ơi!" Nàng nói.

"Ồ! Coi bộ không khỏe George à." Tôi nói.

Người ta đem George vào nhà dưỡng trí. Hắn cũng hiền lành yên lặng, trừ những buổi sáng thứ bẩy, rất khó giữ hắn trong nhà và ngăn hắn đến đường Portobello.

Nhưng vài tháng sau đó hắn trốn ra. Ngày đó vào thứ hai trong tuần.

Người ta đi tìm hắn ở đường Portobello, nhưng thực ra hắn đã đi tuốt về tỉnh Kent tới ngôi làng gần chỗ xảy ra vụ Giết Người Ở Đống Rơm. Rồi hắn vô sở cảnh sát nộp mình, nhưng người ta nhận ra ngay trong cách nói chuyện của hắn là hắn bất bình thường.

"Tôi thấy Cái Kim chạy trên đường Portobello trong ba ngày thứ Bẩy." Hắn giải thích. "Và người ta bỏ tôi vào nhà thương điên nhưng mà tôi trốn được trong lúc y tá bận trông những bệnh nhân khác. Mấy người có nhớ vụ Cái Kim bị giết không - là tôi làm đấy. Bây giờ thì mọi người biết sự thật rồi, và điều đó sẽ khiến cho con quỷ Cái Kim đó câm miệng."

Hàng chục tên điên khùng thú tội trong mỗi vụ ám sát. Cảnh sát gọi xe cứu thương đem hắn về dưỡng trí viện. Hắn không ở đó bao lâu. Kathleen bỏ cửa tiệm và dùng hết thời giờ của nàng để chăm sóc hắn tại nhà. Nhưng Kathleen thấy những buổi sáng thứ Bẩy là những lúc mệt nhọc vô cùng. George nhất định đòi đi gặp tôi tại đường Portobello và nhất định nhắc đi nhắc lại rằng hắn đã giết chết Cái Kim. Một lần hắn cố gắng kể cho Kathleen nghe về Maltida, nhưng nàng quá tử tế và quá rộng lượng, tôi không nghĩ rằng hắn có can đảm nhớ lại những gì hắn phải nói.

Chàng Còm thì luôn luôn xa cách với George từ khi vụ án mạng xẩy ra. Nhưng chàng rất tử tế với Kathleen. Chính Còm đã thuyết phục cả hai di dân tới Gia nã đại để George có thể xa hẳn con đường Portobello đi.

Ở Gia nã đại, George hồi phục phần nào, nhưng dĩ nhiên hắn sẽ không bao giờ có thể là George của ngày trước nữa, như Kathleen viết trong thư gửi cho Chàng Còm. Cái thảm kịch ở Đống Rơm đã tàn phá George, đôi khi tôi cảm thấy thương hại George nhiều hơn là Cái Kim tội nghiệp của bọn mình. Nhưng tôi vẫn làm lễ cầu hồn cho cô ấy luôn."

*

* *

Tôi không tin là George sẽ có bao giờ nhìn tôi trên con đường Portobello nữa. Hắn giữ rịt lấy tấm hình nhầu nát mà hắn đã chụp bọn tôi trên đống rơm. Kathleen không thích tấm hình đó, tôi chẳng ngạc nhiên. Riêng tôi, tôi thấy đó là một bức ảnh chụp khá tếu, nhưng tôi lại không nghĩ là bọn tôi dễ thương chút nào như trong hình. Chàng Còm thì nhìn cau có về phía cánh đồng bắp, diễn tả một vẻ mặt rất là tức cười, tôi thu mình yên ổn trong sự khác biệt hẳn các bạn, Kathleen thì yểu điệu tựa đầu trên bàn tay, mỗi đứa phản ảnh thật trung thực trong ống kính của George sự rực rỡ của vũ trụ, như sẽ không bao giờ tàn.

MURIEL SPARK
TRẦN DIỆU HẰNG dịch

Phỏng vấn kịch tác gia Tiệp Khắc

VACLAV HAVEL: 'HI VỌNG RẤT GẦN'

Vaclav Havel

MARK FRANKLAND
NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG *dịch*

Lời người dịch: *Lấy đạo đức chống lại chủ nghĩa cộng sản, Vaclav Havel, kịch tác gia Tiệp Khắc nổi tiếng và là đồng sáng lập viên Phong trào nhân quyền ở Tiệp Khắc, bản Hiến chương 77, bị chế độ bắt bỏ tù bốn lần nhằm bịt miệng, đã nhận được sự ủng hộ từ khắp thế giới trong lúc ông nằm tù cũng như ở ngoài, kể từ năm 1977. Kịch của ông đã được trình diễn ở cả Đông Âu lẫn Tây Âu. Tác phẩm "Thư cho Olga," viết cho vợ khi ông ở trong tù, đã được xuất bản ở Anh quốc hồi đầu năm nay.*

Nói chuyện với ký giả Mark Frankland, Havel cho biết là chế độ bây giờ đã thôi, không còn muốn bịt miệng ông nữa. Bài phỏng vấn này đăng trên tuần báo The Observer, Luân Đôn, số ra ngày 30-7-89.

Mark Frankland là một chuyên gia về các vấn đề Cộng Sản và Đông Âu, đã có mặt thường xuyên ở Sàigòn trong thời chiến tranh, cũng là tác giả một cuốn tiểu thuyết về Việt Nam được nhiều người mến chuộng: The Mother-of-Pearl Men.

Vaclav Havel không chỉ là một kịch tác gia nổi tiếng của Tiệp Khắc, một nhà văn "ly khai," người soạn thảo bản thỉnh nguyện chưa từng thấy của quần chúng đòi quyền dân chủ vừa được ấn hành tại Prague vào tháng qua. Ông còn là một triết gia Đông Âu, có những luận cứ vững chắc nhất, chủ trương lấy đạo đức để chống lại chủ nghĩa Cộng sản, và đã được nhiều người đứng đắn nhắc tới như một vị tổng thống khả hữu của nước ông. Mặc dù chính quyền chỉ mới phóng thích Havel vào trung tuần tháng Năm năm nay, ở nửa chừng của một bản án tám tháng tù, những người đến thăm Havel trong những ngày này đã kéo tới từ cả Đông lẫn Tây Âu.

Tìm gặp ông dễ nhất là ở Hradecek, trong khung cảnh núi rừng miền bắc Bohemia, tại ngôi nhà mùa hè mà ông đã đặc biệt tỏ ý lo ngại trong những lá thư gửi cho vợ là Olga vào thời gian nằm tù lâu nhất của ông, từ 1979 đến 1983.

Cái nông trại xinh xắn mà vợ chồng Havel đã mua 20 năm trước ngời sáng dưới một trận mưa phùn thoáng nhẹ. Những vách tường trắng, máng xối và các khung cửa bằng gỗ màu đất nung đỏ. Một nhà chứa nông cụ màu vàng chói sừng sững trên một thảm cỏ xanh tươi chạy dài tới trước thềm nhà. Phòng khách cũng gợi lên một đời sống ngăn nắp. Trong một góc phòng có kê một cái trường kỷ bọc nhung đỏ và hai chiếc ghế dựa cùng bộ, ở một góc khác là một bàn ăn với những hủ gia vị kề cận sẵn sàng.

Havel góp phần rất nhiều vào cái không khí thoải mái, vui sống ấy. Dáng người hơi thấp và chắc nịch trong chiếc quần jeans và cái áo len màu nâu, ông lăng xăng rót rượu mời khách: ông nổi tiếng là một người xuề xòa, hiếu khách và bặt thiệp ("những tính tình thâm căn cố đế, không thể hủy diệt và hoàn toàn bất lợi cho sức khỏe" như chính lời ông đã mô tả sự lịch sự của mình). Thế nhưng món quà của một người Anh mang tới, một hộp trà Earl Grey lớn, thứ trà mà Havel từng ca ngợi trong cuốn "Thư cho Olga," cũng đã không khỏi gợi ra một thoáng cau mày. Trà Earl Grey, ông nói, chỉ là thức uống ưa thích của ông khi còn ở trong tù. Trong đời sống tự do - lúc này ông mở rộng miệng cười - ông ưa rượu hơn.

Cách nói chuyện của ông cho thấy ông để hết tâm trí vào mọi việc mình làm. Khi trả lời các câu hỏi, ông hết sức tập trung tư tưởng, phát biểu thật chẫm rãi, lặp đi lặp lại những từ then chốt. Người ta như có thể nghe thấy bộ óc của ông đang làm việc. Trả lời xong, ông uống một chút, đốt một điếu thuốc, thêm một câu pha trò. Ông không muốn bị tách rời khỏi bất cứ một việc gì: tách rời khỏi thân nhân bạn bè, hay những thú vui thường ngày, hoặc cái thế giới của trí óc - và cuối cùng, và cũng là cội rễ của sự cương quyết của ông - tách rời khỏi trí óc của thế giới.

Olga, tuy xa vắng nhưng đã không ngớt day dứt có mặt trong những lá thư trong tù của Havel, thỉnh thoảng lại xuất hiện, một người đàn bà tóc đã hoa râm nhưng vẫn còn xinh đẹp, mảnh mai. Có tiếng mài lưỡi hái từ nơi xa vọng lại. Olga đã đi cắt cỏ trong mảnh vườn nhỏ trồng cây ăn trái.

MARK FRANKLAND: Ông vẫn còn là Vaclav Havel nhà viết kịch, hay các biến cố đã khiến ông gần như hoàn toàn trở thành Vaclav Havel một nhân vật của quần chúng?

VACLAV HAVEL: Nếu câu hỏi này liên hệ tới những cảm nghĩ của tôi về chính mình thì tôi xin nói ngay là trước sau gì tôi cũng vẫn là một con người duy nhất trong suốt 30 năm qua, nghĩa là, là một nhà văn và một người viết kịch. Nếu nó liên hệ tới cái vai trò tôi đang đóng, hay tới các công việc đang chiếm phần lớn thì giờ của tôi thì tôi xin thưa là các hoạt động của tôi với tư cách công dân và cho công chúng đang chiếm một tỷ lệ thời gian càng ngày càng gia tăng, và đối với nhiều người ở Tiệp Khắc, tôi được biết tới như một công dân hơn là như một nhà văn. Điều này, riêng tôi, tôi rất tiếc, nhưng chính nó lại giải thích điều tôi cảm thấy là càng bị tình thế bắt buộc phải hoạt động chính trị tôi càng thích sinh hoạt kịch nghệ hơn.

M.F: Ông nội và thân phụ ông đều là những kiến trúc sư, người xây cất và nhà doanh nghiệp có tiếng ở Tiệp Khắc trước thời Cộng sản. Ông có nghĩ là có một mắt xích nào đó nối kết việc trên với con người của ông ngày nay, chẳng hạn như trong sự chán ghét mà ông từng biểu lộ đối với ưu đãi của một thời thơ ấu giàu sang?

V.H: Chỉ mãi lâu sau trong đời tôi mới nghĩ tới ảnh hưởng của cái gọi là lý lịch tư sản của mình. Tôi phải thú nhận là ngược ngạo thay, chính nó lại đã có một ảnh hưởng thuận lợi cho tôi trong công việc viết lách sáng tạo. Khi còn trẻ và được hưởng những đặc lợi và môi sinh đem lại, tôi cảm thấy hổ nhục vài vị trí hơn người nhờ được ưu đãi ấy. Tôi cảm thấy như có một bức tường ngăn chia giữa bản thân tôi và khung cảnh chung quanh, xã hội bao quanh, và tôi hết sức ao ước được bình đẳng như mọi người.

Tình trạng trên đã đột ngột thay đổi vào năm tôi được 12 tuổi, khi Cộng sản lên nắm chính quyền, và kể từ thời đó tôi đã bị ngược đãi vì lý lịch của mình, hay ít nhất là người ta đã công khai sử dụng nó để chống lại tôi. Tuy nhiên, cảm nghĩ của tôi về chuyện ấy vẫn y nguyên, cả khi nó là cái nguồn của những đặc quyền đặc lợi lẫn khi nó trở thành đầu mối cho những đau khổ và phiền nhiễu đối với tôi.

Nó đã giúp tôi cũng như những người khác, vì những lý do nào đó, đã như tôi cảm thấy cách biệt đối với khung cảnh xung quanh họ, trong việc cho tôi có được một khoảng cách, một viễn ảnh nào đó đối với sự vật. Điều ấy, tôi nghĩ, cũng là nguồn gốc về mỹ quan trong kịch của tôi. Ấy là một trong những ảnh hưởng căn bản, phát xuất từ đời sống, sau này đã hình thành trong tác phẩm của tôi.

Riêng về ảnh hưởng lý lịch của tôi xét trên phương diện tư tưởng và chính trị, thì tôi nghĩ là chẳng có bao nhiêu đâu. Suốt đời, tôi là một người mà ở phương Tây người ta có thể kêu bằng khuynh tả, một kẻ luôn luôn đứng về phía những người bị hiếp đáp hơn là về phía những chủ nhân ông, một kẻ không thể chấp nhận những tường thành xã hội, nhất là ở nơi những bức tường đó không phải do mình gây nên cũng chẳng đáng phải chịu. Tuy nhiên, tình trạng trọn đời khuynh tả này không có nghĩa là tôi đã từng dính líu gì với Cộng sản. Lý lịch của tôi có thể giúp người ta tin được điều đó hay không, tôi không thể đoan quyết, dẫu sao thì gốc gác đó cũng không thể có một ảnh hưởng quyết định.

M.F: Đối với một số người của 40 năm về trước ở Đông Âu, sự không yên tâm về một môi trường biệt đãi đã dọn đường cho việc họ ngả theo Cộng sản. Ông có cảm thấy mình từng bị cám dỗ như vậy không?

V.H: Tôi chẳng bao giờ có liên hệ gì với Cộng sản, tuy vẫn mang trong lòng một chút mặc cảm tội lỗi nào đó. Điều này tôi nghĩ là khá thông thường đối với những đứa trẻ có nguồn gốc tư sản ở Tây Âu cũng như Đông Âu. Nhưng riêng trường hợp tôi, tôi nghĩ là cái cảm tưởng kia đã trở thành một nguồn sức mạnh phong phú, hiểu theo nghĩa của Kafka, nghĩa là mọi người luôn luôn phải lướt thắng cái cảm giác trên bằng cách làm việc, bằng cách thách thức nó. Đây là một nhu cầu của tiềm thức để chứng tỏ với thế giới là mình không kém cỏi. Đồng thời cái mặc cảm tội lỗi ấy, cái cảm tưởng mình chỉ là một kẻ đứng ngoài lề ấy, cũng đưa ta tới chỗ thấy những sự vật nào đó, những viễn ảnh nào đó, một cách sắc bén hơn là khi ta không có cái cảm tưởng ấy.

Tôi xin kể một câu chuyện để minh họa điều đó. Trong những năm 60, tôi có tham dự đêm ra mắt một vở kịch của tôi tại rạp Volkstheater ở Vienne. Vở kịch thành công. Sau buổi diễn, tôi bước ra sân khấu cúi chào khán giả nhiều lần. Thiên hạ đứng cả lên hoan hô và la thét: "Havel! Havel!" Đúng lúc đó, tôi bỗng có cái cảm giác thật mạnh mẽ là ở đâu đó sau cánh gà trong hậu trường dãy hờm sẵn cái ông hạ sĩ trong quân đội từng khiến tôi thật sự vất vả trong thời gian đi nghĩa vụ quân sự kia, và ông ta lại sắp sửa la lớn: "Havel! Havel! Nằm xuống ngay! Không có nghe chú mày sằng bậy."

M.F: Có sự nối kết nào giữa Havel con người của sân khấu và Havel con người của công chúng?"

V.H: Trong những điều kiện sinh sống ở đây, nơi mà xã hội không còn có thể tự tổ chức một cách tự nhiên và nơi mà sinh hoạt chính trị hiểu theo nghĩa ban đầu đã bị hủy bỏ, thì mọi sự đều trở thành chính trị thầm kín, hay gần như chính trị. Tống cổ sinh hoạt chính trị ra ngoài bằng cửa cái thì nó sẽ nhảy cửa sổ trở vô. Bị hủy bỏ như một hình thức sinh hoạt đặc thù của con người, chính trị đã tràn lan cùng khắp mọi nơi và ảnh hưởng tới mọi sự. Ở xứ này, tất cả mọi sự, từ một ban kích động nhạc tới một buổi hòa tấu nhạc cổ điển, hay một lễ Mi-sa, đều có thể trở thành chính trị. Khi một nhà văn cố gắng để trọn đời mình nói lên sự thật thì chính hắn cũng đã trở thành một hiện tượng chính trị còn hơn bất kỳ ai khác nữa, bởi hắn đã sử dụng ngôn ngữ khái niệm, và đôi khi đã dám trực tiếp gọi các sự việc đặc biệt bằng chính danh của chúng. Đây là cách tôi hiểu về vị trí cũng như vai trò chính trị của tôi hiện nay.

Tôi chưa từng hoạt động chính trị trên phương diện thực tế. Trong quá khứ, tôi chỉ biết viết về chính trị mà thôi, hoặc trong kịch bản, hoặc trong các tiểu luận, hay trong các bản tuyên ngôn, nhưng tôi có thể hiểu được tại sao trong những điều kiện này rốt cuộc rồi tôi cũng bị coi như một nhân vật hoạt động chính trị trên hết. Chính vì thế mà tôi không cảm thấy có sự phân xẻ trong con người tôi, không có một sự lộn xộn thần kinh, không có cảm giác đã nhảy chuyền từ chính trị qua văn chương hay văn hóa và ngược lại. Chuyện này chỉ trở thành một vấn đề trong đời sống hằng ngày nơi người ta càng lúc càng nói với tôi hoặc tìm kiếm tôi như một hiện tượng chính trị hơn là như một nhà văn.

M.F: Adam Michnik, bạn ông và cũng là một trong những bộ óc ở đằng sau công đoàn Đoàn Kết, đã có lần nói là thế giới của bản Hiến chương 77 làm ông ta nghĩ tới những người theo đạo Thiên Chúa ở thời họ còn phải lén lút gặp nhau trong những hầm mộ. Tại sao phe đối lập ở Tiệp Khắc đã mang một sắc thái đạo đức hơn là chính trị?

V.H: Kinh nghiệm về một hệ thống chuyên chế kiểu Cộng sản đã làm sáng tỏ hoàn toàn một điều mà tôi hy vọng là có hiệu lực phổ biến. Điều tiên quyết của mọi hoạt động chính trị vẫn là đạo đức.

Hoạt động chính trị thực sự phải có nghĩa là đem đạo đức ra thực hành. Mọi thách thức đối với một hệ thống độc tài kiểu này phải khởi sự như một thách thức về mặt đạo đức. Điều này có nghĩa là ta chọn một lập trường đạo đức không vì những mục đích thực tiễn, với hy vọng nó sẽ đem lại những thành quả chính trị, mà vì nguyên tắc. Dĩ nhiên một lập trường như vậy có thể hoặc không đem lại cho ta những thành quả chính trị.

Dẫu sao thì lúc này chúng ta dường như đang sống ở một thời mà một lập trường như thế có thể đem lại những thành quả, không nguyên ở các quốc gia trong khối Cộng đang công khai ra sức giành dân chủ mà cả ở Tiệp Khắc, nơi dân chúng chưa có quyền phát biểu bất cứ một điều gì như thế về giới lãnh đạo chính trị. Nhờ những biến chuyển ấy mà từ ít lâu nay việc coi những người thảo bản Hiến chương như một nhóm người Thiên chúa giáo lẻ loi của thời ban sơ chỉ có được đôi chút cảm tình của một thiểu số trong giới thân cận chớ không được sự ủng hộ rộng rãi của quần chúng, đã không còn đúng nữa. Ngày nay, cùng với những sáng kiến độc lập khác phát xuất từ mọi nơi, nó đã được sự yểm trợ công khai của một số đông người mỗi lúc một đông thêm.

Một tỉ dụ mới nhất là bản tuyên ngôn kêu gọi một cuộc tranh luận công khai, tự do, và dân chủ ở trong nước đã được ấn hành ở Prague ngày 29 tháng Sáu, mang chữ ký của nhiều nhân vật tên tuổi trong giới nghệ sĩ, diễn viên chính thức, của những công nhân vô danh, của những nhà văn ly khai nổi tiếng, cũng như của những đảng viên Đảng Cộng sản.

M.F: Ông có viết "thờ ơ và cam đành" là những hình thức chủ bại tồi tệ nhất của con người. Phải chăng đây cũng là một lời cảnh cáo dành cho đồng bào của ông?

V.H: Trước hết, tôi muốn phân biệt giữa sợ sệt và cam đành. Hết thảy mọi người, ai đã có một linh hồn tất phải biết sợ sệt, nhiều hay ít. Chuyện đó là tự nhiên. Có người khuất phục được nó nhiều hơn, có người ít hơn, tuy nhiên đây là một nét của nhân tính. Nhưng cam đành lại là một chuyện khác. Khi tôi viết về điều này từ trong tù, tôi đã đề cập tới nó như một trạng thái của đầu óc, hay một trạng thái của tinh thần, khi đời sống đã mất hết ý nghĩa. Tôi đã đi tới đó nhờ kinh nghiệm bản thân khi tiếp xúc với một số tù nhân khác, những người trí thức hơn, nhưng rốt cuộc đã bó tay đầu hàng và tuyên bố là đời sống hoàn toàn vô nghĩa, tất cả đều vô nghĩa.

Tôi đã suy ngẫm về điều này trước tiên như một trạng thái của kiếp người, thế nhưng nó cũng có thể có những hậu quả thực tiễn đối với tình trạng xã hội. Chúng tôi đã có những kinh nghiệm như thế ở Tiệp Khắc vì chúng tôi đã nhiều lần biết tới cái trạng thái xã hội chịu cam phận này, nhất là trong khoảng 20 năm qua - nghĩa là sau cuộc xâm lăng của Liên sô vào năm 1968.

M.F: Có lần ông đã tiên đoán rằng ông sẽ ra tù

"hoặc bị thương tổn, hoặc được phong phú hơn." Lúc này ông đã thấy rõ các phần thiệt, hơn ấy chưa?

V.H: Việc này không thể do chính tôi quyết định được, nhưng tôi có cảm tưởng là đã có cả hai, tuy tôi thật tình không thể giải thích được tôi đã bị thương tổn như thế nào, và được phong phú hơn như thế nào. Hậu quả của giam cầm nơi một người thật quá phức tạp. Tôi biết được điều này là vì tôi đã nằm khám tới bốn lần rồi, và cũng nhờ vào kinh nghiệm của bạn bè cũng đã bị tù như tôi. Đôi khi có những cái thật đen tối tồn tại lẩn nấp bên dưới mà ta không nhận ra.

Tôi có một người bạn, tôi xin dấu tên, một người rất khá, rất thiết tha và sáng suốt. Anh ta đã làm được nhiều việc hay, thế nhưng cứ cách khoảng chừng một, hai năm là trong mắt anh ta bỗng lóe lên một tia sáng, và rồi anh ta hùng hổ đoan quyết là đã có một tên tình báo trong vòng bạn bè thân mật của chúng tôi, một kẻ rõ rệt. Anh ta không có lý do nào mà cũng chẳng có bằng cớ gì. Anh làm mọi người đâm ra hoang mang. Anh luôn luôn buộc tội cho một người nào đó. Rồi sau hai tháng như vậy, cái cảm giác ấy vụt biến đi và anh ta bình thường lại như cũ. Thế nhưng, ngay trong khoảng thời gian gặp chuyện khủng hoảng này, anh ta vẫn có vẻ hoàn toàn bình thường, trừ phi có ai đó khởi sự nói tới kẻ mà anh nghi ngờ. Anh bạn này đã ở tù tổng cộng được tám hoặc chín năm. Tôi nghĩ đây là một trường hợp điển hình của một tù nhân đã bị thương tổn.

M.F: Ông đã chịu đựng và xử sự như thế nào trong khám?

V.H: Tôi phải nói là ở trong tù tôi đã có được - và điều này cũng đã xảy ra cho một số bạn bè cũng là tù chính trị như tôi - ở trong tù tôi đã có được uy tín khá lớn đối với các đồng bạn tù nhân khác, cũng như đã có được sự kính nể của những người cai tù. Những kẻ bình dị thường hay giản dị hóa một số sự việc. Trong suốt 18 tháng, tôi bị giam chung với Vaclav Benda và Jiri Dienstbier (cả hai ông này, cũng như Havel, đều là sáng lập viên của bản Hiến chương). Các tù nhân khác cho rằng chúng tôi bị bỏ tù vì đã dám nói lên sự thật.

Tuy nhiên, uy tín của chúng tôi không phải là tự động, tức khắc mà có. Nó tùy thuộc khá nhiều vào cách cư xử của ta. Các tù nhân khác đã coi tôi như một thứ gì đó cao hơn họ, nhưng với điều kiện tiên quyết là tôi phải chấp nhận họ, coi họ như những kẻ ngang hàng. Khi muốn tỏ ra mình giỏi hơn tôi bị kẹt ngay.

M.F: Ông cũng có viết là khi ở tù lần đầu tiên ông đã hoảng sợ tới độ mất khôn. Bây giờ đã dễ dàng hơn chưa?

V.H: Một cảm giác thật lạ. Đôi khi tôi có cảm tưởng - một cảm tưởng hoàn toàn phi lý - là nhà tù mới là chỗ ở thật sự của tôi, tôi chỉ được ra ngoài để đi thăm viếng, chỉ được tự do tạm. Tôi nghĩ đây hẳn là một trong những dấu vết bí ẩn mà nhà tù đã để lại nơi tôi. Olga hết sức ngạc nhiên khi nghe tôi còn dùng từ "trại của chúng mình" để chỉ khu trại nơi tôi đã bị giam giữ, khoảng sáu tháng sau ngày được phóng thích.

M.F: Ông vừa nhắc tới phu nhân. Trong cuốn "Thư cho Olga," bà nhà cũng tựa như một nhân vật được nhà viết kịch xây dựng trong suốt vở kịch nhưng chẳng bao giờ xuất hiện trên sân khấu. (Havel cười to: "Thế thì chúng ta hãy gọi bả, mời bả vô đây vậy.") **Liệu có bao giờ chúng tôi có hy vọng được đọc những lá thư mà bà nhà đã viết cho ông?**

V.H: Những lá thư ấy, nếu như đã có, thì chúng hiện nằm trong văn khố của Bộ Tư pháp, bởi vì theo lệ ở đây thì mỗi khi nhận được một lá thư mới người tù phải trao lại lá thư đã nhận được lần trước để hủy đi. Dẫu sao thì Olga chắc cũng sẽ không bao giờ thuận để cho in những lá thư ấy đâu. Là vì cả bả không nghĩ mình là một nhà văn và cảm thấy thật vất vả mỗi khi phải cầm bút.

M.F: Ông đã bỏ chuyện làm thơ vì ông không thích "cởi áo ở chỗ đông người." Mặc dù vậy ông có thể cho biết sơ qua về cuộc hôn nhân của ông và Olga?

V.H: Tôi đã sống với nhà tôi từ 30 năm nay và tôi coi nhà tôi như một người cùng chia xẻ một đời. (Im lặng. Havel mỉm cười.) Tôi có thể nói là giữa hai chúng tôi bây giờ đã có một mối liên hệ sâu đậm hơn là tính dục.

M.F: Trong lần ông ở tù sau chót có điều gì khác trước không?

V.H: Lần chót này tôi là một tù nhân được ưu đãi. So với những lần trước, khi tôi còn là tù nhân bị bạc đãi nhất trong số các tù nhân bị bạc đãi, thì thật là một sự khác biệt lớn.Đôi khi những người cai tù đã công khai cho tôi hay rằng họ đứng về phía tôi, rằng không phải là họ đã bắt giữ tôi, và họ tin rằng tôi hiểu rõ điều đó. Tuy nhiên, nếu ông muốn xét đoán những sự thay đổi trên quê hương chúng tôi bằng cách xem những người cai ngục đối xử với Havel này như thế nào thì ông sẽ chỉ thấy một sự thay đổi hết sức chậm chạp.

M.F: Trong phòng làm việc của ông có một tấm thiệp ghi "Chỗ này dành cho máy chữ điện tử Harold." Liệu ông có ngày giờ sử dụng cái máy ấy để viết những điều ông thật sự muốn viết? Và tại sao lại Harold?

V.H: Cái máy ấy là một món

quà do một số nhà văn Tây phương góp tiền mua tặng, và tình cờ người đầu tiên trong những người tặng quà mà tôi được nói chuyện với lại là Harold Pinter. Bởi thế mà tôi đã quyết định gọi cái máy ấy là Harold. Món quà đó là một hành động công khai phản đối việc cảnh sát đã tịch thu cái máy điện tử trước kia của tôi. Mới đây họ đã mang cái máy cũ ấy trả lại cho tôi, và dĩ nhiên là tôi đâu cần tới hai cái máy nên tính sẽ đem cho bớt cái máy cũ đi. Tuy nhiên, không những tôi không có thì giờ để sáng tác, mà cũng chẳng còn thì giờ để đọc, ngay cả việc đọc hết các thư từ nhận được. Dù vậy, tôi vẫn chưa mất hết hy vọng sẽ hoàn tất được vở kịch mà tôi đã khởi sự viết từ năm ngoái.

M.F: Xin ông cho biết những hoạt động đối lập chính của ông.

V.H: Tôi cảm thấy mình có bổn phận phải tham dự không nguyên vào việc viết những bản thỉnh nguyện như bản thỉnh nguyện ngày 29 tháng Sáu mới đây, mà còn phải tham dự vào mọi hình thức khác gây áp lực đối với chính quyền. Tuy nhiên, tôi muốn kìm chế được việc này, và chỉ làm việc ấy trong chừng mực nó không ngăn chận tôi hiện hữu như một nhà văn. Nói thế không có nghĩa là tôi loại bỏ việc mình có thể bị bắt giữ đâu. Ấy là một điều có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Tôi chỉ muốn nói rằng nếu tôi là người duy nhất chạy đi lượm chữ ký thì kể như tôi rồi đời rồi, và dẫu sao thì tôi cũng không phải là kẻ duy nhất có thể làm được chuyện đó. Ta không thể hoạch định trước những hình thức gây sức ép. Nếu như tôi phải nói hình thức nào tôi coi là quan trọng nhất thời tôi sẽ kể ra cái hình thức phải có trước hết mọi hình thức phản kháng, ấy là cách thế xử sự tự do của người công dân, hành động như một công dân tự do.

Tôi đã nhiều lần nói rõ với những kẻ cai trị - gần nhất là trong thời kỳ ở tù mới đây của tôi - rằng họ phải ý thức rằng nhóm người chung quanh bản Hiến chương là cơ may của họ để có được một cuộc đối thoại ôn hòa, và nếu họ không chụp lấy cơ may này thời họ có thể trông đợi một cuộc tiến công dữ dằn của những kẻ cực đoan.

M.F: Chẳng có dấu hiệu nào cho một cuộc dàn xếp ổn thỏa hay sao?

V.H: Khi cảnh sát tới đây vào tháng rồi để trịnh trọng và nghiêm khắc cảnh cáo tôi "lần chót," cái mặt nạ cứng rắn của họ lúc khởi đầu cuộc đối đáp đã dần dần tiêu tan. Có lẽ ấy là do cách xử sự của tôi. Trong cuộc nói chuyện kế đó họ nói là họ cho rằng tôi muốn thấy kịch của tôi được trình diễn và điều này có thể thực hiện khá mau chóng; và như một người viết kịch muốn được trình diễn tôi phải nhớ kỷ điều này, là phải thận trọng hơn trong những hoạt động công cộng của tôi.

Tôi đã không thể nhịn cười được. Đây là một thoái nhượng thật lớn về phía họ, bởi vì trong suốt 20 năm qua họ đã không ngớt nói rằng tôi hoàn toàn không phải là một nhà văn, rằng tôi, tôi đã phản bội quê hương, rằng tôi không có quyền in sách ở đây, và dẫu sao thì tôi cũng không viết lách được gì nhiều và những cái tôi đã viết ra chỉ toàn là rác; và sở dĩ kịch của tôi có được trình diễn trên sân khấu Tây Âu thời chẳng qua cũng chỉ vì các rạp hát ở đó đã nhận chỉ thị phải làm như vậy từ những nơi mà họ gọi là những trung tâm của Đế quốc

Tuy nhiên, tình trạng này lại đâm phức tạp thêm do việc kịch của tôi bây giờ lại cũng được dàn dựng ở một vài nước xã hội chủ nghĩa. Thực khó mà nghĩ cho một khán giả đã vỗ tay tán thưởng trong buổi trình diễn ra mắt kịch của tôi mới đây vào đầu năm nay ở Vác-xô-vi là một nhân viên mật vụ của Đế quốc, bởi vì ông ta chính là Thủ tướng Ba Lan lúc ấy: Mieczyslaw Rakowski. Bước lùi từ chủ trương coi tôi không phải là một nhà văn tới chỗ phân trần rằng tôi chỉ nên có mặt như một nhà văn mà thôi, chứng tỏ một chiến lược hậu vệ ngấm ngầm. Làm sao họ lại có thể gọi một người không phải là kịch tác gia chỉ nên dành hết nghị lực của mình cho sân khấu mà thôi?

M.F: Ông có bao giờ bị cám dỗ từ bỏ hết?

V.H: Tôi bị xuống tinh thần luôn và có khi còn có tâm trạng tuyệt vọng nữa, tuy nhiên việc đó chẳng bao giờ diễn ra dưới hình thức một cám dỗ từ bỏ cuộc đấu tranh cả. Tôi đã dính liền với chính lương tâm tôi.

M.F: Ông có thể cho biết khoảng thời gian hạnh phúc nhất trong đời?

V.H: Những năm 60, khi tôi còn được sinh hoạt ở một rạp hát nhỏ và được làm những chuyện phản ảnh các quan niệm của tôi về thẩm mỹ, những chuyện mà tôi muốn làm. Trong 53 năm của đời tôi, tôi chỉ có được 7 năm là có thể in sách một cách chính thức ở đây. Tôi chẳng say mê gì việc được xuất bản lắm đâu. Có một cái gì đó sâu xa hơn nhiều. Ấy là khoảng thời gian tôi có thể dùng thì giờ để làm những chuyện tôi ưa thích.

M.F: Ông có thấy ghê rợn khi nghe thiên hạ đồn đại bàn tán về một Vaclav Havel Tổng thống tương lai của Tiệp Khắc?

V.H (Cười lớn): Tôi chỉ có thể nói là có lẽ tôi thích làm kẻ tạo ra vua hơn là làm vua.

M.F: Ông có nghĩ là mọi người ở Tây phương có thể hiểu được những điều mà những người như ông ở Đông Âu đã và đang còn phải trải qua?

V.H: Đây là một câu hỏi quan trọng. Đã có những lúc

Đức Đạt Lai Lạt Ma: Giải Nobel Hòa Bình

OSLO, Na Uy: (05-10-89) Giải thưởng Nobel về Hòa Bình năm nay đã được trao cho Đức Đạt Lại Lạt Ma. Ngài là lãnh tụ tinh thần của Tây Tạng và đấu tranh cho sự tự do của nhân dân Tây Tạng hiện đang dưới ách của Trung Cộng. Khi Trung Cộng chiếm Tây Tạng, Đức Đạt Lại Lạt Ma đã sang sống lưu vong tại Ấn Độ từ 30 năm nay.

Chủ tịch Ủy ban trao giải Nobel Na Uy, ông Egil Aarvik, tuyên bố rằng việc chọn Đức Đại Lai Lạt Ma để trao giải thưởng năm nay, cũng là một dấu hiệu để khuyến khích phong trào tranh đấu đòi dân chủ tại ngay Trung Cộng,sau khi nó đã bị dẹp tan hồi tháng Sáu vừa qua.

Đức Đại Lai Lạt Ma, có tên thật là Tenzin Gyatso, chào đời năm 1935, đã được đề nghị trao giải thưởng Nobel này ít nhất là trong ba năm gần đây, và đến nay mới được trao chính thức.

Tenzin Gyatso đã được chọn lên làm Đức Đại Lai Lạt Ma thứ 14, khi mới lên năm tuổi, sau khi được công nhận là Đức Đạt Lai Lạt Ma qua đời trước đó đã đầu thai trở lại.

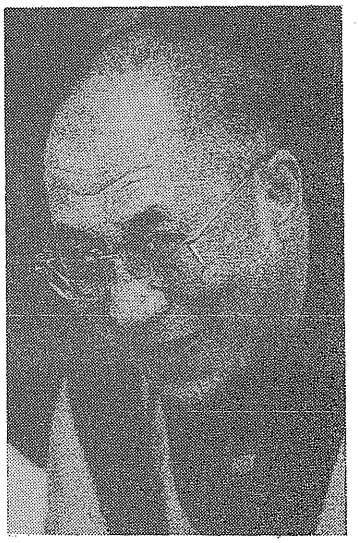

chúng tôi gặp phải một sự ngộ nhận hoàn toàn ở phương Tây, chẳng hạn như trong thời kỳ của cái gọi là hòa hoãn lần thứ nhất. Nhiều bạn hữu của chúng tôi ở Tây Âu lúc ấy đã xem sự có mặt của chúng tôi như một điều làm phức tạp thêm cho cuộc hòa hoãn giữa Đông và Tây. Năm, tháng qua, tình trạng này đã thay đổi hẳn và bây giờ, mỗi khi có dịp gặp gỡ các văn hữu nổi tiếng ở Tây Âu thì thường thường chỉ sau vài ba phút là tôi đã cảm thấy như chúng tôi đã thân thiết với nhau từ kiếp nào.

Khi Harold Pinter đến Hradeced mới đây, chúng tôi đã hiểu nhau hoàn toàn và ngay tức khắc. Các mối phiền nhiễu của đôi bên có thể khác nhau. Pinter thì bực bội vì sự có mặt của bà Thatcher. Còn tôi thời vì sự hiện hữu của ông Jakes (Milos Jakes, người cầm đầu Đảng Cộng Sản Tiệp). Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy ngay một thứ tình huynh đệ.

M.F: Ông đã viết trong cuốn "Thư" là những kẻ còn giữ được hy vọng và niềm tin ở cuộc sống sẽ không bao giờ phải gặp một kết cục tồi tệ. Như thế có phải là quá lạc quan đối với một nhà văn Âu Châu ở cuối cái thế kỷ quá đặc biệt này chăng?

V.H: Tôi vẫn luôn luôn phân biệt rõ rệt giữa hy vọng và lạc quan. Một người lạc quan tin là mọi chuyện rồi ra sẽ tốt đẹp. Một người bi quan tin là mọi chuyện rồi sẽ thêm tồi tệ. Tôi không biết mọi chuyện rồi sẽ ra thế nào. Vì vậy mà tôi không phải là một kẻ lạc quan cũng chẳng phải là một kẻ bi quan. Tôi vẫn mang trong lòng một niềm hy vọng, một cái gì rất khác biệt với sự lạc quan hay bi quan, bởi vì cả hai thái độ này đều chỉ là một thứ dự đoán, hoặc bắt mạch cho tương lai. Hy vọng là một trạng thái tinh thần. Ấy là một trạng thái thiếu nó thời đời sống không còn ý nghĩa gì nữa. Nếu như tôi muốn sống thời tôi cần phải có hy vọng.

Mặt trời đã ló dạng khi chúng tôi chia tay nhau. Khoảng rừng tươi mát lại sau cơn mưa, trông mạnh mẽ và trường cửu. Dường như trên thế giới này khó có thể có nơi nào an toàn hơn là cái nông trại xinh xắn ở miền Bohemia này. Sự thật thì nó hoàn toàn không được phòng vệ trước những ông phóng viên tọc mạch, trước bất cứ một người Tiệp Khắc nào cần tới sự giúp đỡ hay chỉ dẫn, trước những quyền bính cuồng nộ nào đó, và trên hết, trước một định mệnh đã quyết định an vị trên đôi vai nhỏ bé của một người chỉ muốn được viết kịch.

"Cám ơn anh đã ghé thăm." Ông Havel nhã nhặn nói khi chúng tôi ra tới cổng. "Tôi e là đường từ đây về Prague khá xa. Tuy nhiên, đối với chúng tôi thì anh hiểu chứ, vẫn còn chưa xa đủ."

MARK FRANKLAND
NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG
dịch

CARLOS FUENTES: TIỀM NĂNG CỦA TIỂU THUYẾT

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Đêm thứ Ba 3/10/89, hơn một tuần trước ngày kỷ niệm Columbus "khám phá" ra Mỹ Châu, Carlos Fuentes nhà văn Châu Mỹ có tầm vóc quốc tế (gốc Mễ Tây Cơ) đã đến với những người yêu mến ông ở miền Nam California. Để nói về tiểu thuyết. Cũng để giới thiệu "Christopher Unborn" tiểu thuyết mới được nhà Farrar-Straus-Giroux ở Mỹ phát hành bản dịch. Phòng thuyết trình Titan của Đại học Fullerton không đủ chỗ: hàng trăm người phải đứng ngoài hành lang tuy đã đến trước giờ khai mạc trên 15 phút. Đêm ùa vào những cánh cửa phòng thuyết trình mở rộng: nụ cười của Carlos Fuentes và giọng nói ấm cúng nhiệt thành của ông đã làm thành đêm tiểu thuyết. Trong im lặng theo dõi những bước chân kể lể. Trong ba lần ngắt đứt không gian im lặng đam mê bằng đứng lên, hết thảy đứng lên, vỗ tay tán thưởng tác giả của "Christopher Unborn."

... "Chúng tôi, những người khởi sự viết tiểu thuyết vào thập niên 60, nghe thấy ở Âu châu có người nói rằng:Tiểu thuyết đã chết.. Chúng tôi tự hỏi: Tiểu thuyết có thực sự đã chết hay không. Và chúng tôi đã bằng vào tiểu thuyết, trả lời: không, tiểu thuyết vẫn còn

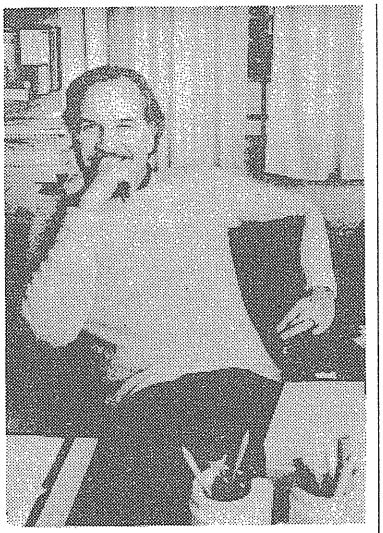

Carlos Fuentes

sống..." Carlos Fuentes đã *kể chuyện* về con đường phát triển của tiểu thuyết cận đại. Thay vì nhắc tới Roland Barthes, người đã tuyên bố vào năm 1968 rằng tác gia tiểu thuyết đã chết, Carlos Fuentes nói về tiềm năng của tiểu thuyết. Bằng nêu ra những tiềm năng của tiểu thuyết. Trước hết tiểu thuyết có khả năng đặt tên cho những thực tại chưa có tên. Kế đến tiểu thuyết làm công việc nói về cái gì chưa từng được nói tới. Tiểu thuyết là tưởng tượng những gì không thể tưởng tượng được. Và phải là một *tiếng nói cất lên.* Sau cùng chức năng của tiểu thuyết là chuyên chở thời gian. Carlos Fuentes đã nhắc đến những bạn văn, những nhà tiểu thuyết đương thời lẫy lừng, những bậc thày trong giòng văn học thế giới. Từ Garcia Marquez, Borges Córtazar, Italo Calvino, Mikhail Baxtin đến Milan Kundera, và rất đông đảo những người viết tiểu thuyết trên khắp thế giới. Là những tác giả tiểu thuyết đã không tự sát trong nghệ thuật kể chuyện. Họ đã qua đời hay còn sống nhưng tác phẩm của họ đã là những đối thoại, những tiếng nói cất lên trong nền văn chương cận đại.

1. Gọi tên, đặt tên: Nhận định về không gian của tiểu thuyết, Carlos Fuentes cho rằng: "Không có nơi nào trên mặt đất này mà sự bạo tàn của việc bị ném ra khỏi hay bị vứt vào lịch sử lại được gắn liền một cách rõ ràng trong hành vi đặt tên (gọi tên, định danh) hơn trong nền văn chương Châu Mỹ La Tinh" (Gabriel Garcia Marquez and the Invention of America, in Carlos Fuentes, Myself with Others, xb. Farrar-Straus-Giroux, 1988, p.188).

Trong *Trăm Năm Hiu Quạnh,* Garcia Marquez mô tả hành động của Aureliano Buendia sau khi toàn dân Macondo bị mắc bệnh mất trí nhớ (trước đó là dịch mất ngủ)

là việc dùng ngôn ngữ ghi lại *tên* của các sự vật - bàn, ghế, đồng hồ, tường, giường, bò, dê, heo, lợn...

"Đây là một con bò. Mỗi buổi sáng nó phải được vắt sữa để nó sản xuất ra sữa, và sữa này phải được đem lên để pha với cà phê làm thành cà phê sữa."

"Ở đầu đường dẫn vào khu đồng lầy người ta dựng một tấm bảng ghi chữ MACONDO, và ở con đường chính một tấm bảng khác lớn hơn ghi THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU."

Garcia Marquez là người đã khám phá ra châu Mỹ, bằng định danh, khả danh, gọi tên những thực tại của Châu Mỹ. Carlos Fuentes riễu cợt về câu chuyện Columbus "khám phá" ra Mỹ Châu: những người viết sử, viết ký Tây phương thường chép rằng khi Columbus ghé đến Mỹ Châu những thổ dân đứng trên bờ hét lên "Chúng ta đã được khám phá!". Mỹ Châu là một cái tên gọi. Một cái tên được phơi mở. Một cái tên được khám phá. Một cái tên được *đặt ra*. Một cái tên được *khao khát*." Vậy tiềm năng của tiểu thuyết trong việc gọi tên, định danh là: khám phá, sáng lập, tưởng tượng, khao khát những thực tại chưa có tên.

"Macondo... được dựng lên trên bờ một con sông nước trong suốt chảy dọc bờ đá nhẵn bóng, những phiến đá trắng và lớn trông giống như những quả trứng thời tiền sử. Thế giới còn quá tinh khôi đến mức rất nhiều sự vật còn chưa có tên gọi và người ta đã phải dùng tay chỉ vào chúng khi muốn biểu lộ về vật gì..." (Trăm Năm Hiu Quạnh, Gabriel Garcia Marquez). Vậy gọi tên Châu Mỹ có nghĩa là nói về sự mới, cái tinh khôi của Tân Thế Giới. Columbus chỉ làm cái việc đặt tên cho cái gì đã được chỉ định rõ trong mục tiêu chuyến đi của ông: vàng, các chủng loại, Á Châu. Nhưng chính là Garcia Marquez đã định danh Châu Mỹ, bằng tiểu thuyết, gọi tên cái thực tại tinh khôi ở vùng đất này trên địa cầu. Rõ nét nhất là trong "Trăm Năm Hiu Quạnh" và Garcia Marquez chỉ là một ví dụ điển hình, một điển hình độc đáo.

2. Nói về điều chưa từng được nói tới: Nhà tiểu thuyết, bằng kỹ thuật và ngôn ngữ của riêng mình, nói về những điều trước đó chưa từng được nói tới. Đó là truyền thống của tiểu thuyết, với quyển tiểu thuyết đầu đàn Don Quixote của Cervantes. Đây là một cuốn tiểu thuyết tự thân đã tạo ra quanh nó những huyền thoại, những câu chuyện rất khác nhau về chính cái việc *đọc* tiểu thuyết Don Quixote: mỗi người đọc một quyển truyện này một cách khác nên thấy những điều khác nhau. Borges hay Pierre Menard -- nhân vật của Borges -- suốt đời đã cặm cụi chỉ để viết lại Don Quixote, thực ra chỉ là *chép lại* nguyên văn, nhưng cuối cùng đã thấy Borges, Pierre Menard hay Cervantes cũng chỉ là một. Trong bài ngợi ca Jorge Luis Borges "Borges in action" Carlos Fuentes tưởng tượng ra một câu chuyện xảy ra ở Mexico City về một ông già mù đã gặp gỡ và đối thoại với một em trai nhỏ. Như trong một giấc mơ. Ông già mù Erasmus. Em trai nhỏ Carlos Fuentes. Ông già đưa cho em trai nhỏ một quyển sách: bàn tay xương xẩu của ông già mở quyển sách ra trước mặt em bé: "Ở một nơi nào đó của vùng La Mancha, cái tên vùng đó ta cũng chẳng còn muốn nhớ, cách đây không lâu ở đó có một nam tử..." ông già nói. Ông già đã cho đứa bé một ấn bản Don Quixote nhưng tên tác giả lại là Pierre Ménard, và đứa trẻ ngạc nhiên quá đổi. Nó nói với ông già: "Nhưng đây chính là quyển sách của Cervantes mà!" "Không," Erasmus nói. "Bản văn thì là một, nhưng định ý thì khác hẳn." Đứa bé hỏi: "Định ý gì?" "Nhằm đương đầu với cái nhiệm vụ bí ẩn trong công việc tái tạo bằng văn chương một tác phẩm đột khởi" Eramus nói. Đứa trẻ dĩ nhiên là không thể hiểu được ý ông già.Eramus không buồn bã, không thở dài. Bằng giọng nghiêm trang ông nói: "Chúng ta sẽ chẳng thể biết được tất cả mọi điều mình thấy là có thực. Và nếu quả thực sự việc là như thế thì cái vị đến từ Buenos Aires, cái vị tên là Jorge Luis Baroquess hay Borghese hay tên gì gì đó ấy, cái vị mà người phụ nữ tên Beatrix Viterbo (nếu quả thực đúng là bà ta) cứ nhất định từ chối không chịu gọi ông ta là Pedro Salvadores, rồi luôn cả cái người đọc sách của ông ta đó, cái người mà ông ta chỉ thể làm được điều duy nhất là nhắc tới, vì ông biết chắc ông được người đó đọc, đều cũng có thể được quan niệm như *một nhà văn đã viết về tất cả mọi điều, mọi thứ chưa từng được viết về*." "Tên ông ta - Burgos - Ménard - Cervantes - Salvadors - Borges - hay gì gì đó cũng chỉ là một sự tình cờ."

3. Tưởng tượng điều tưởng như không thể tưởng tượng được: Thế giới, không gian, nhân vật tiểu thuyết không bao giờ là những thực tại đời sống hàng ngày. Từ trong yếu tính, tiểu thuyết là do trí tưởng tượng của người thường. Italo Calvino, nhà tiểu thuyết Ý cận đại khi viết "Cosmicomics" đã mở ra khoảng không gian mênh mông của trí tưởng tượng trong tiểu thuyết. "Tôi biết lắm chứ! *Già Qfwfq la lên*, bọn các người sao mà nhớ nổi, nhưng ta thì nhớ chứ. Lúc nào mà chúng ta chẳng có nàng ở phía trên, chị Hằng vĩ đại đó: khi nàng tròn vạnh -- đêm sáng rỡ như ban ngày, nhưng với một thứ ánh sáng vàng ngậy -- có vẻ như nàng sắp đè ập xuống chúng ta; khi nàng thanh tân, nàng xoay xoay quanh bầu trời giống như một cây dù đen bị gió cuốn thổi; và khi nàng mỡ màng, nàng tiến tới với cặp sừng cúi thấp vẻ như nàng sắp cắm

ngậm dính liền với một mỏm đá núi chênh vênh và bị giữ chặt lại ở đó..." (Italo Calvino, Cosmicomics, 3). Italo Calvino đang kể chuyện tưởng tượng về liên hệ giữa trăng và thủy triều, và ở trên trái đất. Lão đã, trong một cuộc tình, từ biệt trái đất đi theo nàng Trăng. Rồi lão mất nàng. Trở về trái đất, lão vẫn lại thấy nàng, nàng là kẻ đã làm Trăng thành Trăng và, mỗi khi nàng tròn vạnh, làm cho lũ chó tru rống suốt đêm thâu, và nàng cũng đã làm cho lão tru rống thân thiết cùng với lũ chó. "Cosmocomics" là câu chuyện nhật nguyệt đất trời của nhân vật tên Qfwfq. John Barath cho rằng với "Cosmocomics" Italo Calvino đáng được mời vào "Câu lạc bộ những nhà văn cận đại," mời vào và đứng hàng đầu.

Italo Calvino đã tưởng tượng được trái đất quá gần gũi mặt trăng, đến độ tất cả chúng ta có thể chèo thuyền tới đó để uống sữa trăng!

Chúng ta hãy *tưởng tượng* ra câu chuyện Christopher Palomar, một bé trai đầu tiên sinh ra ở nước Mễ Tây Cơ vào đúng phút đầu ngày 12 tháng 10 năm 1992, cũng là ngày kỷ niệm 500 năm Columbus khám phá ra Châu Mỹ. Câu chuyện bắt đầu ngay từ giây phút sau khi một tinh trùng của cha bé tên Angel kết hợp với một cái trứng của mẹ bé tên Angeles trong một lần làm tình trên bờ biển Acapulco ngó ra Thái Bình Dương: Từ giây phút được cấu thành Christopher sẽ là người kể chuyện chưa được sinh ra đời). Từ trong bụng mẹ Christoher kể chuyện về cha mẹ bé, ông nội bé là một tướng lãnh thuộc đảng cách mạng, về hai "ông chú" một tốt (Don Fernando Benítez), một xấu (Don Homero Fagoara), về những chuyện bể dâu nhiễu nhương trên hí trường chính trị Mễ Tây Cơ, về thành phố Mexico City nơi đông đúc cư dân và ô nhiễm bậc nhất thế giới hiện đang trải qua một tai họa là những trận mưa đêm cường toan không dứt đổ xuống, về ngày xụp đổ của thành phố này..." CHÀO MỪNG QUÍ VỊ TỚI ACAPULCO NGẬP NẮNG" "Homer, ôi mẹ, ôi biển cả, ôi madre, ôi merde, nguồn cỗi của các thiên thần: Thalassa, Thalassa." Từ trong bụng mẹ Christopher nghe mẩu đối thoại giữa mẹ và cha:

"Thế bây giờ anh sẽ làm gì đây?"

"Ngày mai cũng lại chỉ là một ngày nữa."

"Bao giờ? Bao giờ sẽ là cái ngày đó?"

"Thằng bé phải được sinh ra, em hiểu chứ?"

"Nhưng nó quá đơn côi. Chín tháng đơn độc. Rồi nó sẽ nói chuyện với ai đây?"

"..."

"Với ai chứ?"

"Với độc giả, chỉ với độc giả thôi."

"Christopher Unborn" được Carlos Fuentes tạo dựng bằng tưởng tượng sáng tạo của nghệ thuật tiểu thuyết. Không gian của tiểu thuyết là không gian của những thực tại khả tưởng do ngôn ngữ tái tạo từ những thực tại trước mặt. Ngày tận thế sụp đổ của Mexico City là một thời điểm tưởng tượng xảy ra trong tương lai. Tưởng tượng không hàm nghĩa nghịch lý và cũng không đối nghịch với lý trí. Tưởng tượng làm nổi bật biên giới thể tích của thế giới bên trong với thế giới bên ngoài, giữa thực và mộng, giữa hiện thực và hư cấu. Tưởng tượng kết hôn với ngôn ngữ làm nên tiểu thuyết. Tưởng tượng trong tiểu thuyết có khả năng chỉ ra cái thực tại bí ẩn, vốn có đấy, nhưng ta chẳng hay biết.

4. Tiểu thuyết là tiếng nói cất lên: Mikhail Bakhtin cho rằng tiểu thuyết, nhất là tiểu thuyết của Dostoievsky là một thể loại văn chương bao gồm đầy đủ nhất tính chất bất-cùng-tận (unfinalizability) của ngôn ngữ, nhân tính, và cả thế giới. Chính vì tính chất "mở" của tiểu thuyết là đa thoại (polyphonic) chứ không là độc thoại (monophonic). Đa thoại đi xa hơn việc xếp bên nhau hoặc sự nối tiếp trổi giọng của những tiếng nói (voices) hay những ý tưởng. Trong một dàn nhạc hợp tấu, mỗi nhạc khí cùng trổi lên một nốt nhạc, ta đồng thời nghe được nhiều tiếng (âm thanh) phát lên khác nhau. Tương tự như một nhạc trưởng, nhà tiểu thuyết hợp tấu những tiếng nói tạo nên âm sắc và âm điệu của cảm thông. Tương tự với "cuộc cách mạng của Copernic," học thuyết đa thoại thay đổi vai trò của nhà tiểu thuyết trong quan niệm cổ điển: Nhà tiểu thuyết không còn là "thượng đế" tạo ra các nhân vật nhưng chính là một kẻ tham dự trong những đối thoại. Như thế nhân vật mới có được sự tự do, có được cái khả năng làm ngạc nhiên tác giả ngôn ngữ và hành động không do tác giả đoán định từ trước, làm rõ được cái yếu tính bất cùng tận của bản thân. Tác giả không soi sáng nhân vật tiểu thuyết, nhân vật tự soi sáng chính mình. Cũng theo Bakhtin, kỹ thuật tiểu thuyết là sáng tạo một đối thoại giữa nhiều thứ ngôn ngữ của đời sống hàng ngày với tất cả những phán đoán giá trị và những vũ trụ quan gắn liền với mỗi ngôn ngữ.

Khi viết lý luận văn học hay thuyết giảng văn chương Carlos Fuentes có thể sử dụng cả Anh ngữ lẫn tiếng Tây Ban Nha nhưng ông chỉ dùng tiếng Tây Ban Nha để viết tiểu thuyết. Và luôn luôn làm cho tiếng Tây Ban Nha trong bản viết cận đại thêm phong phú. Vì đã viết như chưa từng có ai viết như vậy, bằng văn phong văn thái văn mạch riêng biệt của ông. Cùng với đông đảo những nhà văn Châu Mỹ La tinh lẫy lừng khác, Carlos Fuentes chủ trương, cổ vũ quan niệm ngôn ngữ Tây Ban

Nha, văn chương viết bằng tiếng Tây Ban Nha có một chức năng vừa chính trị vừa văn hóa là làm chất liệu thống nhất Châu Mỹ. Ngôn ngữ nói chung theo Carlos Fuentes không phải là của riêng, không phải là một cái gì ta có, tư hữu, như ta có các đồ vật." Ngôn ngữ là cái ta chia xẻ với mọi người, giống như bánh mì và tình yêu. Và con người cùng chia xẻ một truyền thống. Chẳng có ai sáng tạo từ hư không." (Carlos Fuentes, How I started to write, in Myself with others, p. 27).

5. Sức căng thời gian lịch sử: Tiểu thuyết Tây Phương vào những thập niên đầu thế kỷ 20 là những khám phá nỗi ám ảnh tận thế của một lịch sử đang đi vào giai đoạn kết thúc: Karl Kraus với "Những ngày cuối cùng của nhân loại," Robert Musil với "Người không đặc tính," Herman Broch với "Kẻ mộng du," Jarolav Hasek mô tả một thế giới trong đó tự do phải đeo mặt nạ ngu xuẩn, Franz Kafka tưởng tượng ra một thế giới trong đó lịch sử đã bị bỏ quên và đời sống diễn ra trong khung cảnh của sự mất trí nhớ, Thomas Mann với "Bác sĩ Faustus" đặt chòi canh lịch sử cho tiểu thuyết trong cảnh đổ nát tan hoang của thế giới với niềm hy vọng phục sinh sau Thế Chiến 2. Nhưng thời gian lịch sử trong những tiểu thuyết kể trên chỉ là quá khứ, không là tương lai. Tiểu thuyết và lịch sử đi vào bế tắc, tận cùng? Trên thực tế lịch sử vẫn tiếp diễn, dù là đang tiếp diễn trong cái giai đoạn tận cùng. Vậy thì nhà tiểu thuyết đặt chòi canh lịch sử ở điểm nào, nơi nào? Đã không thể căn cứ vào quá khứ để nhìn thấy một tương lai, ám ảnh tận thế bị đẩy chìm vào khả năng làm con người lãng quên của lịch sử, làm sao còn có thể nói về tương lai của tiểu thuyết trong một thế giới không tương lai? (Roland Barthes: "Tác giả tiểu thuyết đã chết") Trong "Terra Nostra" Carlos Fuentes đã không đi tìm lịch sử như thực sự đã và đang diễn tiến: ông đi tìm lịch sử trong huyền thoại của năm 1999, năm cuối cùng của thế kỷ 20. Trong "Christopher Unborn" là lịch sử một đời người bắt đầu từ năm 1992. Đều là những ngày tháng tương lai, chưa xảy đến, để nói về tận thế. Chắc chắn những điều Carlos Fuentes nói ra không sợ bị thực tại hôm nay chứng tỏ là nghịch lý. Điều quan trọng, căn bản của nghệ thuật tiểu thuyết nơi những bậc thầy là chỉ ra, là *khám phá* (khám phá những khía cạnh ẩn mật của đời sống và ngay cả những khả năng, tiềm năng mới mẻ của tiểu thuyết) chứ không phải là phủ nhận tiểu thuyết cũ. Nguyên tắc căn bản của Carlos Fuentes là "Một cuộc đời chưa thể coi là đủ. Cần một số cuộc đời để làm nên một con người," và "Mỗi đứa trẻ ra chào đời trong nỗi khoảnh khắc đều có một con người vừa chết đi nhập vào." Biên giới thể tính, cái khung hình thời gian và thực tại, được mở ra làm cho tiềm năng, khả tính của tiểu thuyết trở thành lớn lao. Sự tiếp diễn của lịch sử không chỉ là sự nối liền nhân quả các biến sự mà còn là nhất tính, đặc tính (identity) của những nhân vật tác động lịch sử. Châu Mỹ Latinh có một hoàn cảnh lịch sử thật đặc biệt từ sau khi Tây Phương (với Columbus) đưa ảnh hưởng tràn ngập vào phần đất này: thời gian lịch sử Tây phương đã làm đứt đoạn thời gian lịch sử bản thổ. Quá khứ bị chôn vùi, lãng quên, con người sống trong nỗi hiu quạnh trăm năm. Như ở một phần trên đã dẫn, Carlos Fuentes cho rằng "Không ở một nơi nào trên thế giới mà sự bạo tàn của việc ném con người vào trong và vứt con người ra khỏi lịch sử lại rõ rệt hơn ở Châu Mỹ La tinh." Trong hoàn cảnh đó, Garcia Marquez đã viết "Trăm năm hiu quạnh" và Carlos Fuentes đã viết "Terra Nostra" rồi "Christopher chưa ra đời." Khi nhận định về Carlos Fuentes, Milan Kundera đã chỉ ra: Carlos Fuentes là nhà văn mở ra tiềm năng, khả tính mới cho tiểu thuyết bằng việc dùng tiểu thuyết làm nơi cho quá khứ, hiện tại và tương lai của nhân loại gặp gỡ và đối thoại.

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Về Carlos Fuentes: nhà văn Châu Mỹ, sinh ngày 11/11/1928 ở Panama City. Thuở nhỏ học hành sinh sống ở Mỹ cùng với cha là nhân viên ngoại giao cao cấp của Mễ Tây Cơ. Tác giả của trên mười quyển tiểu thuyết, đáng kể nhất là "Terra Nostra" (1974) và "Christopher Unborn" (1989) và tuyển tập thảo luận "Myself with Others" (1988). Hiện sinh sống tại Mexico City, giảng dạy văn chương Châu Mỹ ở Harvard. Cũng từng làm Đại sứ tại Pháp 1975-1977.

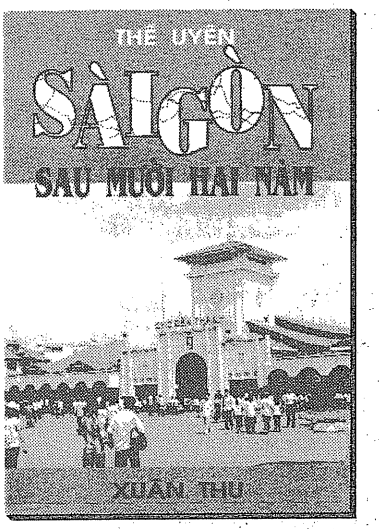

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng...

CÔ GÁI SAIGON TẠI HÍ VIỆN HOÀNG GIA LUÂN ĐÔN

VANN PHAN

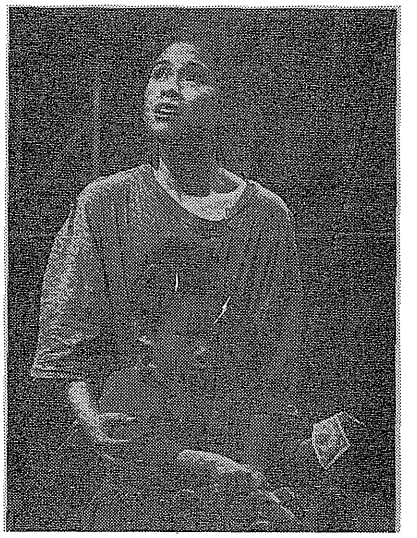

Lea Salonga trong vai Cô gái Saigon

"*Cô Gái Sàigòn*" hả? Thì cứ tưởng tượng là bạn đang xem trình diễn vở "Madame Butterfly," nhưng có thêm cảnh trực thăng bay lượn trên đầu!

"*Cô Gái Saigon*" là vở đại nhạc kịch mới nhất của nhà sản xuất Mackintosh. Vở nầy thoạt tiên được dự trù sẽ dàn dựng và trình diễn tại Hoa Kỳ, nhưng nay đã chuyển sang trình diễn ở Hí viện Hoàng Gia Drury Lane, Luân Đôn. Mấy tuần trước ngày trình diễn, ban tổ chức cho biết là số vé đã bán hết, khiến những khán giả chậm chân đành tiếc ngẩn tiếc ngơ!

Với số tiền bán vé trước lên tới gần tám triệu đồng, vở nhạc kịch "*Cô Gái Saigon*" đã có "mọi dấu hiệu tốt về một sản phẩm ăn khách lớn," đó là theo lời của Vincent Burke, phát ngôn viên của công ty bán vé hát lớn nhất Luân Đôn, công ty Keith Prowse. "Tôi coi đó là một trong các biến cố lớn trong mùa nhạc kịch năm nay."

Những lời khen tặng

Sau khi xem trình diễn thử, Baz Bamigtoy, nhà bình bút về giải trí kịch trường nổi tiếng của báo *Daily Mail* (Thư tín Hằng Ngày) phát biểu: "Vở nầy được dàn dựng hết sức vĩ đại, hết sức mỹ thuật. Tôi vô cùng ngạc nhiên."

Một bình luận gia của tờ *The Independent* (Độc Lập) ở Luân Đôn cũng viết: "*Cô Gái Saigon* là nhạc kịch hay nhất của trường phái mới trong nền nhạc kịch Anh quốc."

Bên kia bờ Đại Tây Dương, tờ *New York Time* (Nữu Ước Thời báo) bình luận rằng nhạc kịch vĩ đại nầy, trong đó có cảnh những chiếc trực thăng Mỹ vật lộn với đám người di tản trong cuộc tháo chạy hỗn loạn khỏi Sàigòn năm 1975, đã khiến cho một số lớn khán giả trong tuần lễ ra mắt tác phẩm nầy kinh ngạc, sững sờ rơi lệ. Nhà phê bình chính trị của tờ báo là Williams Safire còn viết một bài đề cập đến khía cạnh chính trị của sản phẩm kịch trường mới lạ này.

Chuyện tình của một cô gái bán bar ở Sàigòn

"*Cô Gái Sàigòn*" là câu chuyện tình của một cô gái bán bar (Kim) và một chàng lính Mỹ (Chris). Họ yêu nhau tại Sàigòn, lúc thành phố nầy sắp sữa rơi vào tay Cộng Sản. Và họ đã phải chia ly khi những người Mỹ cuối cùng được trực thăng bốc đi khỏi nóc tòa Đại sứ Hoa Kỳ trong cuộc di tản sau cùng. Sau mấy năm xa cách, người lính Mỹ kia giờ đã lập gia đình và sống yên ổn tại quê nhà, mới chợt khám phá ra người con gái Việt Nam mà anh từng yêu đã sinh cho anh một đứa con, và hai mẹ con Kim hiện vẫn còn sống "bên Á Đông mịt mờ xa thẳm..."

Sau cùng, chàng lính Mỹ đa tình kia đã gặp lại "cô gái Sàigòn" tại Vọng Các Thái Lan. Nhưng vừa khi biết được rằng nay người yêu xưa đã có vợ khác, người phụ nữ Việt Nam đã tự vận để dọn đường cho đứa con của mình tái hợp cùng cha, để được bảo lãnh về Mỹ.

Cô Gái Saigon," lột tả các khía cạnh xã hội bi thương mà cuộc chiến Việt Nam đã để lại cho hai dân tộc Việt-Mỹ.

Bàn tay Midas của Cameron Mackintosh

Cameron Mackintosh, cha đẻ vở nhạc kịch danh tiếng "*Những Người Khốn Khổ*" (Les Misérables) trước đây, là một nhà sản xuất nhạc kịch ngoại hạng, và là một người hết sức yêu thích công việc xây dựng những nhạc cảnh vĩ đại từng làm say mê hằng triệu khán giả. Không ai tưởng tượng nổi là ông đã cho mang nguyên cả một chiếc trực thăng lên sân khấu. Từ ngày bắt đầu sửa soạn cho đến ngày khai mạc,

"*Cô Gái Sàigòn*" đã phải mất tới bốn năm, qua tám bản thảo khác nhau và qua tay hai nhà đạo diễn!

Mackintosh đã để ý đến cả những chi tiết nhỏ nhặt nhất trong khi dàn dựng đại nhạc kịch nầy. Cho rằng đại sảnh đường của Hí viện Hoàng Gia Drury Lane ở Luân Đôn -- nơi trình diễn "*Cô Gái Sàigòn*" -- không thích hợp với tấm bích chương quảng cáo nhạc kịch, Mackintosh liền ra lệnh sơn lại hết toàn bộ đại sảnh.

Ông gởi bích chương quảng cáo tới các công ty bán vé từ hai năm về trước. Rồi để kích động sự tò mò của quần chúng, vào phút cuối trước buổi trình diễn ra mắt vở nhạc kịch "*Cô gái Sàigòn,*" ông còn cho tiêu thêm 450,000 Mỹ kim tiền quảng cáo nữa, mặc dù vé đã bán hết từ mấy tháng trước với số thu kỹ lục là gần tám triệu đồng!

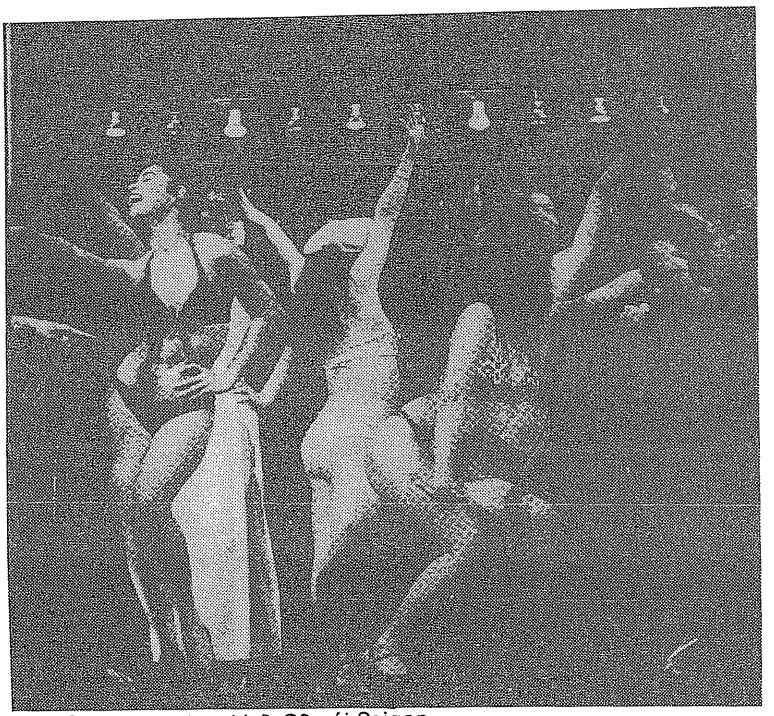

Một cảnh trong nhạc kịch Cô gái Saigon

Ngôi sao mới: Lea Salonga

Các nam, nữ diễn viên trong "*Cô Gái Sàigòn,*" nói chung, đều là tài tử có hạng. Nam diễn viên người xứ Wales là Jonathan Pryce thủ vai một tên dắt mối người Việt; cặp Simon Bowman và Claire Moore đóng vai chàng lính Mỹ đa tình và người vợ Mỹ của anh; nữ diễn viên Phi Luật Tân, 18 tuổi, Lea Salonga đóng vai Kim, vai chính trong vở đại nhạc kịch. Nhạc trong vở kịch nầy do Claude Michel soạn, với lời của Richard Maltby Jr.

Sự kiện một diễn viên Phi Luật Tân đã được chọn để sắm vai một cô gái Việt Nam trong nhạc kịch nầy là một điều "đáng tiếc" cả cho phần nghệ thuật của vở nhạc kịch lẫn cho các cơ hội thi thố tài năng của giới nghệ sĩ Việt Nam hải ngoại. Các "tài tử ứng viên" -- những cô gái Việt Nam 100% -- như Nhật Hạ, Thái Hiền, Linda Trang Đài... đã được các nhà đạo diễn vở đại nhạc kịch nầy để ý tới, nhưng sau cùng đã không được mời, có lẽ vì họ thiếu một vài tiêu chuẩn nào đó.

Lea Salonga, nữ sinh viên y khoa, đã bắt đầu sự nghiệp sân khấu của mình lúc mới bảy tuổi trong một sản phẩm kịch trường Phi Luật Tân mô phỏng theo cuốn phim nổi tiếng "*Quân Vương và Thiếp*" (The King and I). Và hai năm sau đó, cô trở thành diễn viên chính trong một vở nhạc kịch khác nhan đề "*Annie*". Báo *Tuần Tin Tức* (Newsweek) của Mỹ đã ca ngợi Lea Salonga là một "khám phá tuyệt vời, một ca sĩ có giọng ca ấm áp và là một diễn viên nóng bỏng..."

Cuộc săn tìm người sắm vai chính trong "*Cô Gái Sàigòn*" đã diễn ra từ Luân Đôn đến Nữu Ước, qua Los Angeles, về Honolulu, và sau cùng đến Manila. Nhà sản xuất đã mất chín trời tháng để tuyển lựa các diễn viên, và đã khảo sát khả năng diễn xuất của 2000 ứng viên trên khắp thế giới!

Đường về Broadway

Theo Biên tập viên Dan Fisher của tờ *Los Angeles Thời Báo* (Los Angeles Times) thì nhà sản xuất Mackintosh không lo ngại lắm về chuyện khán giả Mỹ đã bị nhồi nhét quá nhiều những hoài niệm về Việt Nam. Mackintosh nhận xét một cách hãnh diện là sau khi xem buổi đầu tiên trình diễn "*Cô Gái Sàigòn,*" một cựu sĩ quan Mỹ từng phục vụ ở Việt Nam đã mô tả rằng "hương vị của vở kịch nồng nàn lắm." Nghĩ cho cùng, Việt Nam chỉ là một bối cảnh. "*Cô Gái Sàigòn*" không hẳn chỉ nói về chiến tranh, và đây lại càng không phải là một sản phẩm chống Mỹ.

Tuy nhiên, Mackintosh vẫn tỏ ra khiêm nhường trước triển vọng đem vở đại nhạc kịch nầy về trình diễn trên chính nước Mỹ. "Nếu có lời đàm tiếu rằng ở Mỹ vở kịch nầy bị coi là kém cỏi, mặc dầu khán giả ở Anh quốc rất thích nó, thì người ta bắt buộc phải suy nghĩ lại xem có nên đem nó về trình diễn tại Mỹ hay không," Mackintosh tuyên bố như vậy.

VANN PHAN
October, 1989

"Một cái đập nhẹ của cánh bướm trong vườn hoa ở Rio de Janeiro có thể gây ra một trận cuồng phong tại Nhật Bản". Edward Lorenz.

KHOA HỌC CỦA SỰ HỖN LOẠN

NGUYÊN PHONG

Ý thức mới mở đầu cho thời đại mới. Từ khi không chấp nhận cuộc sống tối tăm trong các hang động âm u con người đã tìm ra lửa và mở đầu cho một thời đại tiến bộ. Sự phát minh ra ngôn ngữ và chữ viết đã đưa con người lên một bình diện phong phú hơn. Từ những dụng cụ bằng đá đến những dụng cụ bằng đồng con người luôn luôn tìm cách cải tiến cuộc sống chung quanh. Từ quan niệm "Trái đất là trung tâm của vũ trụ," "Mặt trời xoay quanh trái đất" cho đến những lý thuyết về chiều cong của không gian, vận tốc của ánh sáng con người đã đi từ những thời đại bảo thủ đầy thành kiến đến thời đại mà kiến thức phải dựa trên sự thực nghiệm mới có giá trị.

Sử gia Thomas Kuhn viết: "Mỗi thời đại đều bắt đầu bằng những ý thức mới đưa nền văn minh lên một bình diện cao hơn." Ông sử dụng danh từ "Paradigm shift" để diễn tả cái ý thức mới này và định nghĩa "Ý thức mới" là những cái nhìn hoàn toàn mới về những vấn đề đã cũ, những lý luận khác hẳn những quan niệm thông thường, một bắt đầu từ khởi điểm.

Vào thế kỷ 19, hầu như tất cả mọi quan niệm về khoa học đều dựa trên căn bản lý thuyết của Newton: Vũ trụ là một bộ máy hoàn hảo vận hành theo những quy tắc nhất định của các định luật toán học. Do đó đời sống cũng phải tuân theo những định luật bất di bất dịch này.

Ý thức mới của khoa học thực nghiệm đã phá vỡ các thành kiến bảo thủ thời Trung Cổ, đưa thế giới bước vào một kỷ nguyên của khoa học. Từ đó các lý thuyết thực nghiệm phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng đến cuộc cách mạng kỹ nghệ, mở đầu cho thời đại văn minh cơ khí. Để đáp ứng, các hệ thống kinh tế, xã hội, chính trị cũng đổi thay theo để thích hợp với hoàn cảnh mới.

Tuy nhiên trong khi các khoa học gia tiếp tục nghiên cứu để đi đến kết quả tối hậu, họ vẫn nhận thấy có nhiều dữ kiện đây đó không phù hợp với các định luật của Newton, hình như vẫn có một cái gì mâu thuẫn, không ăn khớp với cái trật tự chung này. Từ đó họ bắt đầu nghi ngờ về cái định luật vẫn được coi như hoàn hảo, cái "Khuôn vàng, thước ngọc" của khoa học thực nghiệm. Khoa học càng tiến bộ các dữ kiện mâu thuẫn này mỗi ngày một chồng chất thêm nhiều và nhu cầu đòi hỏi một sự thẩm định lại hay một lối thay đổi nhãn quan, phải bắt đầu bằng một ý thức hoàn toàn mới và phủ nhận giá trị của các căn bản trước.

Thuyết Tương Đối (Relativity) của Albert Einstein đã đưa ra một cái nhìn hoàn toàn mới để giải thích những điều mà lý thuyết của Newton không thể giải thích. Vũ trụ chúng ta sống không phải là một bộ máy hoàn hảo tuyệt đối mà chỉ có cách tương đối. Thời gian không phải một cái gì biệt lập tách rời mà giữ một vai trò hết sức quan trọng, liên hệ chặt chẽ với không gian.

Thuyết tương đối của Einstein đã đặt căn bản cho một kỷ nguyên mới và mở tung nhiều cánh cửa cho những lý thuyết khác.

Vào thời buổi bình minh của khoa học thực nghiệm, nhà toán học René Descartes viết: "Lý luận (Logic) chi phối mọi sự và đặt nền tảng cho sự văn minh. Tất cả mọi môn từ chính trị, kinh tế đến xã hội học đều xây dựng trên các lý luận của toán học."

Nếu Descartes có lý thì hiển nhiên một sự thay đổi của các lý luận toán học sẽ đem lại một sự đổi thay toàn diện trên các bộ môn như chính trị, kinh tế, xã hội học và ảnh hưởng trực tiếp đến mọi sinh hoạt của đời sống. Điều này đã xảy ra...

Trong vòng hai mươi năm nay các nhà toán học khắp nơi trên thế giới đã nghiên cứu, kiểm chứng và chấp nhận một lý luận toán học mới mà họ gọi là "lý luận của sự hỗn loạn" (Chaos logic) và một khoa học mới đã được hình thành, một khoa học nghiên cứu về sự hỗn loạn, vô trật tự (The new science of Chaos.)

Sở dĩ người ta gọi nó là khoa học của sự hỗn loạn vì nó quá phức tạp rắc rối dường như không tuân theo các trật tự thông thường. Nói một cách khác nó đã đưa ra một quan niệm lạ lùng, một ý thức hoàn toàn mới mẻ, phủ nhận tất cả mọi giá trị từ trước đến nay và chứng minh rằng cái căn bản lý luận cũ không những đã sai lầm mà còn không thể áp dụng được trong kỷ nguyên sắp đến.

Giáo sư James Gleick, tác giả quyển "Chaos," cuốn sách khoa học bán chạy nhất năm 1989 đã viết "Cái lý luận này không những đã đánh đổ mọi giá trị, lý luận từ trước mà còn đảo lộn mọi suy nghĩ thông thường để tái tạo một thứ trật tự mới, một sự trật tự trong hỗn loạn, một hình thức lý luận vô cùng phức tạp, không thể tiên đoán trước. Đây là một thứ lý luận phi lý luận, nó phản ảnh tất cả, không từ chối một dữ kiện gì, nó chi phối từ những yếu tố nhỏ hơn nguyên tử cho đến những quỹ đạo của mọi hành tinh..."

Căn bản của lý luận này được khám phá vào năm 1961 tại Đại Học Massachusett Institute of Technology. Giáo sư Edward Lorenz đã sử dụng máy điện toán để tiên đoán thời tiết, khí hậu. Ông soạn thảo một chương trình phức tạp gồm những dữ kiện về nhiệt độ, chiều gió, sức quay của trái đất, các lực hấp dẫn, từ trường, ảnh hưởng các tinh tú và các điều kiện nhân tạo như nạn cháy rừng, độ ô nhiễm không khí v.v... Trên nguyên tắc kết quả tiên đoán phải phù hợp với thực tế nhưng một hôm nó đã xảy ra khác hẳn. Giáo sư Lorenz khám phá rằng ông đã viết sai một con số hàng đơn vị. Lỗi lầm nhỏ nhặt này được khuếch đại lên hàng triệu lần bởi những phương trình toán học phức tạp và hậu quả là một kết quả hoàn toàn trái ngược với các dự tính ban đầu.

Lorenz dựa trên việc này để đưa ra một lý thuyết mới, một sai lầm bé nhỏ từ khởi điểm có thể tạo ra những hậu quả lớn lao. Ông đã chứng minh bằng toán học rằng "Một cái đập nhẹ của cánh bướm trong vườn hoa ở Rio de Janeiro (Nam Mỹ) có thể gây ra một trận cuồng phong tại Nhật Bản" (Phương trình toán học này hiện được coi như căn bản của môn toán học hỗn loạn - The mathematics of chaos).

Edward Lorenz viết "Khi xưa, đời sống con người tương đối chậm, việc gì cũng còn tùy thuộc yếu tố thời gian và không gian nên sự thay đổi nào cũng diễn ra một cách từ từ. Ngày nay với những phát minh kỹ thuật, thời gian và không gian không còn là những yếu tố đệm (Buffer) nữa nên việc gì cũng có thể xẩy ra nhanh chóng và mãnh liệt, một biến cố rất nhỏ tưởng như không có gì có thể đem lại những hậu quả lớn lao, bất ngờ. Các phương pháp lý luận thông thường không thích ứng được với những sự thay đổi này nữa vì nó đã không đặt yếu tố thời gian, không gian vào trong phương trình. Một công thức toán học có thể có những kết quả khác nhau tùy theo hoàn cảnh vì tính chất tương đối của những yếu tố trong đó."

Khoa học gia Alex Prochorov, giải Nobel 1964 đã chứng minh bằng toán học rằng sự di chuyển của các tinh tú không hoàn toàn tuân theo các quỹ đạo cố định mà có phần nào lệch lạc (Disorder) bởi các các lý do không thể giải thích. Ông viết "Sở dĩ những khoa học gia trước đây không tìm thấy điều này vì họ chỉ tính toán bằng những con số chẵn, đầu óc con người có giới hạn không thể tính toán những con số dài lê thê. Với sự phát minh của máy điện toán, người ta có thể tính toán những con số lẻ, những con số thật dài và kết quả không trùng hợp với lý luận ngày trước nữa."

Giáo sư Michel Henon, đại học Nice Pháp Quốc đã kiểm chứng các phương trình toán học của Prochorov và xác nhận rằng cái nhìn của chúng ta về một vũ trụ tuyệt đối quân bình, một vũ trụ như một bộ máy hoàn hảo đã không còn đúng nữa vì các hành tinh không di chuyển trong những quỹ đạo cố định mà có phần nào sai lệch ít nhiều bởi sự chi phối của các yếu tố khác.

Mặc dù lý thuyết về sự hỗn loạn này được khám phá từ năm 1961 nhưng đa số các khoa học gia còn nghi ngờ, chưa chịu chấp nhận ngay. Hàng trăm khoa học gia khắp nơi đã nghiên cứu, kiểm chứng cẩn thận và sau cùng họ đã kết luận rằng đây không phải một lý thuyết mơ hồ nhưng là một luận lý vững chắc có tầm ảnh hưởng lớn lao cho thời gian sắp đến.

Người có công lớn đã chứng minh và hệ thống lý thuyết này thành một khoa học là giáo sư Illya Prigogine, ông đã đề nghị một ý thức mới, một cái nhìn mới gọi là lý thuyết của sự Hoán Chuyển (Theory of Dissipative Structure). Lý

thuyết này được coi là khám phá quan trọng thứ hai sau thuyết Tương Đối của Einstein mặc dù có người như James Gleick lại cho rằng nó quan trọng hơn cả thuyết Tương Đối vì nó bao quát rộng rãi nhiều lãnh vực khác nhau.

Illya Prigogine đã được trao giải thưởng Nobel năm 1977 về lý thuyết này. Sau đó những khoa học gia khác như Paul Berg, Walter Gilbert (Giải Nobel năm 1980) và Jerome Karlee (Giải Nobel năm 1985) đều dựa vào căn bản của lý thuyết Hoán chuyển để bổ túc thêm cho những định luật của mình.

Danh từ "Hỗn loạn" (Chaos) thật ra không được đúng lắm nhưng người ta đã quen sử dụng vì lý do là nó đã phủ nhận các trật tự thông thường. Một cái gì vô trật tự dĩ nhiên tạo ra sự hỗn loạn và trước khi Prigogine sắp đặt nó thành những hệ thống các khoa học gia đã hoảng hốt và gọi nó là "Chaos." Nói cho đúng nó chỉ diễn tả những trạng thái thay đổi, chuyển hóa của vật chất.

Illya Progogine đã giải thích: "Khi trước chúng ta tưởng rằng vật chất (Matter) đều ở thể đặc (Solid). Thí dụ như hòn đá không hề đặc mà được cấu tạo bởi nhiều nguyên tử với những âm điện tử (Electrons) chuyển động không ngừng. Từ quan niệm một vật đặc đến quan niệm những nguyên tử chuyển động là một sự thay đổi lớn lao, một bước tiến quan trọng. Chúng ta có thể khăng khăng nói rằng hòn đá đặc vì lấy tay sờ nó vẫn cứng nhắc nhưng chúng ta cũng không thể từ chối một sự thực rằng hòn đá được cấu tạo bởi những nguyên tử với những âm điện tử chuyển động không ngừng. Hai quan niệm, hai cái nhìn vào cùng một sự vật và tùy theo thời gian mà giá trị các quan niệm này có phần khác nhau.

Vào thời trung cổ nói đến nguyên tử là một sự phản bội (Heresy) nhưng ở thế kỷ 20 mà phủ nhận vật chất cấu tạo bởi các nguyên tử thì sẽ bị chê là người thiếu hiểu biết."

Lý thuyết của sự Hoán Chuyển rất phức tạp và bao gồm nhiều khía cạnh do đó nó hết sức thực tế và rất gần gũi với đời sống. Có nhiều cách giải thích khác nhau: Các phương trình toán học, các tác dụng của hóa học, các công thức vật lý, nhưng để giản dị hóa tối đa chúng ta hãy quan sát nó như sau:

Trước hết chúng ta hãy quan sát thiên nhiên, dường như tất cả mọi vật đều tuân theo một trật tự rõ rệt: Cây cối, côn trùng, sinh vật, các hành tinh, giải thiên hà, yếu tố di truyền, nguyên tử, phân tử, ký ức con người v.v...

Tuy nhiên cái tinh hoa (Essence) của sự trật tự trên vốn có tính cách động (Dynamic) chứ không phải tĩnh (Static) vì nó đều là những sự chuyển động không ngừng của một vật chất tế nhị hơn. Ngay như hòn đá cũng là những khối Âm Điện Tử nhẩy múa hỗn loạn (The chaotic dance of Electron.)

Prigogine sắp đặt thiên nhiên thành hai hệ thống: Hệ thống hoạt động (Open systems) khi những năng lượng (Energy) bên trong luôn luôn được hoán chuyển (Dissipate) với môi trường bên ngoài. Thí dụ như một mầm non, hạt giống, một sinh vật hoặc ngay như một thành phố cũng thu hút các năng lượng bên ngoài (nguyên liệu) để sử dụng vào những mục đích riêng (Sản xuất, tiêu thụ).

Hệ thống không hoạt động (Closed systems) được định nghĩa như cái gì không có sự trao đổi, chuyển hóa năng lượng. Thí dụ như một hòn đá, một khúc gỗ trơ trơ bất động.

Từ định nghĩa trên, ta có thể kết luận rằng tất cả mọi sinh vật đều thuộc hệ thống hoạt động nghĩa là luôn luôn trao đổi, chuyển hóa năng lượng giữa nó và môi trường chung quanh.

Một hệ thống hoạt động phức tạp (Complex open systems) là những gì liên kết với nhau chặt chẽ và càng phức tạp bao nhiêu nó càng phải sử dụng nhiều năng lượng bấy nhiêu để bảo tồn các giềng mối (Connections) liên kết. Vì nó luôn luôn chuyển động, thu hút năng lượng nên nó không bao giờ đạt được trạng thái quân bình (Equilibrium). Trạng thái quân bình là một trạng thái Tĩnh (Static) nghĩa là không trao đổi năng lượng, nghĩa là chết.

Prigogine đã chứng minh rằng một hệ thống càng chặt chẽ bao nhiêu lại càng không vững chắc bấy nhiêu. (Định luật đầu tiên của sự Hoán Chuyển). Điều này thoạt nghe dường như mâu thuẫn nhưng nếu nhìn nó qua quan niệm của các yếu tố năng lượng hoán chuyển thì nó lại rất có lý. Càng chặt chẽ (Coherent) càng phải cần nhiều năng lượng (Energy), càng nhiều năng lượng hoán chuyển (Dissipate) lại càng không vững chắc (Unstable).

Prigogine cho rằng chính sự hoán chuyển của các năng lượng đã tạo ra tính chất động (Dynamc). Ông chứng minh rằng lúc đầu các Phân Tử (Molecules) di chuyển theo những trật tự chung sẵn có nhưng càng "Động" (Flux) nó càng hỗn loạn hơn (Chaos) cho đến khi đi đến tình trạng hỗn loạn tối đa (Critical state) thì các Phân Tử sẽ tác dụng lẫn nhau (Interact) và tự tạo lập những mối liên kết mới (New connections) đưa đến hậu quả là toàn thể hệ thống sẽ bị thay đổi và một trật tự mới hoàn toàn khác hẳn trật tự trước đó được thành lập. (Định luật thứ hai của sự Hoán Chuyển: Khi các phân tử tác dụng lẫn nhau đến mức tối đa, toàn thể hệ thống sẽ phải thay đổi (Reorganize into a new order).

Ông kết luận "Trong sự trật tự đã có sẵn cái mầm của sự

NHÀ VĂN TÂY BAN NHA ĐOẠT GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 89

STOCKHOLM, Thụy Điển (AP)- Nhà văn Tây Ban Nha Camilo Jose Cela, mà tác phẩm của ông thường mô tả các sự khốc liệt trong Cuộc Nội Chiến Tây Ban Nha, hôm 19 tháng Mười đã được trao tặng giải Nobel văn chương 1989.

Hàn Lâm Viện Thụy Điển khi quyết định trao tặng giải cho Nhà văn 73 tuổi này, đã ca ngợi "sự phong phú và mãnh liệt trong các tác phẩm của ông, cái nhìn về sự bi thương của con người."

Nhà văn Cela tuyên bố rằng ông cảm thấy mình được chia xẻ giải thưởng này với các nhà văn Tây Ban Nha và Mỹ Châu la tinh khác.

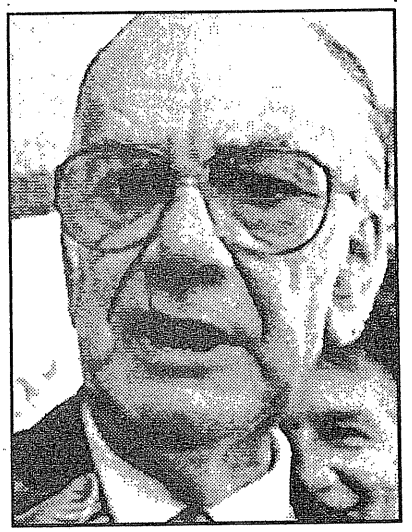

Camilo Jose Cela

Tuyên bố với Đài Phát Thanh Quốc Gia Tây Ban Nha (SNR), nhà văn Cela nói:

-- "Đối với tôi, đó là một điều làm cho tôi cảm thấy rất tự hào. Tôi đã viết tất cả bằng ngôn ngữ Tây Ban Nha. Tôi cho rằng các tác giả khác ở Tây Ban Nha hay Mỹ Châu la tinh, viết bằng ngôn ngữ Tây Ban Nha, cũng có thể đoạt được giải thưởng này như trường hợp của tôi."

Một trong các tác phẩm nổi tiếng nhất của Cela, viết vào năm 1942, mang tên "Gia đình của Pascual Duarte", kể lại một người bị buộc tội sát nhân và đang chờ để đưa ra hành quyết.

Cuốn sách bị cấm phát hành tại Tây Ban Nha lúc đó, nhưng mọi người đều tìm cách đọc lén và công nhận Cela là một nhà văn có tài.

Cela là tác giả của mười cuốn tiểu thuyết trong số 70 tác phẩm về nhiều thể loại, kể cả những tập truyện ngắn, tập thơ...

Hàn lâm viện Thụy Điển khi công bố giải thưởng này đã gọi Cela là "Nhà văn lỗi lạc nhất của nền văn học mới Tây Ban Nha từ sau thế chiến."

Hàn lâm viện này cũng ghi nhận thêm rằng tác phẩm "Gia đình của Pascual Duarte" là cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Tây Ban Nha được đọc nhiều nhất trên thế giới, chỉ thua tác phẩm "Don Quixote" mà thôi!

Cela cũng là người Tây Ban Nha đầu tiên được giải Nobel từ năm 1977 đến nay, sau nhà thơ Vincente Alexandre.

Nhà văn Cela đã được chọn trong số 150 nhà văn, nhà thơ lỗi lạc nhất, được Hàn Lâm Viện Thụy Điển chọn trao giải trong năm nay.

Giải thưởng Nobel văn chương năm nay, cũng như các giải Nobel khác, có số tiền thưởng bằng bạc mặt lên đến 463,000 Mỹ kim.

Cela ra chào đời vào ngày 11 tháng Năm, 1916 trong một gia đình trung lưu. (NV/th)

---

hỗn loạn và khi sự hỗn loạn đi đến cùng cực nó sẽ phải chuyển hóa, thay đổi để tái lập trật tự nếu không thay đổi nó sẽ tự diệt" (Định luật thứ ba của sự Hoán Chuyển: Không thành lập được một trật tự mới, hệ thống sẽ bước vào trạng thái Tĩnh Equilibrium nghĩa là không còn sự hoán chuyển năng lượng nữa và hệ thống sẽ ngưng hoạt động hoàn toàn).

Giáo sư Zhabotinskii đã chứng minh lý thuyết này bằng việc đun nóng các chất dầu (Oil). Khi bị đun nóng thì trên bề mặt dầu sẽ sủi bọt thành những hình kỷ hà khác nhau. Độ nóng càng cao, các phân tử chuyển động càng mạnh thì những hình kỷ hà này càng phức tạp hơn. Từ hình lục giác thành bát giác và cứ thế thay đổi cho đến khi dầu sôi sụ thành hơi.

Lý thuyết Hoán Chuyển (Theory of Dissipative Structure) này đã đưa ra giải thích mới về khoa vật lý cũng như toán học, về sinh vật học cũng như xã hội học v.v...

Trong kỳ tới chúng ta sẽ đi vào chi tiết từng khoa học với những khám phá, phát minh mới nhất cũng như ảnh hưởng sự đổi thay này trong thế giới hiện nay.

NGUYÊN PHONG

ĐẠI HỘI VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI 89 TẠI CANADA

Hơn 150 nhà văn, nhà thơ, ký giả, đại diện hội đoàn đã đến tham dự Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại 1989, được tổ chức trong ba ngày 28, 29 và 30 tháng Chín năm 1989 tại Montréal, Canada.

Sáng thứ Năm 29 Tháng Chín, 1989 nhà văn Jean Ethier Blais, chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Gia Nã Đại khu vực nói tiếng Pháp và dân biểu Hogues, đại diện Tổng trưởng Quốc Vụ Khanh về Đa Văn Hóa đã đến dự lễ khai mạc Đại Hội. Dịp này Luật sư Trần Thanh Hiệp, chủ tịch Văn Bút VNHN đã phát biểu: Trước mắt những người cầm bút Việt Nam ở ngoài nước đã mở ra một chân trời. Họ đang đứng ở đâu và sẽ đi về đâu để góp phần giải phóng đồng bào ở trong nước khỏi áp bức nghèo đói, đưa nước Việt Nam hội nhập vào cộng đồng quốc tế những năm 2000? Họ có xây dựng được một nền văn học Việt Nam mới như là một dạng thức mới phát huy nền văn hóa cổ truyền được gìn giữ trải qua hơn 4.000 năm? Đó là những câu hỏi đã được đặt ra cho họ mà Đại Hội Montréal sẽ mang lại những lời giải đáp rất được chờ đợi... Ngày xưa người ta hay nói Việt Nam là bao lơn nhìn ra Thái Bình Dương. Ngày nay chúng ta có thể nói Văn Bút Việt Nam hải ngoại là cửa ngỏ đi vào thế giới văn học nhân loại..."

Sau lễ khai mạc là phần hội thảo khoáng đại qua các đề tài "Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do - 14 năm Hải Ngoại," "Hiện tình báo chí Việt Nam Hải Ngoại" và "Văn Nghệ Sĩ Việt Nam và Vấn Đề Hội Nhập."

Buổi tối cùng ngày, nhà thơ Tavernier, chủ tịch Văn Bút Quốc Tế và nhà văn G.E. Clancier chủ tịch danh dự Văn Bút Pháp kiêm Phó chủ tịch Văn Bút Quốc Tế đã đến tham dự buổi tiếp tân do Trung Tâm Văn Bút Quebec, Liên Hội Người Việt Canada và Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia tổ chức. Thi sĩ chủ tịch Văn Bút Quốc Tế ca ngợi những thành tích đã gặt hái được trong những năm qua của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Giáo sư Nguyễn Hải Bình, trưởng ban tổ chức Đại Hội đã cho ra mắt hai tuyển tập Văn Bút Canada, Hoa Vườn Mới và Toward Freedom, do sự đóng góp bài vở của những người cầm bút định cư tại Gia Nã Đại. Ban tổ chức cũng giới thiệu phòng triển lãm sách báo và tranh ảnh của các họa sĩ Việt Nam.

Ngày 30 tháng Chín, 89 là phần hội thảo về đề tài "Những Vấn Đề của Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Hải Ngoại" và "Thế Hệ Trẻ và Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật." Song song với cuộc hội thảo là các phiên họp của Đại Hội Đồng biểu quyết về Bản Quyết Nghị của Đại Hội, bản Thông cáo về các công tác của Đại hội và bầu ban chấp hành mới nhiệm kỳ 1989-1991. Trong mấy ngày đầu được tin có hai liên danh. Nhưng đến giờ nạp đơn thì chỉ còn một liên danh. Sau khi kiểm phiếu kín, liên danh đắc cử do nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, trung tâm Ontario làm chủ tịch, nhà thơ Viên Linh, trung tâm Nam Cali, Đệ Nhất Phó Chủ Tịch, nhà báo Từ Nguyên Trần Văn Ngô, trung tâm Âu Châu, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch, nhà báo Chữ Bá Anh, trung tâm Miền Đông Hoa Kỳ Tổng Thư Ký và nhà văn Trà Lũ Trần Trung Lương, trung tâm Ontario, thủ quỹ. Tân Ban Chấp Hành đã trình diện đại hội.

Quyết nghị

của Đại Hội 1989 Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Sau ba ngày 28, 29 và 30-9-1989 thảo luận rộng rãi các đề tài liên quan đến sinh hoạt và trách nhiệm của người cầm bút Việt Nam Tự Do ở hải ngoại, Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại họp tại Montréal, Canada đã quyết nghị.

1. VBVNHN kiện toàn tổ chức để ngày một lớn mạnh.

2. VBVNHN tiếp tục phát triển mạnh mẽ tiếng nói của Văn học Việt Nam Tự Do trên trường quốc tế, đặc biệt qua những tác phẩm dịch thuật, tham gia tích cực mọi hoạt động của Văn Bút Quốc Tế và ngăn cản sự gia nhập của những chế độ độc tài vào tổ chức trên.

3. VBVNHN can thiệp mạnh mẽ với UNESCO để tổ chức này hủy bỏ ý định kỷ niệm sinh nhật Hồ Chí Minh vào năm 1990

4. VBVNHN khuyến khích và tạo điều kiện giúp thế hệ trẻ tham gia đông đảo vào sinh hoạt Văn học hải ngoại.

5. VBVNHN nghiên cứu và đề nghị những phương thức phát triển nền báo chí Việt Nam Tự Do ở hải ngoại.

6. VBVNHN chọn ngày 3 tháng Tư làm ngày Tranh Đấu Cho Văn Nghệ Sĩ bị cầm tù, để ghi dấu ngày Cộng sản Việt Nam đã bắt giam toàn bộ Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do năm 1976.

Làm tại Montréal ngày 30 tháng Chín năm 1989

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại

Sách báo nhận được

Đếm những mảnh tình, *tiểu thuyết của Nguyễn Ngọc Ngạn, Văn Lang xuất bản. Sách dày 424 trang. Đề giá 20 MK (= 24 Gia Kim).*

Nguyễn Ngọc Ngạn là một trong số rất ít nhà văn có sức sáng tác mạnh nhất hiện nay ở hải ngoại. Từ Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn, Nhân Chứng xuất bản năm 1982, đến nay, Nguyễn Ngọc Ngạn đã trình làng 12 tác phẩm, gồm năm tập truyện ngắn và 7 truyện dài, trong đó có truyện dài The Will of Heaven, do nhà xuất bản Dutton ấn hành. Không những là một cây bút có sức khỏe dồi dào, Nguyễn Ngọc Ngạn còn là một nhà văn có nhiều độc giả nhất hải ngoại.

Cái xác sống, *tập truyện Nguyễn Ngọc Thuận, Xuân Thu xuất bản. Sách dày 156 trang. Đề giá 7MK.*

Nguyễn Ngọc Thuận, tác giả tập Thơ Tù Ngục và Tâm Thức Lưu Đày (1988, Văn Nghệ xuất bản). "Mười truyện ngắn, mười mẩu đời, mười dòng suy nghĩ, mười nỗi xao xuyến của những con người trong bối cảnh kinh hoàng tăm tối, ngập máu và nước mắt của Việt Nam sau 1975," nhà văn Nguyễn Văn Sâm đã đưa nhận xét trên về tập truyện của Nguyễn Ngọc Thuận.

Thơ Trần Sa, *Tập Hợp xuất bản, sách dày 110 trang, không đề giá.* Địa chỉ liên lạc: Tập Họp P.O. Box 266 Belmore, NSW 2192, Australia hoặc 1635 Keele Street, Toronto, Ontario M6M3V8, Canada.

Con đường cái quan
Phạm Duy
PDC Productionsw, 1989
72 trang khổ lớn, giá $7.50

Trường ca gồm 19 đoản khúc, nổi tiếng từ thập niên 60, đã từng được in ở Sàigòn trước 1975, nay in lại với ba cái mới:

1. Nhạc và lời được "vẽ" bằng máy điện toán cá nhân.
2. Lời được dịch sang tiếng Anh (không dùng để hát, mà chỉ để phổ diễn nội dung). Lời tiếng Anh do chính tác giả dịch, với nhuận sắc của Ruth Talovich.
3. Các bè phụ (dùng cho đại hợp xướng) được Nghiêm Phú Phi soạn, và các hợp âm do Phạm Duy Cường soạn.

War and Exile, *a Vietnamese Anthology Vietnamese PEN Abroad, Eas Coast USA ấn hành, Nguyễn Ngọc Bích Editor. Sách dầy 252 trang. Đề giá 12 mỹ kim.*

Đây là tuyển tập thơ văn Việt Nam cận hiện đại mà Trung Tâm Văn Bút Miền Đông Hoa Kỳ hoàn tất nhân kỳ Đại Hội II của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (từ 28 đến 30 tháng Chín, 1989, ở Montreal, Canada).

Tuyển tập bằng Anh Ngữ trên đây gồm thơ, truyện, tùy bút, họa của các tác giả Doãn Quốc Sỹ, Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Dương Nghiêm Mậu, Thảo Trường, Nhã Ca, Thế Giang, Nhật Tiến, Võ Đình, Trần Kha, Cao Tần, Hà Thúc Sinh, Du Tử Lê...

Việt Nam Đỏ sau chiến tranh
Việt Dương
NXB Hưng Đạo, 1989.
PO Box 5002, Garden Grove, CA 92645
94 trang, giá $6.00.

Tác giả là một cựu Đại úy QLVNCH, bị tù "cải tạo" sáu năm, dùng kinh nghiệm bản thân và những ghi nhận đúc kết từ nhiều cuộc gặp gỡ, tiếp xúc với các cán bộ Cộng Sản Việt Nam, viết thành tập sách mỏng, giúp đồng bào bỏ nước ra đi từ 1975 hiểu rõ "thực chất của Cộng Sản Việt Nam."

Tập san Văn Bút Âu Châu
Trung Tâm Âu Châu VBVNHN, 1989
c/o Từ Nguyên
53 rue de l'Amiral Mouchez
75013, Paris, France.
270 trang, giá $12.000

Tuyển tập văn, thơ của 30 nhà văn, nhà thơ, nhà báo và nhà khảo cứu, hiện sống tại Âu châu. Tranh bìa của Lê Tài Điển.

Lời "Vào Tập" của Tập san VBAC viết: "Bước đầu tìm về với nhau là chuyện khó; nhưng việc đã thành là nhờ nhiều thiện chí giúp bắt cầu. Giờ đây là việc nối tiếp..."

Các văn hữu ở Âu châu dự trù sẽ ấn hành tiếp nhiều tuyển tập nữa, sau *Tập I* này.

BLUE SKY TRAVEL

9061 Bolsa Ave, Suite 201
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895-5411 / 895-6153
GIÁ VÉ THẤP NHẤT

The Lê Code
Law in Traditional Vietnam
Luật đời nhà Lê

Nguyễn Ngọc Huy và Tạ Văn Tài với sự cộng tác của Trần Văn Liêm. Tựa do Oliver Oldman, giám đốc viện Nghiên cứu Luật pháp Đông Á tại Đại học Luật khoa Harvard.

Đây là bản dịch tiếng Anh đầu tiên toàn bộ bộ luật đời nhà Lê (1428-1788). Bộ luật này vốn là một sản phẩm tích lũy của một quá trình dài phát triển chính trị, xã hội và luật pháp của dân tộc Việt Nam.

Nhiều học giả nổi danh đã ca tụng những nét độc đáo của bộ luật cổ Việt Nam này.

Nội dung bộ Luật Nhà Lê cho thấy tiền nhân của ta đã xây dựng *một nền pháp trị rất tiến bộ*, có những điểm đặc sắc hơn cả Trung Quốc, trong hai lãnh vực:

a) Công Pháp (củng cố một chính quyền trung ương, quản lý dân chúng và xây dựng quân đội mạnh để tạo một quốc gia hùng cường, nhưng đồng thời kiểm soát chặt chẽ giai cấp thống trị quan lại với những nguyên tắc trọng pháp, và một hệ thống pháp lý đặc sắc)

b) Tư Pháp (vượt xa hơn Trung Quốc -- vẫn là mẫu mực cho các quốc gia Á Đông như Nhật, Đại Hàn, Việt Nam thời xưa -- mà đưa ra những nguyên tắc pháp luật tân tiến để bảo vệ quyền lợi người dân trong các tương quan xã hội như quyền của bị can và của nạn nhân trong diễn tiến hình sự, che chở cho những người yếu thế trong tương quan khế ước, bảo vệ sinh mạng, tài sản, danh dự cho tư nhân trong lãnh vực dân sự phạm, phân phối công bình và bảo đảm cho quyền tư hữu, quy định quyền bình đẳng của nam nữ và của các sắc dân, và phổ biến kiến thức luật pháp trong dân gian.)

*

Cuốn *The Lê Code,* nêu cao thành tích của tổ tiên ta trong việc xây dựng một xã hội pháp trị với những nguyên tắc pháp luật tân tiến có thể so sánh được với luật mới thời hiện đại, đã được các nhà phê bình học thuật nhiều nước trên thế giới khen ngợi. Ngoài giáo sư ở Nhật và Trung Quốc, có các Giáo sư Taylor (Hope), Pike (Berkeley), Quigley (Ohio), và nhất là giáo sư Woodside, đã cho đây là "landmark in Vietnamese-Western cultural relations." Cả giám đốc Viện Sử Học ở Hà Nội, nhận được một cuốn do trường Luật Havard tặng, cũng đã viết thư cảm ơn là "các tác giả đã có công lao đóp góp... cho người nước ngoài hiểu thêm về văn minh, văn hiến nước ta."

Cuốn *Lê Code* này sẽ là phương tiện cho các người Việt lớn tuổi cũng như trẻ tuổi sống ở ngoại quốc có một khí cụ sắc bén để nói chuyện với người ngoại quốc về nền văn minh nước ta và do đó về quá khứ và nguồn gốc đáng trọng của người Việt hải ngoại.

Đối với người đứng tuổi, trong thân phận nửa đời người bỏ nước ra đi đôi khi bị nhìn và đối xử như những người tha phương cầu thực, những "hàng thần lơ láo," một đôi người còn bị sỉ nhục, và mỗi lần được người ngoại quốc hỏi đến quê hương Việt Nam là y như rằng cứ bị hỏi về chiến tranh, về sắt máu lửa đạn, về áp bức, thối nát chính trị và bất công, băng hoại xã hội -- thì cuốn sách *The Lê Code* là một tài liệu giúp họ hiểu cái nguồn gốc văn minh của người Việt.

Nhiều lúc ngay đối với con cái, những người lớn tuổi cũng muốn có một nguồn tài liệu phong phú để cắt nghĩa cho chúng nó về di sản tinh thần của người Việt, để con cái chúng khỏi chê bố, mẹ, anh, chú là lạc hậu, là đến từ một nước Việt Nam nghèo khổ, mà chúng nó bây giờ không hiểu rõ và có khi còn xấu hổ muốn quên đi để theo kịp "văn minh Âu Mỹ," và để cho người lớn tuổi khỏi than: "Văn minh Đông Á Trời thu sạch. Này lúc cương thường đảo ngược ru!"

Trong một cuộc trao đổi ý kiến tại tòa soạn *Thế Kỷ 21,* nhân chuyến công tác tại Cali hồi tháng Sáu vừa qua, giáo sư Tạ Văn Tài cho biết: "Cuốn *The Lê Code* là một cẩm nang để duy trì văn minh Việt Nam cho thế hệ trẻ lớn lên ở ngoại quốc."

Hướng về tương lai, giáo sư Tài nói rằng: "Ngoài việc "đem chuông đi dánh ở nước người" này, cái di sản văn minh pháp trị cổ truyền thể hiện trong *The Lê Code* sẽ không thể bị người Việt Nam nào phủ nhận, vì không ai muốn coi mình là một thành phần của dân tộc mà dám phủ nhận -- dù khuynh hướng chính trị có là "quốc gia" hay là "cộng sản." Mẫu số chung của dân tộc là nền văn minh cổ truyền thượng tôn luật pháp đó và có thể là căn bản cho một cuộc hòa giải dân tộc. Cuốn *The Lê Code* là một cuốn sách học thuật, không phải là một tài liệu chính trị, nhưng nó có thể làm chính trị trên bình diện văn hóa, một thứ chính trị cao nhứt, vì nó đưa đến không phải là chia rẽ mà đại đoàn kết dân tộc."

The Lê Code trọn bộ gồm ba cuốn: Cuốn 1, khoảng 500 trang, cuốn 2 khoảng 600 trang và cuốn 3, 365 trang. Giá $175.00, có hộp.

Liên lạc: Nguyễn Ngọc Huy & Tạ văn Tài

East Asian Legal Studies Program
Harvard Law School
Cambridge, MASS. 02138

Mục lục chỉ dẫn

THẾ KỶ 21

Từ số 4 đến số 6

Tên bài theo thứ tự ABC

Số đứng là số báo

Số nghiêng là số trang

A

Anh còn yêu em không? Túy Hồng. 4, *58-64*

Aleksandr S olzhenitsyn, David Aikman, Trịnh Y Thư chuyển ngữ, 5, *73-79.*

B

Bức tranh của họa sĩ Hải Âu. Bắc Phong 4, *37*

Bùi Diễm trả lời phỏng vấn. Lê Đình Điểu thực hiện. 4, *39-42*

Bài hát của người mới qua đời. Trần Sa, 5, *10.*

Bình Đẳng, Tự do và Dân Chủ, Thế Uyên 6, *4-7*

Bạch Thử Cô Nương, Kiệt Tấn 6, *58-60*

C

Chuyện gì đang xảy ra? Võ Phiến. 4, *6-16*

Chuyện ba người rưỡi. Nguyễn Ý Thuần. 4, *51-55*

Cơn Say, thơ Mai Thảo. 4, *62*

Chuyện một đêm trăng. Hoàng Mai Đạt. 5, *16-22*

Cuộc đàm thoại ở quán cà phê Forest Lodge, Hoàng Nha Trang. 5, *27-31*

Chiếc dương cầm, Trần Vũ. 5, *32-38*

Cầm, một đêm trăng, thơ Ngu Yên. 5, *57*

Chắc bên nhà hoa bưởi lại đơm bông, Thơ Huỳnh Liễu Ngạn. 6, *61.*

Ca dao, Ở đây, Thơ Trần Mộng Tú. 6, *73*

D

Dương Như Nguyện và Đỗ Hùng trả lời phỏng vấn, Lê Đình Điểu thực hiện. 6, *15-17*

Đ

Đứa con đất nước, Phạm thị Xuân Anh. 5, *39-45*

Đúng và Thật, Tam Trương. 5, *44*

Đời sống không phải là những mảnh nhỏ được ghép lại, Nguyên Phong. 6, *75-77*

Đi Phà, thơ Daniel Jacobs, Diễm Châu dịch. 6, *78*

G

Ghi bên góc phố Flagstaff Thơ Thường Quán. 5, *33-34*

George Simenon không còn nữa, VP. 6, *57*

H

Hô Biến. Nguyễn Tất Nhiên. 4, *37*

Henry Moore. Lê Tài Điển. 4, *84-86*

Hoa nở trong vườn địa đàng... Nguyễn Văn Sâm. 4, *38*

Hòa Giải. Nguyễn Hữu Chung. 5, *4-6*

Hơn cả hoang mang, thơ Ngu Yên. 5, *37*

Hoàng Khởi Phong trả lời phỏng vấn, Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện. 6, *28-35*

Hồi ký của Hoàng Khởi Phong, Thụy Khuê đọc. 6, *85-88.*

K

Kinh nghiệm đổi mới ở Hung Gia Lợi. Vương Hữu Bột. 4, *29-37*

Khoa học và Thế Kỷ 21. Nguyên Phong. 4, *78-80*

Khi thế kỷ 20 rơi những tờ lịch cuối. Nguyễn Thiếu Nhẫn. 5, *7*

Kẻ thù và bạn hữu của người trẻ viết văn. John Knowles, Nguyễn Khanh dịch. 5, *52-55.*

L

Lục bát Định Nguyên. Nguyễn Xuân Hoàng. 4, *56*

Lê Cẩm Thạch trả lời phỏng vấn, Lê Đình Điểu thực hiện. 5, *8-11*

Làm thơ khó bỏ mẹ. Thơ Đỗ Kh. 5, *48*

Lưng chừng, thơ Hoàng Xuân Sơn. 5, *79*

Lê Thu Thủy trong Casualities of War. 5, *88*

Lửa, thấy từ Stockholm. Thơ Trần Dạ Từ. 6, *12*

Lục bát hoang đường, thơ Định Nguyên. 6, *83*

P

Phạm Duy vẫn ở thôn Đoài. Trần Dạ Từ. 4, *43-50*

R

René Tavernier, Trần Thanh Hiệp phỏng vấn. 5, *67-72*

Rượu của người say, Trân Sa. 6, *44-50*

S

Sinh Nhật, Nguyễn Hoàng Nam. 5, *17*

Siêu thị ở Cali, Allen Ginsberg, Nguyễn Đăng Thường. 5, *21*

Sức mạnh thức tỉnh từ chính thân xác người cầm bút, Trần Dạ Từ. 6, *8-14*

T

Trận đòn toàn quốc kháng chiến, Xuân Vũ. 4, *18-22*

Thuyền nhân, Cao Tiêu. 4, *17*

Thư Lưu Vong, George Bajenaru, Hà Quân chuyển ngữ. 4, *81-83*

Tỹ Dực Điểu, thơ Trần Mộng Tú. 4, *60*

Thư viện Diên Hồng, Tiểu Uyển thực hiện. 5, *12-15*

Thụy, thơ Hoàng Xuân Sơn. 5, *31*

Tôi tìm em nơi người tôi tìm không ra, thơ Đỗ Kh. 5, *50.*

Thơ Mai Thảo, Vũ Huy

Quang. 5, *65-66*

Ta thấy hình ta những miếu đền, thơ Mai Thảo. 5, *66*

Thơ gửi Chế Lan Viên, Lê Bi. 5, *91*

Tại sao cải tổ nữa vời sẽ thất bại, Vương Hữu Bột. 6, *18-29*

Thăm nuôi tù, 1978, Nhã Ca. 6, *36-41*

Tưởng tượng, thơ Khánh Trường. 6, *43*

Thưa ông chủ nhiệm, Dino Buzzati, Nguyễn Khanh dịch. 6, *53-56*

Truyện cái bàn, Lê Mỹ Hương. 6, *62-66*

V

Văn minh Việt ở thời đại đồ đồng, Phạm Văn Hải, Phạm Quân Khanh. 6, *79-84*

X

Xung đột Nam-Bắc đã bùng nổ trong hàng ngũ CSVN, Lý Vũ. 4, *23-28*

Xin mở rộng trái tim, Nguyễn Huỳnh Mai. 5, *56-57*

Y

Ý tạm, Ngô Nguyên Dũng. 5, *58-62*

Nhà văn Nam Tư D. Kis qua đời tại Paris

PARIS (AP)- Nhà văn gốc Nam Tư Danilo Kis, 54 tuổi, đặc biệt nổi tiếng về việc mô tả các sự khủng khiếp trong các trại lao động khổ sai dưới thời Staline, đã qua đời vì bịnh ung thư hôm 15 tháng Mười tại Paris, Pháp.

Nhà văn này đã sang sinh sống tại Paris từ mười năm qua.

Chào đời vào năm 1935 tại Subotica, nằm trên biên giới Nam Tư và Hung Gia Lợi, Danilo Kis đã khởi đầu nghiệp văn của mình qua việc phiên dịch các tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia Pháp, như Charles Baudelaire, Paul Verlaine, Pierre Corneille, Raymond Queneau... sang tiếng Serbo-Croate của ông.

Các tác phẩm của Danilo Kis bao gồm tiểu thuyết "Vườn, Tro Tàn" (Jardin, Cendre), xuất bản năm 1971, "Một ngôi mộ cho Boris Davidovitch" (Un tombeau pour Boris Davidovitch), 1980, "Nỗi buồn đến sớm" (Chagrins Précoces), 1984...

Tuy nhiên, tác phẩm được nhiều người biết đến nhất của ông là tập truyện ngắn mang tên "Bách khoa về các người chết" (Encyclopédie des Morts), được xuất bản năm 1985.

Trong tác phẩm này, Danilo Kis đã viết:

"Liệu ai có thể tách ra được giấc mơ với thực tế, ngày và đêm, niềm vui của tình yêu và nỗi buồn của kỷ niệm..."

Năm 1980, Danilo Kis đã nhận được giải thưởng văn học "Grand Aigle d'Or" của thành phố Nice, Pháp, về đời viết văn của ông.

Tòa soạn & bạn đọc

*** Nhà sách Trung Việt,** Canada.

Chúng tôi đã nhận được thư và phiếu thanh toán của quí vị cùng với ý kiến rất hữu ích cho chúng tôi. Xin cảm ơn một nhà sách và mong đợi nhiều nhà sách. (TQ)

*** Cô T.S.-** Cô có ý định gửi TK 21 cho bạn bè khắp thế giới không? Chúng tôi sẵn sàng dành cho cô giá đặc biệt nhất.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài "*Xin mở rộng trái tim*" của Nguyễn Huỳnh Mai trên Thế Kỷ 21 số 5 tháng Chín 89, có hai lỗi ấn loát sau đây xin được đính chính:

Trang 56, cột 2, dòng 16: "*trơ trơ* như đồng" chớ không phải "*trơ vơ* như đồng."

Trang 57, cột 1, dòng 7: ta phải học *cái mới*." Chớ không phải "ta phải học *cái nước*..."

Thành thật xin lỗi bạn đọc và tác giả.

TK21

* Ưu tư về
đất nước, dân tộc ?
* Tranh đấu để
lật đổ chính quyền Cộng sản?
* Mưu tìm ấm no, hạnh phúc
cho 65 triệu đồng bào?
* Nắm bắt một thời cơ lịch sử?

Tìm đọc

ĐỔI MỚI KINH TẾ

Cuộc Thí Nghiệm Cộng Sản Đã Thất Bại Việt Nam Đi Về Đâu?

Biên khảo của

VƯƠNG HỮU BỘT

Nhà Xuất bản NGƯỜI VIỆT

Tháng 11-1989

Tìm đọc
Tác phẩm đầu tay của
một cây bút nữ sâu sắc
hải ngoại

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU THẨM MỸ và TẠO HÌNH

NEWPORT BEACH

1501 SUPERIOR AVE., # 205 • NEWPORT BEACH, CA 92663

A HIGH TECHNOLOGY MEDICAL CENTER

(714) 645-0862

TRUNG TÂM CHUYÊN VỀ

* Giải Phẫu Tổng Quát Nam & Nữ
* Giải Phẫu Thẩm Mỹ Và Tạo Hình Nam & Nữ
* Truy Tầm Ung Thư, Giải Phẫu Và Tạo Hình Toàn Diện
* Giải Phẫu Những Khuyết Điểm Do Tật Bẩm Sinh
* Giải Phẫu Những Trường Hợp Bị Phỏng, Hoặc Tai Nạn Lưu Thông
* Giải Phẫu Bàn Tay, Bàn Chân, Chỉnh Xương Có Tia Sáng Laser Và Computer Điện Tử
* Giải Phẫu Hàm Miệng, Môi Bị Sứt, Xệ, Cằm, Gò Má, Mắt, Mũi
* Sửa Mũi Bằng Phương Pháp Giải Phẫu Tạo Hình Tự Nhiên : Xương / Sụn
* Giải Phẫu Ngực Bị Cứng Do Chất Silicone, Hoặc Bướu
* Giải Phẫu Tất Cả Các Loại Bướu
* Giải Phẫu Thâu Hẹp Đầu Mũi Không Thẹo
* Giải Phẫu Ngực Lớn Hoặc Nhỏ, Nâng Ngực
* Giải Phẫu Căng Da Mặt, Sửa Thẹo, Nốt Ruồi, Bụng Nhăn Và Các Khuyết Điểm Ở Cơ Quan Sinh Dục Nam & Nữ
* Hút Mỡ Mặt, Cằm Và Thân Thể
* Giải Phẫu Gân Chân Nam & Nữ
* Đặc Biệt Package Cho Quý Vị Nào Muốn Sửa Thành Nét Đẹp Tây Phương, Hoặc Nét Đẹp Á Đông

CHUYÊN MÔN GIẢI PHẪU LẠI NHỮNG TRƯỜNG HỢP BỊ SỬA HƯ BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIẢI PHẪU TÂN KỲ NHẤT TẠI HOA KỲ HIỆN NAY

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA DR. PHƯƠNG, CAO HỌC Y LUẬT, SẼ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP MỌI THẮC MẮC

HÂN HẠNH PHỤC VỤ

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU RỘNG LỚN, SANG TRỌNG, CÓ ĐẦY ĐỦ MÁY MÓC, DỤNG CỤ TỐI TÂN, CÓ BÁC SĨ CHUYÊN KHOA VỀ TÊ MÊ VÀ TIM, GIÚP QUÝ VỊ THOẢI MÁI AN TOÀN

NHẬN BẢO HIỂM VÀ TRẢ GÓP TÙY THEO TRƯỜNG HỢP

TRUNG TÂM

GIẢI PHẪU THẨM MỸ & TẠO HÌNH NEWPORT BEACH

Bác Sĩ

NGUYỄN ABRAM, M.D., F.I.C.S.

CERTIFIED DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF MOST SPECIALTY FIELDS

Do Bác Sĩ Plastic Surgeon

NGUYỄN ABRAM

Chuyên Nghiệp Danh Tiếng:

* Tốt Nghiệp Bác Sĩ Toàn Khoa Và Tu Nghiệp Thêm 14 Năm Tại Các Đại Học Y Khoa Nổi Tiếng Tại Hoa Kỳ Với 8 Chuyên Khoa Về Giải Phẫu
* Nguyên Giám Đốc 2 Bệnh Viện Kaiser (plastic & Recontructive Surgery)
* Giảng Viên Tại Các Đại Học Y Khoa Chicago, UCLA, Philadelphia, Michigan (general Surgery, Cancer Surgery, Cosmetic Surgery And Plastic — Recontructive Surgery) Hand & Cranial Facial Surgery.
* Hiện là Bác Sĩ Việt Nam Duy Nhất Tốt Nghiệp Nhiều Chuyên Khoa Về Giải Phẫu Thẩm Mỹ Và Tạo Hình Trong Giới Bác Sĩ Hoa Kỳ Và Thế Giới
* Hiện là Bác Sĩ Đại Diện (regent) Của Hội Đồng Bác Sĩ Thẩm Mỹ Và Hàm Mặt Tại Hoa Kỳ
* Hiện Là Bác Sĩ Việt Nam Đầu Tiên Tại Hoa Kỳ Đã Thành Công Tại Đại Học Y Khoa Nổi Tiếng Michigan, Ann Arbor Về Sự Nghiên Cứu Phương Pháp Mới Về Hút Và Chích Mỡ. Đã Trình Bày Và Được Tuyển Vào Hội Đồng Khảo Cứu Tại Đại Học Y Khoa Harvard (Boston) Và Hội Đồng Bác Sĩ Giải Phẫu Thẩm Mỹ, Tạo Hình Tại Hoa Kỳ
* Hiện Là Bác Sĩ Sáng Chế Ra Dụng Cụ Hút Mỡ Và Đã Được Dùng Tại Các Đại Học Y Khoa Nổi Tiếng Và Các Bệnh Viện Ở Hoa Kỳ
* Hiện Là Bác Sĩ Thuộc Hàn Lâm Viện Quốc Tế Về Giải Phẫu Tạo Hình
* Hiện Là Bác Sĩ Dẫn Đầu Đại Học Harvard (Boston) Về Sự Khảo Cứu Phương Pháp Hút Và Chích Mỡ

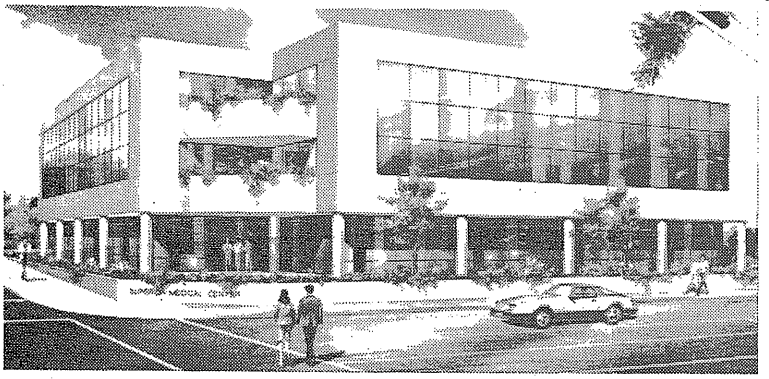

17TH ST. PACIFIC COAST
SUPERIOR AVE
PLACETINA AVE
HOSPITAL ROAD HWY

TRUNG TÂM SÁCH BÁO VÀ BĂNG NHẠC

TÚ QUỲNH

TIỆM SÁCH BÁO BĂNG NHẠC VÀ VIDEO ĐẦU TIÊN
ĐẦY ĐỦ NHẤT TẠI HOA KỲ

9581-9583 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-4284 / (714) 531-6880

Một trong những cơ sở Việt Nam đầu tiên cắm dùi tại Little Saigon từ 12-1979 nơi mà quý vị còn tìm thấy lại hơi thở Việt Nam qua từng lời ca tiếng nhạc hoặc từ những câu thơ, vần chữ quen thuộc của tiếng Mẹ Việt Nam. Nơi hành hương trở về nguồn cội của mọi người Việt tha hương trên khắp quả địa cầu. Quí vị đừng ngần ngại hỏi thăm từng địa chỉ của tất cả các nghệ sĩ, quán ăn, nhà hàng, nơi ăn chơi lịch lãm nhứt của Little Saigon thân yêu. Chúng tôi sẽ tận tình chỉ dẫn quí vị.

- *Đầy đủ các loại sách chưởng, tiểu thuyết.*
- *Tự điển cùng các loại dịch thuật, hảo văn trào phúng v.v...*
- *Đầy đủ các loại băng nhạc mới phát hành tại Hoa Kỳ.*
- *Hơn 1000 loại các băng nhạc đã phát hành tại VN.*
- *Hơn 300 loại các tuồng cải lương, nơi có đầy đủ sưu tập đầy đủ các loại cổ nhạc.*
- *Hơn 200 bộ chưởng, tình cảm đủ loại.*
- *Nơi duy nhất tìm thấy các lại sách mới sáng tác và phát hàng tại Hoa Kỳ sau 75.*
- *Có bán và mua các loại sách cũ, cho thuê các loại sách tiểu thuyết, chưởng v.v...*
- *Đầy đủ các loại sách chưởng, tiểu thuyết, bói toán, nấu ăn, học Anh ngữ.*

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU
M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

14536 Brookhusrt St., Phòng 101 (góc Hazard)
Westminster, CA 92683

Điện Thoại: (714) 531-5505

* Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu Đại học Sản Phụ Khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và University of Southern California, Women Hospital Los Angeles
* Bác sĩ chuyên môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California
* Giáo sư Đại học U.C. Irvine, OB-GYN Department.
* Assistant Clinical Professor tại U.C.I Medical Center; khu sản phụ khoa

Với sự cộng tác của

NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

American Board of OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.
Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas, Medical Branch — Galveston, Texas.

❊ CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ.
* Không nhận phá thai.
* Nhận sanh bình thường nếu lần trước bị mổ đẻ (Cesarean Section).
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh.
* Chỉ dẫn phương pháp sinh trai hay gái theo ý muốn.
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai kỳ.
* Đẻ không đau theo ý muốn

PHỤ KHOA

* Bệnh đàn bà, Huyết trắng
* Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình; Cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu. Đau khi có kinh nguyệt.
* Kinh nguyệt bất thường; chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân.
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Bướu buồng trứng.
* Truy tầm và chữa trị Ung thư cổ tử cung, Tử cung và Buồng trứng. Truy tầm Ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

ĐẶC BIỆT: Cộng tác với Subspecialists, Giáo sư tại các đại học U.C.I, U.S.C, U.C.L.A. Dùng phương pháp tối tân nhất:
— Cấy trứng - Cấy tinh trùng - Thụ thai ống nghiệm v.v..
— Nối ống dẫn trứng bằng phẫu thuật kính hiển vi để có bầu trở lại (sau khi cột)

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH: Thứ Hai — Thứ Sáu: 9:30 AM — 6:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM — 2:00 PM
Nghỉ Chủ Nhật

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

THẾ KỶ 21
14841 Moran St.,
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Điện thoại: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:**

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo ☐ 36 số báo

Kèm theo đây là check/money order Ngày _____

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Các nước khác
6 số báo	$ 12	$ 18	US$ 20	US$ 21
12 số báo	$ 24	$ 36	US$ 40	US$ 42
24 số báo	$ 48	$ 72	US$ 80	US$ 84
36 số báo	$ 72	$ 120	US$ 120	US$ 126

TRUNG TÂM TRUY TẦM
UNG THƯ NGỰC (VÚ)

BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH
CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN

9513 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-8833

- Dùng kỹ thuật tối tân để khám phá ung thư thật sớm
- Chỉ dẫn kỹ càng cách thức tự khám ngực để khám phá ung thư ngực thật sớm
- Có nữ chuyên viên nhiều kinh nghiệm khám và chụp hình ngực

Đường nào cũng tới La Mã
Xa lộ nào cũng dẫn bạn tới nhà hàng

BÒ 7 MÓN PAGODE SAIGON
Gourmet Restaurant

710 W. Las Tunas Dr #7 San Gabriel
(Góc Las Tunas và Mission)
(818) 282-6327

VISA
MasterCard

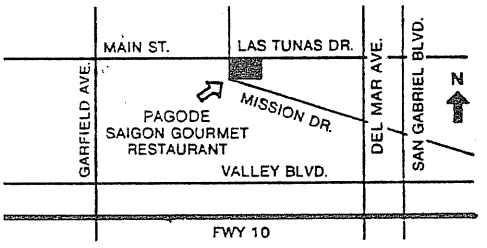

* BÒ NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NHÚNG DẤM
* TÔM NƯỚNG VỈ

Q.DMV
The Golden State

(714) 537-8441 & 638-3860

Văn phòng Q.DMV sẽ làm
* Trả thuế xa lộ (reg.)
* Xin bản xe mới
* Giấy tờ mua bán xe
* Giấy tờ quyền xe
* Giấy từ bỏ trách nhiệm xe
* Ở tiểu bang khác đổi giấy Cali
* DMV Prinout lý lịch bằng lái xe

* Khỏi chờ đợi.
* Khỏi mệt mỏi.
* Khỏi mất giờ làm việc.

BUS. HOURS:
Mon - Fri:
10 AM - 6 PM
Sat & Su:
10 AM - 5 PM

Văn phòng đầu tiên tại Quận Cam
đã làm trên 5,000 hồ sơ xe

14150 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92643

BROOKHURST
FOOT CLINIC
Bác Sĩ
ĐẶNG BỈNH CHÚC

Bác Sĩ Việt Nam duy nhất
Chữa Bệnh về Chân tại Nam Cali

Member
California Podiatric
Medical Association

Member
Academy of Ambulatory
Foot Surgeons

Palm Court Plaza
15444 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
(Góc Brookhurst/McFadden - đối diện chợ RALPH'S)

Chuyên Trị Và Giải Phẫu
Tất Cả Những Bệnh Tật
Và Chấn Thương Nơi Chân

Nhận Medical, Medicare và Bảo Hiểm
Nhận đến thăm bệnh tại nhà
Xin gọi điện thoại để lấy hẹn trước
Trường hợp khẩn cấp, xin gọi
(714) 775-5373
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai đến thứ Bảy: từ 10 giờ sáng
đến 7 giờ tối
Chủ Nhật: Làm theo hẹn

CUỘC THI VIẾT VĂN HÈ 89

Phiếu Ghi Danh Dự Thi

Họ và tên: . . . . . .
Ngày sinh: . . . . . .
Nơi sinh: . . . . . .
Nghề nghiệp: . . . . . .
Địa chỉ hiện tại: . . . . . .
Phone: . . . . . .
Tác phẩm dự thi: . . . . . .

ngày . . . tháng . . . năm 1989

THỜI HẠN CHÓT: 6 giờ chiều ngày 30 tháng Mười Một, 1989

Bộ chữ Việt Nam trên IBM PC & PS2

do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt (1984) và Bộ Chữ Quốc Tế (1985)

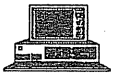

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường. VN Labs hiện là nơi duy nhất chế tạo Bộ Chữ Việt Nam có thể in các loại phototypesetters và Postcript printers, ngoài dot matrix và laser printers.

عربي

עִבְרִית

- Đầy đủ mọi áp dụng: viết văn, ấn loát, kế toán, thống kê, truyền tin, giáo dục, vv..
- Dùng trên hầu hết các loại IBM PC & PS2 với MDA, CGA, EGA, MCGA, VGA, PGA, Hercules, Taxan, Genius, vv..
- In tiếng Việt đủ cỡ, đủ kiểu trên các loại dot matrix printers, laser printers, postcript printers, và phototypesetters.
- Dùng tiếng Việt với các software thông dụng trên thị trường: WordPerfect, WordStar, Volkswriter, PC-Write, Microsoft Word, Personal Editor, PFS Professional Write, Dbase, Foxbase, Rbase, Quattro, VP-Planner, Ventura Publisher version 1.1 và 2.0, vv..
- Viết tiếng Việt 'chữ trước, dấu sau', hoặc 'dấu trước, chữ sau' (có thể thay đổi bất cứ lúc nào trong khi dùng software thị trường).

Khả năng của Postcript printers:

Từ một font chính, Postcript printers có thể in ra các cỡ khác nhau từ 2 pts. cho đến 254 pts., tăng từng .1 pts.

Một số loại Postcript printers (Linotype) có thể in đến 1720 dots/in., trong khi HP Laserjet chỉ có thể in 300 dots/in.

Bộ Chữ Việt Nam căn bản	$95
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Laserjet)	$195
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Postcript)	$295

VISA

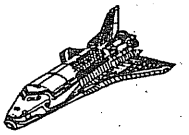

Mastercard

VN Labs

4320 Campus Drive, Suite 290
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Giám Đốc: Việt Nguyễn
Trưởng Ban Marketing: Alan Runfeldt
Trưởng Ban Software: Susan Nguyễn
Cố Vấn Kỹ Thuật: Hiếu Phạm

Đại Diện VN Labs:

LOS ANGELES: BMC (213) 422-4444
ORANGE COUNTY: SIGMA Computers (714) 893-0609
HOUSTON: Computrex (713) 524-5065
DALLAS: Zen Computer (214) 484-8008
UTAH: Altech Computer (801) 282-4252
OREGON: Lake Oswego Computer (503) 636-1541
NEW YORK: Kays International (914) 425-6469
CANADA: Speed Copy (604) 278-8518
AUSTRALIA: Graphics Applications Center 03-347-0548
ISRAEL: Technical Communication 303379
NETHERLANDS: Roth International 18371687
UNITED ARAB EMIRATES: TCS 237241

Tử Vi Computer (Postcript)

Lá Số Tử Vi trọn đời tính bằng Computer. Đầy đủ lời giải trên 12 trang, kèm theo bản An Sao in tuyệt đẹp bằng Bộ Chữ VN Labs trên Postcript printer, do Cosmos Systems thực hiện.

Vui lòng gửi chi tiết tên họ, ngày giờ năm sinh (Âm Lịch hoặc Dương lịch), Nam hoặc Nữ, và kèm theo $20 ngân phiếu hoặc Money Order về địa chỉ:

Cosmos Systems
P.O.box 2482
Mission Viejo, CA 92692
(714) 582-8233

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414 & 892-9316 Fax: (714) 894-1381

ĐÃ XUẤT BẢN

PHẠM QUỐC BẢO
Cùm Đỏ
Truyện Ký, 7.25 MK
Cõi Mộng Du
Truyện dài, 7.00 MK
Đời Từng Mảnh
Cõi Mộng Du tập II, 8.00 MK
Dâu Bể
Tập truyện, 8.00 MK

NGUYỄN MỘNG GIÁC
Mùa Biển Động
Truyện dài, (hết)
Bão Nổi
Truyện dài (hết)
Ngựa Nản Chân Bon
Tập truyện (hết)

NGUYỄN BÁ TRẠC
Ngọn Cỏ Bồng
Tập Thơ Văn (Hết)

NGUYỄN MẠNH TRINH
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh
Thi tuyển (Hết)

NGUYỄN XUÂN QUANG
Người Căm Thù Ruồi
Tập truyện, 6.00 MK

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Người Đi Trên Mây
Truyện dài, 10.00 MK

VÕ NGÃ
Gối Gốc Mai
Thi tuyển (Hết)

THẾ GIANG
Thằng Người Có Đuôi
Tập truyện (tái bản), 10.00 MK

NGUYÊN PHONG
Hành Trình Về Phương Đông
(tái bản), 10.00 MK

LÊ THÁI BẰNG và LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Nguyên tác John Hohenberg
Ký Giả Chuyên Nghiệp
Biên khảo, 19.50 MK

TỪ NGUYÊN
Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin
Biên khảo, 12.00 MK

LƯU ĐÌNH VONG
Thơ Giập Mật
Thơ, 9.00 MK

NGUYỄN TẤT NHIÊN
Tâm Dung
Thơ, 7.00 MK

KIỆT TẤN
Thương Nàng Bấy Nhiêu
Tập truyện, 12.00 MK

NHIỀU TÁC GIẢ
Mùa Hè 1999
Tập truyện, 6.50 MK

NGUYỄN HỮU BÀO
Thơ Tuổi Thơ
Thơ cho thiếu nhi, 8.00 MK

ĐANG IN

BÙI BÍCH HÀ
Buổi Sáng Một Mình
Tập truyện, 12.00 MK

XUÂN VŨ
Thiên Đàng Treo
Tập truyện XHCN

SẼ XUẤT BẢN

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Bụi và Rác
(Người Đi Trên Mây, tập II)
Truyện dài

NHIỀU TÁC GIẢ
Tuyển tập truyện ngắn
trúng giải kỳ thi viết văn Hè 88
do nhật báo Người Việt tổ chức

HẸN NHAU Ở

BI/DA sàigòn

44, Avenue d'Ivry 75013 Paris
Centre Commercial Les Olympiades
Tel 45.84.04.85
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN

để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đích thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI

để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LÂU

để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

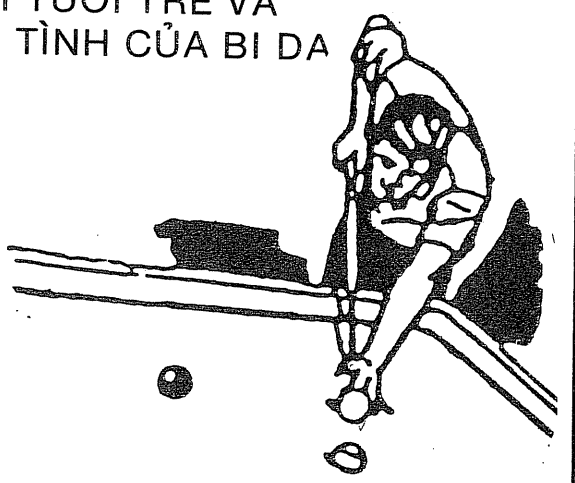

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

BULK RATE
U.S. POSTAGE
PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT NO. 23

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

EDWARD C. REID

2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

(714) 536-4014

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ

TAI NẠN

Vui lòng liên lạc ngay:

CÔ NHƯ LAN

(714) 536-4014

(213) 434-4421

* Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
* Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
* Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF

EDWARD C. REID

Specializing In Insurance Law With Emphasis On:

PERSONAL INJURY

ACCIDENT • ALL TYPES

* AUTO ACCIDENTS
* MOTORCYCLE ACCIDENTS
* SPORTS INJURIES
* INSURANCE CLAIMS
* UNINSURED MOTORIST CLAIMS
* SLIP AND FALL
* WRONGFUL DEATH
* PRODUCTS LIABILITY

FREE CONSULTATION NO RECOVERY – NO FEE